

CÔNG TY TNHH FUTURE OF SOUND VINA

-----o0o-----

BÁO CÁO NGHIÊN CỨU KHẢ THI

***CƠ SỞ “NHÀ MÁY SẢN XUẤT, GIA CÔNG THIẾT BỊ TAI NGHE
FUTURE OF SOUND VINA”***

*Địa điểm thực hiện: Lô E2, Cụm công nghiệp Phúc Ứng, xã Sơn Dương, tỉnh
Tuyên Quang.*

TUYÊN QUANG, NĂM 2026

MỤC LỤC

DANH MỤC CÁC TỪ VÀ KÝ HIỆU VIẾT TẮT.....	2
DANH MỤC BẢNG.....	4
DANH MỤC HÌNH.....	5
CHƯƠNG I: XUẤT XỨ VÀ MỤC TIÊU ĐẦU TƯ CƠ SỞ.....	6
CHƯƠNG II: GIỚI THIỆU CHỦ ĐẦU TƯ – CĂN CỨ LẬP CƠ SỞ.....	9
2.1. CHỦ ĐẦU TƯ	9
2.2. CĂN CỨ LẬP CƠ SỞ	9
CHƯƠNG III: QUY MÔ ĐẦU TƯ.....	13
3.1. CHƯƠNG TRÌNH SẢN XUẤT VÀ CÁC YẾU TỐ ĐÁP ỨNG	13
3.2. ĐÁNH GIÁ SƠ BỘ CÁC TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ	43
3.2.1. Các tác động môi trường chính của cơ sở	43
3.2.2. Quy mô, tính chất của các loại chất thải phát sinh từ cơ sở	44
3.2.3. Các tác động môi trường khác (nếu có).....	46
3.3. CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ.....	47
3.3.1. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của cơ sở.....	47
3.4. PHƯƠNG ÁN TỔ CHỨC THỰC HIỆN CÁC CÔNG TRÌNH BVMT	68
3.4.1. Kế hoạch thực hiện các công trình bảo vệ môi trường.....	68
3.4.2. Tổ chức, bộ máy quản lý, vận hành các công trình bảo vệ môi trường.....	69
CHƯƠNG IV: TỔ CHỨC THỰC HIỆN CƠ SỞ.....	70
4.1. TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN CƠ SỞ	70
4.2. TỔ CHỨC QUẢN LÝ VÀ THỰC HIỆN CƠ SỞ.....	70
4.2.1. Tổ chức quản lý trong giai đoạn thi công xây dựng	70
4.2.2. Tổ chức quản lý cơ sở trong giai đoạn vận hành	71
5.1. KẾT LUẬN.....	73
5.2. KIẾN NGHỊ.....	73
5.3. CAM KẾT THỰC HIỆN CÔNG TÁC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG	73
3.1. Cam kết về tính chính xác, trung thực của hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường.....	73

DANH MỤC CÁC TỪ VÀ KÝ HIỆU VIẾT TẮT

A

AHU Air Handling Unit – Hệ thống cấp khí tươi

ATGT An toàn giao thông

ATTP An toàn thực phẩm

B

BOD Biological Oxygen Demand: Nhu cầu oxy sinh học

BTCT Bê tông cốt thép

BTNMT Bộ Tài nguyên môi trường

BVMT Bảo vệ môi trường

BXD Bộ Xây dựng

BYT Bộ Y tế

C

COD Chemical Oxygen Demand: Nhu cầu oxy hóa học

CTNH Chất thải nguy hại

CTR Chất thải rắn

CTTT Chất thải thông thường

Đ

ĐTM Báo cáo đánh giá tác động môi trường

K

KCN Khu công nghiệp

KT Khí thải

KX Không khí xung quanh

N

NĐ-CP Nghị định - Chính phủ

NT Nước thải

NTSH Nước thải sinh hoạt

NTSX Nước thải sản xuất

P

PCCC Phòng cháy chữa cháy

Q

QCVN	Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia
QĐ	Quyết định
QL	Quốc lộ
T	
TCVN	Tiêu chuẩn Việt Nam
TL	Tỉnh lộ
TNHH	Trách nhiệm hữu hạn
TP	Thành phố
TT	Thông tư
TSS	Total suspended solids: Tổng chất rắn lơ lửng
U	
UBND	Ủy ban nhân dân
V	
VHTN	Vận hành thử nghiệm
VHTM	Vận hành thương mại
VOCs	Volatile Organic Compounds: Các hợp chất hữu cơ bay hơi
VSLĐ	Vệ sinh lao động
X	
XLNT	Xử lý nước thải
XLKT	Xử lý khí thải
W	
WB	World Bank: Ngân hàng thế giới
WHO	World Health Organization: Tổ chức y tế thế giới

DANH MỤC BẢNG

Bảng 1. Sản phẩm của dự án	13
Bảng 2. Cơ cấu sử dụng đất của dự án	14
Bảng 3. Các hạng mục, công trình xây dựng của cơ sở	15
Bảng 4. Khối lượng hệ thống thu gom, thoát nước mưa của dự án	20
Bảng 5. Danh mục máy móc phục vụ giai đoạn vận hành của dự án.....	35
Bảng 6. Nhu cầu sử dụng nguyên, vật liệu, hóa chất sản xuất của dự án.....	39
Bảng 7. Chung loại, công suất sản phẩm của dự án đầu tư	42
Bảng 8. Kích thước, vị trí các bể tự hoại của cơ sở.....	50
Bảng 9. Thông số kỹ thuật của hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 70 m ³ /ngày đêm	54
Bảng 10. Tổng hợp thông số kỹ thuật hệ thống xử lý khí thải	60
Bảng 11. Tổng hợp thông số kỹ thuật hệ thống xử lý khí thải	61
Bảng 12. Tổng hợp thông số kỹ thuật hệ thống xử lý khí thải	64
Bảng 13. Khối lượng chất thải rắn thông thường phát sinh trong hoạt động sản xuất.....	65
Bảng 14. Khối lượng chất thải nguy hại phát sinh trong giai đoạn hoạt động của nhà máy.	67
Bảng 15. Kế hoạch và kinh phí thực hiện các công trình BVMT của cơ sở	68

DANH MỤC HÌNH

Hình 1. Sơ đồ mặt bằng cơ sở.....	17
Hình 2. Quy trình sản xuất, lắp ráp tai nghe điện thoại có dây	23
Hình 3. Quy trình công nghệ lắp ráp cáp, giắc truyền dữ liệu cho điện thoại	26
Hình 4. Quy trình công nghệ lắp ráp cáp, giắc truyền dữ liệu cho điện thoại	29
Hình 5. Quy trình công nghệ sản xuất loa tivi.....	31
Hình 6. Quy trình công nghệ sản xuất khuôn ép	32
Hình 7. Quy trình công nghệ sản xuất các thiết bị điện tử khác.....	34
Hình 8. Hệ thống thu gom, thoát nước thải sinh hoạt của Nhà máy hiện hữu	49
Hình 9. Sơ đồ hệ thống tuần hoàn giải nhiệt nước làm mát	49
Hình 10. Sơ đồ cấu tạo bể tự hoại 3 ngăn.....	51
Hình 11. Hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 70m ³ /ngày đêm.....	53
Hình 12. Hình ảnh minh họa thông gió nhà xưởng	56
Hình 13. Quy trình công nghệ xử lý khí thải khu vực hàn thiếc	59
Hình 14. Quy trình công nghệ xử lý khí thải khu vực tra keo	61
Hình 15. Quy trình công nghệ xử lý khí thải khu vực đúc nhựa	63
Hình 16. Sơ đồ cơ cấu tổ chức trong giai đoạn thi công xây dựng.....	71
Hình 17. Sơ đồ tổ chức quản lý và thực hiện cơ sở trong giai đoạn vận hành	72

CHƯƠNG I: XUẤT XỨ VÀ MỤC TIÊU ĐẦU TƯ CƠ SỞ

CÔNG TY TNHH FUTURE OF SOUND VINA được thành lập theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty TNHH Một thành viên mã số doanh nghiệp 5000871045 của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tuyên Quang, đăng kí lần đầu ngày 29/11/2019, đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 25/02/2024.

Với sự nghiên cứu kỹ lưỡng về nhu cầu của thị trường và các chính sách của Việt Nam, khả năng về vốn, kinh nghiệm quản lý, kỹ thuật sản xuất... CÔNG TY TNHH FUTURE OF SOUND VINA lựa chọn đầu tư xây dựng dự án “NHÀ MÁY SẢN XUẤT, GIA CÔNG THIẾT BỊ TAI NGHE FUTURE OF SOUND VINA” tại Lô E2, Cụm công nghiệp Phúc Ứng, xã Phúc Ứng, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang (nay là Lô E2, Cụm công nghiệp Phúc Ứng, xã Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang).

Dự án đã được Ban quản lý khu kinh tế Hải Phòng cấp Giấy chứng nhận đăng kí đầu tư, mã số dự án 9809036295 của Sở Tài chính UBND tỉnh Tuyên Quang chứng nhận lần đầu ngày 30/09/2009, chứng nhận thay đổi lần thứ 6 ngày 22 tháng 12 năm 2025. Cơ sở “**NHÀ MÁY SẢN XUẤT, GIA CÔNG THIẾT BỊ TAI NGHE FUTURE OF SOUND VINA**” được xây dựng với quy mô cơ sở như sau:

Dự án dự kiến thực hiện trên phần diện tích 36.119 m² bao gồm nhà xưởng sản xuất, các công trình phụ trợ, đường nội bộ và trồng cây xanh và lắp đặt dây chuyền sản xuất các sản phẩm với tổng công suất là 18.600.050 sản phẩm/năm.

STT	Sản phẩm	Công suất (Sản phẩm/năm)
		Tổng công suất sau khi mở rộng, nâng công suất theo CNĐT điều chỉnh lần thứ 6 (ngày 22/12/2025)
1	Cáp/giắc truyền dữ liệu cho điện thoại di động và điện thoại thông minh	1.000.000
2	Tai nghe có dây	5.000.000
3	Tai nghe bluetooth	4.000.000
4	Loa tivi	3.600.000
5	Khuôn ép	50
6	Các thiết bị điện tử khác	5.000.000
	Tổng cộng	18.600.050

Tổng vốn đầu tư của dự án: 265.820.000.000 đồng (Hai trăm sáu lăm tỷ, tám trăm hai mươi triệu đồng), tương đương 11.500.000 đô la Mỹ (Mười một triệu, năm trăm nghìn đô la Mỹ), Trong đó:

+ Vốn góp để thực hiện dự án: 242.500.000.000 đồng (Hai trăm bốn mươi hai tỷ, năm trăm triệu đồng), tương đương 10.500.000 đô la Mỹ (Mười triệu, năm trăm nghìn đô la Mỹ).

+ Vốn huy động: 23.320.000.000 đồng (Hai mươi ba tỷ, ba trăm hai mươi triệu đồng), tương đương 1.000.000 đô la Mỹ (Một triệu đô la Mỹ).

Dự án “NHÀ MÁY SẢN XUẤT, GIA CÔNG THIẾT BỊ TAI NGHE FUTURE OF SOUND VINA” được thực hiện tại Lô E2, Cụm công nghiệp Phúc Ứng, xã Phúc Ứng, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang (nay là Lô E2, Cụm công nghiệp Phúc Ứng, xã Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang). Cụ thể như sau:

- Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020;
- Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;
- Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT ngày 09 tháng 4 năm 2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định mẫu văn bản, báo cáo liên quan đến hoạt động đầu tư tại Việt Nam, đầu tư từ Việt Nam ra nước ngoài và xúc tiến đầu tư;
- Quyết định số 611/QĐ-TTg ngày 08 tháng 7 năm 2024 của Thủ tướng chính phủ về phê duyệt Quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia thời kỳ 2021-2023, tầm nhìn đến năm 2050.
- Quyết định số 325/QĐ-TTg ngày 30/03/2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch tỉnh Tuyên Quang thời kỳ 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2050.
- Quy hoạch phát triển tỉnh Tuyên Quang thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã được phê duyệt tại Nghị quyết số 08/NQ-HĐND ngày 14/03/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang;
- Quan điểm và chiến lược phát triển công nghiệp tại Quyết định số 879/QĐ-TTg ngày 9/6/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt chiến lược phát triển công nghiệp Việt Nam đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2035;
- Quan điểm, tầm nhìn đến năm 2050 và mục tiêu đến năm 2030 tại Quyết định số 450/QĐ-TTg ngày 13/4/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt chiến lược bảo vệ môi trường quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050;
- Quyết định số 548/QĐ-UBND ngày 04/11/2019 của UBND huyện Sơn Dương về việc phê duyệt Quy hoạch chi tiết Cụm Công nghiệp Phúc Ứng, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang;

Là cụm công nghiệp đa ngành, sử dụng tốt nguồn nhân lực của địa phương, sản phẩm có khả năng cạnh tranh trên thị trường nội địa và xuất khẩu, ưu tiên các ngành nghề: Cụm công nghiệp Phúc Ứng có diện tích khoảng 75 ha, địa điểm xã Phúc Ứng. Định hướng thu hút đầu tư các lĩnh vực: Công nghiệp chế biến, chế tạo; công nghiệp hỗ trợ; sản xuất vật liệu xây dựng; sản xuất thiết bị điện, điện tử, sản xuất bao bì và các ngành công nghiệp khác.

NHÀ MÁY SẢN XUẤT, GIA CÔNG THIẾT BỊ TAI NGHE FUTURE OF SOUND VINA thực hiện sản xuất tai nghe, cáp, jack truyền dữ liệu dung cho thiết bị di động và điện thoại thông minh, loa cho tivi và các thiết bị điện tử khác và khuôn ép tại Cụm công nghiệp Phúc Ứng là hoàn toàn phù hợp với quy hoạch ngành nghề và phân khu chức năng của Cụm công nghiệp.

Dự án “ NHÀ MÁY SẢN XUẤT, GIA CÔNG THIẾT BỊ TAI NGHE FUTURE OF SOUND VINA” của CÔNG TY TNHH FUTURE OF SOUND VINA khi đi vào hoạt động sẽ góp phần tạo công ăn việc làm ổn định cho lao động địa phương, tăng nguồn thuế cho nhà nước và góp phần đáng kể vào sự phát triển ngành công nghiệp của tỉnh Tuyên Quang.

CHƯƠNG II: GIỚI THIỆU CHỦ ĐẦU TƯ – CĂN CỨ LẬP CƠ SỞ

2.1. CHỦ ĐẦU TƯ

- **Tên chủ đầu tư:** NHÀ MÁY SẢN XUẤT, GIA CÔNG THIẾT BỊ TAI NGHE FUTURE OF SOUND VINA.
- **Địa điểm thực hiện dự án:** Lô E2, Cụm công nghiệp Phúc Ứng, xã Phúc Ứng, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang (nay là Lô E2, Cụm công nghiệp Phúc Ứng, xã Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang).
- **Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp:** Công ty TNHH Một thành viên mã số doanh nghiệp 5000871045 của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tuyên Quang, đăng kí lần đầu ngày 29/11/2019, đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 25/02/2024.
- **Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư:** Giấy chứng nhận đăng kí đầu tư, mã số dự án 9809036295 của Sở Tài chính UBND tỉnh Tuyên Quang chứng nhận lần đầu ngày 30/09/2009, chứng nhận thay đổi lần thứ 6 ngày 22 tháng 12 năm 2025.
- **Người đại diện theo pháp luật:** Ông Cho Won Jae
- Quốc tịch: Tổng giám đốc
- Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Hộ chiếu nước ngoài
- Số giấy chứng thực cá nhân: M479C1001 Ngày cấp: 28/06/2024
- Nơi cấp: Bộ Ngoại giao Hàn Quốc.

2.2. CĂN CỨ LẬP CƠ SỞ

❖ Luật

- Luật Bảo vệ Môi trường số 72/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 11 năm 2020;
- Luật PCCC số 27/2001/QH10 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 29 tháng 06 năm 2001;
- Luật PCCC số 40/2013/QH13 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 22 tháng 11 năm 2013 sửa đổi bổ sung một số điều của Luật PCCC số 27/2001/QH10;
- Luật thuế bảo vệ môi trường số 57/2010/QH12 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 15 tháng 11 năm 2010;
- Luật Tài nguyên nước số 17/2012/QH13 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 21 tháng 6 năm 2012;

- Luật Khoa học và công nghệ số 29/2013/QH13 được Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 18 tháng 6 năm 2013;
- Luật Đất đai số 45/2013/QH13 được Quốc hội Nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 29 tháng 11 năm 2013;
- Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 được Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 18 tháng 6 năm 2014;
- Luật số 71/2014/QH13 được Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về thuế;
- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2020;
- Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2020.

❖ **Nghị định**

- Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.
- Nghị định số 69/2012/NĐ-CP ngày 14/9/2012 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung Khoản 3 Điều 2 Nghị định số 67/2011/NĐ-CP ngày 08/08/2011 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật thuế bảo vệ môi trường;
- Nghị định số 201/2013/NĐ-CP ngày 27/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều luật tài nguyên nước;
- Nghị định số 79/2014/NĐ-CP ngày 31/07/2014 của Chính Phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy;
- Nghị định số 80/2014/NĐ-CP ngày 6/8/2014 của Chính phủ về thoát nước và xử lý nước thải;
- Nghị định số 155/2016/NĐ-CP ngày 18/11/2016 của Chính phủ về việc xử lý vi phạm pháp luật trong lĩnh vực bảo vệ môi trường;
- Nghị định số 82/2018/NĐ-CP ngày 22/05/2018 của Chính phủ quy định về quản lý khu công nghiệp và khu kinh tế;
- Nghị định số 53/2020/NĐ-CP ngày 5/5/2020 của Chính phủ quy định phí bảo vệ môi trường đối với nước thải;

- Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24/11/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy;
- Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng.
- Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết hướng dẫn thi hành Luật Đầu tư 2020.

❖ Thông tư

- Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.
 - Thông tư số 152/2011/TT-BTC ngày 11/11/2011 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn thi hành Nghị định số 67/2011/NĐ-CP ngày 08/08/2011 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật thuế Bảo vệ môi trường;
 - Thông tư số 159/2012/TT-BTC ngày 28/9/2012 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung Thông tư số 152/2011/TT-BTC ngày 11/11/2011 hướng dẫn thi hành Nghị định số 67/2011/NĐ-CP ngày 08/08/2011 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật thuế bảo vệ môi trường;
 - Thông tư số 60/2015/TT-BTC ngày 27/04/2015 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 5 Thông tư số 152/2011/TT-BTC ngày 11/11/2011 hướng dẫn thi hành Nghị định số 67/2011/NĐ-CP ngày 08/08/2011 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thuế bảo vệ môi trường;
 - Thông tư số 10/2021/TT-BTNMT ngày 30/06/2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định kỹ thuật quan trắc môi trường và quản lý thông tin, dữ liệu quan trắc chất lượng môi trường;
 - Thông tư số 32/2017/TT-BCT ngày 28/12/2017 của Bộ Công thương quy định cụ thể và hướng dẫn một số điều Luật hóa chất và Nghị định 113/2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều Luật hóa chất.
- Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT ngày 09/4/2021 quy định mẫu văn bản báo cáo liên quan đến hoạt động đầu tư tại Việt Nam, đầu tư từ Việt Nam ra nước ngoài và xúc tiến đầu tư.

❖ Quyết định

- Quyết định số 3733/2002/QĐ-BYT ngày 10/10/2002 của Bộ Y tế về việc áp dụng 21 tiêu chuẩn vệ sinh lao động;

- Văn bản hợp nhất số 10/VBHN-VPQH ngày 29/6/2018 hợp nhất Luật Hóa chất;
- Văn bản hợp nhất số 09/VBHN-BCT ngày 9/3/2020 của Bộ Công thương quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất.

CHƯƠNG III: QUY MÔ ĐẦU TƯ

3.1. CHƯƠNG TRÌNH SẢN XUẤT VÀ CÁC YẾU TỐ ĐÁP ỨNG

3.1.1. Mục tiêu của cơ sở

Mục tiêu của cơ sở:

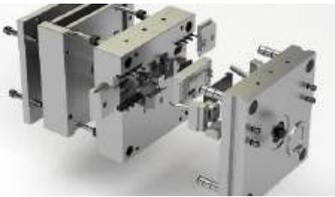
- Sản xuất, gia công, lắp ráp tai nghe và cáp; giắc truyền dữ liệu dùng cho thiết bị di động và điện thoại thông minh thuộc lĩnh vực sản xuất linh kiện điện tử, thiết bị truyền thông;
- Sản xuất, gia công, lắp ráp loa cho tivi và các thiết bị điện tử khác;
- Sản xuất, gia công khuôn ép để sản xuất linh kiện ép nhựa.
- Sản xuất, gia công các thiết bị điện tử khác.

Quy mô của dự án:

- Sản phẩm: Tai nghe và cáp; giắc truyền dữ liệu dùng cho thiết bị di động và điện thoại thông minh với công suất thiết kế: 10.000.000 sản phẩm/năm;
- Sản phẩm: Loa cho tivi và các thiết bị điện tử khác với công suất thiết kế: 3.600.000 sản phẩm/năm;
- Sản phẩm: Khuôn ép để sản xuất linh kiện ép nhựa với công suất thiết kế: 50 sản phẩm/năm;
- Sản xuất, gia công các thiết bị điện tử khác với công suất thiết kế: 5.000.000 sản phẩm/năm.

Bảng 1. Sản phẩm của dự án

STT	Sản phẩm	Công suất hoạt động (sản phẩm/năm)	Hình ảnh sản phẩm
1	Cáp/giắc truyền dữ liệu cho điện thoại di động và điện thoại thông minh	1.000.000	
2	Tai nghe có dây	5.000.000	
3	Tai nghe bluetooth	4.000.000	

4	Loa cho tivi và các thiết bị điện tử khác	3.600.000	
5	Khuôn ép	50	
6	Các thiết bị điện tử khác	5.000.000	-
Tổng		18.600.050	

3.1.2. Khối lượng và quy mô các hạng mục công trình của cơ sở

Cơ sở “Nhà máy sản xuất, gia công thiết bị tai nghe Future of Sound vina” xây dựng trên khu đất có tổng diện tích 40.515 m², trong đó đất đường bộ và hành lang an toàn giao thông ngoài nhà máy là 10.843 m², đất xây dựng nhà máy là 36.119 m², được thiết kế và xây dựng thành 2 giai đoạn. Trong đó:

+ Giai đoạn 1: Diện tích xây dựng giai đoạn I là: 9.169 m². Hiện tại, trên nền diện tích giai đoạn I, Công ty TNHH Future of Sound Vina đã xây dựng và hoàn thành tất cả các hạng mục như: nhà xưởng, hệ thống xử lý nước thải tập chung, kho chứa rác thải công nghiệp thông thường, kho chứa CTNH và các công trình phụ trợ khác theo Giấy phép môi trường số 07/GPMT-UBND ngày 10 tháng 05 năm 2023.

+ Giai đoạn mở rộng, nâng công suất: Nhà máy sẽ xây dựng các hạng mục công trình mới trên phần diện tích còn lại là 7.090 m².

Cơ cấu sử dụng đất của cơ sở được thể hiện cụ thể qua bảng dưới đây:

Bảng 2. Cơ cấu sử dụng đất của dự án

TT	Hạng mục	Đơn vị	Diện tích	Tỉ lệ (%)
1	Diện tích đã xây dựng công trình	m ²	9.169	25,39
2	Diện tích đất xây dựng Giai đoạn mở rộng nâng công suất	m ²	7.090	19,64
3	Diện tích đường nội bộ	m ²	10.890,10	30,14
4	Diện tích đất cây xanh, cây xanh cách ly	m ²	8.969,95	24,83

Tổng diện tích khu đất cơ sở	m ²	36.119	100
-------------------------------------	----------------	---------------	------------

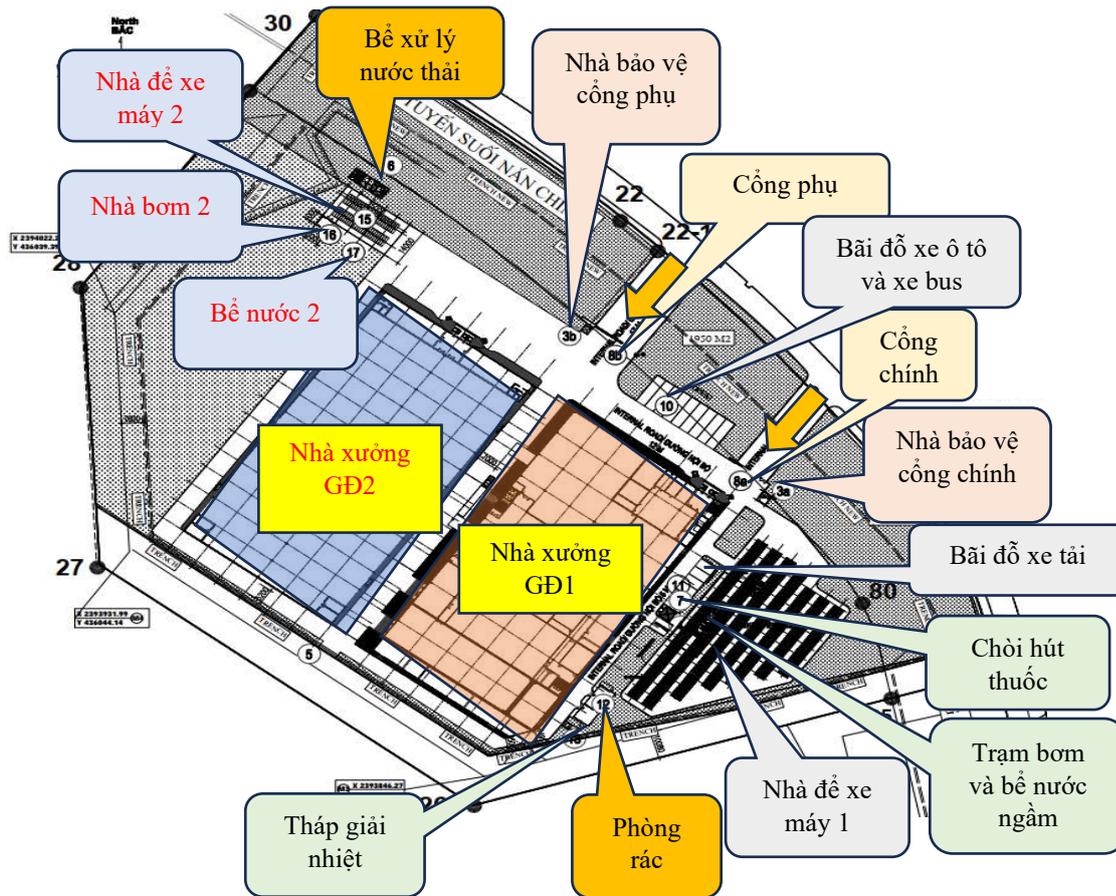
Nguồn: Công ty TNHH Future of Sound vina

Các hạng mục công trình của cơ sở như sau:

Bảng 3. Các hạng mục, công trình xây dựng của cơ sở

STT	Các hạng mục công trình	Số tầng	Diện tích xây dựng (m ²)	Tỷ lệ sử dụng đất (%)	Ký hiệu	Ghi chú
Diện tích đã xây dựng giai đoạn 1			9.169	25,39		
I	Công trình chính		6.720	18,61		
1	Nhà xưởng 1	2	6.720	18,61	1	Đã hoàn thiện, đang hoạt động ổn định, tiếp tục hoạt động cho giai đoạn mở rộng, nâng công suất
II	Công trình phụ trợ		2.345	6,49		
2	Nhà để xe máy 1	1	2.120	5,87	2	Đã hoàn thiện, đang hoạt động ổn định, tiếp tục hoạt động cho giai đoạn mở rộng, nâng công suất
3	Nhà bảo vệ cổng chính	-	14	0,03	3a	
4	Nhà bảo vệ cổng phụ	-	5	0,02	3b	
5	Trạm bơm – bể nước ngầm	-	30	0,08	4	
6	Trạm điện	-	0	0	5	
7	Chòi hút thuốc	1	20	0,06	7	
8	Cổng chính	-	0	0	8a	
9	Cổng phụ	-	0	0	8b	
10	Bãi đỗ ô tô và xe bus	-	120	0,33	10	
11	Bãi đỗ xe tải	-	0	0	11	
12	Tháp giải nhiệt	-	36	0,1	13	
III	Công trình bảo vệ môi trường		104	0,29		
13	Nhà rác	1	90	0,25	12	Đã hoàn thiện, đã vận hành thử nghiệm, đang hoạt động ổn định, tiếp tục hoạt động cho giai đoạn mở rộng, nâng công suất
-	<i>Kho chất thải nguy hại</i>	<i>1</i>	<i>36</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	
-	<i>Kho chất thải công nghiệp thông thường</i>	<i>1</i>	<i>54</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	
14	Phòng điều khiển – bể xử lý nước thải	-	14	0,04	6	Đã hoàn thiện, đã vận hành thử nghiệm, đang hoạt động ổn định, giai đoạn mở
15	Hệ thống xử lý khí thải khu vực hàn nhúng và đúc nhựa công suất 22.000 m ³ /h	-	-	-	-	

						rộng, nâng công suất chuyển thành hệ thống xử lý khí thải khu vực hàn thiếc công suất 22.000 m ³ /h
16	Hệ thống xử lý khí thải khu vực đúc nhựa vào chân cấp công suất 22.000 m ³ /h	-	-	-	-	Đã hoàn thiện, đã vận hành thử nghiệm, đang hoạt động ổn định, giai đoạn mở rộng, nâng công suất chuyển thành hệ thống xử lý khí thải khu vực tra keo công suất 22.000 m ³ /h
17	Hệ thống xử lý khí thải khu vực đúc nhựa công suất 10.000 m ³ /h	-	-	-	-	Xây dựng mới
Diện tích đất xây dựng giai đoạn 2			7.090	19,64		
I	Công trình chính		6.720	18,61		
1	Nhà xưởng 2	1	6.720	18,61	14	Xây dựng mới
II	Công trình phụ trợ		370	1,03		
2	Nhà để xe máy 2	1	350	0,97	15	Xây dựng mới
3	Nhà bơm 02	1	20	0,06	16	Xây dựng mới
4	Bể nước 02	0	0	0	17	Xây dựng mới
A	Tổng diện tích xây dựng toàn cơ sở	-	16.259	45,02	-	
B	Diện tích cây xanh	-	8969,95	24,83	9	
C	Diện tích đường nội bộ	-	10890,10	30,14	8	
TỔNG DIỆN TÍCH CƠ SỞ (A+B+C)			36.119	100	-	



Hình 1. Sơ đồ mặt bằng cơ sở

Toàn bộ các hạng mục công trình của Cơ sở thuê được xây dựng với các chỉ tiêu thiết kế chính được mô tả như sau:

3.1.2.1. Các hạng mục công trình chính

Nhà xưởng

Nhà xưởng của công ty được thiết kế 2 tầng với hình thức kiến trúc hiện đại, có kích thước bao $D \times R = (112 \times 60) \text{m}$, diện tích xây dựng 6.720 m^2 , diện tích sàn tầng 2 là 5.400 m^2 . Cao độ nền nhà là cốt ± 0.00 cao hơn cốt sân đường nội bộ trong nhà máy là $+450 \text{ mm}$, tầng 1 cao $4,35 \text{ m}$ (đến mặt nền hoàn thiện), cao độ đỉnh mái $11,85 \text{ m}$. Nhà xưởng được phân chia làm 2 khu chức năng: văn phòng, phòng họp và khu xưởng sản xuất.

+ Móng cọc đài thấp: Cọc ống BTCT ly tâm loại PHC D300, bê tông cọc mác 600, chiều sâu cọc dự kiến 8 m ; Móng, đài cọc, dầm, giằng đỡ BTCT mác 250.

+ Kết cấu phân thân: Khung cột, dầm, kèo bằng thép tấm tổ hợp, kết cấu khung chính sử dụng thép SS400 hoặc tương đương, cường độ 2.450 daN/cm^2 . Xà gồ sử dụng thép mạ kẽm SS400. Sàn tầng 2 sử dụng sàn DECK và BTCT mác 250 dày 150 mm đổ tại chỗ. Tường khu vệ sinh xây gạch dày $110, 220 \text{ mm}$, tường bao che là tấm panel EPS dày 50 mm .

+ Mái lợp tôn seam lock dày 0,5mm (có lớp cách nhiệt chống cháy glasswool). Khu hành chính, văn phòng, nhà ăn làm trần thạch cao 600x600mm. Nền khu xưởng sản xuất đồ BTCT, bên dưới là lớp cấp phối đá dăm đầm chặt $K = 0,98$ dày 250, bên trên phủ lớp tăng cứng bề mặt Ashford Formula. Khu văn phòng lát gạch Deco tile 450x450mm. Khu nhà ăn lát gạch ceramic 400x400mm. Khu sảnh và cầu thang lát đá granite. Khu vệ sinh lát gạch chống trơn 300x300, ốp gạch 300x600. Mái sảnh và trang trí mặt đứng Aluminium. Hệ thống cửa sổ nhựa lõi thép, nhôm kính.

+ Lắp đặt hoàn chỉnh hệ thống điện, hệ thống điều hòa, thông gió, hệ thống cấp thoát nước, hệ thống chống sét, hệ thống PCCC và các trang thiết bị cho công trình.

Nhà xưởng 02

Nhà xưởng 02 được thiết kế 1 tầng với diện tích xây dựng 6.720 m², diện tích sàn là 6.720 m². Cao độ nền nhà là cốt ±0.00 cao hơn cốt sân đường nội bộ trong nhà máy là + 500 mm, cao 4 m (đến mặt nền hoàn thiện), cao độ đỉnh mái 9 m. Nhà xưởng được phân chia làm 2 khu chức năng: văn phòng và khu xưởng sản xuất.

Vách tôn dày 0,45mm, tường xây chiều cao 1m. Mái lợp tôn seam lock thủy tinh dày 0,5mm (có lớp cách nhiệt chống cháy glasswool). Khu hành chính, văn phòng làm trần thạch cao 600x600mm. Nền khu xưởng sản xuất đồ BTCT, bên dưới là lớp cấp phối đá dăm đầm chặt $K = 0,98$ dày 250, bên trên phủ lớp tăng cứng bề mặt Harderner. Khu vệ sinh lát gạch chống trơn 300x300, ốp gạch ceramic, trần thạch cao chịu ẩm 600x600mm. Hệ thống cửa khung nhôm kính cường lực, cửa khung thép, cửa chống cháy, cửa sổ nhựa lõi thép, nhôm kính.

3.1.2.2. Các hạng mục công trình phụ trợ

Các hạng mục công trình phụ trợ đã xây dựng:

a) Nhà bảo vệ cổng chính và phụ

Nhà bảo vệ được xây dựng bên cạnh cổng chính và phụ của nhà máy. Nhà được xây dựng 1 tầng với tổng diện tích xây dựng 14 m² và 5 m². Kết cấu móng, cột, dầm bằng bê tông cốt thép, tường gạch xây, mái lợp tôn. Bố trí 1 nhà vệ sinh với 1 xí bệt, 1 chậu rửa.

b) Nhà xe

Nhà để xe máy 1 tầng, cấp IV, diện tích xây dựng 2.120 m², có kết cấu khung thép, lợp mái tôn dày 0,45mm.

c) Nhà bơm – bể nước

Nhà bơm – Bể nước gồm một nhà bơm và một bể nước ngầm. Bể nước 600 m³ xây ngầm dưới nền nhà để xe, kết cấu đáy bể, tường bể, nắp bể bằng BTCT. Nhà bơm kết cấu cột thép hộp, dầm thép hộp, xà gồ thép hộp, bao che bằng tôn mạ màu, mái bằng tôn mạ màu.

d) Chòi hút thuốc

Chòi hút thuốc diện tích 16 m², kết cấu khung thép, lợp mái tôn.

Các hạng mục công trình phụ trợ xây mới:

a) Nhà để xe máy 02

Nhà để xe máy 02 được xây trên phần diện tích đất trống của cơ sở. Nhà để xe được xây dựng với diện tích sàn là 350 m², quy mô 1 tầng, sức chứa tối đa 100 xe.

Nền bê tông cốt thép, xoa nhẵn mặt, đường lên xe bằng bê tông, độ dốc 10%, bố trí hệ thống ống thoát nước bên trong khu vực nhà để xe. Mái lợp tôn dày 0,45mm, bản thép THK 1mm.

b) Nhà bơm 02

Nhà bơm được xây dựng trên phần diện tích đất trống của cơ sở, quy mô 1 tầng với diện tích sàn là 20 m², chiều cao 4,9m.

Lớp sàn bằng bê tông cốt thép, xoa nhẵn, bố trí các ống thoát nước xung quanh nhà bơm, tường sơn nước. Hệ thống cửa khung thép 2 cánh và các cửa sổ chớp.

c) Bể nước 02

Bể nước 02 được xây dựng ngầm phía dưới nhà bơm 02, quy mô 1 tầng với thể tích là 160 m³, chiều cao 2 m.

Lớp sàn bằng bê tông cốt thép, xoa nhẵn, nắp bản thép THK 1mm, bể được quét 2 lớp chống thấm.

3.1.2.3. Các hạng mục công trình bảo vệ môi trường

a) Hệ thống thu gom, thoát nước mưa

- + Hệ thống thu gom và thoát nước mưa của cơ sở được xây dựng riêng biệt với hệ thống thu gom và thoát nước thải.
- + Nước mưa từ mái của các tòa nhà được thoát theo các ống đứng xuống hệ thống cống thu nước chảy tràn bề mặt phía dưới đường nội bộ của cơ sở bằng các ống. Sau đó thoát ra mạng thoát nước mưa của Cụm công nghiệp Phúc Ứng.
- + Hệ thống thu và thoát nước mưa chảy tràn bề mặt bằng cống tròn BTCT đúc sẵn D300 – D500 được thiết kế tự chảy với độ dốc thiết kế 0,25%.
- + Dọc theo cống bố trí các hố ga lắng cặn, khoảng cách giữa các hố ga là 20÷30m. Tổng số hố ga là 39 hố, giai đoạn mở rộng, nâng công suất, cơ sở xây dựng thêm 11 hố ga. Toàn bộ nước mưa sau đó thoát ra mạng thoát nước của Cụm công nghiệp Phúc Ứng.

- + Hồ ga được xây bằng gạch, trát xi măng, nắp hồ ga có kết cấu bằng thép, dễ dàng tháo lắp. Vật liệu công thu nước bề mặt là BTCT đúc sẵn. Nắp ga thu thăm sử dụng nắp BTCT.
- + Toàn bộ nước mưa chảy tràn của cơ sở thoát ra mương thoát nước của Cụm công nghiệp Phúc Ứng thông qua 1 điểm xả tại hồ ga phía Tây Bắc nhà máy.

b) Hệ thống thu gom, xử lý nước thải

❖ Nguồn phát thải

Nước thải sinh hoạt của nhà máy bao gồm: nước thải bồn bệt, xí tiêu, nước thải rửa sàn, rửa tay chân và nước thải nhà bếp.

❖ Hệ thống thu gom, thoát nước thải

- + Hệ thống thu gom, thoát nước thải của cơ sở được thiết kế theo hình thức bơm cưỡng bức. Nước thải bồn cầu, xí tiêu được xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại 3 ngăn, sau đó đầu nối vào hệ thống thu gom nước thải của cơ sở.
- + Nước thải nhà bếp được xử lý sơ bộ bằng bể tách dầu mỡ, sau đó đầu nối vào hệ thống thu gom nước thải của cơ sở.
- + Nước thải rửa tay, chân, rửa sàn được thu gom đầu nối trực tiếp vào hệ thống thu gom nước thải của cơ sở.
- + Hệ thống đường ống thu gom nước thải sinh hoạt của Dự án bằng ống PVC D200, độ dốc 0,5%.
- + Hiện tại, toàn bộ nước thải sinh hoạt của cơ sở sau khi xử lý sơ bộ được thu gom về hệ thống xử lý nước thải tập trung của cơ sở công suất 70 m³/ngày, để xử lý đảm bảo đạt QCVN 14:2008/BTNMT, cột B được thoát ra nguồn tiếp nhận là mương thoát nước của Cụm công nghiệp Phúc Ứng qua 1 điểm đầu nối.
- + Giai đoạn mở rộng, nâng công suất, cơ sở tiếp tục sử dụng hệ thống thu gom và xử lý nước thải hiện hữu và bổ sung thêm các đường ống thu gom nước thải sinh hoạt từ nhà xưởng 2. Hệ thống đảm bảo xử lý nước thải đạt QCVN 14:2025/BTNMT, cột C trước khi thoát ra nguồn tiếp nhận là điểm đầu nối đã được phê duyệt ở giai đoạn 1.

Toạ độ điểm đầu nối thoát nước thải của cơ sở, hệ toạ độ VN2000, kinh tuyến trục 106°, múi chiếu 3°: X (m) = 2394098; Y(m) = 436120.

Bảng 4. Khối lượng hệ thống thu gom, thoát nước mưa của dự án

STT	Hạng mục	Thông số	Đơn vị	Khối lượng		
				Giai đoạn 1	Giai đoạn mở rộng, nâng công suất	Tổng cộng giai đoạn mở rộng nâng công suất
1		PVC D200	m	364,5	185	549,5

	Đường ống thu gom nước thải sinh hoạt	PVC D100	m	15	0	15
3	Điểm thoát nước thải ra nguồn tiếp nhận	-	Điểm	1	0	1

❖ Công trình xử lý nước thải

Hiện tại, nhà máy đã xây dựng 03 bể tự hoại với tổng thể tích là 46 m³, 01 hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 70 m³/ngđ đã được UBND tỉnh Tuyên Quang cấp Giấy phép môi trường số 07/GPMT- UBND ngày 10/05/2023.

Dự kiến, giai đoạn mở rộng, nâng công suất cơ sở sẽ tiếp tục sử dụng hệ thống xử lý nước thải hiện hữu và xây dựng thêm 4 bể tự hoại tại khu vực nhà xưởng mới với tổng công suất là 40 m³.

c) Hệ thống thu gom và xử lý khí thải

STT	Hiện trạng	Giai đoạn mở rộng	Lý do
1	Hệ thống xử lý khí thải khu vực hàn nhôm thiếc, đúc nhựa công suất 22.000m ³ /h	Hệ thống xử lý khí thải khu vực hàn thiếc công suất 22.000m ³ /h	Sau thời gian hoạt động, chủ cơ sở điều chỉnh khu vực thu gom khí thải. Để phù hợp với sự thay đổi trong bố trí nhà xưởng của cơ sở chủ cơ sở thay đổi hệ thống thu gom khí thải: - Thu gom và xử lý khí thải khu vực hàn nhôm thiếc, đúc nhựa thành thu gom và xử lý khí thải khu vực hàn; - Thu gom và xử lý khí thải khu vực đúc nhựa vào chân cắm thành thu gom và xử lý khí thải khu vực tra keo. Lắp đặt hệ thống mới thu gom và xử lý khí thải khu vực đúc nhựa.
2	Hệ thống xử lý khí thải khu vực đúc nhựa vào chân cấp công suất 22.000m ³ /h.	Hệ thống xử lý khí thải khu vực tra keo công suất 22.000m ³ /h	
3	Không có	Hệ thống xử lý khí thải khu vực đúc nhựa công suất 10.000m ³ /h	

d) Công trình lưu giữ chất thải rắn, chất thải nguy hại

Hiện tại, cơ sở đã bố trí 02 nhà rác diện tích sàn là 90 m², chia làm 2 kho. Giai đoạn mở rộng nâng công suất cơ sở vẫn giữ nguyên công trình như giấy phép môi trường đã được cấp, cụ thể như sau:

- Nhà kho lưu giữ chất thải thông thường diện tích 54 m²;
- Nhà kho lưu chứa chất thải nguy hại diện tích 36 m².

Kết cấu: Kết cấu móng bê tông cốt thép, tường bao khung thép và tôn, sàn BTXM kín khí, không bị thấm thấu, tránh nước mưa chảy tràn từ bên ngoài vào; có mái che khung kèo thép lợp tôn kín nắng, mưa cho toàn bộ kho lưu giữ chất thải; kho được trang bị đầy đủ thiết bị, dụng cụ phòng cháy chữa cháy theo quy định.

3.1.2.4. Hiện trạng quản lý, sử dụng đất khu vực thực hiện cơ sở

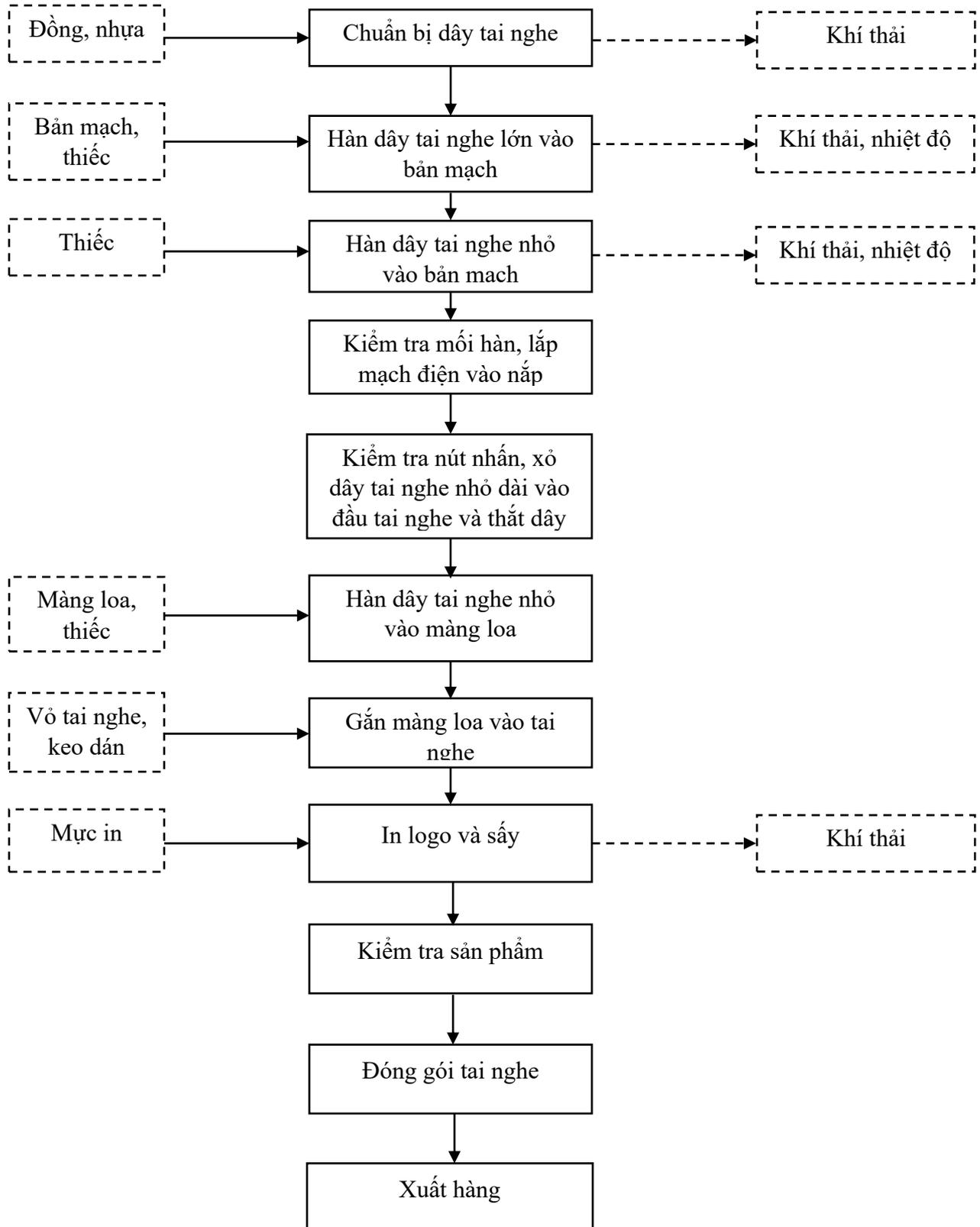
Khu đất cơ sở có tổng diện tích 36.119 m² thuộc Lô E2, Cụm công nghiệp Phúc Ứng, xã Phúc Ứng, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang (nay là Lô E2, Cụm công nghiệp Phúc Ứng, xã Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang).

Diện tích đất xây dựng nhà máy là 3,6119 ha (36.119 m²); diện tích đất đường bộ và hành lang đường bộ là 1,0843 ha (10.843 m²). Phần diện tích 9.169 m² đã xây dựng của cơ sở không thay đổi so với giấy phép môi trường số 07/GPMT-UBND. Giai đoạn mở rộng, nâng công suất cơ sở xây dựng thêm nhà xưởng 02, nhà để xe, nhà bơm và bể nước trên phần diện tích là 7.090 m². Còn lại là phần diện tích cây xanh và đường nội bộ.

3.1.3. Công nghệ sản xuất của cơ sở

Các quy trình công nghệ hiện hữu tiếp tục được sử dụng của giai đoạn 1:

a, Quy trình sản xuất, lắp ráp tai nghe có dây



Hình 2. Quy trình sản xuất, lắp ráp tai nghe điện thoại có dây

Thuyết minh công nghệ:

Bước 1: Chuẩn bị dây tai nghe

Dây tai nghe được sản xuất bằng cách sử dụng máy cắt dây đồng thành từng đoạn khoảng 25 mm. Sau đó, dây đồng được đưa qua máy ép nhựa để phủ một lớp nhựa cách điện bên ngoài. Quá trình này tạo ra khí thải cần được xử lý.

Bước 2: Hàn dây tai nghe lớn vào bản mạch

Bản mạch được cố định bằng kẹp hàn. Sau đó tiến hành hàn dây tai nghe lớn vào bo mạch bằng máy hàn có kiểm soát nhiệt độ mũi hàn ở mức $330 \pm 10^{\circ}\text{C}$. Trình tự hàn là: đỏ → đồng → tím → xanh, mỗi mối hàn kéo dài từ 1 – 1,5 giây. Công đoạn này phát sinh khí thải và nhiệt độ cần xử lý.

Bước 3: Hàn dây tai nghe nhỏ vào bản mạch

Tương tự bước trước, dây tai nghe nhỏ được hàn vào vị trí đã định trên bo mạch. Trình tự dây là đỏ → đồng → xanh, thời gian và nhiệt độ hàn tương tự như dây lớn. Việc kiểm soát nhiệt độ giúp đảm bảo mối hàn chắc chắn, không cháy bo mạch.

Bước 4: Kiểm tra mối hàn, lắp mạch điện vào nắp

Sau khi hàn xong, tiến hành kiểm tra chất lượng các mối hàn. Nếu đạt yêu cầu, kỹ thuật viên sẽ lắp mạch điện vào nắp tai nghe. Dây tai nghe sẽ được luồn xuống nắp trên, cố định vị trí dây R và L, đảm bảo không chong chéo và đúng chiều.

Bước 5: Kiểm tra nút nhấn, xỏ dây và thắt nút

Dùng tay kiểm tra độ đàn hồi của nút nhấn. Sau đó, xỏ dây tai nghe nhỏ dài vào đầu tai nghe, tiếp theo là đưa vào khuôn dập và thắt nút dây để cố định. Vị trí thắt dây được xác định cách mép nhựa khoảng 3 ± 1 mm để đảm bảo độ chắc chắn và tính thẩm mỹ.

Bước 6: Hàn dây vào màng loa

Màng loa được cố định trên kẹp hàn, sau đó tiến hành hàn các dây tai nghe vào đúng cực của màng loa với dây bên trái (L) gồm dây xanh nối cực dương và dây đồng nối cực âm, dây bên phải (R) gồm dây đỏ nối cực dương và dây đồng nối cực âm. Nhiệt độ mũi hàn được duy trì ở mức $380 \pm 10^{\circ}\text{C}$ và thời gian thực hiện mỗi mối hàn khoảng 1 – 1,5 giây.

Bước 7: Gắn màng loa vào tai nghe

Sau khi hàn, phần nút thắt của dây tai nghe được đưa vào đúng vị trí trong hõm của tai nghe. Sau đó tiến hành gắn màng loa theo hướng quy định. Sản phẩm phải đảm bảo không trầy xước, không hở keo và không tràn keo.

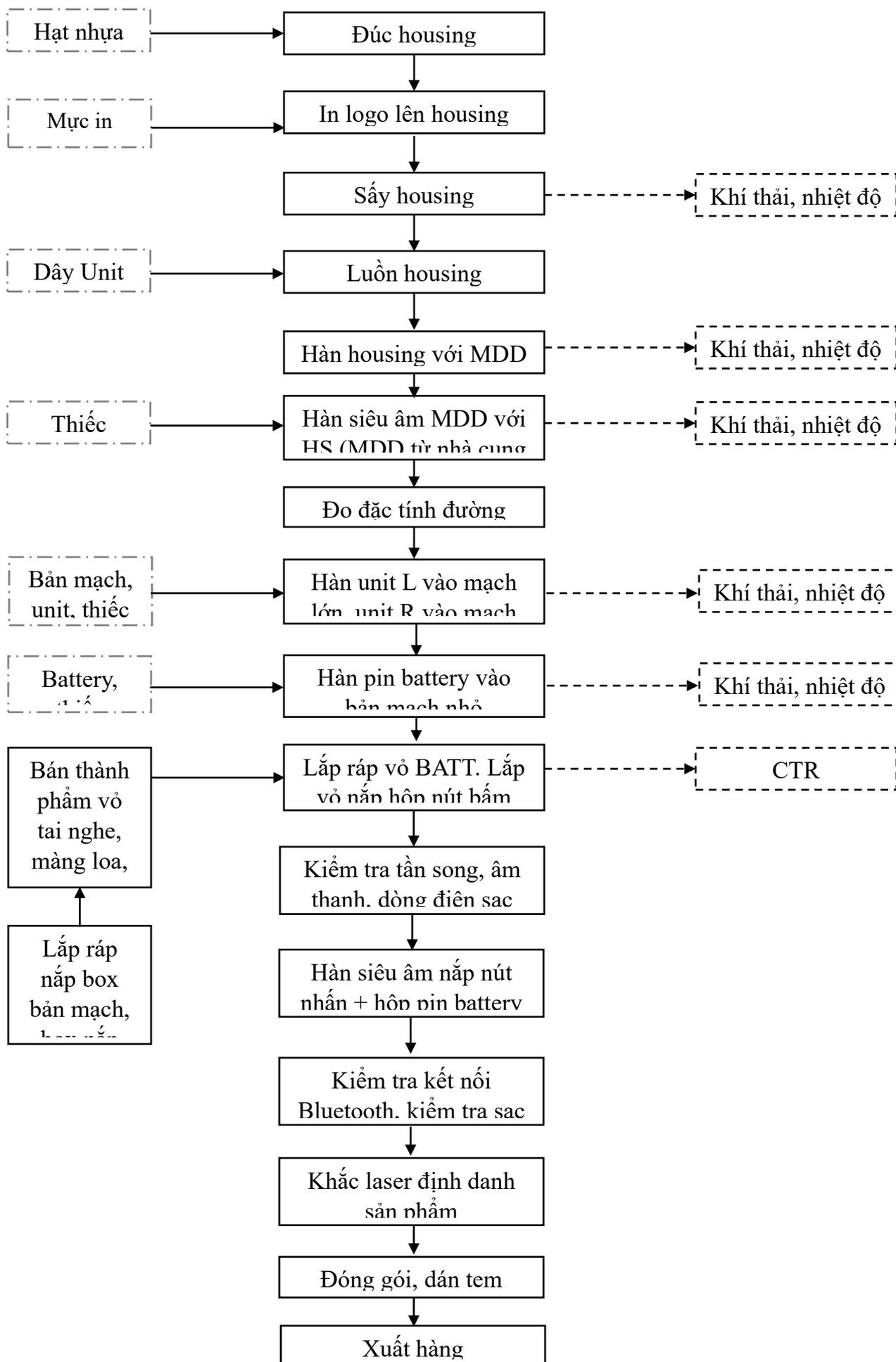
Bước 8: In logo và sấy

Vỏ tai nghe được đưa qua máy dập khuôn logo để in thương hiệu. Sau đó, sản phẩm được chuyển qua khu vực sấy để làm khô mực in. Quá trình sấy có phát sinh khí thải cần được xử lý theo tiêu chuẩn môi trường.

Bước 9: Kiểm tra sản phẩm, đóng gói, xuất hàng

Cuối cùng sản phẩm sẽ được kiểm tra (kiểm tra tổng thể, hình dáng, mic, âm thanh, điện trở) sản phẩm đạt yêu cầu được chuyển sang công đoạn đóng gói và xuất xưởng.

b, Quy trình sản xuất, lắp ráp tai nghe Bluetooth



Hình 3. Quy trình công nghệ lắp ráp cáp, giắc truyền dữ liệu cho điện thoại

Thuyết minh công nghệ:

Bước 1: Đúc housing

Nguyên liệu đầu vào là hạt nhựa. Hạt nhựa được đưa vào thiết bị nung kín ở nhiệt độ 400°C – 500°C, sau khi nóng chảy sẽ được ép vào khuôn để tạo thành housing (phần vỏ nhựa của thiết bị). Sau đó, housing được làm nguội bằng hệ thống nước để ổn định hình dạng và tránh biến dạng do nhiệt.

Bước 2: In logo lên housing

Housing được đưa qua máy dập khuôn logo để in thương hiệu hoặc mã sản phẩm lên bề mặt.

Bước 3: Sấy housing

Sau khi in logo, housing được đưa vào thiết bị sấy để làm khô lớp mực in. Công đoạn này có phát sinh khí thải và nhiệt độ cần kiểm soát.

Bước 4: Luồn dây Unit vào housing

Tiến hành luồn dây Unit vào housing. Sau khi luồn xong, đầu dây được buộc cố định và thử độ chắc chắn bằng thiết bị jig siết dây.

Bước 5: Hàn housing với MDD

Dây unit được hàn với MDD bằng tay hàn thiếc, ở nhiệt độ 370°C ± 20°C, thời gian hàn từ 1 – 2 giây.

Bước 6: Hàn siêu âm MDD với HS

Sau khi hàn MDD, housing được đặt vào khuôn máy hàn siêu âm và thực hiện hàn với linh kiện HS do nhà cung cấp chỉ định, đảm bảo liên kết chắc chắn.

Bước 7: Đo đặc tính đường sóng

Sản phẩm sau khi hàn được đưa vào thiết bị đo chuyên dụng để kiểm tra các thông số kỹ thuật liên quan đến đặc tính dẫn truyền của ống housing.

Bước 8: Hàn unit L vào mạch lớn, unit R vào mạch nhỏ

Ở bước này, các dây unit L và R được hàn chính xác vào bản mạch lớn và bản mạch nhỏ theo đúng thứ tự và cực. Màu xanh biểu thị cực dương và màu đồng biểu thị cực âm. Quá trình hàn được thực hiện ở nhiệt độ 370°C ± 20°C, với thời gian mỗi mỗi hàn từ 1 đến 2 giây. Mỗi hàn phải đạt độ cao dưới 1mm và dây dẫn không bị cháy quá 2mm, đảm bảo kết nối chắc chắn và an toàn cho mạch điện.

Bước 9: Hàn pin battery vào bản mạch nhỏ

Pin battery được hàn vào bản mạch nhỏ với nhiệt độ và thời gian tương tự bước trước. Việc hàn đảm bảo pin được kết nối chắc chắn, đúng cực và có khả năng truyền điện hiệu quả. Đây là bước quan trọng để đảm bảo nguồn điện cho thiết bị hoạt động ổn định.

Bước 10: Lắp ráp vỏ BATT, nắp hộp nút bấm

Sau khi hoàn thành các mối hàn, các bộ phận vỏ như nắp USB Cover, lưới lọc màng loa và đèn LED dẫn ánh sáng được lắp ráp vào sản phẩm. Việc lắp ráp phải chính xác, không được để lỏng, lệch vị trí hoặc hư hỏng bộ phận. Đảm bảo các chi tiết này vừa vặn, chắc chắn, không ảnh hưởng đến hoạt động và thẩm mỹ của sản phẩm.

Bước 11: Kiểm tra tần số âm thanh và điện trở

Sản phẩm được kiểm tra bằng thiết bị đo tần số âm thanh và điện trở để đảm bảo các thông số kỹ thuật đạt chuẩn. Độ nhạy SPL ở các tần số 50Hz, 80Hz, 500Hz và 1kHz phải nằm trong khoảng cho phép, cùng với điện trở đạt chuẩn $16\Omega \pm 2.5\Omega$. Quá trình này giúp đánh giá chất lượng âm thanh và tính ổn định của sản phẩm.

Bước 12: Hàn siêu âm nắp nút nhấn và hộp pin Battery

Cụm vỏ nắp nút nhấn và hộp pin được hàn siêu âm để tạo liên kết chắc chắn, kín khí. Quá trình này được thực hiện với áp suất $0.3 \pm 0.1\text{MPa}$ và biên độ hàn $70\% \pm 20\%$. Sau khi hàn, khe hở giữa các mặt vỏ không được vượt quá 0.3mm, đồng thời kiểm tra dây không bị bung ra, đảm bảo độ bền cơ học cho sản phẩm.

Bước 13: Kiểm tra mối hàn và nguồn điện

Sản phẩm được kiểm tra kỹ lưỡng các mối hàn và nguồn điện bằng máy soi mạch và cấp nguồn DC. Việc này giúp xác định tính liên tục điện, mức độ ổn định của dòng điện, cũng như phát hiện các lỗi như chập chờn hay đứt gãy trong hệ thống. Sản phẩm chỉ được chấp nhận nếu đèn báo sáng ổn định và dòng điện không bị nháy.

Bước 14: Khắc laser định danh sản phẩm

Mỗi sản phẩm sẽ được khắc laser để định danh bằng mã sản phẩm hoặc số lô sản xuất. Bước này giúp tăng tính bảo mật, truy xuất nguồn gốc sản phẩm và quản lý chất lượng trong dây chuyền sản xuất.

Bước 15: Dán tem sản phẩm

Tem nhãn sản phẩm được dán lên bản mạch chủ, đảm bảo thông tin rõ ràng, chính xác và không bị mờ hay hỏng. Tem phải đúng mẫu, đúng mã sản xuất để dễ dàng kiểm soát chất lượng và quản lý sau này.

Bước 16: Kiểm tra tổng thể

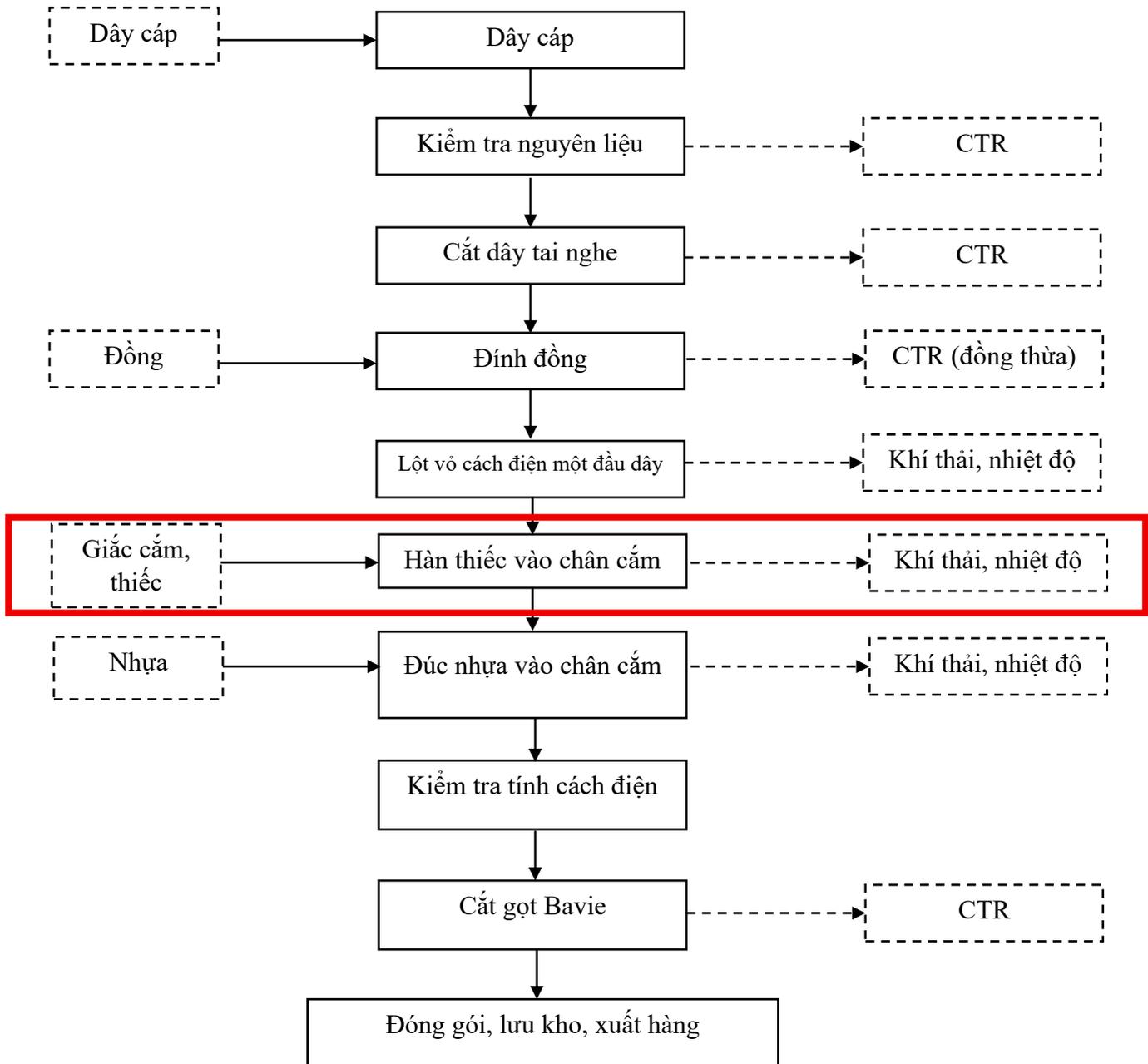
Sản phẩm được kiểm tra tổng thể lần cuối về hình dáng, âm thanh, điện trở, và các yếu tố khác như logo và tem nhãn. Quá trình này nhằm loại bỏ những sản phẩm không đạt tiêu chuẩn trước khi chuyển sang khâu đóng gói.

Bước 17: Đóng gói và xuất hàng

Sản phẩm đạt yêu cầu sẽ được đóng gói cẩn thận, ghi nhãn đầy đủ và chuyển đến kho lưu trữ hoặc xuất xưởng. Đây là bước cuối cùng trong quy trình sản xuất trước khi sản phẩm đến tay người tiêu dùng.

Giai đoạn mở rộng, nâng công suất sẽ đầu tư thêm số lượng máy móc để nâng công suất sản phẩm và sửa đổi, bổ sung các quy trình sau.

a. Quy trình lắp ráp cáp/giắc truyền dữ liệu cho điện thoại di động và điện thoại thông minh



Hình 4. Quy trình công nghệ lắp ráp cáp, giắc truyền dữ liệu cho điện thoại

Thuyết minh công nghệ:

Bước 1: Chuẩn bị nguyên liệu

Nguyên liệu đầu vào bao gồm hạt nhựa có $\Phi < 50$ mm, dây cáp có $\Phi = 2,4$ mm và 1,2 mm, chân cắm bằng đồng và thiếc. Tất cả nguyên liệu đều được mua từ các nhà cung cấp uy tín, đảm bảo không chứa thành phần độc hại. Sau khi tiếp nhận, nguyên liệu được lưu trữ trong kho và chuẩn bị cho sản xuất.

Bước 2: Kiểm tra nguyên liệu

Dây cáp sau khi xuất kho sẽ được kiểm tra chất lượng nhằm phát hiện các lỗi như biến dạng, vết cắt hay dây bị giãn. Các dây đạt yêu cầu sẽ được chuyển sang công đoạn cắt, tại đây

dây được cắt thành từng đoạn với chiều dài phù hợp cho tai nghe. Trong quá trình này phát sinh CTR (chất thải rắn) cần được thu gom xử lý đúng quy định.

Bước 3: Cắt dây tai nghe và đính đồng

Dây cáp được cắt bằng tay thành từng đoạn có chiều dài 1.100 mm – 1.115 mm, sau đó dây được đưa vào công đoạn đính đồng. Đồng được gắn vào đầu dây bằng máy ép chuyên dụng. Bước này giúp chuẩn bị đầu nối cho quá trình hàn sau này. Chất thải phát sinh ở bước này chủ yếu là đồng thừa (CTR).

Bước 4: Lột vỏ cách điện một đầu dây

Phần nhựa một đầu dây được lột bỏ bớt khoảng 15mm bằng máy có nhiệt độ nung khoảng 140°C – 170°C. Quá trình này tạo ra khí thải và nhiệt độ phát sinh cần được xử lý theo quy định an toàn môi trường.

Bước 5: Hàn dây vào chân cắm (Giai đoạn cũ là hàn nhúng)

Sau khi tiến hành lột vỏ đầu dây, phần chân cắm bằng đồng được hàn dự phòng bằng mỏ hàn, nhiệt độ 380°C – 400°C. Sau đó là công đoạn hàn chân cắm bằng đồng vào một đầu dây. Quá trình này cũng phát sinh khí thải và nhiệt.

Ở giai đoạn 1, cơ sở thực hiện hàn nhúng, quá trình này cần sử dụng nồi nung thiếc với nhiệt độ 410°C – 440°C. Việc hàn nhúng rất phù hợp với quy mô sản xuất lớn, tốc độ hàn nhanh. Tuy nhiên, do số lượng đơn đặt hàng không nhiều, chủ cơ sở điều chỉnh thành công nghệ hàn thiếc, công nghệ này giúp tiết kiệm chi phí, tăng độ chính xác đồng thời giúp giảm phát thải khói hàn, nhiệt thải trong quá trình thực hiện.

Bước 6: Đúc nhựa vào chân cắm

Sau khi hàn, đầu dây đã lắp chân cắm được đưa vào máy đúc nhựa. Đầu tiên là đúc nhựa lần 1 bằng hạt nhựa PC ở nhiệt độ khoảng 210°C để định hình giắc cắm. Sau đó đúc nhựa lần 2 bằng hạt PVC để hoàn thiện hình dạng sản phẩm. Cả hai công đoạn đều phát sinh khí thải và nhiệt độ cao. Xong công đoạn này tạo thành sản phẩm hoàn chỉnh.

Bước 7: Kiểm tra cách điện

Sản phẩm sau khi đúc hoàn chỉnh sẽ được kiểm tra tính cách điện bằng máy kiểm tra chuyên dụng. Chỉ các sản phẩm đạt yêu cầu về điện trở cách điện mới được chuyển sang công đoạn tiếp theo.

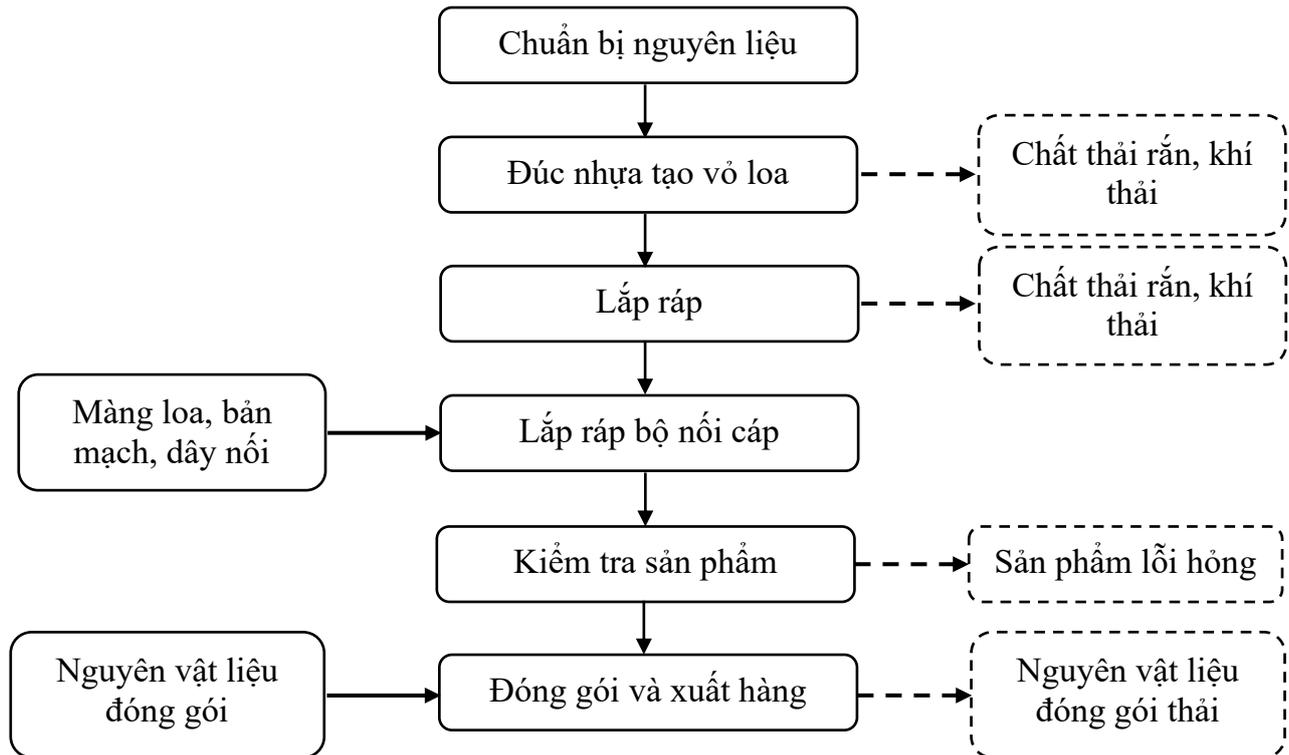
Bước 8: Cắt gọt bavie

Các sản phẩm đạt yêu cầu sẽ được đưa vào công đoạn xử lý bavie – phần nhựa dư sau ép – để đảm bảo tính thẩm mỹ và độ an toàn khi sử dụng. Quá trình này cũng tạo ra một lượng CTR nhỏ cần được thu gom.

Bước 9: Đóng gói, lưu kho, xuất hàng

Cuối cùng, sản phẩm hoàn chỉnh được đóng gói, dán nhãn và lưu kho chờ xuất hàng. Tất cả sản phẩm đều được quản lý chất lượng chặt chẽ trước khi đưa ra thị trường.

b. Quy trình sản xuất loa cho tivi



Hình 5. Quy trình công nghệ sản xuất loa tivi

Thuyết minh công nghệ:

Bước 1: Chuẩn bị nguyên liệu

Tại bộ phận sản xuất loa tivi, quy trình chủ yếu bao gồm hai công đoạn chính là đúc nhựa và lắp ráp. Quy trình này được thực hiện nhằm đảm bảo loa tivi được sản xuất đúng tiêu chuẩn kỹ thuật, sẵn sàng cung ứng cho dây chuyền lắp ráp tivi.

Trước tiên, nguyên liệu chính được chuẩn bị bao gồm hạt nhựa ABS nguyên sinh và khuôn mẫu đúc nhựa theo từng dòng loa, cùng các linh kiện điện tử nhập sẵn như: nam châm ferrite, cuộn dây voice coil, màng loa, bảng mạch in (PCB), dây điện, jack kết nối và vít cố định. Tất cả nguyên vật liệu được kiểm tra sơ bộ và phân loại trước khi đưa vào dây chuyền sản xuất.

Bước 2: Đúc nhựa tạo vỏ loa

Công đoạn đầu tiên là đúc nhựa tạo vỏ loa, bao gồm phần khung trên, khung dưới và một số chi tiết bên trong như chân bắt vít, gờ lắp mạch điện. Quá trình này được thực hiện bằng máy đúc nhựa. Hạt nhựa được đưa vào thiết bị nung kín ở nhiệt độ 400°C – 500°C, sau khi nóng chảy sẽ được ép vào khuôn để tạo thành vỏ loa. Khuôn được làm bằng thép, thiết kế theo mẫu cụ thể. Sau mỗi chu kỳ, sản phẩm được đẩy ra và làm nguội bằng hệ thống băng chuyền tự động. Công nhân thực hiện cắt bavia, kiểm tra hình thức, loại bỏ sản phẩm lỗi và chuyển qua công đoạn lắp ráp.

Bước 3: Lắp ráp

Ở công đoạn lắp ráp, các chi tiết vỏ nhựa được đưa đến bàn thao tác, nơi công nhân thực hiện việc lắp đặt các linh kiện điện tử vào bên trong vỏ loa. Quá trình lắp ráp bao gồm

gắn nam châm vào đế loa, lắp màng loa vào khung, cố định cuộn dây, và kết nối dây dẫn đến bảng mạch in. Sau khi lắp xong, sản phẩm được gắn nắp trên, siết chặt bằng vít, và dán tem truy xuất nguồn gốc.

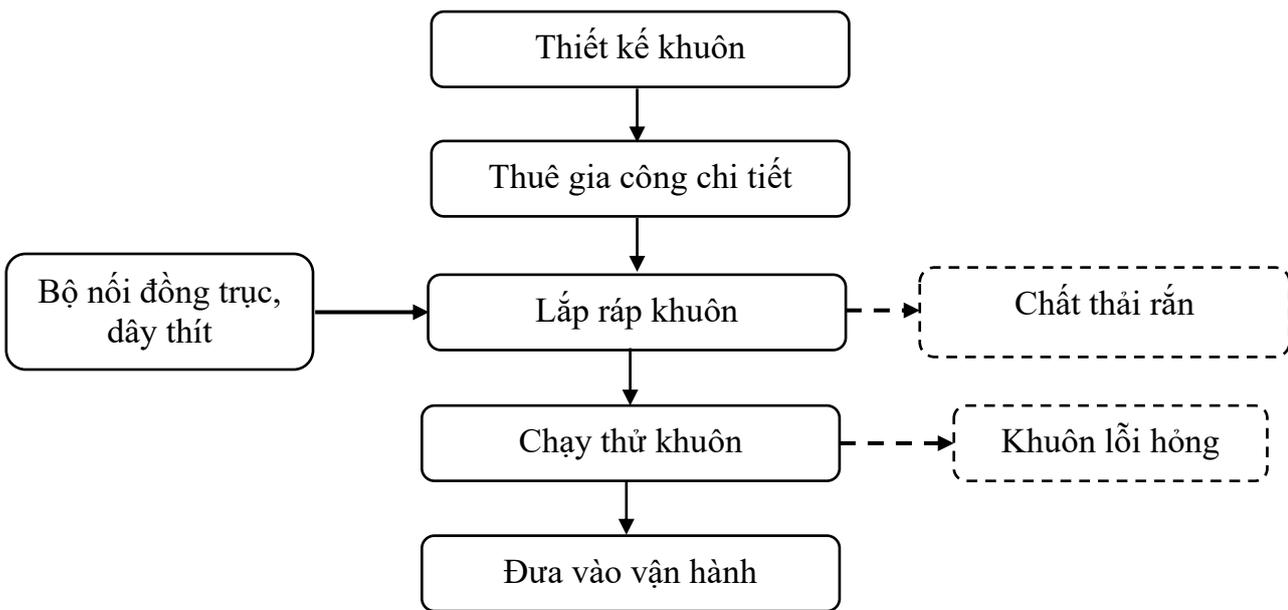
Bước 4: Kiểm tra sản phẩm

Loa tivi được kiểm tra bằng thiết bị phát và đo tín hiệu âm thanh để bảo đảm chất lượng âm thanh, độ kín khít và độ ổn định khi hoạt động. Những sản phẩm đạt yêu cầu sẽ được chuyển sang bộ phận đóng gói hoặc bàn giao cho dây chuyền lắp ráp phù hợp theo kế hoạch sản xuất. Nếu cần, sản phẩm sẽ quay lại công đoạn xử lý lỗi để điều chỉnh trước khi đưa vào sản xuất tiếp theo.

Bước 5: Đóng gói và xuất hàng

Công đoạn cuối cùng là đóng gói sản phẩm đạt tiêu chuẩn và chuẩn bị cho quá trình vận chuyển. Các sản phẩm đã qua kiểm tra chất lượng sẽ được đóng gói bằng các vật liệu đóng gói phù hợp. Chất thải ở công đoạn này là nguyên vật liệu đóng gói thải (các phần thừa hoặc bị lỗi) trong quá trình đóng gói.

c, Quy trình công nghệ sản xuất khuôn ép



Hình 6. Quy trình công nghệ sản xuất khuôn ép

Thuyết minh công nghệ sản xuất:

Sản phẩm khuôn ép tại cơ sở được sản xuất với mục đích sử dụng nội bộ, không tiến hành kinh doanh. Quy trình sản xuất khuôn ép nhựa được triển khai qua nhiều bước, từ khâu thiết kế đến khi khuôn hoàn thiện và sẵn sàng đưa vào sản xuất. Cơ sở chỉ tiến hành thiết kế khuôn, nhập bán thành phẩm về và lắp ráp nhằm đảm bảo tuân thủ quy định về môi trường và tối ưu chi phí đầu tư thiết bị.

Bước 1: Thiết kế khuôn

Bước đầu tiên là thiết kế khuôn, do bộ phận kỹ thuật đảm nhận. Dựa trên bản vẽ, kỹ sư thiết kế khuôn bằng phần mềm chuyên dụng. Sau khi hoàn thiện, bản thiết kế được xuất

sang định dạng CAM để lập trình gia công trên máy CNC.

Bước 2: Thuê gia công chi tiết khuôn

Sau khi hoàn thiện bản thiết kế, cơ sở sẽ chuyển hồ sơ kỹ thuật cho đơn vị gia công cơ khí hợp tác để thực hiện các công đoạn cắt phôi, tiện, phay CNC, khoan, mài và nhiệt luyện. Toàn bộ hoạt động này được thực hiện bên ngoài, tại các cơ sở có hệ thống xử lý chất thải và khí thải đạt quy chuẩn môi trường. Các chi tiết sau khi gia công được kiểm tra kích thước, độ chính xác và độ cứng vật liệu trước khi bàn giao lại cho cơ sở. Đơn vị chỉ kiểm tra đầu vào – đầu ra, không thực hiện cắt gọt hoặc gia công tại chỗ, nên không phát sinh chất thải công nghiệp đáng kể.

Bước 3: Lắp ráp khuôn

Sau khi nhận lại các chi tiết khuôn, cơ sở tiến hành lắp ráp khuôn ép nhựa tại xưởng kỹ thuật. Các chi tiết được làm sạch và kiểm tra bằng mắt trước khi lắp. Quá trình lắp ráp bao gồm ghép nối các tấm khuôn, lắp hệ thống định vị, cơ cấu dẫn hướng, hệ thống đẩy và làm mát. Các cơ cấu chuyển động được kiểm tra thủ công để đảm bảo hoạt động trơn tru và chính xác.

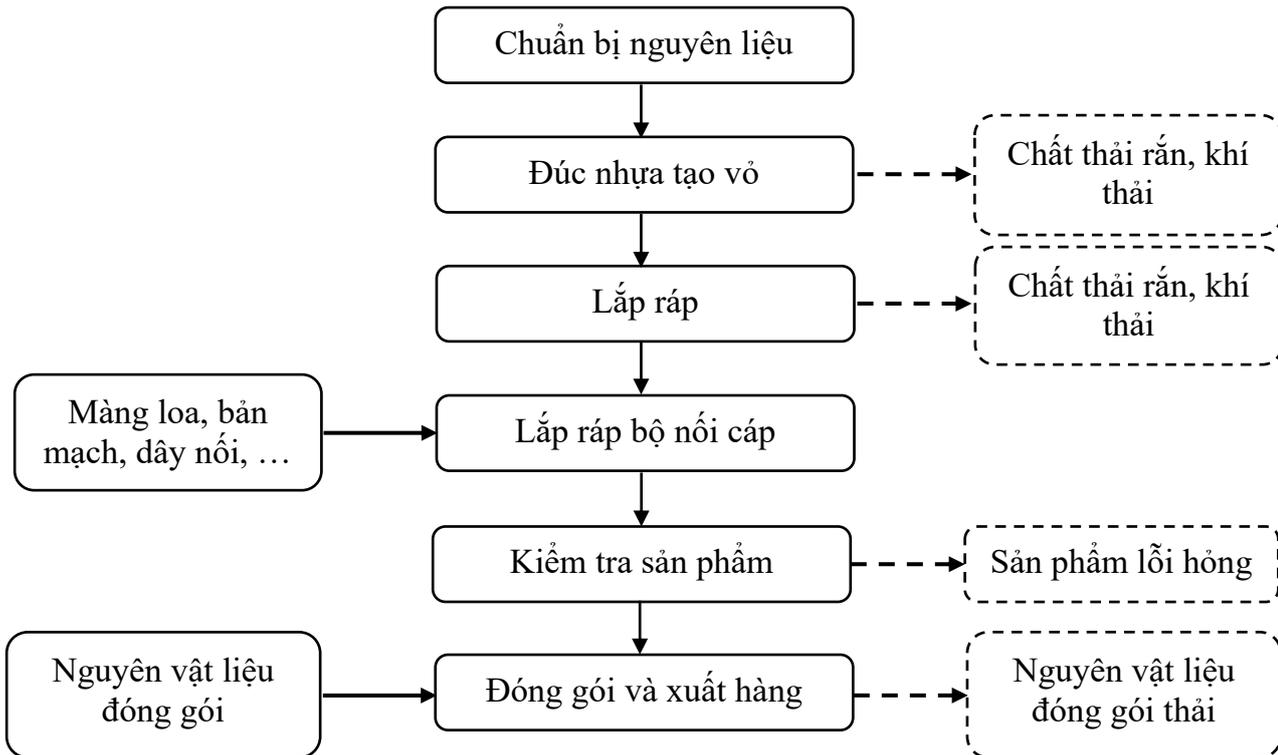
Bước 4: Chạy thử khuôn

Khuôn sau khi lắp ráp hoàn chỉnh được đưa đi chạy thử để kiểm tra độ kín khít, khả năng thoát khí, độ chính xác và tính ổn định của cơ cấu. Việc chạy thử được thực hiện tại cơ sở sản xuất. Trong quá trình thử, kỹ thuật viên theo dõi hình dạng sản phẩm, đo kiểm sai số và phát hiện các điểm cần điều chỉnh. Nếu có lỗi, khuôn được hiệu chỉnh và kiểm tra lại cho đến khi đạt yêu cầu kỹ thuật. Sản phẩm tạo ra trong giai đoạn thử chỉ được sử dụng làm mẫu kỹ thuật, không đưa vào kinh doanh.

Bước 5: Đưa khuôn vào vận hành nội bộ

Sau khi khuôn đạt yêu cầu kỹ thuật và độ chính xác theo thiết kế, cơ sở tiến hành làm sạch, tra dầu chống gỉ, lắp hồ sơ bàn giao và đưa khuôn vào vận hành chính thức. Hồ sơ bàn giao bao gồm bản vẽ thiết kế, biên bản kiểm tra, thông số kỹ thuật và hướng dẫn bảo trì khuôn. Khuôn sau đó được chuyển cho bộ phận sản xuất để lắp đặt vào dây chuyền ép nhựa, phục vụ sản xuất linh kiện hoặc sản phẩm hoàn chỉnh. Quá trình bảo quản và sử dụng khuôn được thực hiện theo quy trình kỹ thuật nhằm đảm bảo tuổi thọ và độ ổn định trong vận hành.

d. Quy trình sản xuất các thiết bị điện tử khác



Hình 7. Quy trình công nghệ sản xuất các thiết bị điện tử khác

Thuyết minh công nghệ:

Bước 1: Chuẩn bị nguyên liệu

Quy trình sản xuất các thiết bị điện tử khác chủ yếu bao gồm hai công đoạn chính là đúc nhựa và lắp ráp.

Trước tiên, nguyên liệu chính được chuẩn bị bao gồm hạt nhựa PC nguyên sinh và khuôn mẫu đúc nhựa theo yêu cầu của khách hàng, cùng các linh kiện điện tử nhập sẵn. Tất cả nguyên vật liệu được kiểm tra sơ bộ và phân loại trước khi đưa vào dây chuyền sản xuất.

Bước 2: Đúc nhựa tạo vỏ

Công đoạn đầu tiên là đúc nhựa tạo vỏ. Quá trình này được thực hiện bằng máy đúc nhựa. Hạt nhựa được đưa vào thiết bị nung kín ở nhiệt độ 400°C – 500°C, sau khi nóng chảy sẽ được ép vào khuôn để tạo thành vỏ. Khuôn được làm bằng thép, thiết kế theo mẫu cụ thể. Sau mỗi chu kỳ, sản phẩm được đẩy ra và làm nguội bằng hệ thống băng chuyền tự động. Công nhân thực hiện cắt bavia, kiểm tra hình thức, loại bỏ sản phẩm lỗi và chuyển qua công đoạn lắp ráp.

Bước 3: Lắp ráp

Ở công đoạn lắp ráp, các chi tiết vỏ nhựa được đưa đến bàn thao tác, nơi công nhân thực hiện việc lắp đặt các linh kiện điện tử vào bên trong vỏ. Tùy sản phẩm mà công nhân sẽ lắp đặt các linh kiện được nhập về khác nhau. Các thao tác này được hỗ trợ bởi dụng cụ bắn vít điện, máy hàn điểm, dụng cụ đo điện trở, và đồng hồ kiểm tra thông mạch để đảm bảo các kết nối đều đạt yêu cầu kỹ thuật. Sau khi lắp xong, sản phẩm được gắn nắp trên, siết chặt bằng vít, và dán tem truy xuất nguồn gốc.

Bước 4: Kiểm tra sản phẩm

Tùy theo từng chủng loại sản phẩm, cơ sở sẽ áp dụng các quy trình và phương pháp kiểm tra chất lượng phù hợp. Sau khi hoàn thiện, thành phẩm được chuyển vào khu vực kiểm tra sơ bộ, nơi các thiết bị chuyên dụng được sử dụng để đánh giá các thông số kỹ thuật quan trọng.

Những sản phẩm đạt yêu cầu sẽ được chuyển sang bộ phận đóng gói hoặc bàn giao cho dây chuyền lắp ráp phù hợp theo kế hoạch sản xuất. Nếu cần, sản phẩm sẽ quay lại công đoạn xử lý lỗi để điều chỉnh trước khi đưa vào sản xuất tiếp theo.

Bước 5: Đóng gói và xuất hàng

Công đoạn cuối cùng là đóng gói sản phẩm đạt tiêu chuẩn và chuẩn bị cho quá trình vận chuyển. Các sản phẩm đã qua kiểm tra chất lượng sẽ được đóng gói bằng các vật liệu đóng gói phù hợp. Chất thải ở công đoạn này là nguyên vật liệu đóng gói thải (các phần thừa hoặc bị lỗi) trong quá trình đóng gói.

3.1.4. Danh mục máy móc, thiết bị

Danh mục máy móc, thiết bị phục vụ giai đoạn vận hành của Cơ sở được liệt kê như bảng sau:

Bảng 5. Danh mục máy móc phục vụ giai đoạn vận hành của dự án

T T	Tên máy móc, thiết bị	Số lượng máy móc (cái)			Tình trạng máy móc giai đoạn I	Tình trạng máy móc đầu tư mới giai đoạn II
		Giai đoạn 1 (theo GPMT số 07/GPMT- UBND)	Giai đoạn mở rộng, nâng cấp công suất	Tổng công suất sau khi mở rộng, nâng cấp công suất theo CNĐT điều chỉnh lần thứ 6 (ngày 22/12/2025)		
1	Băng tải	17	17	34	Hoạt động bình thường	Mới 90%
2	Máy kiểm tra chất lượng âm thanh	10	6	16	Hoạt động bình thường	Mới 90%
3	Khuôn đúc phục vụ sản xuất	80	20	100	Hoạt động bình thường	Mới 90%
4	Kính hiển vi	7	18	25	Hoạt động bình thường	Mới 90%
5	Máy cắt băng dính	1	-1	0	-	-

T T	Tên máy móc, thiết bị	Số lượng máy móc (cái)			Tình trạng máy móc giai đoạn I	Tình trạng máy móc đầu tư mới giai đoạn II
		Giai đoạn 1 (theo GPMT số 07/GPMT- UBND)	Giai đoạn mở rộng, nâng công suất	Tổng công suất sau khi mở rộng, nâng công suất theo CNDT điều chỉnh lần thứ 6 (ngày 22/12/2025)		
6	Máy cắt dây đồng	2	-2	0	-	-
7	Máy cắt flam iner	1	0	1	Hoạt động bình thường	-
8	Máy cắt nhựa	1	-1	0	-	-
9	Máy cắt sản phẩm từ nhựa	1	-1	0	-	-
10	Máy cắt tấm nhựa dẻo mỏng thủy lực SC	1	-1	0	-	-
11	Máy cắt tấm nhựa	1	0	1	Hoạt động bình thường	-
12	Máy cuộn dây đồng	2	1	3	Hoạt động bình thường	Mới 90%
13	Máy cuộn sợi nhựa	4	-2	2	Hoạt động bình thường	-
14	Máy dán nhãn	1	1	2	Hoạt động bình thường	Mới 90%
15	Máy dò hình ảnh	20	10	30	Hoạt động bình thường	Mới 90%
16	Máy đo nhiệt độ mũi hàn	2	0	2	Hoạt động bình thường	-
17	Máy đo tọa độ kế quang học	1	-1	0	-	-
18	Máy đọc mã vạch	4	-2	2	Hoạt động	-

T T	Tên máy móc, thiết bị	Số lượng máy móc (cái)			Tình trạng máy móc giai đoạn I	Tình trạng máy móc đầu tư mới giai đoạn II
		Giai đoạn 1 (theo GPMT số 07/GPMT- UBND)	Giai đoạn mở rộng, nâng cấp công suất	Tổng công suất sau khi mở rộng, nâng cấp công suất theo CNĐT điều chỉnh lần thứ 6 (ngày 22/12/2025)		
					bình thường	
19	Máy đóng gói bán tự động	1	-1	0	-	-
20	Máy đóng gói chai nhựa	1	-1	0	-	-
21	Máy đóng gói plt	1	-1	0	-	-
22	Máy đột dập kim loại	1	-1	0	-	-
23	Máy đúc chân không	1	-1	0	-	-
24	Máy đúc thổi chai nhựa	1	-1	0	-	-
25	Máy ép đùn nhựa	14	-14	0	-	-
26	Máy đúc nhựa	15	10	25	Hoạt động bình thường	Mới 90%
27	Máy hàn siêu âm	9	7	16	Hoạt động bình thường	Mới 90%
28	Máy hàn siêu âm nóng chảy	5	-5	0	-	-
29	Máy hàn tự động	2	-2	0	-	-
30	Máy hàn thiếc	1	80	81	Hoạt động bình thường	Mới 90%
31	Máy kiểm tra độ bền	1	-1	0	-	-
32	Máy kiểm tra độ kín khí	2	4	6	Hoạt động bình thường	Mới 90%
33	Máy kiểm tra tần sóng	12	0	12	Hoạt động bình thường	-

T T	Tên máy móc, thiết bị	Số lượng máy móc (cái)			Tình trạng máy móc giai đoạn I	Tình trạng máy móc đầu tư mới giai đoạn II
		Giai đoạn 1 (theo GPMT số 07/GPMT- UBND)	Giai đoạn mở rộng, nâng công suất	Tổng công suất sau khi mở rộng, nâng công suất theo CNDT điều chỉnh lần thứ 6 (ngày 22/12/2025)		
34	Máy kiểm tra độ uốn dẻo	1	-1	0	-	-
35	Máy khắc laze	3	-1	2	Hoạt động bình thường	-
36	Máy ỏn áp	7	-7	0	-	-
37	Máy sấy công nghiệp	2	0	2	Hoạt động bình thường	-
38	Máy test điện trở	8	-4	4	Hoạt động bình thường	-
39	Máy test từ tính	2	0	2	Hoạt động bình thường	-
40	Máy test tín hiệu bluetooth	5	-3	2	Hoạt động bình thường	-
41	Máy tra keo	3	7	10	Hoạt động bình thường	Mới 100%
42	Máy trộn bột thiếc cho máy hàn	1	-1	0	-	-
43	Máy trộn hạt nhựa tái sinh với màu	4	4	8	Hoạt động bình thường	Mới 100%
44	Robot	7	-7	0	-	-
45	Máy in logo	0	12	12	-	Mới 100%
	Tổng cộng	266	134	400		

3.1.5. Nguyên, nhiên, vật liệu (đầu vào) và các sản phẩm (đầu ra) của cơ sở

3.1.5.1. Nguyên, nhiên, vật liệu, hóa chất sử dụng của cơ sở

Nhu cầu sử dụng nguyên, vật liệu, hóa chất sản xuất của Dự án trong một năm sản xuất ổn định như sau:

Bảng 6. Nhu cầu sử dụng nguyên, vật liệu, hóa chất sản xuất của dự án

TT	Tên nguyên, vật liệu	Khối lượng sử dụng			Đơn vị	Xuất xứ
		Theo GPMT số 07/GPMT-UBND	Giai đoạn mở rộng, nâng công suất	Tổng cộng sau khi mở rộng, nâng công suất theo CNĐT điều chỉnh lần thứ 6 (ngày 22/12/2025)		
A	Sản xuất cáp, giắc truyền dữ liệu					
1	Dây cáp	250.000	-150.000	100.000	m	Hàn Quốc
2	Giắc cắm	2.540.000	-1.524.000	1.016.000	Cái	Hàn Quốc
3	Hạt nhựa PC	80.000	-64.000	32.000	kg	Việt Nam
4	Hạt nhựa PVC	80.000	-64.000	32.000	kg	Việt Nam
5	Thiếc hàn dạng dây (Không chì)	22,5	-11,5	9	kg	Việt Nam
6	Thiếc hàn dạng thanh (Không chì)	28,4	-17,04	11,36	kg	Việt Nam
7	Đồng	300	-180	120	kg	Việt Nam
B	Sản xuất tai nghe có dây					
1	Bán mạch	2.510.000	2.510.000	5.020.000	Cái	Việt Nam
2	Màng loa	2.530.000	2.530.000	5.060.000	Cái	Hàn Quốc
3	Vỏ tai nghe	2.540.000	2.540.000	5.080.000	Cái	Hàn Quốc
4	Keo dán	120	120	240	kg	Việt Nam

BÁO CÁO NGHIÊN CỨU KHẢ THI
CƠ SỞ " NHÀ MÁY SẢN XUẤT, GIA CÔNG THIẾT BỊ TẠI NGHE FUTURE OF SOUND VINA "

TT	Tên nguyên, vật liệu	Khối lượng sử dụng			Đơn vị	Xuất xứ
		Theo GPMT số 07/GPMT-UBND	Giai đoạn mở rộng, nâng công suất	Tổng cộng sau khi mở rộng, nâng công suất theo CNĐT điều chỉnh lần thứ 6 (ngày 22/12/2025)		
5	Thiếc (Không chì)	30	30	60	kg	Việt Nam
6	Mực in màu	14	14	28	kg	Trung Quốc
7	Đồng	300	300	600	kg	Việt Nam
C	Sản xuất tai nghe bluetooth					
1	Vỏ loa	2.020.000	2.020.000	4.040.000	Cái	Hàn Quốc
2	Bán mạch	2.010.000	2.010.000	4.020.000	Cái	Việt Nam
3	Màng loa	2.030.000	2.030.000	4.060.000	Cái	Hàn Quốc
4	Thiếc (Không chì)	34,5	34,5	69	kg	Việt Nam
5	Mực in màu	10	10	20	kg	Trung Quốc
6	Hạt nhựa PC	140.000	140.000	280.000	kg	Việt Nam
7	Đèn led	2.000.500	2.000.500	4.001.000	Cái	Trung Quốc
8	Đệm pin (Battery)	2.000.500	2.000.500	4.001.000	Cái	Trung Quốc
D	Loa cho tivi và các thiết bị điện tử khác					
1	Bán mạch	0	3.618.000	3.618.000	Cái	Việt Nam
2	Màng loa	0	3.636.000	3.636.000	Cái	Hàn Quốc
3	Nhựa ABS	0	396.000	396.000	kg	Việt Nam
4	Keo dán	0	180	180	kg	Việt Nam

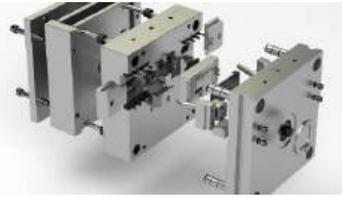
BÁO CÁO NGHIÊN CỨU KHẢ THI
CƠ SỞ " NHÀ MÁY SẢN XUẤT, GIA CÔNG THIẾT BỊ TAI NGHE FUTURE OF SOUND VINA "

TT	Tên nguyên, vật liệu	Khối lượng sử dụng			Đơn vị	Xuất xứ
		Theo GPMT số 07/GPMT-UBND	Giai đoạn mở rộng, nâng công suất	Tổng cộng sau khi mở rộng, nâng công suất theo CNĐT điều chỉnh lần thứ 6 (ngày 22/12/2025)		
5	Đồng	0	360	360	kg	Việt Nam
6	Dây điện	0	180	180	kg	Trung Quốc
7	Jack nối	0	180	180	kg	Việt Nam
E	Sản xuất khuôn ép					
1	Chốt dẫn hướng	0	200	200	Cái	Việt Nam
2	Lò xo	0	200	200	Cái	Việt Nam
3	Vít	0	600	600	Cái	Việt Nam
4	Thanh đẩy	0	500	500	Cái	Việt Nam
5	Ống dẫn làm mát	0	150	150	Cái	Việt Nam
6	Mỡ bôi trơn	0	5	5	kg	Việt Nam
7	Dầu chống gỉ	0	20	20	lít	Việt Nam
F	Sản xuất các thiết bị điện tử khác					
1	Bán mạch	0	5.025.000	5.025.000	Cái	Việt Nam
2	Nhựa PC	0	500.000	500.000	kg	Việt Nam
3	Keo dán	0	250	250	kg	Việt Nam
4	Đồng	0	500	500	kg	Việt Nam
5	Dây điện	0	250	250	kg	Trung Quốc

TT	Tên nguyên, vật liệu	Khối lượng sử dụng			Đơn vị	Xuất xứ
		Theo GPMT số 07/GPMT-UBND	Giai đoạn mở rộng, nâng công suất	Tổng cộng sau khi mở rộng, nâng công suất theo CNĐT điều chỉnh lần thứ 6 (ngày 22/12/2025)		
6	Jack nối	0	250	250	kg	Việt Nam

3.1.6. Chứng loại sản phẩm của cơ sở

Bảng 7. Chứng loại, công suất sản phẩm của dự án đầu tư

STT	Sản phẩm	Công suất hoạt động (sản phẩm/năm)	Hình ảnh sản phẩm
1	Cáp/giắc truyền dữ liệu cho điện thoại di động và điện thoại thông minh	1.000.000	
2	Tai nghe có dây	5.000.000	
3	Tai nghe bluetooth	4.000.000	
4	Loa cho tivi và các thiết bị điện tử khác	3.600.000	
5	Khuôn ép	50	
6	Các thiết bị điện tử khác	5.000.000	-

	Tổng	18.600.050	
--	-------------	-------------------	--

3.1.7. Vốn đầu tư

Tổng vốn đầu tư của cơ sở là 265.820.000.000 đồng (*Hai trăm sáu lăm tỷ, tám trăm hai mươi triệu đồng*), tương đương 11.500.000 đô la Mỹ (*Mười một triệu, năm trăm nghìn đô la Mỹ*). Trong đó:

- Vốn góp để thực hiện dự án: 242.500.000.000 đồng (*Hai trăm bốn mươi hai tỷ, năm trăm triệu đồng*), tương đương 10.500.000 đô la Mỹ (*Mười triệu, năm trăm nghìn đô la Mỹ*).

- Vốn huy động: 23.320.000.000 đồng (*hai mươi ba tỷ, ba trăm hai mươi triệu đồng*), tương đương 1.000.000 đô la Mỹ (*một triệu đô la Mỹ*).

Giá trị, tỷ lệ và phương thức góp vốn như sau:

Tên nhà đầu tư	Số vốn góp		Tỷ lệ %	Phương thức góp vốn	Tiến độ góp vốn
	VNĐ	USD			
Công ty TNHH Future of Sound vina	242.500.000.000	10.500.000	100	Tiền mặt	35 tháng kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư

- Vốn huy động là: Dự án huy động 23.320.000.000 đồng (*hai mươi ba tỷ, ba trăm hai mươi triệu đồng*) tương đương 1.000.000 đô la Mỹ (*một triệu đô la Mỹ*).

3.2. ĐÁNH GIÁ SƠ BỘ CÁC TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

3.2.1. Các tác động môi trường chính của cơ sở

3.2.1.1. Đánh giá tác động và đề xuất các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường trong giai đoạn xây dựng giai đoạn 2 và hoạt động sản xuất của Nhà máy hiện hữu

3.2.1.1.1. Tác động của nước thải

- Nước thải sinh hoạt của công nhân thi công.
- Nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động sinh hoạt và nấu ăn của công nhân làm việc tại nhà máy hiện hữu.
- Nước thải thi công.
- Nước mưa chảy tràn.

3.2.1.1.2. Tác động của bụi, khí thải

- Bụi, khí thải từ hoạt động của các phương tiện vận chuyển.
- Bụi, khí thải từ hoạt động của các phương tiện thi công.
- Bụi từ quá trình đào móng hồ công trình.
- Bụi từ quá trình sử dụng vật liệu rời.
- Khí thải từ quá trình hàn điện.
- Khí thải từ quá trình sơn.
- Khí thải từ hoạt động của nhà máy hiện hữu.

3.2.1.1.3. Tác động của chất thải rắn

- Chất thải rắn sinh hoạt của công nhân thi công.
- Chất thải rắn công nghiệp thông thường.
- Chất thải nguy hại.

3.2.1.2. Các tác động trong giai đoạn vận hành

3.2.1.2.1. Tác động của nước thải

- Nước thải sinh hoạt: phát sinh từ hoạt động nấu ăn và vệ sinh của công nhân viên.
- Nước mưa chảy tràn.

3.2.1.2.2. Tác động của bụi, khí thải

- Bụi, khí thải từ các phương tiện giao thông.
- Khí thải phát sinh từ công trình bảo vệ môi trường
- Khí thải từ khu vực hàn thiếc
- Khí thải phát sinh từ khu vực đúc nhựa.
- Khí thải phát sinh từ khu vực dán keo

3.2.1.2.3. Tác động của chất thải rắn

- Chất thải rắn sinh hoạt.
- Chất thải rắn công nghiệp thông thường
- Chất thải nguy hại.

3.2.2. Quy mô, tính chất của các loại chất thải phát sinh từ cơ sở

3.2.2.1. Đánh giá tác động và đề xuất các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường trong giai đoạn xây dựng giai đoạn 2 và hoạt động sản xuất của Nhà máy hiện hữu

3.2.2.1.1. Quy mô, tính chất của nước thải

- Nước thải sinh hoạt của công nhân thi công phát sinh khoảng 4,5 m³/ngày. Thành phần ô nhiễm chủ yếu là các chất hữu cơ (BOD₅, COD), chất rắn lơ lửng (TSS), các chất dinh dưỡng (Tổng N, Tổng P, Amoni,...) và vi sinh vật (Coliform).

- Nước thải sinh hoạt của nhân viên làm việc tại nhà máy hiện hữu phát sinh khoảng 13,5 m³/ngày. Thành phần ô nhiễm chủ yếu là các chất hữu cơ (BOD₅, COD), chất rắn lơ lửng (TSS), các chất dinh dưỡng (Tổng N, Tổng P, Amoni,...) và vi sinh vật (Coliform).

- Nước mưa chảy tràn: chỉ phát sinh khi có mưa và không liên tục. Thành phần chủ yếu là cặn rắn lơ lửng (TSS).

3.2.2.1.2. Quy mô, tính chất của khí thải

- Khí thải từ các phương tiện vận chuyển: thành phần chủ yếu là bụi lơ lửng (TSP) và các chất vô cơ (CO, SO₂, NO_x).

- Khí thải từ hoạt động thi công: thành phần chủ yếu là CO, SO₂, NO_x, THC.

- Bụi từ quá trình đào móng hồ công trình: thành phần chủ yếu là bụi.

- Bụi từ quá trình sử dụng vật liệu rời: thành phần chủ yếu là bụi.

- Khí thải từ quá trình hàn điện: thành phần chủ yếu là khói hàn, CO, NO_x.

- Khí thải từ quá trình sơn: thành phần chủ yếu là bụi sơn, VOCs.

- Khí thải từ hoạt động nấu ăn: thành phần chủ yếu là bụi, SO₂, NO_x, CO, VOCs.

- Khí thải từ công trình bảo vệ môi trường: thành phần chủ yếu là CH₄, H₂S, CO₂, ...

3.2.2.1.3. Quy mô, tính chất của chất thải rắn

- Rác thải sinh hoạt của công nhân thi công phát sinh khoảng 7,74 tấn/6 tháng. Thành phần chủ yếu là các chất thải có thể tái chế như túi nilon, giấy báo, chai thủy tinh, chai nhựa, vỏ lon,...

- Chất thải phát sinh từ quá trình thi công phát sinh khoảng 623,95 tấn/tổng thời gian thi công xây dựng, lắp đặt máy móc. Thành phần chủ yếu là túi nilon, thùng carton, vỏ thùng giấy, dây buộc, tấm xốp,....

- Chất thải nguy hại phát sinh khoảng 338,2 kg trong suốt thời gian thi công. Thành phần chủ yếu là xăng tay, giẻ lau dính dầu mỡ, dầu mỡ bôi trơn,...

3.2.2.2. Giai đoạn vận hành

3.2.2.2.1. Quy mô, tính chất của nước thải

- Nước thải sinh hoạt 18 m³/ngày đêm, với định mức phát thải bằng 100% lượng nước cấp thì tổng lượng nước thải sinh hoạt phát sinh của cơ sở là 18 m³/ngày đêm (*định mức bằng 100% lượng nước cấp sinh hoạt đầu vào theo QCVN 01:2021/BXD*).

- Nước thải sản xuất:

Tại cơ sở không phát sinh nước thải cho hoạt động sản xuất.

3.2.2.2.2. Quy mô, tính chất của bụi, khí thải

- Khí thải từ các phương tiện giao thông: thành phần chủ yếu là bụi lơ lửng (TSP) và các chất vô cơ (CO, SO₂, NO_x).

- Khí thải từ các công trình bảo vệ môi trường: thành phần chủ yếu là mùi hôi, CH₄, NH₃, H₂S, CO₂,...

- Khí thải khu vực đúc nhựa: thành phần chủ yếu là Styren; Formaldehyde; Phenol; Toluene; Vinyl clorua; Butadien; Acrylonitril.

- Khí thải khu vực hàn thiếc nhà xưởng 1: Độ khói; Bụi tổng; SO₂; NO_x; CO; Vinyl Clorua; Chì và các hợp chất

- Khí thải khu vực tra keo nhà xưởng 1: Bụi tổng; Toluene; Benzen.

3.2.2.2.3. Quy mô, tính chất của chất thải rắn

Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh khoảng 36,2 kg/ngày. Thành phần chủ yếu là Hữu cơ (*thức ăn thừa, vỏ hoa quả thừa...*) và vô cơ (*túi nilon, hộp đựng cơm, lon nước ngọt...*).

- Chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh khoảng 23.820 tấn/năm bao gồm Mảnh vụn kim loại (bavia), Các sản phẩm lỗi hỏng không chứa thành phần nguy hại, Dây cáp hỏng, Vỏ bao bì, thùng sộp, bìa carton hỏng, Nhựa thừa từ quá trình ép nhựa.

- Chất thải nguy hại phát sinh khoảng 7.464 kg/năm gồm: Bóng đèn huỳnh quang và thủy tinh thải; Giẻ lau dính thành phần nguy hại; Bao bì kim loại (đã chứa chất khi thải ra là CTNH); Bao bì nhựa cứng thải (đã chứa chất khi thải ra là CTNH); Hộp mực in thải; Than hoạt tính từ hệ thống xử lý khí thải; Các thiết bị, linh kiện điện tử thải có thành phần nguy hại; Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải

3.2.3. Các tác động môi trường khác (nếu có)

- Ảnh hưởng đến hoạt động giao thông.

- Ảnh hưởng tới hoạt động kinh tế - xã hội.

3.3. CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

3.3.1. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của cơ sở

3.3.1.1. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường trong giai đoạn xây dựng

a. Hoạt động xây dựng

- Đối với khí thải: Sử dụng các phương tiện đủ tiêu chuẩn về phát thải khí, không sử dụng phương tiện giao thông quá cũ; Chỉ sử dụng các phương tiện đã đăng kiểm đạt tiêu chuẩn theo luật định; Không chuyên chở vượt tải trọng kiểm định; Thường xuyên bảo dưỡng máy móc thiết bị; Cam kết trang bị đầy đủ bảo hộ lao động cho công nhân trực tiếp khoan gồm khẩu trang, quần áo, găng tay, mũ,... đồng thời sắp xếp thời gian khoan, hàn cho công nhân, tránh làm việc liên tục 8h/ngày.

- Đối với nước thải sinh hoạt: Nghiêm cấm công nhân,... phóng uế bừa bãi, gây ô nhiễm nguồn nước và mất vệ sinh chung; Lắp đặt 2 nhà vệ sinh di động loại 2 - 4 buồng, với bể tự hoại 3 ngăn, tạm thời trong khu vực xây dựng; Chủ Cơ sở sẽ ký hợp đồng với Công ty có chức năng bể tự hoại đem xử lý theo định kỳ 2 ngày/lần; Thường xuyên kiểm tra, nạo vét, không để bùn đất, rác xâm nhập vào đường thoát nước thải. Đường thoát nước thải sinh hoạt tạm thời sẽ được đưa vào tuyến quy hoạch hay hệ thống thoát nước tùy theo từng giai đoạn thực hiện xây dựng Nhà máy. Đảm bảo nguyên tắc không gây trở ngại, làm mất vệ sinh cho các hoạt động xây dựng của Nhà máy cũng như không gây ảnh hưởng đến hệ thống thoát nước thải chung của KCN.

- Đối với nước thải thi công: thu gom ngay vào 6 thùng chứa với dung tích 500 lít và tận dụng để đảo trộn bê tông, vữa trát; Đối với nước thải rửa xe: sẽ được xử lý qua hệ thống tách váng dầu và lắng bùn cát, sơ đồ hệ thống lắng bùn cát và tách váng dầu; Ký kết hợp đồng, hợp tác với đơn vị kinh doanh cơ sở hạ tầng KCN DeepC2A trong việc thu gom và xử lý; Không tập trung các loại nguyên nhiên vật liệu gần, cạnh các tuyến thoát nước để ngăn ngừa thất thoát rò rỉ vào đường thoát nước; Thường xuyên kiểm tra, nạo vét, khơi thông không để phế thải xây dựng xâm nhập vào đường thoát nước gây tắc nghẽn, tần suất vệ sinh rãnh thoát nước là 01 lần/tuần vào mùa mưa và 01 lần/tháng vào mùa khô.

- Đối với chất thải rắn sinh hoạt: Trên công trường bố trí 2 thùng rác loại 40L tại khu vực nghỉ ngơi của công nhân, 02 thùng 02 thùng 40 lít đặt tại khu vực cổng vào đang thi công. Các thùng chứa tạm thời đảm bảo đủ thể tích để lưu trữ rác thải trong thời gian lưu 1 ngày.

- Chất thải thi công: Trên công trường bố trí 03 thùng rác 200L có nắp đậy và tổ vệ sinh sẽ thu gom đưa chất thải phát sinh về khu lưu trữ chất thải có diện tích 10 m² có mái che

bố trí tại cuối khu vực thi công xây dựng theo đúng quy định rồi giao cho đơn vị có đủ năng lực vận chuyển, xử lý.

- Đối với chất thải nguy hại: Bố trí 1 thùng loại 200 lít để thu gom dầu mỡ thải và 05 thùng chứa loại 50L để chứa các loại CTNH khác. Hợp đồng với đơn vị vận chuyển, xử lý CTNH theo đúng quy định.

3.3.1.2. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường trong giai đoạn vận hành

3.3.1.2.1. Công trình, biện pháp xử lý nước thải

❖ Theo Giấy phép môi trường số 07/GPMT-UBND ngày 10/05/2023 hệ thống thu gom nước thải đã được xây dựng hoàn chỉnh và thu gom nước thải toàn nhà máy.

- Hệ thống thu gom, thoát nước thải thiết kế riêng biệt với hệ thống thu gom, thoát nước mưa.
- Hệ thống đường ống thoát nước thải giai đoạn 1: hệ thống thu gom và thoát nước thải của cơ sở bằng đường ống PVC D200.
- Nước thải sinh hoạt sau hệ thống xử lý nước thải công suất 70m³/ngày đêm của cơ sở được xả ra nguồn tiếp nhận là mương thoát nước của Cụm công nghiệp Phúc Ứng thông qua 1 điểm đầu nối.

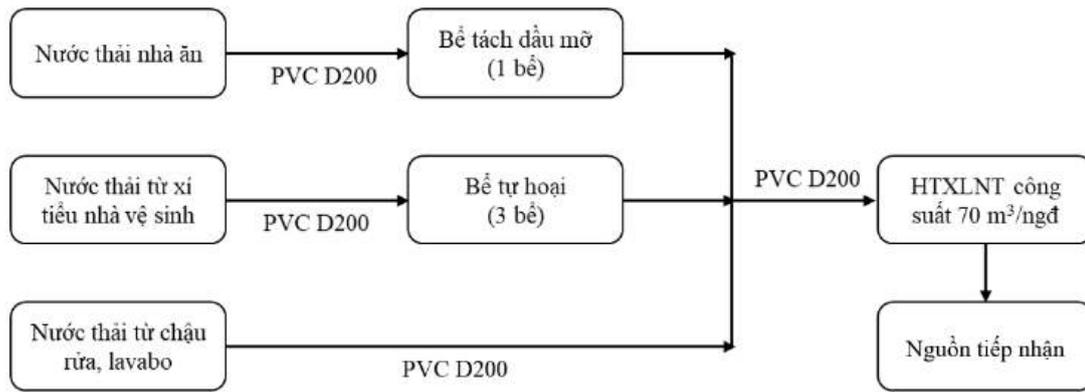
a. Nước làm mát

Nước làm mát tại công đoạn ép nhựa không chứa hóa chất độc hại, dầu mỡ nhưng có nhiệt độ tương đối cao được đưa qua hệ thống bể chứa và tháp giải nhiệt để tuần hoàn tái sử dụng triệt để cho sản xuất nên nhà máy không có nước thải công nghiệp thải ra môi trường.

Định kỳ 1 năm/lần, cơ sở tiến hành xả đáy và chuyển giao cho đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định pháp luật.

b. Nước thải sinh hoạt

- Nước thải nhà ăn ca: Công ty đã đầu tư xây dựng 01 bể tách mỡ 2 ngăn có thể tích 2,0 m³. Sau đó theo đường ống nhựa PVC đường kính Φ200 mm, độ dốc 0,2% dẫn vào hệ thống xử lý nước thải của nhà máy có công suất 70 m³/ngày.
- Nước thải từ các bồn vệ sinh: Công ty đã đầu tư 03 bể tự hoại với tổng thể tích 46,0 m³ trong đó có 02 bể có thể tích 8,0 m³/bể và 01 bể có thể tích 30,0 m³ để thu gom xử lý sơ bộ nước thải phát sinh từ các bồn vệ sinh sau đó theo đường ống nhựa PVC đường kính Φ200 mm, độ dốc 0,2% dẫn vào hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt của nhà máy xử lý đạt quy chuẩn cho phép trước khi thải ra ngoài môi trường.



Hình 8. Hệ thống thu gom, thoát nước thải sinh hoạt của Nhà máy hiện hữu

❖ Trong giai đoạn tiếp theo, nhà máy sẽ xây dựng thêm nhà xưởng 2, thuê thêm 100 công nhân để phục vụ nhu cầu nâng công suất của nhà máy nên sẽ bổ sung thêm lượng nước thải phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của 100 công nhân với lượng nước phát sinh thêm là 4,5 m³/ngày đêm, nâng tổng lượng nước thải phát sinh tại cơ sở lên 18 m³/ngày đêm. Hệ thống xử lý nước thải của cơ sở có công suất 70 m³/ngày đêm nên khi nâng công suất, hệ thống xử lý nước thải hiện hữu vẫn đảm bảo thu gom xử lý toàn bộ nước thải phát sinh.

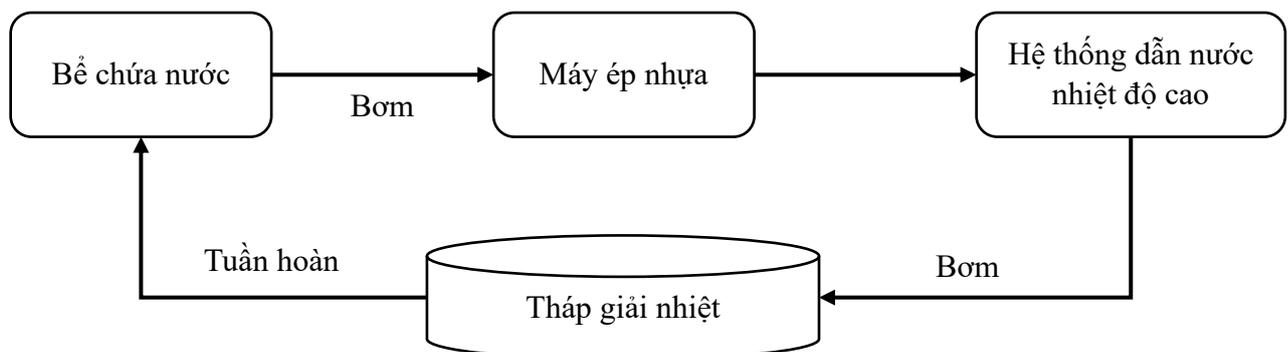
❖ Điểm xả nước thải sau xử lý:

+ Nước thải sau khi qua hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt được dẫn bằng đường ống PVC đường kính 1200 mm vào hệ thống thoát nước chung của cụm công nghiệp. Vị trí điểm đầu nối nước thải vào hệ thống thoát nước chung của cụm công nghiệp Phúc Ứng có tọa độ VN 2000 là X: 2394098; Y: 436120.

a. Tháp giải nhiệt

Trong giai đoạn vận hành cơ sở có sử dụng nước làm mát cho công đoạn ép nhựa. Nước sau khi sử dụng làm mát sẽ được đưa về tháp giải nhiệt, sau đó được tuần hoàn sử dụng, không thải ra ngoài môi trường.

Định kỳ 1 năm/lần, cơ sở tiến hành xả đáy và chuyển giao cho đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định pháp luật.



Hình 9. Sơ đồ hệ thống tuần hoàn giải nhiệt nước làm mát

Thông số kỹ thuật của hệ thống tháp giải nhiệt nước làm mát như sau:

STT	Tên thiết bị	ĐVT	Số lượng
1	Tháp giải nhiệt - Khả năng giải nhiệt: 390.000 kcal/giờ; - Lưu lượng nước giải nhiệt: 1.300 lít/phút; - Lưu lượng gió giải nhiệt: 700 m ³ /phút; - Kích thước lắp đặt: 1.580 x 1.200 mm; - Trọng lượng: Khi khô: 400 kg; Khi hoạt động: 1.260 kg; - Kích thước bể chứa nước: 2.235 x 2.650 mm.	cái	01

b. Công trình xử lý nước thải sinh hoạt

Hiện tại, Nhà máy đã xây dựng hoàn thiện các công trình xử lý nước thải cho Giai đoạn 1 theo đúng Giấy phép giấy phép môi trường số 07/GPMT-UBND được Ủy Ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang cấp ngày 10/05/2023. Các công trình thu gom không thay đổi so với Giấy phép môi trường được cấp. Bao gồm:

- + 03 bể tự hoại 3 ngăn với tổng thể tích 46 m³
- + 01 bể tách mỡ khu vực nhà ăn thể tích thể tích 2 m³, kích thước 2 x 1 x 1m.
- + 01 hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 70 m³/ngđ.

Sau khi mở rộng nâng quy mô công suất, cơ sở sẽ tiếp tục sử dụng các công trình xử lý nước thải hiện hữu, đồng thời xây dựng bổ sung thêm 04 bể tự hoại với tổng thể tích là 40 m³/bể.

Kích thước và vị trí các bể được thể hiện trong bảng sau:

Bảng 8. Kích thước, vị trí các bể tự hoại của cơ sở

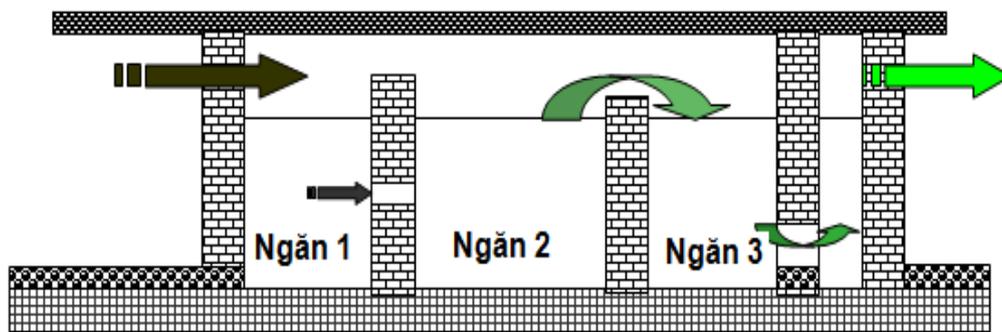
STT	Khu vực bố trí	Số lượng (bể)	Thể tích (m ³)	Kích thước (m)
Công trình xử lý nước thải hiện hữu giai đoạn I				
1	Nhà xưởng 1	01	30	5 x 3 x 2
2	Nhà điều hành	01	8	3 x 1,7 x 1,5
3	Nhà ăn	01	8	3 x 1,7 x 1,5
Công trình xử lý nước thải đầu tư mới giai đoạn II				

4	Nhà xưởng giai đoạn mở rộng,	02	12	4 x 2 x 1,5
5	nâng công suất	02	8	4 x 2 x 1
Tổng		07	86	

Giai đoạn mở rộng, nâng công suất, Cơ sở sẽ lắp đặt thêm 04 bể tự hoại với tổng thể tích là 40 m³/bể, sau mở rộng Cơ sở có 7 bể tự hoại với tổng thể tích 86 m³.

❖ **Bể tự hoại**

Sơ đồ cấu tạo bể tự hoại 3 ngăn như sau:



Hình 10. Sơ đồ cấu tạo bể tự hoại 3 ngăn

Nguyên lý hoạt động

Bể tự hoại nằm dưới đất hình chữ nhật được chia làm 3 ngăn: ngăn 1 điều hòa, lắng, phân hủy sinh học; ngăn 2 lắng, phân hủy sinh học; ngăn 3 lắng, chảy tràn.

- Quy trình vận hành: Nước thải được thu gom vào ngăn lắng sơ cấp tiếp nhận nước thải rồi chảy sang ngăn phân hủy yếm khí. Ở ngăn phân hủy yếm khí, dưới sự hoạt động của vi sinh vật kỵ khí, lên men các chất ô nhiễm tạo thành khí CH₄, CO₂,...khí thải được thoát ra ngoài theo đường ống dẫn khí. Hỗn hợp nước thải được dẫn qua bể lắng thứ cấp, phần nước trong được dẫn ra ngoài. Phần bùn được giữ lại trong các ngăn lắng, dưới tác dụng của vi khuẩn kỵ khí sẽ phân hủy thành các chất khoáng, khí hoà tan.

Nhằm nâng cao hiệu quả xử lý của bể tự hoại, Công ty thực hiện các biện pháp như:

+ Bổ sung chế phẩm BIO – PHỐT vào bể tự hoại để khử mùi hôi và tăng cường các quá trình trao đổi, phân giải các chất hữu cơ trong bể tự hoại. Lượng chế phẩm sử dụng: Định kỳ 3 tháng bổ sung 1 lần, liều lượng sử dụng theo hướng dẫn của nhà sản xuất là 150g/1m³ bể. Tổng thể tích bể tự hoại cơ sở 50m³ thì liều lượng cần sử dụng 7,5kg/lần.

+ Định kỳ thuê đơn vị có chức năng tới hút bùn bể tự hoại và nạo vét hệ thống đường ống dẫn nước thải 6 tháng/lần; kiểm tra phát hiện rò rỉ, hỏng hóc các thiết bị thu gom, xử lý nước thải để thay thế kịp thời.

❖ **Bể tách dầu mỡ**

Nước thải nhà ăn của cơ sở được thu gom xử lý sơ bộ bằng bể tách dầu mỡ. Nguyên lý hoạt động của bể tách dầu mỡ khá đơn giản. Khối lượng riêng của dầu mỡ sẽ nhỏ hơn nước, vì thế dầu mỡ sẽ nổi lên trên.

Trước khi vào bể tách mỡ, nước thải sẽ đi qua song chắn rác lọc rác và mỡ có kích thước lớn. Tại đây, rác thải và dầu mỡ có kích thước lớn được giữ lại giỏ lọc. Song chắn rác ngoài chức năng thu rác, còn có chức năng điều hòa dòng chảy, tránh gây tắc nghẽn đường ống.

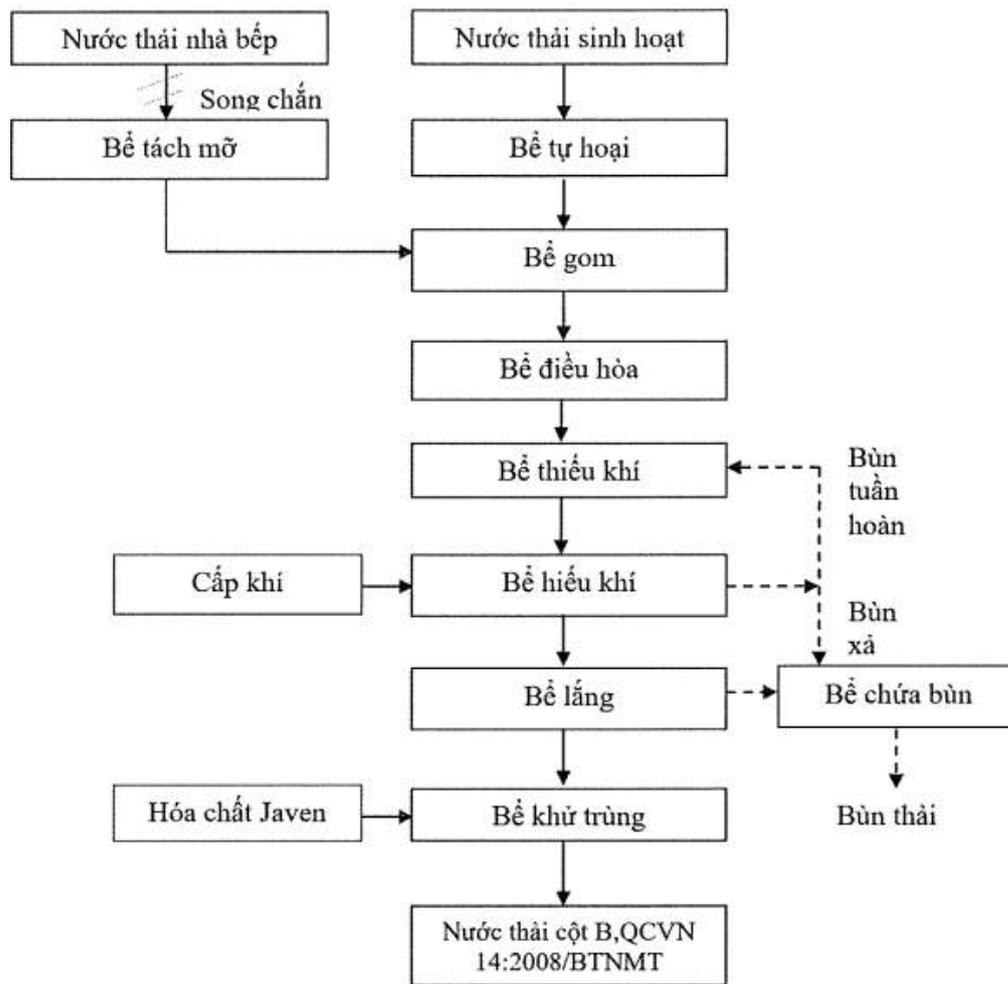
Ngăn tách mỡ thực hiện chức năng tách dầu mỡ. Tại đây được thiết kế vách để hướng dòng tách mỡ và nước thành 2 phần riêng biệt. Do lưu lượng đã được ổn định nhờ song chắn rác. Ngăn thứ 1 này được thiết kế để hạn chế sự xáo trộn của dòng nước, qua đó mỡ nổi lên bề mặt của ngăn, nước thải tiếp tục chảy theo đường ống thoát ra hệ thống thu gom nước thải chung của cơ sở rồi dẫn về hệ thống xử lý nước thải.

Váng dầu mỡ nổi lên được định kỳ 1 - 3 tháng/lần hút đi xử lý để đảm bảo hiệu quả làm việc của bể tách mỡ.

❖ **Hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 70 m³/ngđ**

- Vị trí xây dựng hệ thống phía Tây Bắc, gần tường rào nhà máy.
- Công nghệ xử lý: Công nghệ sinh học.
- Kết cấu các bể: Bê tông cốt thép.

Sơ đồ quy trình công nghệ trạm xử lý nước thải tập trung công suất 70 m³/ngđ của Nhà máy hiện hữu như sau:



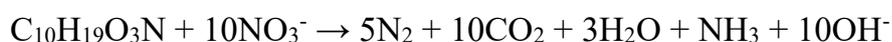
Hình 11. Hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 70m³/ngày đêm

Thuyết minh quy trình công nghệ xử lý:

- Bể gom: Bể gom là nơi tập trung tất cả các nguồn nước thải sinh hoạt đầu vào, tại hồ thu gom, có lắp đặt 1 song chắn rác nhằm không cho các loại rác có kích thước lớn như: Túi nilong, lá cây đi qua để tăng hiệu quả xử lý các công trình phía sau.

- Bể điều hòa: có nhiệm vụ điều hòa lưu lượng và nồng độ nước thải, tạo chế độ làm việc ổn định và liên tục cho các công trình xử lý, tránh hiện tượng hệ thống xử lý bị quá tải. Nước thải trong bể điều hòa được sục khí liên tục từ máy thổi khí nhằm tránh hiện tượng yếm khí cũng như lắng cặn dưới đáy bể. Sau đó nước được bơm sang bể sinh học hiếu khí.

- Bể thiếu khí: Bể Anoxic được xây dựng để xử lý nước thải trong điều kiện thiếu khí để loại bỏ Nitơ. Bể Anoxic tiếp nhận nước thải từ bể điều hòa, dòng nước tuần hoàn chứa nitrat từ bể hiếu khí và dòng bùn tuần hoàn từ bể lắng về. Phản ứng khử nitrat trong bể với nguồn chất hữu cơ trong nước thải đầu vào đóng vai trò là chất cho điện tử:



Để quá trình phản ứng diễn ra thuận lợi, bố trí máy khuấy chìm sử dụng bể anoxic chức năng khuấy trộn dòng nước tạo ra môi trường thiếu oxi cho hệ vi sinh vật phát

triển, lượng cấp oxy tại đây đảm bảo $<0,5\text{mg/m}^3$. Nước thải sau bể Anoxic sẽ tự chảy sang bể hiếu khí

- Bể hiếu khí: là dạng bể sinh học với bùn hoạt tính được xáo trộn hoàn toàn nhờ quá trình sục khí. Công nghệ này được đánh giá rất cao nhờ những đặc tính vượt trội của nó. Trong bể xử lý hiếu khí, hệ thống phân phối khí được cung cấp để tạo điều kiện lý tưởng cho hệ vi sinh vật hiếu khí phát triển. Các chủng vi sinh vật có khả năng phân giải các hợp chất hữu cơ sẽ phân giải và chuyển hóa các chất hữu cơ có trong nước thải để phát triển thành sinh khối. Vi sinh vật hiếu khí cũng đóng vai trò quan trọng trong việc xử lý nitơ. Chúng chuyển hóa amoniac (NH_4^+) thành nitrat (NO_3^-) thông qua quá trình nitrat hóa. Kết quả nước được làm sạch và sinh khối vi sinh vật tăng lên. Nhờ hệ vi sinh phát triển như trên mà phản ứng nitrate hóa và denitrate diễn ra với hiệu suất cao mà không cần bể thiếu khí. Do vậy nước thải sau khi qua bể hiếu khí, hàm lượng BOD, COD, Tổng N, Tổng P giảm đáng kể.

Sau khi xử lý tại bể hiếu khí, lượng chất hữu cơ có trong nước thải sẽ được xử lý hoàn toàn. Nước thải sau khi xử lý sẽ được chảy sang bể lắng.

- Bể lắng: Tại đây, bùn hoạt tính được tách ra ở bể lắng dựa trên cơ chế lắng trọng lực để đảm bảo loại bỏ lượng chất rắn lơ lửng trong nước đầu ra. Nước trong được dẫn sang bể khử trùng. Bùn từ bể lắng được chuyển sang bể chứa bùn.

- Bể chứa nước sau xử lý và khử trùng: Nước thải sau khi qua bể lắng sẽ chảy về bể chứa nước sau xử lý và khử trùng. Nước thải sẽ được trộn đều với hóa chất cung cấp bởi hệ thống bơm định lượng, dưới tác dụng của dòng hóa chất này, các vi sinh vật nguy hại sẽ bị tiêu diệt. Thời gian tiêu diệt vi sinh vật trong nước thải khoảng 30 phút.

- Bể chứa bùn: Chức năng chính của bể chứa bùn là lưu bùn. Bùn thải được công ty thuê đơn vị chức năng tới hút đi xử lý theo quy định. Phần nước thải từ bể chứa bùn được bơm về bể điều hòa để tiếp tục xử lý.

- Hiện tại, nước thải sau khi xử lý đạt tiêu chuẩn cột B, QCVN 14:2008/BTNMT được xả ra nguồn tiếp nhận là mương thoát nước của Cụm công nghiệp Phúc Ứng.

Các thông số kỹ thuật của hệ thống xử lý nước thải tập trung:

Bảng 9. Thông số kỹ thuật của hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 70 m³/ngày đêm

STT	Các bể xử lý	Số lượng	Thông số kỹ thuật
1	Bể gom	01	Kích thước L×B×H (m) = 7 m × 6 m × 4,3 m Thể tích: V= 180,6 m ³
2	Bể điều hòa	01	Kích thước L×B×H (m) = 4,4 m × 3,3 m×3,3 m Thể tích: V= 47,916 m ³
3	Bể thiếu khí	01	Kích thước L×B×H (m) = 4,4 m × 2 m×3,3 m Thể tích: V= 29,04 m ³

STT	Các bể xử lý	Số lượng	Thông số kỹ thuật
4	Bể hiếu khí	01	Kích thước L×B×H (m) = 4,4 m × 3,3 m×3,3 m Thể tích: V= 47,916 m ³
5	Bể lắng	01	Kích thước L×B×H (m) = 2,4 m × 2,2 m×3,3 m Thể tích: V= 17,424 m ³
6	Bể khử trùng	01	Kích thước L×B×H (m) = 1,6 m × 1,0 m×3,3 m Thể tích: V= 5,28 m ³
7	Bể chứa bùn	01	Kích thước L×B×H (m) = 1,6 m × 1,0 m×3,3 m Thể tích: V= 5,28 m ³
8	Phòng thiết bị	01	Kích thước L×B×H (m) = 4,7 m × 2,6 m×3,7 m Thể tích: V= 45,214 m ³

b) Biện pháp thu gom nước mưa chảy tràn

Tiếp tục duy trì thực hiện các biện pháp kiểm soát, giảm thiểu nước mưa chảy tràn phát sinh từ hoạt động của nhà máy như giai đoạn 1, đảm bảo các yêu cầu về bảo vệ môi trường theo các quy định hiện hành.

3.3.1.2.2. Công trình, biện pháp xử lý khí thải

Để giảm thiểu tác động của bụi và khí thải trong quá trình vận hành, Chủ cơ sở sẽ áp dụng các biện pháp như sau:

❖ Đối với khí thải từ phương tiện giao thông

- + Chỉ sử dụng các phương tiện giao thông vận tải đã đăng kiểm theo đúng quy định, đảm bảo tiêu chuẩn.
- + Quy định chở đúng tải trọng của xe và đi đúng tốc độ quy định.
- + Đối với phương tiện chở hàng hóa, nguyên liệu và chất thải phải che đậy kín thùng xe.

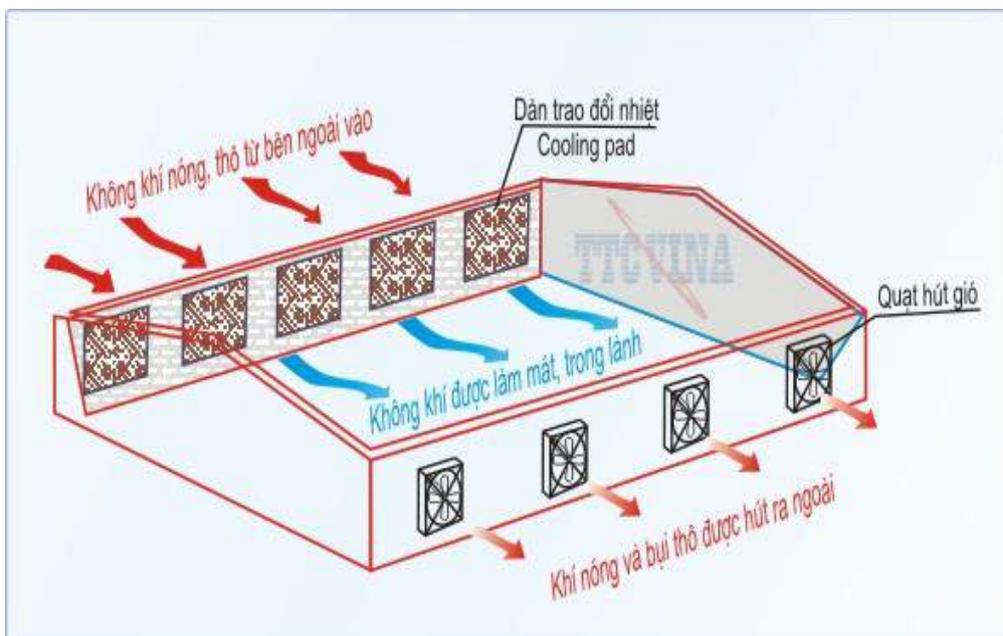
❖ Đối với bụi trong khuôn viên Nhà máy

- + Tăng cường công tác vệ sinh công nghiệp, tần suất: 1 lần/ngày.
- + Tổ chức, bố trí bộ phận, đội ngũ thu dọn vệ sinh xung quanh khu vực Nhà máy. Thành lập tổ vệ sinh gồm 04 người có trách nhiệm quét dọn đường nội bộ với tần suất tối thiểu mỗi ngày 01 lần nhằm hạn chế tối đa lượng bụi trong khu vực nhà máy.
- + Quy hoạch các địa điểm tập kết hợp lý.

❖ Đối với khí thải từ khu vực sản xuất, văn phòng

- + Nhà xưởng sản xuất được thiết kế thông thoáng, cao ráo, bố trí ô thoáng nhằm lợi dụng gió tươi từ ngoài vào. Lắp đặt quạt công nghiệp bên trong nhà xưởng sản xuất. Đặc tính kỹ thuật của quạt được lắp trong xưởng: Loại quạt công nghiệp thông gió vuông này đặc trưng là tiếng ồn thấp tiết kiệm điện, lưu lượng gió cung cấp lớn. Để lắp đặt là sự lựa chọn lý tưởng cho giải pháp hệ thống thông gió.

- + Lắp đặt hệ thống thông gió, điều hòa và cấp khí tươi (AHU – Air Handling Unit).
- + Mái nhà xưởng sản xuất được lợp bằng tôn chống nóng, bố trí ô thoáng thông gió kiểu hàm ếch đảm bảo quá trình lưu thông không khí bên trong cũng như bên ngoài, tạo cảm giác dễ chịu cho công nhân làm việc.
- + Bố trí các khoảng trống thích hợp bên trong khu vực sản xuất.
- + Phân chia khu vực sản xuất theo đặc trưng của từng công đoạn sản xuất.
- + Trang bị các thiết bị bảo hộ lao động theo quy định của pháp luật cho công nhân sản xuất.
- + Thường xuyên kiểm tra, bảo trì đảm bảo thiết bị vận hành tốt nhằm hạn chế khí thải phát sinh.
- + Bố trí lao công dọn dẹp vệ sinh nhà xưởng vào cuối mỗi ngày làm việc.



Hình 12. Hình ảnh minh họa thông gió nhà xưởng

❖ **Đối với khí thải, mùi từ các công trình bảo vệ môi trường**

+ Nước thải sinh hoạt tại cơ sở được xử lý bằng bể tự hoại, ít phát sinh mùi nhờ thiết kế kín và quá trình phân hủy yếm khí hiệu quả. Ngoài ra, hệ thống thông hơi giúp dẫn khí lên cao, hạn chế mùi lan ra xung quanh.

+ Các hố ga thu lắng cặn nước mưa, nước thải đều có nắp đậy kín tránh phát tán mùi hôi ra môi trường xung quanh.

+ Định kỳ nạo vét, vệ sinh bùn hệ thống thu gom thoát nước mưa.

+ Vệ sinh, quét dọn đường giao thông nội bộ của cơ sở.

+ Dọc tuyến đường thu gom nước thải tiến hành trồng hàng rào cây xanh cách ly để giảm thiểu mùi, khí thải phát tán ra xung quanh.

+ Đối với rác thải sinh hoạt được thu gom về kho chứa rác trong ngày, và định kỳ 1 ngày/lần đơn vị có chuyên môn sẽ đến thu gom và mang đi xử lý, tránh tồn đọng chất thải, gây mùi khó chịu.

❖ Đối với khí thải từ hoạt động sản xuất

Giai đoạn mở rộng, nâng công suất, chủ cơ sở tiến hành thay đổi hệ thống thu gom khí thải để phù hợp với sự thay đổi về mặt bằng bố trí thiết bị, máy móc, đồng thời tiến hành thu gom riêng từng loại khí thải phát sinh nhằm tăng hiệu suất xử lý, tránh quá tải và giảm nguy cơ khí không được xử lý triệt để. Thu gom và xử lý đúng nguồn giúp đơn giản hóa quá trình vận hành, bảo trì. Dễ dàng theo dõi, kiểm soát chất lượng khí sau xử lý.

STT	Hệ thống xử lý	Hiện trạng	Giai đoạn mở rộng, nâng công suất	Quy trình công nghệ xử lý	Ghi chú
1	Hệ thống xử lý khí thải khu vực hàn nhúng và đúc nhựa công suất 22.000 m ³ /h	Thu gom khí thải từ khu vực hàn nhúng và khu vực đúc nhựa	Thu gom khí thải từ khu vực hàn thiếc	Nguồn phát sinh khí thải → Chụp hút → Ống dẫn → Tháp xử lý khí → Ống khói → Môi trường không khí.	Do có sự tinh gọn quy trình sản xuất cũng và để phù hợp với nhu cầu sử dụng nên chủ cơ sở điều chỉnh chỉ thu gom khí thải phát sinh từ khu vực hàn thiếc và giữ nguyên công nghệ xử lý.
2	Hệ thống xử lý khí thải khu vực đúc nhựa vào chân cáp công suất 22.000 m ³ /h	Thu gom khí thải từ khu vực đúc nhựa vào chân cáp	Thu gom khí thải từ khu vực tra keo	Nguồn phát sinh khí thải → Chụp hút → Ống dẫn → Tháp xử lý khí → Ống khói → Môi trường không khí.	Do có sự thay đổi vị trí máy móc thiết bị, công ty tận dụng hệ thống thu gom, xử lý khí thải khu vực đúc nhựa vào chân cáp để thu gom, xử lý khí thải khu vực tra keo và giữ

					nguyên công nghệ xử lý.
3	Hệ thống xử lý khí thải khu vực đúc nhựa công suất 10.000 m ³ /h	Không có	Thu gom khí thải từ khu vực đúc nhựa	Nguồn phát sinh khí thải → Chụp hút → Ống dẫn → Tháp xử lý khí → Ống khói → Môi trường không khí.	Do có sự thay đổi vị trí máy móc thiết bị, tiến hành lắp đặt 01 hệ thống xử lý khí thải mới có công nghệ tương tự thu gom, xử lý khí thải khu vực đúc nhựa.

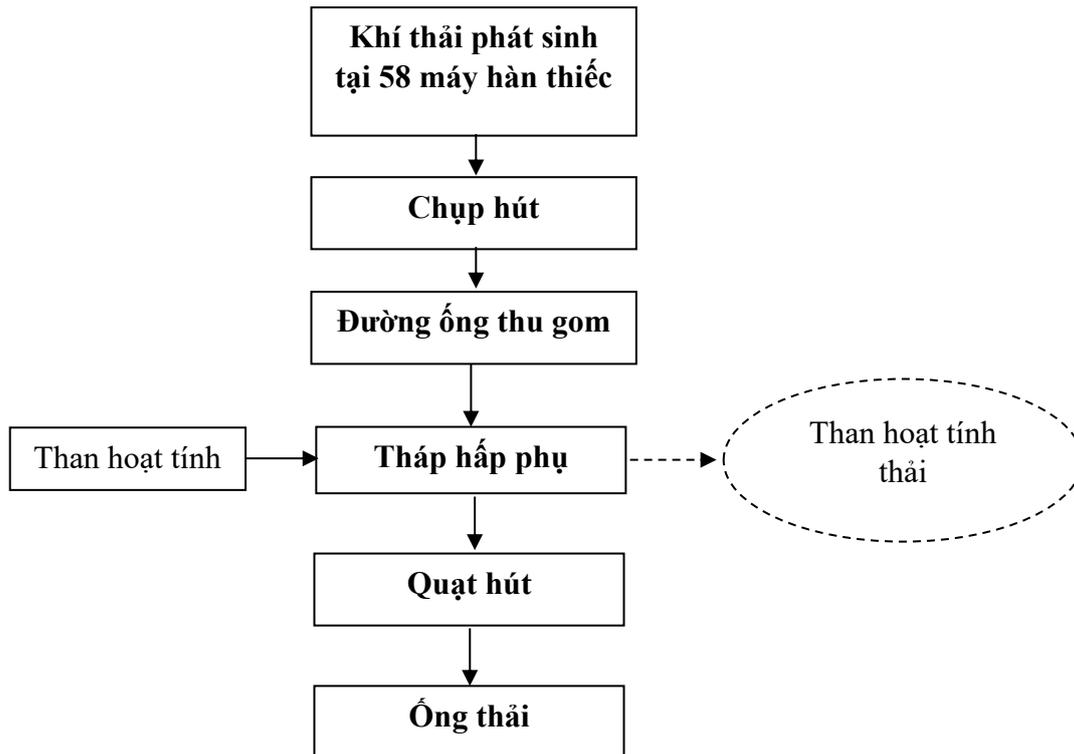
Các công trình xử lý lắp đặt thêm của nhà máy sẽ sử dụng công nghệ xử lý tương tự như quy trình hiện hữu đang sử dụng.

a. Khí thải phát sinh tại khu vực hàn thiếc

Theo Giấy phép môi trường số 07/GPMT-UBND ngày 10/05/2023, hệ thống xử lý khí thải khu vực hàn nhôm và đúc nhựa đã được cấp phép để thu hồi và xử lý khí thải phát sinh từ 17 máy hàn các loại và 30 máy đùn ép nhựa. Giai đoạn mở rộng, nâng công suất, do có sự tinh gọn quy trình sản xuất cũng và để phù hợp với nhu cầu sử dụng nên chủ cơ sở điều chỉnh chỉ thu gom khí thải phát sinh từ khu vực hàn thiếc và giữ nguyên công nghệ xử lý. Khu vực hàn thiếc có phát sinh khói hàn tại tầng 2 nhà xưởng 1 với số lượng máy hàn các loại tăng lên 58 máy. Cơ sở quy hoạch lắp đặt 1 miệng hút tại mỗi máy hàn thiếc.

Vì thành phần khí thải chủ yếu là khói hàn và các chất hữu cơ với nồng độ tương đối thấp nên khí thải từ khu vực hàn thiếc vẫn được xử lý bằng phương pháp hấp phụ than hoạt tính theo quy trình công nghệ xử lý như sau:

- Quy trình xử lý:



Hình 13. Quy trình công nghệ xử lý khí thải khu vực hàn thiếc

Thuyết minh quy trình:

Khí thải từ khu vực hàn thiếc chủ yếu là khói hàn và các chất hữu cơ nồng độ thấp được thu gom bằng hệ thống đường ống và các chụp hút đưa vào thiết bị hấp phụ than hoạt tính. Quá trình hấp phụ xảy ra ở đây là hấp phụ vật lý, than hoạt tính có cấu trúc xốp và có nhiều mao quản nhỏ, đồng thời chúng có ái lực mạnh với các hợp chất hữu cơ. Vì vậy, các hợp chất hữu cơ bay hơi (VOCs) bị hút và giữ trong các mao quản của than hoạt tính. Cơ sở sử dụng loại than hoạt tính dạng tổ ong đã được hoạt hóa có năng lực hấp phụ tốt. Định kỳ 6 tháng/lần sẽ thay lớp vật liệu hấp phụ là than hoạt tính. Khối lượng than hoạt tính sử dụng cho mỗi lần thay 400 kg/lần.

Hệ thống xử lý khí thải khu vực hàn thiếc được tận dụng hệ thống xử lý khí thải khu vực hàn nhôm và đúc nhựa được lắp đặt bên ngoài nhà xưởng 1, gồm 1 thiết bị hấp phụ than hoạt tính.

Để đảm bảo hiệu suất xử lý của hệ thống, định kì chủ cơ sở sẽ lấy mẫu than hoạt tính thí nghiệm các chỉ số hấp phụ cơ bản chẳng hạn chỉ số iodine để đánh giá năng lực hấp phụ còn lại của than hoạt tính và tiến hành thay thế. Than hoạt tính thải bỏ được thu gom, quản lý như chất thải nguy hại theo quy định hiện hành.

Khí thải sau khi xử lý đảm bảo đạt quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ QCVN 20:2009/BTNMT sẽ theo các ống thải thoát ra ngoài môi trường.

❖ Tổng hợp thông số kỹ thuật hệ thống xử lý khí thải

Thông số kỹ thuật của hệ thống được giữ nguyên hiện trạng, chỉ bổ sung thêm đường ống chính thu gom khí thải từ các máy hàn bổ sung giai đoạn mở rộng, nâng công suất.

Bảng 10. Tổng hợp thông số kỹ thuật hệ thống xử lý khí thải

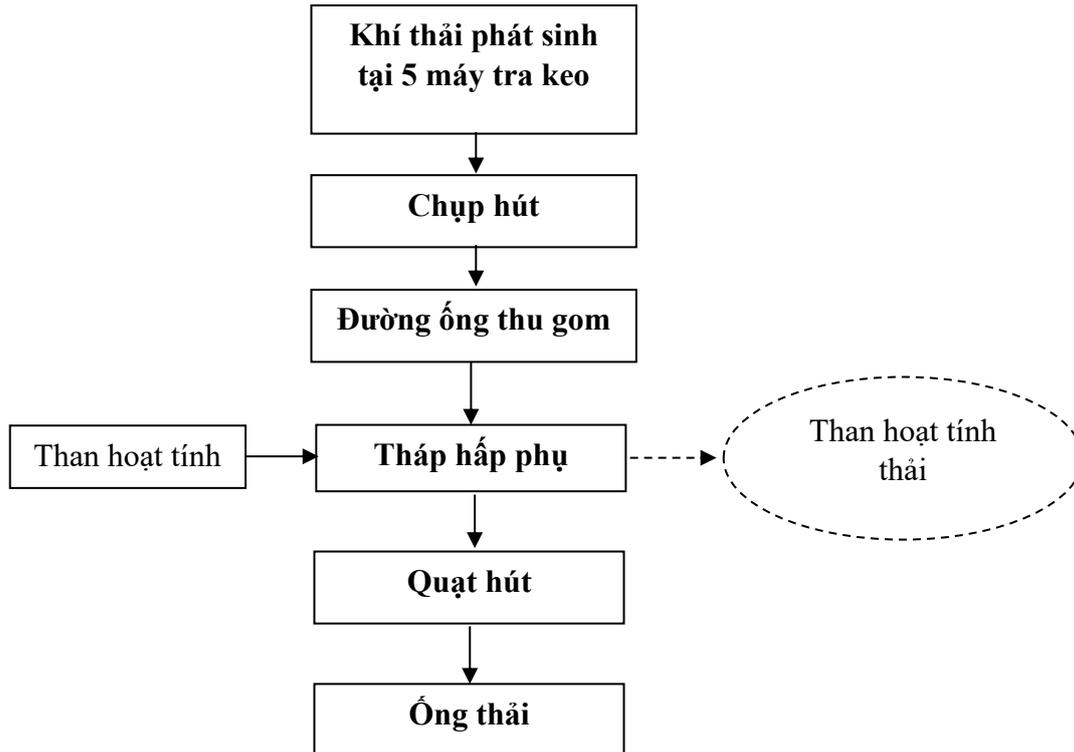
STT	Mô tả kỹ thuật		Số lượng
1	Ống dẫn khí thải	Đường ống nhánh: $\Phi 250\text{mm}$ Đường ống chính: $\Phi 600\text{mm}$	1 Gói
2	Hộp than hoạt tính	* Kích thước hộp than hoạt tính: $2200 \times 1800\text{mm}$ * Số lớp than hoạt tính: 2 lớp * Kích thước lớp than hoạt tính: $400 \times 400 \times 110\text{mm}$	1 Bộ
3	Quạt hút	$16.000\text{-}22.000 \text{ m}^3/\text{h}$	1 Cái
4	Ổng khói	Kích thước ống khói: + $D350\text{mm}$. + Cao: 2527mm	1 Bộ

b, Khí thải phát sinh tại khu vực tra keo

Theo Giấy phép môi trường số 07/GPMT-UBND ngày 10/05/2023, hệ thống xử lý khí thải khu vực đúc nhựa vào chân cáp đã được cấp phép để thu hồi và xử lý khí thải phát sinh khu vực đúc nhựa vào chân cáp. Giai đoạn mở rộng, nâng công suất, do có sự thay đổi vị trí máy móc thiết bị, công ty tận dụng hệ thống thu gom, xử lý khí thải khu vực đúc nhựa vào chân cáp để thu gom, xử lý khí thải khu vực tra keo và giữ nguyên công nghệ xử lý. Khu vực tra keo có phát sinh hơi hữu cơ tại tầng 2 nhà xưởng 1 với số lượng máy tra keo tăng lên 5 máy. Cơ sở quy hoạch lắp đặt 1 miệng hút tại mỗi máy tra keo.

Vì thành phần khí thải chủ yếu là các chất hữu cơ với nồng độ tương đối thấp nên khí thải từ khu vực hàn thiếc vẫn được xử lý bằng phương pháp hấp phụ than hoạt tính theo quy trình công nghệ xử lý như sau:

- Quy trình xử lý:



Hình 14. Quy trình công nghệ xử lý khí thải khu vực tra keo

Hệ thống xử lý khí thải khu vực tra keo được tận dụng hệ thống xử lý khí thải khu vực đúc nhựa vào chân cáp được lắp đặt bên ngoài nhà xưởng 1, gồm 1 thiết bị hấp phụ than hoạt tính giữ nguyên hiện trạng.

Để đảm bảo hiệu suất xử lý của hệ thống, định kỳ chủ cơ sở sẽ lấy mẫu than hoạt tính thí nghiệm các chỉ số hấp phụ cơ bản chẳng hạn chỉ số iodine để đánh giá năng lực hấp phụ còn lại của than hoạt tính và tiến hành thay thế. Than hoạt tính thải bỏ được thu gom, quản lý như chất thải nguy hại theo quy định hiện hành.

Khí thải sau khi xử lý đảm bảo đạt quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ QCVN 20:2009/BTNMT sẽ theo các ống thải thoát ra ngoài môi trường.

❖ Tổng hợp thông số kỹ thuật hệ thống xử lý khí thải

Thông số kỹ thuật của hệ thống được giữ nguyên hiện trạng, chỉ bổ sung thêm đường ống thu gom khí thải từ các máy tra keo.

Bảng 11. Tổng hợp thông số kỹ thuật hệ thống xử lý khí thải

STT	Mô tả kỹ thuật		Số lượng
1	Ống dẫn khí thải	Đường kính: 350mm	1 Gói
2	Hộp than hoạt tính	* Kích thước hộp than hoạt tính: 2200x1800mm * Số lớp than hoạt tính: 2 lớp * Kích thước lớp than hoạt tính: 400x400x110mm	1 Bộ
3	Quạt hút	16.000-22.000 m ³ /h	1 Cái

4	Ống khói	Kích thước ống khói: + $\Phi 350\text{mm}$. + Cao: 2670mm	1 Bộ
---	----------	--	------

c, Khí thải phát sinh tại khu vực đúc nhựa

Ngoài việc áp dụng các biện pháp kỹ thuật nêu trên, chủ cơ sở sẽ đầu tư lắp đặt 01 hệ thống xử lý khí thải từ công đoạn đúc nhựa công suất 10.000 m³/h.

Tại tầng 1 nhà xưởng quy hoạch khu vực đúc nhựa có phát sinh khí thải hữu cơ. Máy đúc nhựa vận hành hoàn toàn tự động được mô tả sơ lược như sau: Hạt nhựa nguyên liệu được cấp vào phễu, đưa qua bộ phận làm nóng chảy sau đó phun vào khuôn đúc, ép khuôn tạo hình sản phẩm và làm mát, cuối cùng tháo sản phẩm ra ngoài. Vì quá trình nóng chảy hạt nhựa khép kín trong máy và có công đoạn làm mát sản phẩm sau khi ép khuôn nên phát sinh khí thải hữu cơ được giảm thiểu. Chỉ một lượng nhỏ khí thải hữu cơ tạo thành ở bước cuối cùng khi tháo sản phẩm ra khỏi khuôn. Phương pháp hút khí thải của máy đúc nhựa là dùng chụp hút hình phễu có kích thước miệng hút $\phi 100\text{ mm}$ đặt ngay tại vị trí sản phẩm đúc được nhả ra khỏi khuôn. Quy hoạch lắp đặt 1 miệng hút tại mỗi máy đúc nhựa tại tầng 1 nhà xưởng 1.

Căn cứ vào hình thức phát sinh và phương án thu gom khí thải như trên tính toán lưu lượng hút khí thải hữu cơ của khu vực đúc ép và đánh bóng nhựa dựa theo công thức:

$$Q = V \times A$$

Trong đó

Q: Lưu lượng hút khí thải cần thiết (m³/s)

V: Vận tốc khí thải miệng hút (m/s)

A: Tiết diện hình học của miệng hút (m²).

Tiết diện A được tính toán từ kích thước hình học của chụp hút hoặc ống xả (thu gom) khí thải, đối với tiết diện tròn có đường kính ϕ : $A = \pi\phi^2/4$, còn đối với tiết diện hình chữ nhật (chiều dài L và chiều rộng W): $A = L \times W$.

Vận tốc hút khí thải (m/s) xác định theo kinh nghiệm của chủ cơ sở có thể ước tính với giá trị $V = 12\text{ m/s}$.

Với máy đúc nhựa, diện tích miệng hút:

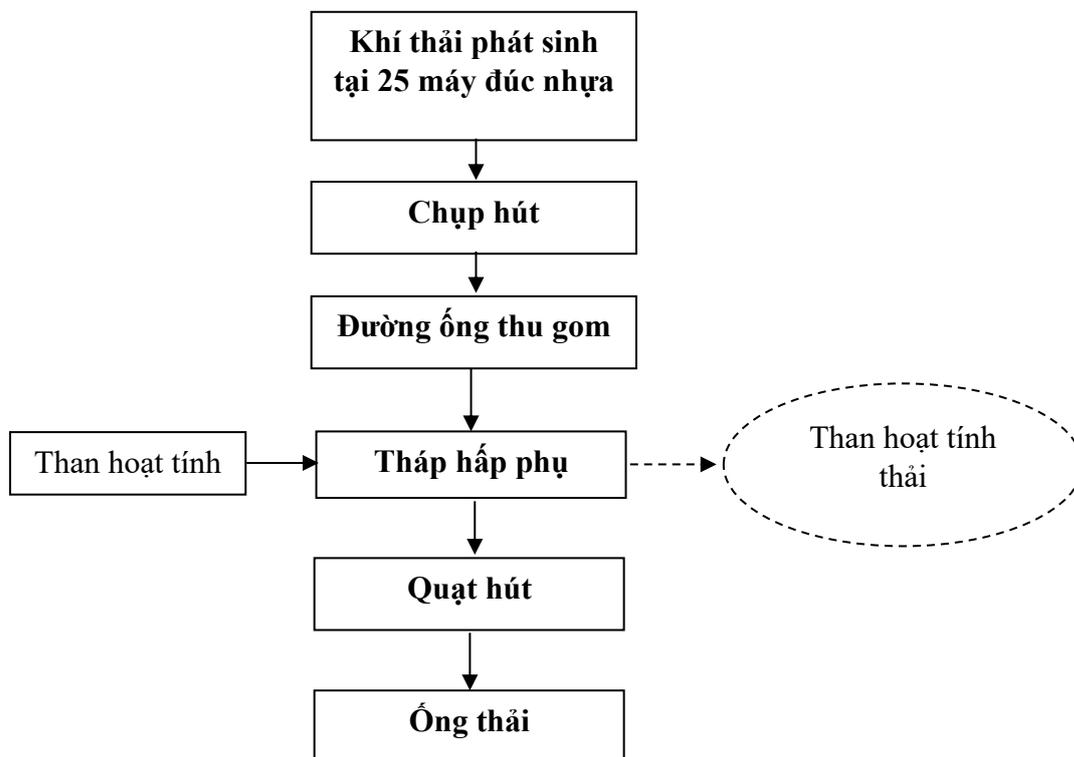
$$A = \frac{3,14 \times \phi^2}{4} = \frac{3,14 \times 0,1^2}{4} = 0,00785\text{ m}^2$$

Mỗi máy đúc ép nhựa được lắp đặt một miệng hút thì lưu lượng hút khí thải cần thiết của 01 máy đúc ép nhựa:

$$Q = 0,00785\text{m}^2 \times \frac{12\text{m}}{\text{s}} = 0,0942 \text{ m}^3/\text{s} = 339,12 \text{ m}^3/\text{h}$$

Xét đến hệ số an toàn khoảng 15% thì lưu lượng hút khí thải hữu cơ của 1 máy đúc nhựa ước tính là $Q = 389,9 \text{ m}^3/\text{h}$. Cơ sở dự kiến lắp đặt 25 máy đúc nhựa thì lưu lượng hút khí thải hữu cơ của khu vực đúc nhựa là $Q = 9.747,5 \text{ m}^3/\text{h}$. Chủ cơ sở dự kiến lắp đặt thêm hệ thống xử lý khí thải khu vực đúc nhựa với công suất $10.000 \text{ m}^3/\text{giờ}$ tại tầng 1 nhà xưởng 1.

Vì thành phần khí thải chủ yếu là các chất hữu cơ với nồng độ tương đối thấp nên khí thải từ khu vực đúc nhựa được xử lý bằng phương pháp hấp phụ than hoạt tính theo quy trình công nghệ xử lý như sau:



Hình 15. Quy trình công nghệ xử lý khí thải khu vực đúc nhựa

- Quy trình xử lý:

Thuyết minh quy trình: Tương tự với hệ thống xử lý khí thải khu vực hàn thiếc.

Hệ thống xử lý khí thải khu vực đúc nhựa được lắp đặt bên ngoài nhà xưởng 1, gồm 1 thiết bị hấp phụ than hoạt tính.

Để đảm bảo hiệu suất xử lý của hệ thống, định kì chủ cơ sở sẽ lấy mẫu than hoạt tính thí nghiệm các chỉ số hấp phụ cơ bản chẳng hạn chỉ số iodine để đánh giá năng lực hấp phụ còn lại của than hoạt tính và tiến hành thay thế. Than hoạt tính thải bỏ được thu gom, quản lý như chất thải nguy hại theo quy định hiện hành.

Khí thải sau khi xử lý đảm bảo đạt quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ QCVN 20:2009/BTNMT sẽ theo các ống thải thoát ra ngoài môi trường.

❖ Tổng hợp thông số kỹ thuật hệ thống xử lý khí thải

Bảng 12. Tổng hợp thông số kỹ thuật hệ thống xử lý khí thải

STT	Mô tả kỹ thuật		Số lượng
1	Ống dẫn khí thải chính	Vật liệu: tôn mạ kẽm Ống dẫn khí thải $\phi 350\text{mm}$	1 Gói
2	Thiết bị hấp phụ than hoạt tính	Hình thức: nằm ngang Kích thước phần thân tháp: $L \times W \times H = 1900 \times 1350 \times 1400$ (mm) Chất liệu: SS400 Phương pháp thay thế than hoạt tính: dạng ngăn kéo Máy đo chênh lệch áp suất khí (dywer2000)	1 Bộ
3	Quạt hút	Chế độ truyền động: truyền động dây curoa Lượng gió: 10.000CMH Áp suất tĩnh: 2700Pa Công suất: 11KW 3P 380V 50HZ(Động cơ biến tần) Chất liệu vỏ ngoài: Q235B Phần đế được trang bị giảm xóc giảm chấn lò xo	1 Cái
4	Ống thải	Kích thước: D550mm Vật liệu: Thép mạ kẽm, chiều dày 0,75mm	1 Bộ
5	Sàn thao tác quan trắc, lỗ quan trắc khí thải	Sàn thao tác $L \times W = 2.45 \times 2.45\text{m}$, cao 2,6m Có 2 lỗ lấy mẫu khí $\phi 110$ mm vị trí vuông góc với nhau trên tiết diện ống khói. Vị trí lấy mẫu theo Phụ lục 05, Thông tư 10/2021/TT-BTNMT Có lan can, và thang lồng đảm bảo thao tác an toàn, thuận tiện Vật liệu: Thép mạ kẽm, tấm sàn grating FRP	1 Bộ

3.3.1.2.3. Công trình, biện pháp quản lý chất thải rắn

a) Chất thải sinh hoạt (CTSH)

Chất thải rắn sinh hoạt bao gồm rác thải sinh hoạt trong quá trình ăn uống, vỏ chai,... Theo hóa đơn thu gom, vận chuyển và xử lý rác sinh hoạt, lượng chất thải rắn sinh hoạt thải bỏ trong giai đoạn hoạt động ước tính là 942,33 kg/tháng tương đương với 36,2 kg/ngày.

Dự kiến Giai đoạn mở rộng, nâng công suất sẽ có thêm 100 người làm việc. Như vậy tổng số lượng cán bộ, công nhân viên của cơ sở là 400 người.

Giai đoạn mở rộng, nâng công suất: $400 \text{ người} \times 0,11 \text{ kg/người/ngày} = 44 \text{ kg/ngày}$.

Công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt không thay đổi so với giấy phép môi trường được cấp:

- Chủ cơ sở thực hiện phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

- Phương pháp thu gom, lưu giữ: Phân loại chất thải vô cơ, hữu cơ tại nguồn. Bố trí 03 thùng rác dung tích 200l thùng chứa đặt tại các khu nhà văn phòng, nhà vệ sinh, nhà ăn sau đó hằng ngày được công nhân thu gom, tập kết tại khu lưu giữ chất thải sinh hoạt.

- Vị trí kho rác thải sinh hoạt: bố trí tại kho chất thải rắn công nghiệp thông thường.

- Đánh giá sức chứa của kho chứa chất thải sinh hoạt:

Cơ sở bố trí 01 xe đẩy thể tích 1m^3 trong kho chất thải rắn công nghiệp thông thường. Nếu rác thải sinh hoạt với chiều cao chứa rác 1,0 m (xếp thành đồng gọn gàng nhưng không có ép nén) thì tương đương năng lực khu vực chứa chất thải sinh hoạt là 1m^3 rác. Trọng lượng riêng của rác thải sinh hoạt không bị thấm nước mưa khoảng $300\text{-}650\text{ kg/m}^3$, tính toán với giá trị trung bình 450 kg/m^3 thì khu vực chứa rác thải sinh hoạt có khả năng lưu trữ được 450 kg.

Khối lượng rác thải sinh hoạt phát sinh tối đa tại Cơ sở là 44 kg/ngày → khu vực lưu chứa chất thải sinh hoạt của Cơ sở có khả năng lưu rác tối đa 10 ngày. Tuy nhiên, rác thải sinh hoạt thường có chứa nhiều chất hữu cơ dễ gây mùi nên tần suất chuyển giao cho đơn vị thu gom là 2 ngày/lần, đảm bảo không lưu chứa quá 48h.

Ngoài ra, định kỳ Công ty sẽ tiến hành vệ sinh các bể tự hoại. Lượng bùn thải của bể tự hoại ước tính khoảng 0,1 lít/người/ngày. Với tổng số lao động làm việc tại cơ sở tối đa là 400 người, tỉ trọng bùn bể tự hoại $1,5\text{ tấn/m}^3$ thì khối lượng bùn thải phát sinh như sau:

$$M = 0,1\text{ lít/người/ngày} \times 400\text{ người} \times 312\text{ ngày/năm} = 12.480\text{ lít/năm} = 12,48\text{ m}^3/\text{năm} = 18,72\text{ tấn/năm}.$$

Giai đoạn mở rộng, nâng công suất, Cơ sở sẽ lắp đặt thêm 04 bể tự hoại với tổng thể tích là $40\text{ m}^3/\text{bể}$, sau mở rộng Cơ sở có 7 bể tự hoại với tổng thể tích 86 m^3 . Giả sử lượng bùn đạt 85% sẽ thuê đơn vị đến hút trực tiếp, với tỉ trọng bùn bể tự hoại $1,5\text{ tấn/m}^3$ thì thể tích bể chứa tối đa là 109,65 tấn bùn. Tổng khối lượng bùn bể tự hoại là 18,72 tấn/năm, tương đương 0,05 tấn/ngày thì bể tự hoại có khả năng chứa tối đa khoảng 2.193 ngày → Lựa chọn tần suất thuê đơn vị có chức năng đến hút trực tiếp, vận chuyển và xử lý 6 tháng/lần.

b) Chất thải rắn công nghiệp thông thường (CTRCNTT)

Hiện tại, theo hóa đơn thu gom chất thải của cơ sở từ tháng 07/2024 đến tháng 06/2025, khối lượng vận chuyển rác thải rắn thông thường của nhà máy phát sinh khoảng 747,0 kg/tháng. Loại chất thải phát sinh bao gồm: Phế liệu nhựa đen; Phế liệu đồng; Phế liệu lõi đồng; Giấy, bìa carton thải bỏ, băng dính, ... Cụ thể:

Bảng 13. Khối lượng chất thải rắn thông thường phát sinh trong hoạt động sản xuất

STT	Chất thải phát sinh	Khối lượng trung bình trong 1 năm gần nhất (Kg/tháng)	Khối lượng dự kiến sau mở rộng (Kg/tháng)
1	Mảnh vụn kim loại (bavia)	300,1	797,5
2	Các sản phẩm lỗi hỏng không chứa thành phần nguy hại	214,5	570,0
3	Dây cáp hỏng	42,9	114,0
4	Vỏ bao bì, thùng sộp, bì carton hỏng	60,9	161,8
5	Nhựa thừa từ quá trình ép nhựa	128,6	341,7
Tổng cộng		747,0	1.985

- Hoạt động thu gom, xử lý chất thải:

+ Nhập nguyên liệu đảm bảo chất lượng tốt, giảm thiểu lượng chất thải phát sinh.

+ Phân loại chất thải tại nguồn: Những chất thải rắn có thể tái chế được như giấy photo, bì carton, nilon,... sẽ được phân loại riêng để thuận tiện cho việc thu gom của đơn vị vận chuyển xử lý.

+ Hàng ngày công nhân sẽ phân loại rác thải và thu gom về khu lưu chứa CTR công nghiệp thông thường tạm thời với diện tích là 54 m².

+ Kết cấu kho: mái lợp tôn dày, nền bê tông

+ Vị trí: đặt phía cuối cơ sở, cạnh khu lưu chứa chất thải nguy hại.

- Ký hợp đồng với đơn vị chức năng tới thu gom, vận chuyển và xử lý. Tần suất thu gom khoảng 6 tháng/lần tùy theo khối lượng phát sinh.

- Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải: Được thu về bể chứa bùn sau đó thuê đơn vị có chức năng tới thu gom, vận chuyển đi xử lý theo quy định.

- Phân loại chất thải tại nguồn:

+ Những chất thải rắn có thể tái chế được như giấy photo, bì carton, nilon,... được lưu chứa tại kho.

+ Các chất thải rắn công nghiệp thông thường khác sẽ được phân loại riêng, cuối ngày công nhân đưa về kho chất thải rắn công nghiệp thông thường có tổng diện tích 54 m².

Trong kho chất thải rắn công nghiệp thông thường bố trí các thiết bị lưu chứa phù hợp để lưu chứa chất thải phát sinh.

- Đánh giá sức chứa của kho chứa chất thải rắn công nghiệp thông thường:

Cơ sở bố trí kho chất thải rắn thông thường tổng diện tích 54 m².

Giả sử diện tích chứa rác tính bằng 85% tổng diện tích kho là 45,9 m² (15% là diện tích bố trí đường đi lại để lấy và xếp rác thì tương đương năng lực chứa rác: 45,9 m² x 1m x 450 kg/m³ = 20.655 kg.

Khối lượng chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh tối đa tại Cơ sở là 1.985 kg/tháng. Như vậy, các kho chứa chất thải rắn của Cơ sở có khả năng lưu rác tối đa 10 tháng. Tuy nhiên chủ cơ sở đề xuất tần suất chuyên giao chất thải cho nhà thầu xử lý 6 tháng/lần tùy theo khối lượng thực tế phát sinh.

4.2.2.4. Biện pháp thu gom và xử lý chất thải nguy hại (CTNH)

Theo hóa đơn thu gom chất thải của cơ sở từ tháng 07/2024 đến tháng 06/2025, khối lượng vận chuyển rác thải nguy hại của nhà máy phát sinh khoảng 249 kg/tháng. Chất thải nguy hại của nhà máy được tổng hợp trong bảng dưới đây:

Bảng 14. Khối lượng chất thải nguy hại phát sinh trong giai đoạn hoạt động của nhà máy

STT	Tên chất thải	Trạng thái	Khối lượng trung bình trong 1 năm gần nhất (Kg/tháng)	Khối lượng dự kiến sau mở rộng (Kg/tháng)	Mã CTNH
1	Bóng đèn huỳnh quang và thủy tinh thải	Rắn	7	20	16 01 06
2	Giẻ lau dính thành phần nguy hại	Rắn	11	30	18 02 01
3	Bao bì kim loại (đã chứa chất khí thải ra là CTNH)	Rắn	22	60	18 01 03
4	Bao bì nhựa cứng thải (đã chứa chất khí thải ra là CTNH)	Rắn	27	72	18 01 03
5	Hộp mực in thải	Rắn	3	10	08 02 01
6	Than hoạt tính từ hệ thống xử lý khí thải	Rắn	95	200	12 01 04
7	Các thiết bị, linh kiện điện tử thải có thành phần nguy hại	Rắn	57	155	18 02 06
8	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	Lỏng	27	75	17 01 04
Tổng			249	622	

Công ty tuân thủ các quy định của Pháp luật về quản lý chất thải nguy hại, cụ thể như sau:

- Phân loại CTNH, không để lẫn CTNH khác loại với nhau hoặc với chất thải khác; bố trí nơi lưu giữ tạm thời CTNH tại kho; đóng gói, bảo quản CTNH theo chủng loại trong các thùng chứa, bao bì chuyên dụng đáp ứng các yêu cầu về an toàn, kỹ thuật, bảo đảm không rò rỉ, rơi vãi hoặc phát tán ra môi trường, có dán nhãn;

+ Thiết kế kho chứa: Kho CTNH có diện tích 36 m². Kho chứa CTNH có cửa, mái che kín, ngoài cửa kho có biển cảnh báo CTNH. Sàn nhà kho để bê tông chống thấm, có gờ chống tràn ngoài cửa cao 15cm.

+ Tại nhà kho bố trí 2 bình chữa cháy, 1 xô cát, 1 xẻng xúc cát và 7 thùng chứa CTNH dung tích 1 m³. Các thùng chứa có nắp đậy kín.

- Các CTNH được xếp vào các thùng riêng biệt. Trên các thùng đều được dán nhãn mã CTNH theo quy định tại Thông tư 02/2022/TT-BTNMT.

* Đánh giá sức chứa của kho chứa chất thải nguy hại:

Cơ sở bố trí 01 kho chứa chất thải nguy hại diện tích 36 m². Giả sử diện tích chứa rác tính bằng 85% tổng diện tích kho là 30,6 m² (15% là diện tích bố trí đường đi lại để lấy và xếp rác), tương đương năng lực chứa rác: 30,6 m² x 1m x 450 kg/m³ = 13.770kg.

Khối lượng chất thải nguy hại phát sinh tối đa tại Cơ sở là khoảng 7.464 kg/năm, tương đương với khoảng 622 kg/tháng. Như vậy, các kho chứa chất thải nguy hại của Cơ sở có khả năng lưu rác tối đa 22 tháng. Tần suất chuyển giao chất thải cho nhà thầu xử lý 6 tháng/lần tùy theo khối lượng thực tế phát sinh.

- Chủ cơ sở ký hợp đồng với Công ty CP Môi trường Thuận Thành để thu gom và xử lý toàn bộ chất thải nguy hại phát sinh theo quy định pháp luật. Tần suất thu gom 6 tháng/lần

3.4. PHƯƠNG ÁN TỔ CHỨC THỰC HIỆN CÁC CÔNG TRÌNH BVMT

3.4.1. Kế hoạch thực hiện các công trình bảo vệ môi trường

Kế hoạch và kinh phí thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường của cơ sở như sau:

Bảng 15. Kế hoạch và kinh phí thực hiện các công trình BVMT của cơ sở

STT	Công trình BVMT	Kinh phí thực hiện	Kế hoạch thực hiện
I	Giai đoạn thi công xây dựng	110.000.000	
1	Thuê nhà vệ sinh di động	15.000.000	Trong suốt quá trình thi công
2	Thuê đơn vị xử lý chất thải	85.000.000	
3	Thùng chứa chất thải rắn, CTNH	5.000.000	
4	Trạm rửa xe	5.000.000	
II	Giai đoạn vận hành	300.000.000	
<i>1</i>	<i>Công trình thu gom, xử lý khí thải</i>	<i>300.000.000</i>	

	<i>Hệ thống thu gom, xử lý khí thải khu vực đúc nhựa</i>	<i>300.000.000</i>	
TỔNG (I +II)		410.000.000	

Ngoài ra, kinh phí đầu tư cho hoạt động quản lý môi trường, đào tạo, tập huấn phòng chống rủi ro, sự cố hàng năm của cơ sở khoảng 200.000.000 VNĐ/năm.

3.4.2. Tổ chức, bộ máy quản lý, vận hành các công trình bảo vệ môi trường

Nhà máy bố trí 1 cán bộ quản lý chuyên trách về tất cả các vấn đề môi trường, an toàn, trình độ Đại học là cử nhân/kỹ sư chuyên ngành môi trường.

Ngoài ra, Nhà máy còn có đội ngũ kỹ thuật làm việc, vận hành trực tiếp các công trình bảo vệ môi trường và xử lý chất thải bao gồm:

- Vận hành hệ thống xử lý nước thải: 1 người.
- Vận hành hệ thống xử lý khí thải: 1 người.
- Vận hành an toàn, kỹ thuật điện, cấp thoát nước: 1 người.

CHƯƠNG IV: TỔ CHỨC THỰC HIỆN CƠ SỞ

4.1. TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN CƠ SỞ

Dự kiến tiến độ thực hiện cơ sở dự kiến như sau:

Cơ sở “Nhà máy sản xuất, gia công thiết bị tai nghe Future of Sound vina” được thực hiện thành 2 giai đoạn:

- Giai đoạn 1:

+ Từ tháng 8 năm 2019 đến tháng 12 năm 2019: Thực hiện các thủ tục đầu tư.

+ Từ tháng 01 năm 2020 đến tháng 6 năm 2021: Hoàn thành xây dựng cơ bản và đưa nhà máy đi vào hoạt động sản xuất, gia công, lắp ráp tai nghe và cáp; giắc truyền dữ liệu dùng cho thiết bị di động và điện thoại thông minh thuộc lĩnh vực sản xuất linh kiện điện tử, thiết bị truyền thông với công suất 10 triệu sản phẩm/năm.

Tuy nhiên do tình hình đơn hàng của cơ sở, tháng 5/2023, chủ cơ sở xin đề xuất cấp giấy phép môi trường với công suất 7.000.000 sản phẩm/năm và được cấp giấy phép môi trường.

- Giai đoạn 2: Hoàn thành đầu tư xây dựng nhà xưởng và đi vào hoạt động trong Quý II/2027, sản xuất các sản phẩm khác. Dự kiến tiến độ hoàn thành đầu tư xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị và đưa giai đoạn II của cơ sở đi vào hoạt động: Quý II/2027; cụ thể như sau:

+ Hoàn thiện các thủ tục môi trường: Quý I/2026;

+ Tiến hành xây dựng và lắp đặt máy móc: Quý II/2026 đến Quý IV/2026;

+ Vận hành thử nghiệm: Quý I/2027;

+ Chính thức đi vào hoạt động: Quý II/2027.

4.2. TỔ CHỨC QUẢN LÝ VÀ THỰC HIỆN CƠ SỞ

4.2.1. Tổ chức quản lý trong giai đoạn thi công xây dựng

Để thi công xây dựng giai đoạn mở rộng, nâng công suất, chủ cơ sở đã thuê các nhà thầu thiết kế, thi công xây dựng và bảo đảm nguồn vốn đầu tư, tập trung cung ứng vật tư, điều động thiết bị, nhân lực để triển khai xây dựng công trình, đồng thời tổ chức kiểm soát chặt chẽ chất lượng và tiến độ thi công.

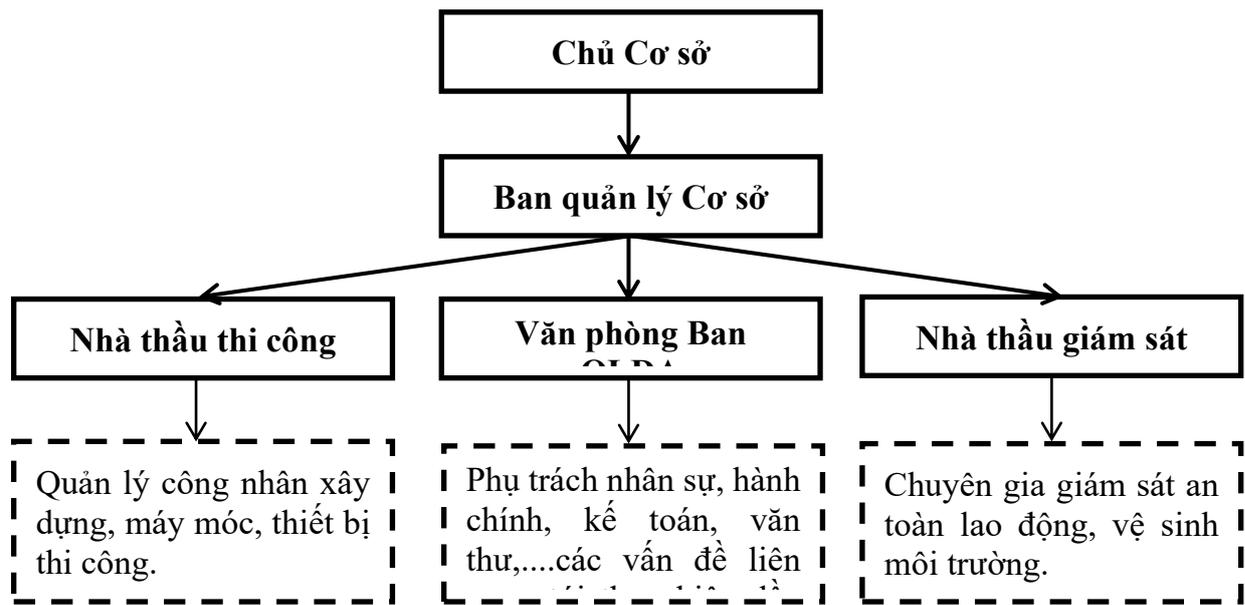
Việc tổ chức quản lý và thực hiện trong giai đoạn xây dựng được chủ cơ sở và các nhà thầu xây dựng thực hiện theo quy định tại Nghị định 15/2021/NĐ-CP ngày 03/03/2021 về quản lý cơ sở đầu tư xây dựng. Cụ thể như sau:

- Thành lập ban quản lý Cơ sở (Ban QLDA).

- Quản lý tổng mặt bằng xây dựng cơ sở.

- Quản lý công tác thiết kế cơ sở.
- Quản lý hoạt động thi công xây dựng, kết nối với công việc của các nhà thầu phụ.
- Điều phối chung về tiến độ thực hiện, kiểm tra, giám sát công tác đảm bảo an toàn, vệ sinh lao động, bảo vệ môi trường tại công trường xây dựng.
- Tổ chức nghiệm thu công trình, hạng mục hoàn thành để bàn giao cho chủ đầu tư.

Sơ đồ cơ cấu tổ chức thực hiện giai đoạn thi công xây dựng như sau:



Hình 16. Sơ đồ cơ cấu tổ chức trong giai đoạn thi công xây dựng

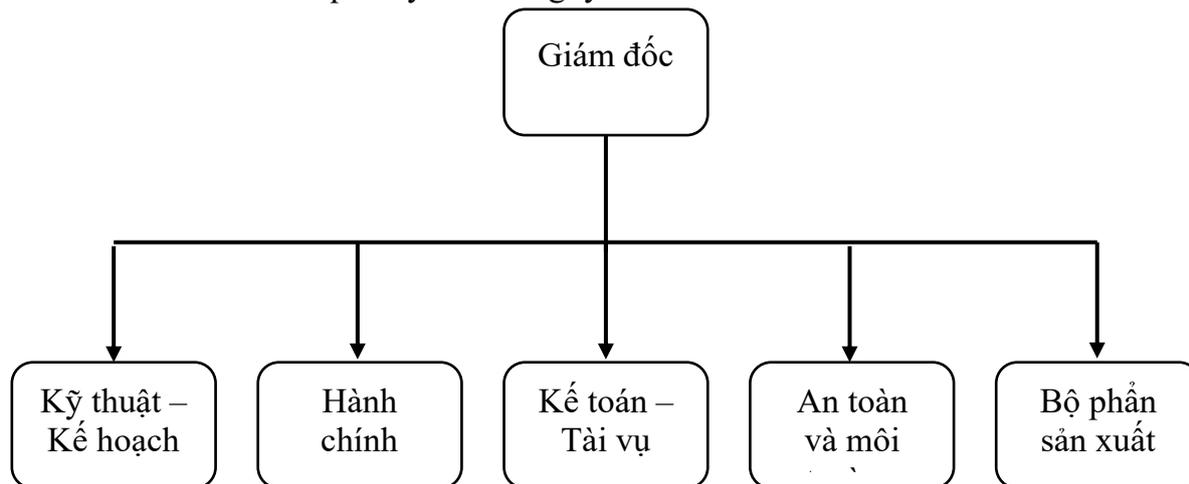
Tổng thời gian thi công xây dựng và lắp đặt máy móc, thiết bị giai đoạn mở rộng, nâng công suất của cơ sở khoảng 6 tháng. Trong thời gian thi công xây dựng của cơ sở, tổng số lượng cán bộ phụ trách và công nhân làm việc trên công trường tối đa là 100 người. Tất cả đều sẽ tự túc chỗ ăn, ở và không tổ chức lán trại tại công trường.

Tại công trường chỉ bố trí văn phòng làm việc di động (dạng công ten nơ - container) cho các cán bộ phụ trách.

4.2.2. Tổ chức quản lý cơ sở trong giai đoạn vận hành

Hiện tại, tổng số lượng lao động của Nhà máy là 300 người. Dự kiến sau khi mở rộng giai đoạn mở rộng, nâng công suất, Công ty sẽ tuyển thêm 100 người. Như vậy, tổng số công nhân viên sau khi mở rộng Cơ sở giai đoạn mở rộng, nâng công suất dự kiến sẽ tăng thành 400 người.

Sơ đồ cơ cấu tổ chức quản lý của Công ty như sau



Hình 17. Sơ đồ tổ chức quản lý và thực hiện cơ sở trong giai đoạn vận hành Công ty thực hiện chế độ làm việc như sau:

- Số giờ làm việc: 8h/ca;
- Số ca làm việc: 2 ca/ngày;
- Số ngày làm việc: 26 ngày/tháng; các ngày nghỉ lễ, tết sẽ được nghỉ theo quy định.

Công ty sẽ ưu tiên tuyển dụng các lao động trong tỉnh Tuyên Quang và các tỉnh, thành phố lân cận. Việc tuyển dụng sẽ tuân theo các quy định và luật pháp Việt Nam có liên quan. Mọi công nhân đều được ký hợp đồng lao động, được đóng bảo hiểm và các chế độ phúc lợi khác có liên quan. Công nhân được trang bị đầy đủ các thiết bị bảo hộ lao động khi làm việc. Công ty luôn tạo điều kiện làm việc tốt nhất cho công nhân, đồng thời đảm bảo các quyền lợi chính đáng của họ.

CHƯƠNG V: KẾT LUẬN - KIẾN NGHỊ - CAM KẾT

5.1. KẾT LUẬN

Báo cáo đã nhận dạng tương đối đầy đủ các tác động tới môi trường có thể xảy ra trong quá trình thi công xây dựng và vận hành của Cơ sở, đã dự báo chi tiết về tải lượng, nồng độ các thông số ô nhiễm có trong các nguồn thải để so sánh với các quy chuẩn, tiêu chuẩn hiện hành.

Báo cáo cũng đã trình bày khá đầy đủ và cụ thể các biện pháp, công trình bảo vệ môi trường nhằm giảm thiểu tác động tiêu cực đến môi trường từ giai đoạn thi công cho đến giai đoạn vận hành của Cơ sở. Báo cáo cũng đưa ra chương trình giám sát môi trường trong suốt giai đoạn vận hành để đảm bảo mọi hoạt động của Cơ sở không gây tác động xấu đến môi trường và sức khỏe của cộng đồng, các phát thải của Cơ sở đều nằm trong giới hạn cho phép và được kiểm soát chặt chẽ.

Các biện pháp giảm thiểu đưa ra trong báo cáo là phù hợp về mặt tính toán lý thuyết cũng như thực tế. Công ty hoàn toàn có đủ năng lực về tài chính và con người để thực hiện tốt các biện pháp đã đưa ra.

Các biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu rủi ro, sự cố môi trường cũng đã được trình bày khá chi tiết trong báo cáo. Tuy nhiên, mức độ và phạm vi ảnh hưởng nếu xảy ra sự cố môi trường là rất khó để có thể dự báo một cách chính xác. Do đó, trong quá trình vận hành, Công ty sẽ tiếp tục nghiên cứu, phối hợp với các cơ quan quản lý nhà nước, các chuyên gia môi trường,.... để hạn chế tới mức thấp nhất các rủi ro.

5.2. KIẾN NGHỊ

Kính đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang cùng các cơ quan liên quan giúp đỡ, hướng dẫn Công ty quản lý và kiểm soát các chất ô nhiễm phát sinh trong quá trình sản xuất để đảm bảo quyền lợi người lao động trực tiếp và cộng đồng dân cư xung quanh. Đồng thời hỗ trợ Công ty phòng ngừa và khắc phục các sự cố môi trường nếu không may xảy ra.

5.3. CAM KẾT THỰC HIỆN CÔNG TÁC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

Công ty hiểu rõ phát triển bền vững chính là tăng năng lực cạnh tranh của các sản phẩm của cơ sở thông qua việc tăng hiệu quả sản xuất, sử dụng tài nguyên và giảm ô nhiễm để bảo vệ cán bộ công nhân viên nhà máy và cộng đồng xung quanh. Chủ đầu tư cơ sở xin cam kết bảo vệ môi trường như sau:

3.1. Cam kết về tính chính xác, trung thực của hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường

- Chúng tôi cam kết rằng những thông tin, số liệu nêu trên là đúng sự thực.
- Chủ Cơ sở cam kết thực hiện đầy đủ, đúng các nội dung của Giấy phép môi trường đã được phê duyệt;
- Chủ Cơ sở cam kết chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật Việt Nam nếu vi phạm các Công ước Quốc tế, các Tiêu chuẩn, Quy chuẩn Việt Nam và nếu để xảy ra sự cố gây ô nhiễm môi trường.
- Chủ Cơ sở cam kết bồi thường thiệt hại đối với các doanh nghiệp và các hộ gia đình nếu để xảy ra các sự cố môi trường trong quá trình Cơ sở đi vào hoạt động.

3.2. Cam kết thực hiện quản lý và kiểm soát ô nhiễm môi trường

❖ Trong giai đoạn thi công xây dựng

- Công tác Quản lý môi trường, kiểm soát ô nhiễm môi trường sẽ được ưu tiên hàng đầu trong suốt quá trình thi công xây dựng.
- Phun nước thường xuyên, đảm bảo độ ẩm cần thiết trên các đoạn đường vận chuyển nội bộ để chống ô nhiễm bụi.
- Chủ đầu tư cam kết phối hợp với các cơ quan chuyên môn trong quá trình thiết kế, xây dựng và vận hành các hệ thống xử lý, bảo vệ môi trường.
- Phối hợp với chính quyền địa phương phối hợp tổ chức quản lý nhân sự theo khu vực hành chính.

❖ Trong giai đoạn vận hành

Cam kết việc xử lý chất thải đáp ứng các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về môi trường và các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác có liên quan

- Cam kết không xả nước thải vượt công suất thiết kế của trạm xử lý nước thải và vận hành hệ thống thu gom và xử lý nước thải đảm bảo toàn bộ nước thải phát sinh đạt Giới hạn tiếp nhận.

- Cam kết thu gom, phân loại và thuê đơn vị có đủ chức năng để xử lý các loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn sản xuất thông thường, chất thải nguy hại phát sinh bảo đảm tuân thủ các quy định tại NĐ số 08/2022/NĐ-CP và TT số 02/2022/TT-BTNMT sửa đổi bổ sung tại NĐ 05/2025/NĐ-CP và TT 07/2025/TT-BTNMT.

- Cam kết triển khai các biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố cháy nổ, sự cố hóa chất, sự cố đối với hệ thống xử lý nước thải, hệ thống xử lý bụi và khí thải và hoàn toàn chịu trách nhiệm đền bù, khắc phục thiệt hại do sự cố gây ra.

- Cam kết chịu trách nhiệm về công tác an toàn và bảo vệ môi trường trong quá trình vận hành Cơ sở, tuân thủ các quy định về bảo vệ môi trường của Nhà nước.

- Cam kết thực hiện chương trình quản lý và giám sát môi trường như đã nêu trong báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường, lưu giữ số liệu để các cơ quan quản lý Nhà nước về bảo vệ môi trường tiến hành kiểm tra khi cần thiết.

- Chủ Cơ sở cam kết sẽ khắc phục và bồi thường theo đúng pháp luật nếu để xảy ra sự cố.

- Chủ cơ sở cam kết trồng cây xanh có tán đảm bảo tỷ lệ, chủng loại cây theo đúng quy định.

- Chủ cơ sở cam kết khi có nhu cầu mở rộng sản xuất, thay đổi công nghệ, nguyên liệu, nhiên liệu, sản phẩm và xây dựng những hạng mục công trình khác...không nằm trong nội dung của Báo cáo đề xuất cấp phép môi trường đã được cấp phép thì Chủ cơ sở sẽ lập lại báo cáo đề xuất cấp phép môi trường trình cơ quan có thẩm quyền thẩm định, cấp phép trước khi triển khai thực hiện.

Trân trọng!

PHỤ LỤC

1. Các văn bản pháp lý

- Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư của cơ sở.
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của chủ cơ sở.
- Hợp đồng thuê đất của cơ sở.
- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.
- Giấy phép môi trường Giai đoạn I.
- Giấy chứng nhận thẩm duyệt thiết kế về PCCC; Biên bản nghiệm thu về PCCC; Văn bản thẩm duyệt cải tạo PCCC.
- Giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất.
- Hợp đồng vận chuyển, xử lý CTNH.
- Hóa đơn thu gom chất thải thông thường của cơ sở.
- Hóa đơn điện của cơ sở.
- Kết quả quan trắc định kỳ.

2. Các bản vẽ của cơ sở

- Bản vẽ hoàn công các hạng mục công trình của cơ sở.
- Bản vẽ hoàn công hệ thống xử lý nước thải.
- Bản vẽ hoàn công bể tách mỡ, bể tự hoại.
- Bản vẽ hoàn công nhà rác.
- Bản vẽ mặt bằng giai đoạn mở rộng.
- Bản vẽ bố trí máy móc, thiết bị nhà xưởng hiện trạng.
- Bản vẽ bố trí máy móc, thiết bị nhà xưởng giai đoạn mở rộng.
- Bản vẽ mặt bằng cấp nước.
- Bản vẽ mặt bằng thu gom, thoát nước mưa .
- Bản vẽ mặt bằng thu gom, thoát nước thải.
- Bản vẽ hệ thống xử lý khí thải của cơ sở.
- Bản vẽ chi tiết bể tự hoại xây mới.

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ ĐẦU TƯ

Mã số dự án: 9809036295

Chứng nhận lần đầu: ngày 30 tháng 9 năm 2019

Chứng nhận thay đổi lần thứ nhất: ngày 26 tháng 4 năm 2021

Chứng nhận thay đổi lần thứ hai: ngày 05 tháng 7 năm 2021

Chứng nhận thay đổi lần thứ ba: ngày 23 tháng 12 năm 2021

Chứng nhận thay đổi lần thứ tư: ngày 15 tháng 11 năm 2022

Chứng nhận thay đổi lần thứ năm: ngày 31 tháng 01 năm 2024

Chứng nhận thay đổi lần thứ sáu: ngày 22 tháng 12 năm 2025

Căn cứ Luật Đầu tư ngày 17 tháng 6 năm 2020; Luật số 03/2022/QH15 ngày 11 tháng 01 năm 2022 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đầu tư công, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Đầu tư, Luật Nhà ở, Luật Đầu thầu, Luật Điện lực, Luật Doanh nghiệp, Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt và Luật Thi hành án dân sự; Luật số 57/2024/QH15 ngày 29 tháng 11 năm 2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quy hoạch, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư và Luật Đầu thầu;

Căn cứ Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2020 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;

Căn cứ Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT ngày 09 tháng 4 năm 2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định mẫu văn bản, báo cáo liên quan đến hoạt động đầu tư tại Việt Nam, đầu tư từ Việt Nam ra nước ngoài và xúc tiến đầu tư; Thông tư số 25/2023/TT-BKHĐT ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT ngày 09 tháng 4 năm 2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;

Căn cứ Quyết định số 07/2025/QĐ-UBND ngày 02 tháng 7 năm 2025 của UBND tỉnh Tuyên Quang về việc quy định cụ thể chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Tài chính tỉnh Tuyên Quang;

Căn cứ Quyết định điều chỉnh chủ trương dự án số 1619/QĐ-UBND ngày 19 tháng 12 năm 2025 của UBND tỉnh Tuyên Quang;

Căn cứ văn bản đề nghị điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư dự án và hồ sơ kèm theo do Nhà đầu tư nộp.

SỞ TÀI CHÍNH TỈNH TUYÊN QUANG

Chứng nhận:

Dự án Nhà máy sản xuất, gia công thiết bị nghe (tai nghe) Future of Sound Vina, Giấy chứng nhận đăng ký số 9809036295 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh



Tuyên Quang (nay là Sở Tài chính) cấp ngày 30 tháng 9 năm 2019 được đăng ký điều chỉnh mục tiêu, quy mô, tổng vốn đầu tư và tiến độ thực hiện dự án.

Thông tin về dự án đầu tư sau khi điều chỉnh như sau:

Chứng nhận nhà đầu tư: CÔNG TY TNHH FOS.

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 37545338-000-10-18-2 do Cơ quan đăng ký doanh nghiệp Hồng Kông cấp đăng ký lần đầu ngày 26 tháng 10 năm 2006.

Địa chỉ trụ sở chính: 14/F, TERN CENTRE, TOWER 2, NO.251 QUEEN'S ROAD CENTRAL HONG KONG, HỒNG KÔNG.

Người đại diện theo pháp luật: Ông CHO WON JAE; sinh ngày 12 tháng 11 năm 1995; quốc tịch: Hàn Quốc; hộ chiếu số: M479C1001 cấp ngày 28 tháng 06 năm 2024, nơi cấp: Bộ Ngoại giao và Thương mại Hàn Quốc; địa chỉ thường trú tại: 1903 Ho -204 Dong, 28 Gwangmyeongyeok-ro, Gwangmyeong-si, Gyeonggi-do, Hàn Quốc; chức vụ: Tổng giám đốc; Chỗ ở hiện tại: 1903 Ho -204 Dong, 28 Gwangmyeongyeok-ro, Gwangmyeong-si, Gyeonggi-do, Hàn Quốc; số điện thoại: 0877024539; địa chỉ email: light950@gmail.com.

Tổ chức kinh tế thực hiện dự án đầu tư: Công ty TNHH Future of Sound Vina. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 5000871045 do Sở Tài chính tỉnh Tuyên Quang cấp lần đầu ngày 29 tháng 11 năm 2019, thay đổi lần thứ 06 ngày 25 tháng 02 năm 2024. Mã số thuế 5000871045.

Đăng ký thực hiện dự án đầu tư với nội dung như sau:

Điều 1. Nội dung dự án đầu tư

1. Tên dự án đầu tư: NHÀ MÁY SẢN XUẤT, GIA CÔNG THIẾT BỊ NGHE (TAI NGHE) FUTURE OF SOUND VINA

2. Mục tiêu dự án:

- Sản xuất, gia công, lắp ráp tai nghe và cáp; rắc truyền dữ liệu dùng cho thiết bị di động và điện thoại thông minh thuộc lĩnh vực sản xuất linh kiện điện tử, thiết bị truyền thông;

- Sản xuất, gia công, lắp ráp loa cho tivi và các thiết bị điện tử khác;

- Sản xuất, gia công khuôn ép để sản xuất linh kiện ép nhựa.”

- Sản xuất, gia công các thiết bị điện tử khác được sản xuất, gia công theo quy định của pháp luật Việt Nam.

3. Quy mô dự án:

- Sản phẩm: Tai nghe và cáp; rắc truyền dữ liệu dùng cho thiết bị di động và điện thoại thông minh với công suất thiết kế: 10.000.000 sản phẩm/năm.

- Sản phẩm: Loa cho tivi và các thiết bị điện tử khác với công suất thiết kế: 3.600.000 sản phẩm/năm.

- Sản phẩm: Khuôn ép để sản xuất linh kiện ép nhựa với công suất thiết kế: 50 sản phẩm/năm.

X.H.
SỞ
ÀI CH
TUYÊN

- Sản xuất, gia công các thiết bị điện tử khác được sản xuất, gia công theo quy định của pháp luật Việt Nam với công suất thiết kế: 5.000.000 sản phẩm/năm.

4. Địa điểm thực hiện dự án: Lô E2, Cụm Công nghiệp Phúc Ứng, xã Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang.

5. Diện tích dự kiến sử dụng: 40.515 m².

6. Tổng vốn đầu tư của dự án: 265.820.000.000 đồng (Hai trăm sáu lăm tỷ, tám trăm hai mươi triệu đồng), tương đương 11.500.000 đô la Mỹ (Mười một tỷ, năm trăm nghìn đô la Mỹ), Trong đó:

- Vốn góp để thực hiện dự án: 242.500.000.000 đồng (Hai trăm bốn mươi hai tỷ, năm trăm triệu đồng), tương đương 10.500.000 đô la Mỹ (Mười tỷ, năm trăm nghìn đô la Mỹ).

- Vốn huy động chuyển sang vốn góp của chủ đầu tư: 23.320.000.000 đồng (Hai mươi ba tỷ, ba trăm hai mươi triệu đồng), tương đương 1.000.000 đô la Mỹ (Một tỷ đô la Mỹ).

7. Thời hạn hoạt động của dự án: 50 năm kể từ ngày Quyết định giao đất của UBND tỉnh Tuyên Quang có hiệu lực thi hành.

8. Tiến độ thực hiện dự án đầu tư:

- Giai đoạn 1:

+ Từ tháng 8 năm 2019 đến tháng 12 năm 2019: Thực hiện các thủ tục đầu tư.

+ Từ tháng 01 năm 2020 đến tháng 6 năm 2021: Hoàn thành xây dựng cơ bản và đưa nhà máy đi vào hoạt động sản xuất, gia công, lắp ráp tai nghe và cáp; giắc truyền dữ liệu dùng cho thiết bị di động và điện thoại thông minh thuộc lĩnh vực sản xuất linh kiện điện tử, thiết bị truyền thông với công suất 10 triệu sản phẩm/năm.

- Giai đoạn 2: Hoàn thành đầu tư xây dựng nhà xưởng và đi vào hoạt động trong Quý II/2027, sản xuất các sản phẩm khác theo mục tiêu dự án điều chỉnh.

Điều 2. Các ưu đãi, hỗ trợ đầu tư: Dự án được hưởng ưu đãi, hỗ trợ đầu tư theo quy định hiện hành của nhà nước. Nhà đầu tư chỉ được hưởng các ưu đãi, hỗ trợ đầu tư khi hoàn thiện đầy đủ thủ tục, hồ sơ nộp cơ quan thuế và các cơ quan có liên quan.

Điều 3. Các quy định đối với nhà đầu tư thực hiện dự án

1. Nhà đầu tư tự quyết định đầu tư, tự chịu trách nhiệm về hiệu quả đầu tư. Triển khai thực hiện dự án theo đúng trình tự, quy định của pháp luật về đầu tư, xây dựng, khoáng sản, đất đai, lao động, bảo vệ môi trường, các quy định của pháp luật liên quan và nội dung tại Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đã cấp.

2. Nhà đầu tư phải tuân thủ và đáp ứng điều kiện đầu tư theo quy định của pháp luật Việt Nam và các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.

3. Thực hiện nghiêm túc chế độ báo cáo định kỳ theo quy định tại Điều 72, Luật Đầu tư năm 2020; cung cấp các văn bản tài liệu, thông tin liên quan đến nội dung kiểm tra, thanh tra và giám sát hoạt động đầu tư cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

4. Trong quá trình triển khai đầu tư, nếu có phát sinh làm thay đổi nội dung quy định tại Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đã được cấp, Công ty liên hệ với Sở Tài chính (Thông qua Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh) để được hướng dẫn, thực hiện.

5. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực và đảm bảo quyền sử dụng hợp pháp, sử dụng đúng mục đích theo quy định của pháp luật đối với địa điểm thực hiện dự án đã đăng ký. Cơ quan đăng ký đầu tư không giải quyết tranh chấp phát sinh (nếu có) liên quan đến địa điểm thực hiện dự án đăng ký của nhà đầu tư.

6. Trường hợp nhà đầu tư không thực hiện các hoạt động theo mục tiêu, quy mô như trên, cơ quan nhà nước có thẩm quyền xử lý vi phạm theo đúng quy định. Dự án sẽ bị chấm dứt hoạt động khi nhà đầu tư vi phạm quy định của pháp luật; toàn bộ các chi phí liên quan đến dự án nhà đầu tư đã thực hiện sẽ không được hoàn trả.

Điều 4. Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Giấy chứng nhận đầu tư số 9809036295 cấp lần đầu ngày 30 tháng 9 năm 2019, điều chỉnh lần thứ 05 ngày 31 tháng 01 năm 2024.

Điều 5. Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư này được lập thành 02 (hai) bản gốc; nhà đầu tư được cấp 01 bản và 01 bản lưu tại Sở Tài chính tỉnh Tuyên Quang./.

Nơi nhận: 

- Như điều 5;

- Lưu: VT, ĐTNNS_{TH}.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Bùi Mạnh Tuyên

SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ
TỈNH TUYỀN QUANG
PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN**

Mã số doanh nghiệp: 5000871045

Đăng ký lần đầu: ngày 29 tháng 11 năm 2019

Đăng ký thay đổi lần thứ: 6, ngày 25 tháng 02 năm 2024

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH FUTURE OF SOUND VINA

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: FUTURE OF SOUND VINA COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt:

2. Địa chỉ trụ sở chính

Lô E2, Cụm công nghiệp Phúc Ứng, Xã Phúc Ứng, Huyện Sơn Dương, Tỉnh Tuyên Quang, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

3. Vốn điều lệ : 195.500.000.000 đồng.

Bằng chữ: Một trăm chín mươi lăm tỷ năm trăm triệu đồng

4. Thông tin về chủ sở hữu

Tên tổ chức: CÔNG TY TNHH FOS

Mã số doanh nghiệp/Quyết định thành lập số: 37545338-000-10-22-9

Ngày cấp: 26/10/2006 Nơi cấp: Cơ quan đăng ký doanh nghiệp Hồng Kông

Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 14, Tern Centre Tower 2, số 251 đường Queen's, Trung Tâm Hồng Kông, Trung Quốc

5. Người đại diện theo pháp luật của công ty

* Họ và tên: CHO WON JAE

Giới tính: Nam

Chức danh: Tổng giám đốc

Sinh ngày: 12/11/1995

Dân tộc:

Quốc tịch: Hàn Quốc

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Hộ chiếu nước ngoài

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: M30844211

Ngày cấp: 05/10/2018

Nơi cấp: Bộ Ngoại giao Hàn Quốc

Địa chỉ thường trú: 1903 Ho-204 Dong, 28 Gwangmyeongyeok-ro, Gwangmyeong-si, Gyeonggi-do, Hàn Quốc

Địa chỉ liên lạc: Tổ dân phố Đoàn Kết, Thị trấn Sơn Dương, Huyện Sơn Dương, Tỉnh Tuyên Quang, Việt Nam

KT. TRƯỞNG PHÒNG



PHÓ TRƯỞNG PHÒNG

Bùi Việt Hùng

(Mẫu số 04: Ban hành kèm theo Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT
ngày 02 tháng 6 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)

HỢP ĐỒNG THUÊ ĐẤT

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: **73** /HĐTD

Tuyên Quang, ngày **23** tháng **12** năm 2020

HỢP ĐỒNG THUÊ ĐẤT

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất;

Căn cứ Quyết định số 594/QĐ-UBND ngày 30/11/2020 của UBND tỉnh Tuyên Quang về việc giao đất, cho thuê đất để thực hiện dự án xây dựng nhà máy sản xuất, gia công thiết bị nghe (tai nghe) Future of Sound Vina tại Cụm công nghiệp Phúc Ứng, xã Phúc Ứng, huyện Sơn Dương (giai đoạn 1);

Hôm nay, ngày **23** tháng **12** năm 2020 tại Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tuyên Quang.

Chúng tôi gồm:

I. Bên cho thuê đất là Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang

Do ông: **Phạm Mạnh Duyệt**, chức vụ: Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường làm đại diện.

II. Bên thuê đất là Công ty TNHH Future of Sound Vina

Do ông: **LEE CHUL KI**, chức vụ: Phó Tổng Giám đốc Công ty TNHH Future of Sound Vina làm đại diện.

Địa chỉ: Cụm Công nghiệp Phúc Ứng, thôn Khuôn Ráng, xã Phúc Ứng, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang.

Số tài khoản: 1121000066668.

Mở tại: Ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam, chi nhánh Tuyên Quang.

III. Hai bên thoả thuận ký hợp đồng thuê đất với các điều khoản sau đây:

Điều 1: Bên cho thuê đất cho bên thuê đất thuê khu đất như sau:

1. Diện tích đất thuê: 35.432,4 m² (Bằng chữ: Ba mươi lăm nghìn, bốn trăm ba mươi hai, bốn mét vuông)

Tại Lô E2, Cụm Công nghiệp Phúc Ứng, xã Phúc Ứng, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang.

2. Vị trí, ranh giới khu đất cho thuê đất được xác định thửa đất S1, tại các điểm 8, 9, 13, 14, 18, 19, 22, 23, 24, 25, 26,..., 34, 35, 43, 44, 8, thể hiện trên tờ bản đồ tỷ lệ 1/1000, Sở Tài nguyên và Môi trường xác nhận.

3. Thời hạn thuê đất: Đến ngày 27/9/2069.

4. Mục đích sử dụng đất thuê: Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp.

Điều 2. Bên thuê đất có trách nhiệm trả tiền thuê đất theo quy định sau:

1. Đơn giá để tính tiền thuê đất được xác định theo Thông báo số 1164/TB-CT ngày 16/12/2020 của Cục Thuế tỉnh Tuyên Quang về đơn giá thuê đất, cụ thể:

- Diện tích 15.694,6 m²: Đơn giá thuê đất thu một lần cho cả thời gian thuê là 251.143 đồng/m² (Bằng chữ: Hai trăm năm mươi một nghìn, một trăm bốn mươi ba đồng).

- Diện tích 19.737,8 m²: Đơn giá thuê đất thu một lần cho cả thời gian thuê là 50.229 đồng/m² (Bằng chữ: Năm mươi nghìn, hai trăm hai mươi chín đồng).

2. Phương thức nộp tiền thuê đất: Chuyển khoản hoặc tiền mặt.

3. Nơi nộp tiền thuê đất: Theo Thông báo của cơ quan Thuế.

4. Việc cho thuê đất không làm mất quyền của Nhà nước là đại diện chủ sở hữu đất đai và mọi tài nguyên nằm trong lòng đất.

Điều 3. Việc sử dụng đất trên khu đất thuê phải phù hợp với mục đích sử dụng đất đã ghi trong Điều 1 của Hợp đồng này và Quyết định số 594/QĐ-UBND ngày 30/11/2020 của UBND tỉnh Tuyên Quang.

Điều 4. Quyền và nghĩa vụ của các Bên.

1. Bên cho thuê đất đảm bảo việc sử dụng đất của Bên thuê đất trong thời gian thực hiện hợp đồng, chấp hành quyết định thu hồi đất theo quy định của pháp luật về đất đai;

2. Trong thời gian thực hiện hợp đồng, Bên thuê đất có các quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật về đất đai.

Trường hợp bên thuê đất bị thay đổi do chia tách, sáp nhập, chuyển đổi doanh nghiệp, bán tài sản gắn liền với đất thuê...thì tổ chức, cá nhân được hình thành hợp pháp sau khi Bên thuê đất bị thay đổi sẽ thực hiện tiếp quyền và nghĩa vụ của Bên thuê đất trong thời gian còn lại của Hợp đồng này.

3. Trong thời hạn hợp đồng còn hiệu lực thi hành, nếu Bên thuê đất trả lại toàn bộ hoặc một phần khu đất thuê trước thời hạn thì phải làm thông báo cho Bên cho thuê đất biết trước ít nhất là 6 tháng. Bên cho thuê đất trả lời cho Bên thuê đất trong thời gian 03 tháng, kể từ ngày nhận được đề nghị của bên thuê đất. Thời điểm kết thúc hợp đồng tính đến ngày bàn giao mặt bằng.

4. Các quyền và nghĩa vụ khác theo thoả thuận của các Bên (nếu có)

Điều 5. Hợp đồng thuê đất chấm dứt trong các trường hợp sau:

1. Hết thời hạn thuê đất mà không được gia hạn thuê tiếp;

2. Do đề nghị của một bên hoặc các bên tham gia Hợp đồng và được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho thuê đất đó chấp thuận;

3. Bên thuê đất bị phá sản hoặc bị phát mãi tài sản hoặc giải thể;

4. Bên thuê đất bị cơ quan Nhà nước có thẩm quyền thu hồi đất theo quy định của pháp luật về đất đai.

Điều 6. Việc giải quyết tài sản gắn liền với đất sau khi kết thúc Hợp đồng này được thực hiện theo quy định của pháp luật.

Điều 7. Hai bên cam kết thực hiện đúng quy định của Hợp đồng này, nếu Bên nào không thực hiện thì Bên đó phải bồi thường cho việc vi phạm Hợp đồng gây ra theo quy định của pháp luật.

Điều 8. Hợp đồng này được lập thành 05 bản có giá trị pháp lý như nhau, mỗi Bên giữ 01 bản và gửi đến cơ quan thuế để xác định mức thu tiền thuê đất, kho bạc Nhà nước nơi thu tiền thuê đất.

Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

BÊN THUÊ ĐẤT

(Ký tên và đóng dấu)



LEE CHUL KI

BÊN CHO THUÊ ĐẤT

(Ký tên và đóng dấu)



Phạm Mạnh Duyệt

Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý

Xác nhận của cơ quan
có thẩm quyền

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



**GIẤY CHỨNG NHẬN
QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT**

QUYỀN SỞ HỮU NHÀ Ở VÀ TÀI SẢN KHÁC GẮN LIỀN VỚI ĐẤT

I. Người sử dụng đất, chủ sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

Công ty trách nhiệm hữu hạn Future of Sound Vina

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên;
Mã số doanh nghiệp: 5000871045; Đăng ký lần đầu, ngày 29/11/2019; Đăng ký thay
đổi lần thứ 1, ngày 26/6/2020 do Phòng kinh doanh thuộc Sở kế hoạch và Đầu tư
tỉnh Tuyên Quang đăng ký

Địa chỉ trụ sở chính: Lô E2, Cụm công nghiệp Phúc Ứng, xã Phúc Ứng,
huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang, Việt Nam

Người được cấp Giấy chứng nhận không được sửa chữa, tẩy xóa hoặc bổ sung bất kỳ nội dung nào trong Giấy chứng nhận; khi bị mất hoặc hư hỏng Giấy chứng nhận phải khai báo ngay với cơ quan cấp Giấy.



0 8 2 5 6 9 2 1 0 0 8 7 3 3

CT 761074

II. Thửa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

1. Thửa đất:

- a) Thửa đất số: 134, tờ bản đồ số: 129
- b) Địa chỉ: Lô E2, Cụm công nghiệp Phúc Ứng, xã Phúc Ứng, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang
- c) Diện tích: 35.432,4 m² (bằng chữ: Ba mươi lăm nghìn bốn trăm ba mươi hai phẩy bốn mét vuông)
- d) Hình thức sử dụng: Sử dụng riêng
- đ) Mục đích sử dụng: Đất cụm công nghiệp
- e) Thời hạn sử dụng: Đến ngày 27/9/2069
- g) Nguồn gốc sử dụng: Nhà nước cho thuê đất trả tiền một lần

2. Nhà ở: -/-

3. Công trình xây dựng khác: -/-

4. Rừng sản xuất là rừng trồng: -/-

5. Cây lâu năm: -/-

6. Ghi chú:

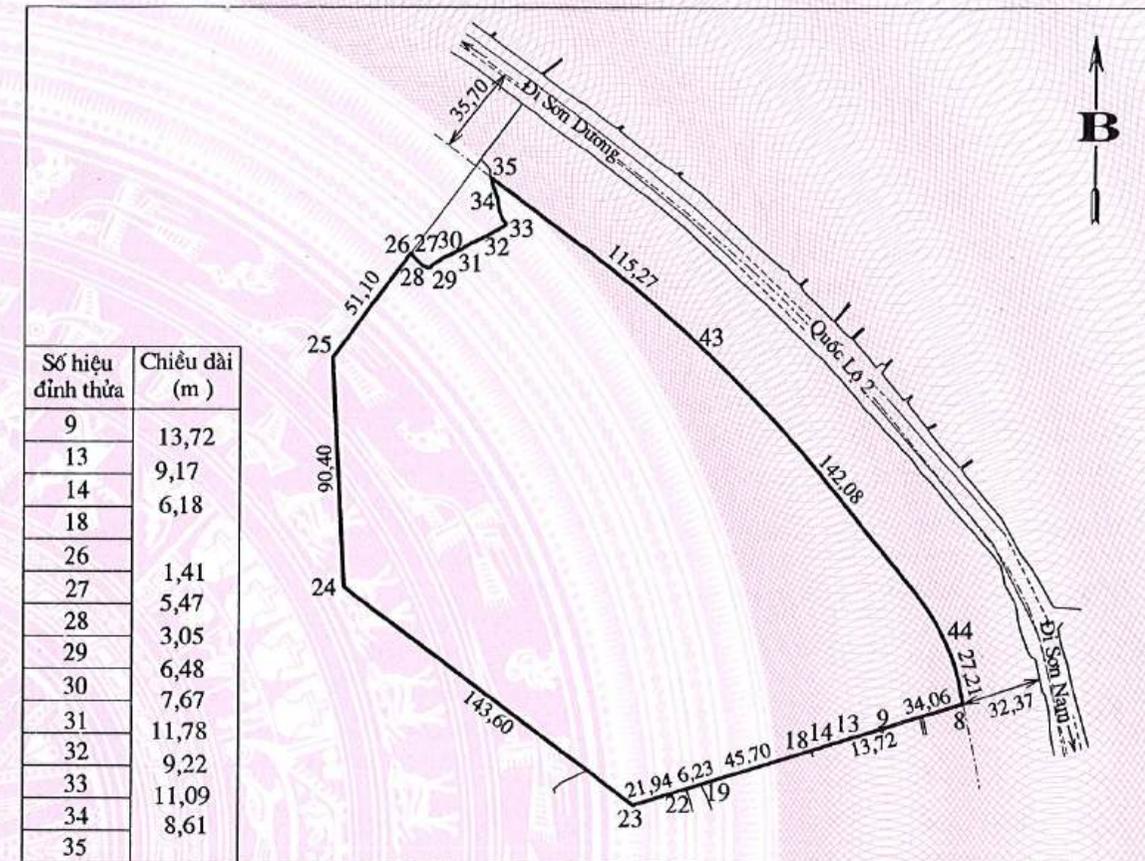
Được miễn tiền thuê đất bảy (07) năm, tính từ tháng 12/2020 đến hết tháng 11/2027
theo Quyết định số: 991/QĐ-CT ngày 16/12/2020 của Cục trưởng Cục Thuế tỉnh Tuyên Quang

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
Tuyên Quang, ngày 08 tháng 02 năm 2021
TM. UBND TỈNH TUYÊN QUANG
CHỦ TỊCH



Nguyễn Thế Giang

III. Sơ đồ thửa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất



IV. Những thay đổi sau khi cấp Giấy chứng nhận

Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý	Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền

Số: 1599/QĐ-UBND

Tuyên Quang, ngày 1⁴ tháng 11 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án nhà máy sản xuất, gia công thiết bị nghe (tai nghe) future of sound vina tại lô F2, Cụm công nghiệp Phúc Ứng, xã Phúc Ứng, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường số 55/2014/QH13 ngày 23 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ Quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 19/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định của Chính phủ Quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá tác động môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường về kế hoạch bảo vệ môi trường được Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường xác thực hợp nhất tại văn bản số 11/VBHN-BTNMT ngày 25/10/2019;

Căn cứ Quyết định số 338/QĐ-UBND ngày 27/9/2019 của UBND tỉnh Tuyên Quang, chấp thuận chủ trương đầu tư thực hiện dự án nhà máy sản xuất, gia công thiết bị nghe (tai nghe) future of sound vina tại lô F2, Cụm công nghiệp Phúc Ứng, xã Phúc Ứng, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang; Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư mã số dự án: 9809036295, chứng nhận lần đầu ngày 30/9/2019;

Theo đề nghị của: Chủ tịch Hội đồng thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án nhà máy sản xuất, gia công thiết bị nghe (tai nghe) future of sound vina tại lô F2, Cụm công nghiệp Phúc Ứng, xã Phúc Ứng, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang đã họp ngày 31/7/2020 tại Sở Tài nguyên và Môi trường; Báo cáo kết quả thẩm định tại Tờ trình số 371/TTr-HĐTD-DTM ngày 11 tháng 11 năm 2020;

Xét nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án nhà máy sản xuất, gia công thiết bị nghe (tai nghe) future of sound vina tại lô F2, Cụm công nghiệp Phúc Ứng, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang đã được chỉnh sửa, bổ sung, gửi kèm văn bản số 40, ngày 20/10/2020 của Công ty trách nhiệm hữu hạn Future Of Sound Vina;

Xét đề nghị của cơ quan thường trực thẩm định.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án nhà máy sản xuất, gia công thiết bị nghe (tai nghe) future of sound vina tại lô F2, Cụm công nghiệp Phúc Ứng, xã Phúc Ứng, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang (sau đây được gọi là Dự án) của Công ty trách nhiệm hữu hạn Future Of Sound Vina với các nội dung chính tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ dự án có các trách nhiệm:

1. Niêm yết công khai quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường theo quy định của pháp luật (phối hợp với Ủy ban nhân dân xã Phúc Ứng tổ chức niêm yết công khai quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã).

2. Thực hiện nghiêm túc nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này.

3. Trong quá trình thực hiện nếu dự án có những thay đổi so với nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt, chủ dự án phải có văn bản báo cáo và chỉ được thực hiện những thay đổi sau khi có văn bản chấp thuận của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang.

4. Tuân thủ nghiêm ngặt các quy định về phòng chống cháy, nổ, ứng cứu sự cố, an toàn lao động, an toàn hóa chất và các quy định pháp luật có liên quan đến hoạt động của dự án. Trong quá trình thực hiện dự án, khi đề xảy ra sự cố gây ảnh hưởng xấu đến chất lượng môi trường và sức khỏe cộng đồng phải dừng ngay các hoạt động gây ra sự cố, tổ chức ứng cứu khắc phục sự cố, thông báo kịp thời cho chính quyền địa phương và các cơ quan chức năng để được chỉ đạo và phối hợp xử lý; chịu trách nhiệm khắc phục sự cố môi trường, bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Quyết định phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án là căn cứ để cấp có thẩm quyền kiểm tra, thanh tra, giám sát việc thực hiện các yêu cầu về bảo vệ môi trường của dự án.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc sở: Tài nguyên và Môi trường, Y tế, Xây dựng, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Khoa học và Công nghệ, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Giao thông vận tải, Lao động Thương binh và Xã hội; Trưởng Ban quản lý các Khu công nghiệp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Sơn Dương; Chủ tịch UBND xã Phúc Ứng; Tổng giám đốc Công ty trách nhiệm hữu hạn Future Of Sound Vina; thủ trưởng cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận: 

- Công ty TNHH Future Of Sound Vina; (Chủ dự án)
- Chủ tịch UBND tỉnh; (Báo cáo)
- Các PCT UBND tỉnh;
- Chánh VP, các Phó CVP UBND tỉnh;
- Như Điều 4;
- Thành viên HĐ TD Báo cáo ĐGTDMT dự án;
- Chuyên viên: KS, CN;
- Lưu VT, (Đ 30).

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Thế Giang

Handwritten text, possibly a signature or date, located in the upper center of the page.



PHỤ LỤC

CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN NHÀ MÁY SẢN XUẤT, GIA CÔNG THIẾT BỊ NGHE (TAI NGHE) FUTURE OF SOUND VINA TẠI LÔ F2, CỤM CÔNG NGHIỆP PHÚC ỨNG, XÃ PHÚC ỨNG, HUYỆN SƠN DƯƠNG, TỈNH TUYÊN QUANG

(Kèm theo Quyết định số 1598/QĐ-UBND ngày 17 tháng 11 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang)

1. Thông tin về dự án

1.1. Tên dự án: Nhà máy sản xuất, gia công thiết bị nghe (tai nghe) future of sound vina tại lô F2, cụm công nghiệp Phúc Ứng, xã Phúc Ứng, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang.

1.2. Địa điểm thực hiện: Lô F2, Cụm công nghiệp Phúc Ứng, xã Phúc Ứng, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang.

1.3. Chủ đầu tư dự án: Công ty TNHH Future Of Sound Vina.

- Đại diện: Ông LEE CHUL KI Chức vụ: Phó tổng giám đốc.

- Quốc tịch: Hàn Quốc.

- Địa chỉ liên hệ: Lô F2, Cụm công nghiệp Phúc Ứng, xã Phúc Ứng, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang.

1.4. Phạm vi, quy mô dự án

- Dự án đầu tư xây dựng Nhà máy sản xuất, gia công thiết bị nghe (tai nghe) future of sound vina được triển khai thực hiện tại lô E2, Cụm Công nghiệp Phúc Ứng, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang.

- Tổng diện tích quy hoạch là 4,6962 ha (46.962 m²), trong đó: Diện tích đất xây dựng nhà máy là 3,6119 ha (36.119 m²); diện tích đất đường bộ và hành lang đường bộ là 1,0843 ha (10.843 m²).

- Nguồn gốc sử dụng đất: Đất trồng lúa, đất bằng trồng cây hằng năm khác, đất thủy lợi, đất chưa sử dụng do các hộ gia đình, cá nhân và UBND xã Phúc Ứng quản lý, sử dụng.

- Công suất sản xuất: 10.000.000 sản phẩm/năm.

- Sản phẩm: Tai nghe và cáp; giắc truyền dữ liệu dùng cho thiết bị di động và điện thoại thông minh.

- Tổng mức mức đầu tư: 96,6 tỷ đồng.

1.5. Các hạng mục công trình chính của dự án

- Giai đoạn 1: Đầu tư xây dựng dây chuyền lắp ráp cáp/giắc truyền dữ liệu cho điện thoại di động và điện thoại thông minh công suất 2.500.000 sản phẩm/năm; dây chuyền sản xuất, lắp ráp tai nghe có dây công suất 2.500.000 sản phẩm/năm và tai nghe bluetooth với công suất 2.000.000 sản phẩm/năm.

- Giai đoạn 2: Đầu tư xây dựng bổ sung dây chuyền lắp ráp cáp/giắc truyền

dữ liệu cho điện thoại di động và điện thoại thông minh; dây chuyền sản xuất, lắp ráp tai nghe có dây và tai nghe bluetooth với tổng công suất 3.000.000 sản phẩm/năm.

2. Các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh từ dự án

2.1. Các tác động môi trường chính của dự án

Nhà máy sản xuất, gia công thiết bị nghe (tai nghe) future of sound vina tại Cụm công nghiệp Phúc Ứng, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang với công nghệ tiên tiến và máy móc hiện đại. Trong quá trình triển khai thực hiện dự án, các tác động môi trường chính của dự án gồm:

a) Giai đoạn thi công xây dựng

- Tác động do bụi, khí thải, tiếng ồn, độ rung từ hoạt động đào đắp, bốc dỡ, lưu trữ nguyên vật liệu xây dựng và từ hoạt động của máy móc thi công.
- Tác động do nước thải sinh hoạt của công nhân thi công xây dựng.
- Tác động do nước thải phát sinh từ quá trình thi công, xây dựng.
- Tác động do nước mưa chảy tràn.
- Tác động do chất thải rắn sinh hoạt của công nhân, chất thải xây dựng trên công trường.
- Tác động do chất thải nguy hại.

b) Giai đoạn vận hành hoạt động

- Tác động do bụi và khí thải phát sinh trong quá trình bốc xúc, tập kết, vận chuyển nguyên vật liệu và từ các khâu sản xuất hàn, nhúng thiếc, đúc, ép nhựa, dập khuôn in logo.
- Tác động do nước thải phát sinh từ quá trình vệ sinh các thiết bị, máy móc.
- Tác động do nước thải sinh hoạt của cán bộ, công nhân viên làm việc tại Dự án.
- Tác động do nước mưa chảy tràn bề mặt cuốn theo chất bẩn.
- Tác động do chất thải rắn sinh hoạt của công nhân, chất thải rắn sản xuất.
- Tác động do chất thải nguy hại.

2.2. Quy mô, tính chất của nước thải sinh hoạt

a) Giai đoạn thi công xây dựng

- *Nước thải sinh hoạt*: Khoảng 1,35 m³/ngày, thành phần chủ yếu gồm chất rắn lơ lửng (SS), BOD₅, COD, tổng nitơ, photpho (P), coliform,...
- *Nước thải xây dựng*: Khối lượng phát thải khoảng 3-4 m³/ngày, thành phần chủ yếu gồm chất lơ lửng (SS)...

- *Nước mưa chảy tràn*: Nước mưa chảy tràn bề mặt cuốn theo chất bẩn, bùn đất gây ô nhiễm môi trường thủy vực nơi tiếp nhận nếu không có giải pháp thu gom, tiêu thoát nước mưa chảy tràn trong quá trình triển khai dự án.

b) Giai đoạn vận hành hoạt động

- *Nước thải sinh hoạt:* Khoảng 52 m³/ngày, thành phần chủ yếu gồm chất rắn lơ lửng (SS), BOD₅, COD, tổng nito, photpho (P), coliform,...

- *Nước thải sản xuất:* Trong quá trình hoạt động sản xuất chỉ có nước làm mát máy ép nhựa và được sử dụng tuần hoàn nên không phát sinh nước thải.

2.3. Quy mô, tính chất của bụi, khí thải

a) Giai đoạn chuẩn bị mặt bằng, thi công xây dựng

Các hoạt động chuẩn bị mặt bằng, thi công các hạng mục, công trình và hoạt động vận chuyển nguyên vật liệu, đất, phế thải làm phát sinh bụi và khí thải phát sinh với thành phần chủ yếu gồm: SO₂, NO_x, CO, hợp chất hydrocacbon...

b) Giai đoạn hoạt động

Các hoạt động sản xuất (hàn, nhúng thiếc, đúc, ép nhựa, dập khuôn in logo, gắn màng loa, vận chuyển) làm phát sinh bụi và khí thải với thành phần chủ yếu gồm: Bụi, SO₂, NO_x, CO, VOC (polycarbonate và Vinylclorua).

2.4. Quy mô, tính chất của chất thải rắn

a) Giai đoạn thi công xây dựng

- *Chất thải rắn sinh hoạt* gồm các loại túi nylon, carton, giấy vụn, thủy tinh, thức ăn thừa,... phát sinh tại công trường với tổng khối lượng khoảng 15 kg/ngày.

- *Chất thải rắn xây dựng* với tổng lượng khoảng 25 kg/ngày với thành phần chính là đất, đá, cát, sỏi...

b) Giai đoạn vận hành hoạt động

- *Chất thải rắn sinh hoạt* gồm các loại túi nylon, carton, giấy vụn, thủy tinh, thức ăn thừa,... phát sinh với tổng khối lượng khoảng 400 kg/ngày.

- *Chất thải rắn sản xuất* gồm: Bavaria, dây cáp hỏng, sản phẩm lỗi... phát sinh trong quá trình sản xuất với tổng khối lượng khoảng 144,2 kg/ngày.

- *Bùn thải* từ hệ thống xử lý nước thải phát sinh khoảng 22,771 kg/ngày.

2.5. Quy mô, tính chất của chất thải nguy hại (CTNH)

a) Giai đoạn thi công xây dựng

Chất thải nguy hại chủ yếu phát sinh trong giai đoạn thi công, xây dựng bao gồm bóng đèn neon, ắc quy, dầu mỡ thải, thiết bị dính dầu mỡ hỏng, thùng đựng sơn, vỏ bao hóa chất phụ gia xây dựng, găng tay, giẻ lau dính dầu có khối lượng khoảng 8 ÷ 10 kg/tháng.

b) Giai đoạn vận hành hoạt động

Chất thải nguy hại phát sinh chủ yếu gồm dầu nhớt, chất thải chứa dầu, ắc quy thải,... phát sinh với tổng khối lượng khoảng 593 kg/năm.

3. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án

3.1. Các công trình, biện pháp BVMT trong giai đoạn thi công xây dựng

a) Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải

- Đối với nước thải sinh hoạt: Sử dụng 02 nhà vệ sinh di động với bể lắng tạm thời có dung tích $5m^3$.

- Đối với nước thải thi công: Xây dựng 02 hố lắng dung tích $5m^3$ /hố xung quanh công trình để lắng đọng bùn đất trước khi thoát nước vào nguồn tiếp nhận.

- Đối với nước mưa chảy tràn: Xây dựng hệ thống rãnh kích thước rộng 0,6m, sâu 0,8m và hố thu nước tạm thời kích thước (1m × 1m) trước khi cho chảy về suối Khuôn Ráng.

b) Công trình, biện pháp giảm thiểu tác động do bụi, khí thải và tiếng ồn

- Phun nước tưới ẩm giảm thiểu bụi khu vực thi công. Tần suất tưới thực hiện 02 lần/ngày.

- Thực hiện dựng rào chắn tạm thời bằng tôn, vải bạt ở các khu vực phát tán nhiều bụi nhằm hạn chế bụi phát tán từ công trường.

- Không sử dụng cùng một lúc trên công trường nhiều máy móc, thiết bị thi công gây độ ồn lớn. Không thi công từ 11h30' – 13h30' và buổi tối.

c) Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, xử lý chất thải rắn

- Đối với chất thải rắn sinh hoạt: Lắp đặt trên khu vực công trường các thùng chứa rác dung tích 120 lít. Thuê đơn vị có chức năng định kỳ 02 ngày/lần vận chuyển đi xử lý theo quy định.

- Đối với chất thải rắn xây dựng: Thu gom bán phế liệu, tận dụng san lấp mặt bằng trong khuôn viên dự án.

d) Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý chất thải nguy hại

- Trang bị 09 thùng chứa chất thải nguy hại chuyên dụng tại khu vực bảo dưỡng, sửa chữa máy móc thiết bị.

- Lắp đặt 01 kho chứa CTNH tạm thời, có mái che để lưu giữ tạm thời CTNH. Sau khi kết thúc hoạt động thi công, thuê đơn vị có chức năng vận chuyển đi xử lý, tiêu hủy theo quy định.

đ) Biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường

- Xây dựng và tổ chức thực hiện phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố an toàn về điện, cháy, nổ, an toàn lao động, sự cố an toàn giao thông.

- Xây dựng và tổ chức thực hiện phương án phòng ngừa, ứng phó với thời tiết bất thường như lũ ống, lũ quét.

3.2. Công trình, biện pháp BVMT trong giai đoạn vận hành, hoạt động

a) Công trình thu gom, xử lý nước thải

** Hệ thống thu gom, thoát nước mưa:*

Xây dựng hệ thống công thoát nước ngoài nhà xây bằng công bê tông cốt thép, kích thước D300 ÷ D500. Dọc theo công thoát nước bố trí các hố ga tách cặn, khoảng cách giữa các hố ga là 20÷30 m, chiều dài đường thoát nước mưa 800 m, nước mưa sau đó được chảy thẳng ra suối Khuôn Ráng.

** Công trình thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt:*

- Đối với nước thải bếp ăn: Xây dựng 01 bể tách dầu mỡ có dung tích 20 m³ gồm 03 ngăn (ngăn lược rác, ngăn tách mỡ và ngăn lắng) để xử lý sơ bộ nước thải, sau đó dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung của Nhà máy để xử lý trước khi chảy ra suối Khuôn Ráng.

- Đối với nước thải khu vệ sinh: Xây dựng 04 bể tự hoại 02 ngăn (dung tích lần lượt 30 m³; 3 m³; 8 m³; 30 m³) để xử lý sơ bộ nước thải, sau đó được đầu nối với hệ thống xử lý nước thải tập trung của Nhà máy để xử lý trước khi chảy ra suối Khuôn Ráng.

- Xây dựng hệ thống xử lý nước thải tập trung có công suất 70m³/ng.đêm sử dụng công nghệ sinh học thiếu khí/ hiếu khí (Anoxic/Oxic) để xử lý nước thải cho giai đoạn 1 (có tính toán thiết kế khả năng đầu nối các mô đun để nâng công suất xử lý nước thải cho giai đoạn 2 khi Nhà máy vận hành hoạt động đạt công suất). Hệ thống xử lý nước thải tập trung của Nhà máy có các công đoạn: Nước thải từ bể tách dầu mỡ + bể tự hoại → Bể gom → Bể điều hòa → Cụm bể sinh học thiếu khí/ hiếu khí (A/O) → Bể lắng thứ cấp → Bể tiếp xúc khử trùng → Nước thải sau xử lý đạt QCVN 14:2008/BTNMT (Cột B) Suối Khuôn Ráng.

** Công trình xử lý nước thải sản xuất:* Xây dựng tháp giải nhiệt để sử dụng tuần hoàn nước làm mát trong quá trình hoạt động sản xuất của nhà máy.

b) Công trình, biện pháp giảm thiểu tác động do bụi, khí thải.

** Giai đoạn 1:*

- Xây dựng hệ thống xử lý khí thải tập trung: Khí thải từ các khâu sản xuất (hàn, nhúng thiếc, đúc nhựa) được các chụp hút, hút vào hệ thống ống PVC □60 tại mỗi bàn làm việc của công nhân sau đó dẫn vào các đường ống □200 nhờ hệ thống quạt hút làm tăng áp suất cho dòng khí. Khí thải sau đó được dẫn về tháp hấp phụ bằng than hoạt tính để xử lý được bố trí bên ngoài nhà xưởng. Khí thải nhờ có áp lực của quạt hút đẩy không khí đi qua lớp than hoạt tính để xử lý triệt để. Khí thải sau khi được xử lý đạt quy chuẩn QCVN 20:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất hữu cơ.

- Áp dụng biện pháp thông gió tự nhiên tại các nhà xưởng sản xuất. Ngoài ra bố trí quạt công nghiệp tại các vị trí làm việc của công nhân gần máy móc phát sinh nhiều nhiệt.

- Trồng cây xanh trong khuôn viên nhà máy.

** Giai đoạn 2:*

- Xây dựng hệ thống xử lý khí thải tập trung: Khí thải từ các khâu sản xuất được các chụp hút, hút vào hệ thống ống PVC ϕ 60 tại mỗi bàn làm việc của công nhân sau đó dẫn vào các đường ống ϕ 200 nhờ hệ thống quạt hút làm tăng áp suất cho dòng khí. Khí thải sau đó được dẫn về tháp hấp phụ bằng than hoạt tính để xử lý được bố trí bên ngoài nhà xưởng. Khí thải nhờ có áp lực của quạt hút đẩy không khí đi qua lớp than hoạt tính để xử lý triệt để. Khí thải sau khi được xử lý đạt quy chuẩn QCVN 20:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất hữu cơ.

- Áp dụng biện pháp thông gió tự nhiên tại các nhà xưởng sản xuất. Ngoài ra bố trí quạt công nghiệp tại các vị trí làm việc của công nhân gần máy móc phát sinh nhiều nhiệt.

- Tăng cường trồng cây xanh trong khuôn viên nhà máy.

c) Công trình, biện pháp thu gom, xử lý chất thải rắn

- *Đối với chất thải sinh hoạt:* Bố trí, lắp đặt các thùng chứa rác đặt tại khu vực phát sinh chất thải; thành lập tổ vệ sinh môi trường để hàng ngày thu gom chất thải rắn sinh hoạt; thuê đơn vị có chức năng, định kỳ 02 ngày/lần thu gom, vận chuyển đi xử lý theo quy định.

- *Đối với chất thải rắn sản xuất thông thường:* Thu gom về nhà kho chứa chất thải rắn công nghiệp thông thường diện tích 40 m², có mái che, nền bê tông và bán lại cho đơn vị có đủ chức năng thu mua phế liệu.

d) Công trình thu gom, lưu giữ, quản lý chất thải nguy hại

- Trang bị 08 thùng chứa chất thải nguy hại được dán nhãn và biển cảnh báo chất thải nguy hại theo từng loại chất thải riêng.

- Xây dựng 01 kho chứa CTNH tập chung với diện tích là 20 m², có mái che, sàn đổ bê tông, có gờ chống tràn, rãnh thu, hố thu CTNH dạng lồng trong trường hợp bị rò rỉ.

- Thuê đơn vị có chức năng định kỳ vận chuyển đi xử lý, tiêu hủy theo quy định về quản lý CTNH.

4. Danh mục công trình bảo vệ môi trường chính của dự án

- Công trình thu gom, xử lý nước thải tập trung

- Công trình thu gom, xử lý khí thải tập trung

- Công trình lưu giữ, quản lý chất thải rắn.

- Công trình lưu giữ, quản lý chất thải nguy hại.

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của chủ dự án

5.1. Giai đoạn thi công xây dựng

a) Giám sát môi trường không khí

+ Vị trí giám sát (03 vị trí): 01 mẫu tại khu vực thi công xây dựng; 01 mẫu tại đường vận chuyển trong dự án; 01 mẫu tại lối vào khu vực dự án.

+ Thông số quan trắc: Vi khí hậu, hàm lượng bụi, tiếng ồn, CO, NO₂, SO₂.

+ Tần suất: 3 tháng/lần.

+ Quy chuẩn so sánh: QCVN 02:2019/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi – giá trị bụi giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc; QCVN 03:2019/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia - Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép đối với 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc; QCVN 24/2016/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn – Mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc; QCVN 26/2016/BYT – Quy Chuẩn kỹ thuật Quốc gia về vi khí hậu – Giá trị cho phép vi khí hậu tại nơi làm việc.

b) Giám sát khác

** Giám sát chất thải rắn thông thường*

- Vị trí giám sát: Khu vực tập kết chất thải rắn tạm thời.

- Chỉ tiêu giám sát: Nguồn thải, thành phần, lượng thải, công tác thu gom, xử lý.

- Tần suất giám sát: Thường xuyên.

** Giám sát chất thải nguy hại*

- Vị trí giám sát: Khu vực lưu giữ tạm thời CTNH;

- Chỉ tiêu giám sát: Nguồn thải, thành phần, lượng thải, công tác thu gom, xử lý.

- Tần suất giám sát: Thường xuyên.

5.2. Giám sát môi trường giai đoạn vận hành thử nghiệm

a) Giám sát khí thải

- Vị trí quan trắc: Tại ống thoát khí của hệ thống xử lý khí thải tập trung

+ Thông số quan trắc: Lưu lượng, nhiệt độ, bụi tổng, SO₂, NO_x (tính theo NO₂), CO, Sn, vinyl clorua.

- Quy chuẩn so sánh:

+ QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ.

+ QCVN 20:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất hữu cơ.

- Tần suất giám sát:

+ Trong thời gian điều chỉnh hiệu suất, hiệu quả của công trình xử lý: Tối thiểu 15 ngày/lần.

+ Trong thời gian đánh giá hiệu quả trong giai đoạn vận hành ổn định các công trình xử lý bụi, khí thải ít nhất 7 ngày liên tiếp, tối thiểu 1 ngày/lần.

b) Giám sát nước thải

- Vị trí giám sát:

+ 01 mẫu nước thải trước khi xử lý tại bể thu gom và 1 mẫu nước thải sau xử lý trước khi xả ra hệ thống thoát nước chung của khu vực với các thông số giám sát: pH, BOD₅, TSS, tổng chất rắn hòa tan, Sunfua, amoni, nitrat, dầu mỡ động thực vật, tổng các chất hoạt động bề mặt, phosphat, Coliform.

+ 01 mẫu nước thải tại bể điều hòa với thông số đặc trưng là pH;

+ 01 mẫu nước thải tại bể thiếu khí với các thông số đặc trưng là: Tổng N, tổng P, amoni, Tổng dầu mỡ khoáng;

+ 01 mẫu nước thải tại bể hiếu khí với các thông số đặc trưng là: BOD₅, COD.

+ 01 mẫu nước thải tại bể lắng với thông số đặc trưng là: TSS.

+ 01 mẫu nước thải tại bể khử trùng với thông số đặc trưng là: Coliform.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 14:2008/BTNMT, cột B

- Tần suất giám sát:

+ Trong thời gian điều chỉnh hiệu suất, hiệu quả của công trình xử lý: Tối thiểu 15 ngày/lần (đo đạc, lấy và phân tích mẫu tổ hợp đầu vào và đầu ra của từng công đoạn xử lý).

+ Trong thời gian đánh giá hiệu quả trong giai đoạn vận hành ổn định các công trình xử lý nước thải ít nhất 7 ngày liên tiếp, tối thiểu 1 ngày/lần (đo đạc, lấy và phân tích mẫu đơn đôi với 01 mẫu nước thải đầu vào và ít nhất 07 mẫu đơn đôi với nước thải đầu ra trong 7 ngày liên tiếp của công trình xử lý nước thải).

5.3. Giai đoạn vận hành sản xuất

a) Giám sát khí thải

- Vị trí quan trắc: Tại ống thoát khí của hệ thống xử lý khí thải tập trung.

- Thông số quan trắc: Lưu lượng, nhiệt độ, bụi tổng, SO₂, NO_x (tính theo NO₂), CO, Sn, vinyl clorua.

- Tần suất: 3 tháng/lần.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ; QCVN 20:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất hữu cơ.

b) Giám sát môi trường không khí khu vực làm việc

- Vị trí giám sát: 05 vị trí.

- Vị trí lấy mẫu và thông số giám sát:
 - + Tại khu vực máy ép nhựa sản xuất con housing: Chỉ tiêu giám sát: Nhiệt độ, độ ẩm, tiếng ồn, tổng bụi lơ lửng, CO, SO₂, NO₂, vinylclorua
 - + Tại khu vực hàn, nhúng thiếc: Chỉ tiêu giám sát: Nhiệt độ, độ ẩm, tiếng ồn, tổng bụi lơ lửng, CO, SO₂, NO₂, Sn
 - + Tại khu vực dập khuôn in logo: Chỉ tiêu giám sát: Nhiệt độ, độ ẩm, tiếng ồn, tổng bụi lơ lửng, CO, SO₂, NO₂, propylacetat, cyclohexane, isophorone.
 - + Tại khu vực đúc nhựa vào chân cắm: Chỉ tiêu giám sát: Nhiệt độ, độ ẩm, tiếng ồn, tổng bụi lơ lửng, CO, SO₂, NO₂, vinylclorua
 - + Dính keo màng loa: Chỉ tiêu giám sát: Nhiệt độ, độ ẩm, tiếng ồn, tổng bụi lơ lửng, CO, SO₂, NO₂
- Tần suất: 03 tháng/lần.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 26:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vi khí hậu – Giá trị cho phép vi khí hậu tại nơi làm việc; QCVN 24:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn – Mức ồn tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc; QCVN 02:2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi – Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc; QCVN 03:2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc.

c) Giám sát nước thải

- Vị trí giám sát: Công xả sau hệ thống xử lý nước thải tập trung
- Thông số giám sát: pH, BOD₅, TSS, tổng chất rắn hòa tan, Sunfua, amoni, nitrat, dầu mỡ động thực vật, tổng các chất hoạt động bề mặt, phosphat, Coliform.
- Quy chuẩn so sánh: QCVN 14:2008/BTNMT, cột B - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt;
- Tần suất giám sát: 3 tháng/lần.

d) Giám sát khác

- Giám sát an toàn PCCC: Thường xuyên, định kỳ kiểm tra phát hiện các sơ hở, thiếu sót về phòng cháy và có biện pháp khắc phục kịp thời.
- Giám sát công tác quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại. Định kỳ 06 tháng/lần và gửi báo cáo về Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tuyên Quang.

6. Các điều kiện kèm theo

6.1. Tuân thủ đúng quy trình sản xuất, quy trình công nghệ và giải pháp xử lý chất thải rắn, tiếng ồn, khói bụi, nước thải, khí thải phải được xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường Việt Nam hiện hành. Đặc biệt lưu ý các giải pháp xử lý bụi, khí thải, nước thải và các biện pháp an toàn lao động, hóa chất phòng cháy chữa cháy.

6.2. Trước khi dự án đi vào vận hành hoạt động, chủ dự án phải thiết kế, xây lắp các công trình bảo vệ môi trường; lập và gửi Kế hoạch vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải đến Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND tỉnh trước ít nhất 20 ngày làm việc kể từ ngày bắt đầu vận hành thử nghiệm để được kiểm tra, giám sát theo quy định. Lập hồ sơ báo cáo kết quả thực hiện các công trình bảo vệ môi trường của dự án theo quy định.

6.3. Tuyệt đối không sử dụng các loại máy móc, thiết bị, nguyên liệu, nhiên liệu, hóa chất và các vật liệu khác cấm sử dụng tại Việt Nam theo quy định của pháp luật hiện hành.

6.4. Đảm bảo kinh phí để thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường và chương trình quản lý và giám sát môi trường; tuân thủ nghiêm túc chế độ thông tin, báo cáo về việc thực hiện nội dung của báo cáo đánh giá tác động môi trường theo quy định của pháp luật hiện hành.

6.5. Phối hợp chặt chẽ với các cơ quan chính quyền địa phương giải quyết các vấn đề liên quan trong quá trình thực hiện dự án; thực hiện công tác tuyên truyền nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường, an ninh trật tự đối với nhân dân địa phương, người lao động tham gia thi công và khi dự án đi vào vận hành hoạt động.

6.6. Hợp tác và tạo điều kiện thuận lợi để cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường tiến hành các hoạt động giám sát, kiểm tra việc thực hiện các nội dung cam kết trong báo cáo đánh giá tác động môi trường; cung cấp đầy đủ các thông tin, số liệu liên quan đến dự án khi được yêu cầu.

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 /11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét đề nghị cấp Giấy phép môi trường của Công ty trách nhiệm hữu hạn Future Of Sound Vina và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 100/TTr-STNMT ngày 13/4/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Cấp phép cho Công ty trách nhiệm hữu hạn Future Of Sound Vina, địa chỉ tại lô E2, Cụm công nghiệp Phúc Ứng, xã Phúc Ứng, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của Dự án nhà máy sản xuất, gia công thiết bị nghe (tai nghe) Future Of Sound Vina (giai đoạn 1) với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của dự án

1.1. Tên dự án đầu tư: Công ty trách nhiệm hữu hạn Future Of Sound Vina

1.2. Địa điểm hoạt động: Lô E2, Cụm công nghiệp Phúc Ứng, xã Phúc Ứng, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang

1.3. Giấy đăng ký kinh doanh hoặc giấy chứng nhận đầu tư: số 5000817045 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tuyên Quang cấp lần đầu ngày 29 tháng 11 năm 2019, đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 17 tháng 05 năm 2022

1.4. Mã số thuế: 5000817045

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Sản xuất, gia công tai nghe và cáp; giắc truyền dữ liệu dùng cho thiết bị di động và điện thoại thông minh.

1.6. Công suất của dự án giai đoạn 1: 7.000.000 sản phẩm/năm gồm: Đầu tư xây dựng dây chuyền lắp ráp cáp/giắc truyền dữ liệu cho điện thoại di động và điện thoại thông minh công suất 2.500.000 sản phẩm/năm; dây chuyền sản xuất, lắp ráp tai nghe có dây công suất 2.500.000 sản phẩm/năm và tai nghe bluetooth với công suất 2.000.000 sản phẩm/năm.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của tổ chức được cấp Giấy phép môi trường

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty trách nhiệm hữu hạn Future Of Sound Vina có trách nhiệm:

2.1. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.2. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.3. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.4. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang và Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tuyên Quang.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm kể từ ngày ký.

Điều 4. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân huyện Sơn Dương tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận: *✓*

- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Như điều 4;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- C.ty TNHH Future Of Sound Vina (thực hiện);
- Lưu: VT...



Nguyễn Thế Giang

PHỤ LỤC 1
NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 07/GPMT-UBND ngày 10/5/2023
của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

1. Nguồn phát sinh nước thải

- Nước thải sinh hoạt của công nhân phát sinh từ khu vực nhà vệ sinh, khối lượng phát sinh khoảng 26,8 m³/ngày.đêm.

- Nước thải phát sinh từ khu vực nhà ăn ca, khối lượng phát sinh khoảng 4,7 m³/ngày.đêm.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải: Mương thoát nước của khu vực

2.2. Vị trí xả nước thải:

- Cụm công nghiệp Phúc Ứng, xã Phúc Ứng, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang.

- Tọa độ vị trí xả nước thải: X: 2394098; Y: 436120 (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trục 106⁰, múi chiếu 3⁰).

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 31,5 m³/ngày.đêm (1,31 m³/giờ.)

2.3.1. Phương thức xả nước thải: tự chảy.

2.3.2. Chế độ xả nước thải: xả nước thải là liên tục (24 giờ).

2.3.3. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 14:2008/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với nước thải sinh hoạt, Cột B, cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục (nếu có)
1	pH	-	5-9	6 tháng/lần	Không thuộc đối tượng phải quan trắc tự động, liên tục
2	BOD ₅	mg/l	50		
3	TSS	mg/l	100		
4	TDS	mg/l	1.000		
5	Sunfua	mg/l	4		
6	Amoni	mg/l	10		
7	Nitrat	mg/l	50		
8	Dầu mỡ động thực vật	mg/l	20		

9	Tổng chất hoạt động bề mặt	mg/l	10		
10	Phosphat	mg/l	10		
11	Coliform	MPN/100 ml	5.000		

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

- Nước thải sinh hoạt từ khu nhà vệ sinh được thu gom bằng các đường ống kín dẫn về 03 bể tự hoại ba ngăn có tổng thể tích 46,0 m³ (02 bể tự hoại 8 m³ và 01 bể tự hoại 30 m³) để xử lý sơ bộ sau đó dẫn về trạm xử lý nước thải công suất 70 m³/ngày.đêm.

- Nước thải từ khu vực nhà ăn ca được xử lý sơ bộ qua bể tách mỡ có thể tích 2,0 m³ để xử lý sơ bộ sau đó dẫn về trạm xử lý nước thải công suất 70 m³/ngày.đêm.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

a) Bể tự hoại: gồm 03 bể tự hoại ba ngăn xây ngầm (02 bể 8 m³ và 01 bể 30 m³), kết cấu đáy bê tông cốt thép, tường xây gạch, thành trát vữa chống thấm.

b) Bể tách dầu mỡ 02 ngăn, có thể tích 2,0 m³, có bố trí lưới chắn rác

c) Trạm xử lý nước thải của Nhà máy

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải sinh hoạt (xử lý sơ bộ qua bể tự hoại/bể tách dầu mỡ) → bể gom → bể điều hòa → bể thiếu khí → bể hiếu khí → bể lắng → bể khử trùng → nguồn tiếp nhận (mương thoát nước của Cụm công nghiệp Phúc Ứng).

- Công suất thiết kế: 70 m³/ngày.đêm.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: dung dịch javen (khối lượng sử dụng khoảng 70 lít/tháng).

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục: Không thuộc đối tượng phải lắp đặt hệ thống quan trắc nước thải tự động liên tục.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: 03 tháng (từ quý II năm 2023)

2.2. Công trình, thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm: Trạm xử lý nước thải của Nhà máy, công suất 70 m³/ngày.đêm

2.2.1. Vị trí lấy mẫu: Nước thải đầu vào và nước thải sau xử lý tại điểm xả thải ra môi trường.

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm (theo nội dung được cấp phép tại Phần A Phụ lục này)

2.3. Tần suất lấy mẫu: Theo quy định tại Khoản 5 Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý nước thải bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Chủ dự án phải thông báo kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải trước ít nhất 10 ngày kể từ ngày vận hành thử nghiệm đến Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tuyên Quang để theo dõi, giám sát theo quy định.

3.3. Trong quá trình vận hành thử nghiệm, thực hiện nghiêm túc, đầy đủ trách nhiệm và các nội dung quy định tại khoản 7 và khoản 8 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

3.4. Lắp đặt thiết bị đo khối lượng nước thải đầu vào, đầu ra của Hệ thống xử lý nước thải tập trung; đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom, xử lý nước thải.

3.5. Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành thử nghiệm, vận hành công trình xử lý nước thải tập trung.

3.6. Chủ dự án chịu hoàn toàn trách nhiệm khi xả nước thải không đảm bảo các yêu cầu tại Giấy phép này ra môi trường.

PHỤ LỤC 2
NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU
BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI
(Kèm theo Giấy phép môi trường số 07/GPMT-UBND ngày 10/5/2023
của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI:

1. Nguồn phát sinh khí thải

- Khí thải từ khu vực hàn nhôm thiếc, đúc nhựa.
- Khí thải khu vực đúc nhựa vào chân cấp.

2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải

2.1. Nguồn thải số 1: Ống thoát khí của hệ thống xử lý khí thải khu vực hàn nhôm thiếc, đúc nhựa.

a) Vị trí xả khí thải: tọa độ vị trí xả khí thải: X: 2393859; Y:436131 (hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 106, múi chiều 3⁰).

b) Lưu lượng xả khí thải lớn nhất: 22.000 m³/h.

c) Phương thức xả khí thải: Trong ca làm việc (8 tiếng/ngày).

d) Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường không khí phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 19:2009/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ, cột B; QCVN 20:2009/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ, cột B, cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục (nếu có)
1	Lưu lượng	m ³ /h	-	6 tháng/lần	Không thuộc đối tượng phải quan trắc tự động, liên tục
2	Nhiệt độ	°C	-		
3	Bụi tổng	mg/Nm ³	200		
4	SO ₂	mg/Nm ³	500		
5	NO _x	mg/Nm ³	850		
6	CO	mg/Nm ³	1000		
7	Pb	mg/Nm ³	5		
8	Vinyl Clorua	mg/Nm ³	20		

2.2. Nguồn thải số 2: Ống thoát khí của hệ thống xử lý khí thải khu vực đúc nhựa vào chân cấp.

a) Vị trí xả khí thải: tọa độ vị trí xả khí thải: X: 2393854; Y:436128 (hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 106, múi chiều 3⁰).

b) Lưu lượng xả khí thải lớn nhất: 22.000 m³/h.

c) Phương thức xả khí thải: Trong ca làm việc (8 tiếng/ngày).

d) Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường không khí phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 19:2009/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ, cột B; QCVN 20:2009/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ, cột B, cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục (nếu có)
1	Lưu lượng	m ³ /h	-	6 tháng/lần	Không thuộc đối tượng phải quan trắc tự động, liên tục
2	Nhiệt độ	°C	-		
3	Bụi tổng	mg/Nm ³	200		
4	SO ₂	mg/Nm ³	500		
5	NO _x	mg/Nm ³	850		
6	CO	mg/Nm ³	1000		
7	Pb	mg/Nm ³	5		
8	Vinyl Clorua	mg/Nm ³	20		

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải và hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục (nếu có):

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh bụi, khí thải để đưa về hệ thống xử lý bụi, khí thải

Bụi, khí thải từ khu vực hàn được thu hồi bằng các chụp hút qua đường ống dẫn (đường kính 350 mm) dẫn về các công trình xử lý xử lý khí thải.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải

a) Hệ thống xử lý khí thải khu vực hàn nhôm thiếc, đúc nhựa

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Khí thải hàn nhôm thiếc, đúc nhựa → Chụp hút → đường ống và quạt hút → hộp than hoạt tính → ống thoát khí

- Công suất thiết kế: 22.000 m³/h

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: than hoạt tính.

b) Hệ thống xử lý khí thải khu vực đúc nhựa vào chân cấp

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Khí thải hàn nhôm thiếc, đúc nhựa → Chụp hút → đường ống và quạt hút → hộp than hoạt tính → ống thoát khí

- Công suất thiết kế: 22.000 m³/h

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: than hoạt tính (400 kg/năm).

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục: Không thuộc đối tượng phải quan trắc khí thải tự động, liên tục

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Thường xuyên kiểm tra hoạt động của các máy móc thiết bị của hệ thống xử lý khí thải.

- Khi sự cố không khắc phục được phải dừng hoạt động toàn bộ hệ thống, ngừng hoạt động sản xuất có phát sinh khí thải; tập trung sửa chữa, khắc phục sự cố của hệ thống xử lý.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: 03 tháng (từ quý II năm 2023).

2.2. Công trình, thiết bị xả khí thải phải vận hành thử nghiệm:

- Hệ thống xử lý khí thải khu vực hàn nhôm thiếc, đúc nhựa.

- Hệ thống xử lý khí thải khu vực đúc nhựa vào chân cấp.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu (theo vị trí được cấp phép tại Phần A Phụ lục này):

2.2.2. Chất ô nhiễm chính và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm (thực hiện theo nội dung được cấp phép tại Phần A Phụ lục này):

2.3. Tần suất lấy mẫu: Theo quy định tại Khoản 5 Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý khí thải phát sinh từ hoạt động của dự án bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Mục A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Chủ dự án phải thông báo kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý bụi, khí thải trước ít nhất 10 ngày kể từ ngày vận hành thử nghiệm đến Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tuyên Quang để theo dõi, giám sát theo quy định.

3.3. Trong quá trình vận hành thử nghiệm, thực hiện nghiêm túc, đầy đủ trách nhiệm các nội dung quy định tại khoản 7 và khoản 8 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

3.4. Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành thử nghiệm công trình xử lý khí thải.

3.5. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, vật liệu để thường xuyên vận hành hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom, xử lý bụi, khí thải.

3.6. Công ty chịu hoàn toàn trách nhiệm khi xả bụi, khí thải không bảo đảm các yêu cầu tại Giấy phép này ra môi trường.

PHỤ LỤC 3
BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số 07/GPMT-UBND ngày 10/5/2023
của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung

- Nguồn số 01: Thiết bị, máy móc sản xuất của dự án
- Nguồn số 02: Máy phát điện dự phòng

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung: Khu vực sản xuất và khu vực để máy phát điện dự phòng.

3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn

TT	Từ 6-21 giờ (dBA)	Từ 21-6 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	70	55	-	Khu vực thông thường

3.2. Độ rung

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép, dB		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6-21 giờ	Từ 21-6 giờ		
2	70	60	-	Khu vực thông thường

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

Thường xuyên bảo dưỡng máy móc, thiết bị, đảm bảo động cơ hoạt động ổn định để giảm thiểu tiếng ồn. Các điểm tiếp xúc giữa máy móc thiết bị và sàn đặt máy được kê đệm để giảm tiếng ồn và giảm độ rung

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

2.2. Định kỳ bảo dưỡng, hiệu chuẩn đối với các thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung.

PHỤ LỤC 4
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,
PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số 07/GPMT-UBND ngày 10/5/2023
của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên

TT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Số lượng trung bình (kg/năm)	Mã CTNH
1	Bóng đèn huỳnh quang thải	Rắn	30	16 01 06
2	Giẻ lau dính thành phần nguy hại	Rắn	50	18 02 01
3	Bao bì bằng kim loại nhiễm thành phần nguy hại	Rắn	100	18 01 02
4	Bao bì bằng nhựa nhiễm thành phần nguy hại	Rắn	120	18 01 03
5	Hộp mực in thải	Rắn	15	08 02 04
6	Than hoạt tính từ hệ thống xử lý khí thải	Rắn	400	12 01 04
7	Các thiết bị, linh kiện điện tử thải có thành phần nguy hại	Rắn	250	18 02 06
8	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	Lỏng	120	17 01 04
Tổng khối lượng			1.085	

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh

STT	Loại chất thải	Khối lượng phát sinh (Kg/tháng)
1	Mảnh vụn kim loại (bavia)	70
2	Các sản phẩm lỗi hỏng không chứa thành phần nguy hại	50
3	Dây cáp hỏng	10
4	Vỏ bao bì, thùng sộp, bìa carton hỏng	14,2
5	Nhựa thừa từ quá trình ép nhựa	30
Tổng		174,2

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh khoảng 210 kg/ngày, thành phần chủ yếu là rau, vỏ hoa quả, thức ăn thừa... rác thải từ văn phòng như giấy, túi nhựa, túi ni lông.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại

2.1.1. Thiết bị lưu chứa: 07 thùng chứa, thể tích 1 m³/thùng, để phân loại, lưu trữ chất thải nguy hại

2.1.2. Kho chứa chất thải nguy hại

- Diện tích kho: 36 m²

- Thiết kế, cấu tạo của kho: Móng xây gạch, nền láng xi măng, tường xây gạch, mái lợp tôn.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường

2.2.1. Thiết bị lưu chứa: 02 thùng chứa có thể tích thể tích 1 m³

2.2.2. Kho chứa chất thải công nghiệp thông thường

- Diện tích kho: 54 m²

- Thiết kế, cấu tạo của kho: Móng xây gạch, nền láng xi măng, tường xây gạch, mái lợp tôn.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt

2.3.1. Thiết bị lưu chứa: 03 thùng chứa có thể tích 200l/thùng

2.3.2. Khu vực lưu chứa: Bố trí tại vị trí thuận lợi để thu gom, vận chuyển, có mái che.

2.4. Yêu cầu chung đối với thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt

Các thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt phải đáp ứng đầy đủ yêu cầu kỹ thuật theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

- Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

- Ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.



CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 07/GPMT-UBND ngày 10/5/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG: Không.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC: Không.

C. CÁC NỘI DUNG CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ TIẾP TỤC THỰC HIỆN THEO QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG:

1. Theo Quyết định số 1599/QĐ-UBND ngày 17/11/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang về phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án nhà máy sản xuất, gia công thiết bị nghe (tai nghe) future of sound vina tại lô E2, Cụm công nghiệp Phúc Ứng, xã Phúc Ứng, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang; hạng mục, công trình thuộc phân kỳ dự án tiếp tục thực hiện sau khi được cấp Giấy phép môi trường bao gồm: Đầu tư xây dựng bổ sung dây chuyền lắp ráp cáp/giắc truyền dữ liệu cho điện thoại di động và điện thoại thông minh; dây chuyền sản xuất, lắp ráp tai nghe có dây và tai nghe bluetooth với tổng công suất 3.000.000 sản phẩm/năm.

Công trình bảo vệ môi trường tiếp tục xây dựng:

- Xây dựng hệ thống xử lý khí thải tập trung: Khí thải từ các khâu sản xuất được các chụp hút, hút vào hệ thống ống PVC ϕ 60 tại mỗi bàn làm việc của công nhân sau đó dẫn vào các đường ống ϕ 200 nhờ hệ thống quạt hút làm tăng áp suất cho dòng khí. Khí thải sau đó được dẫn về tháp hấp phụ bằng than hoạt tính để xử lý được bố trí bên ngoài nhà xưởng.

- Tăng cường trồng cây xanh trong khuôn viên nhà máy

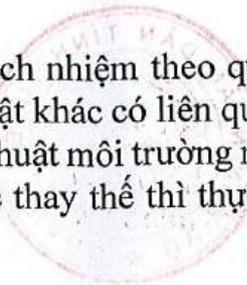
2. Trước khi đưa hạng mục, công trình thuộc giai đoạn (phân kỳ) tiếp theo của dự án đi vào hoạt động, Công ty có trách nhiệm báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang, Sở Tài nguyên và Môi trường để được xem xét cấp giấy phép môi trường theo quy định của pháp luật.

D. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

1. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm hoặc đột xuất, trong đó có nội dung cập nhật về khối lượng, chủng loại chất thải phát sinh theo quy định; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

3. Thực hiện đúng, đầy đủ trách nhiệm theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Giấy phép môi trường này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới./.



A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO PHẠM HỒI MÔI TRƯỜNG; KHÔNG
B. YÊU CẦU VỀ BỒI HỒN VÀ ĐANG SỬA HỌC; KHÔNG
C. CÁC NỘI DUNG CHỈ DẪN VÀO TỪ TIẾP TỤC THỰC HIỆN
THIẾT QUYẾT ĐỊNH THE BUYET KET QUY TAM DINH BAO CAO
DANH GIA TAC BONG MÔI TRƯỜNG

1. Theo Quyết định số 1390/QĐ-UBND ngày 17/11/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi về phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án xây dựng và vận hành nhà máy sản xuất bột giấy và bột than từ gỗ tạp tại Khu công nghiệp Phước Ung, xã Phước Ung, huyện Sơn Dương, tỉnh Quảng Ngãi, công suất thiết kế phân kỳ dự án tiếp tục thực hiện sau khi được cấp giấy phép môi trường. Đầu tư xây dựng hồ song dây chuyền lắp ráp chế biến bột giấy từ gỗ tạp tại diện tích 10 hecta và diện tích 10 hecta này đã được cấp giấy phép môi trường lắp ráp tại ngày 06/01/2021 và tại ngày 06/01/2021 với tổng công suất 1.000.000 sản phẩm/năm.

Công trình lắp đặt một trong các hệ thống xử lý khí thải tập trung. Khi khởi từ các khâu sản xuất được các công trình xử lý khí thải tập trung. Khi khởi từ các khâu sản xuất được các công trình xử lý khí thải tập trung. Khi khởi từ các khâu sản xuất được các công trình xử lý khí thải tập trung. Khi khởi từ các khâu sản xuất được các công trình xử lý khí thải tập trung.

2. Trong khi đưa hàng mục công trình thuộc giai đoạn (phần kỹ) lắp theo các yêu cầu của hồ sơ báo cáo đánh giá tác động môi trường báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi, Sở Tài nguyên và Môi trường đã được xem xét cấp giấy phép môi trường theo quy định của pháp luật.

D. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

1. Giấy phép môi trường phải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2. Bên chủ đầu tư phải có một trong các biện pháp giảm thiểu tác động môi trường đối với các công trình và thiết bị công nghệ phải đạt các tiêu chuẩn kỹ thuật và các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường.

13(1)



CÔNG AN TỈNH TUYỀN QUANG
PHÒNG CẢNH SÁT PCCC VÀ CNCH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Mẫu số PC10
Ban hành kèm theo
ND số 136/2017/ND-CP
ngày 24/11/2020

BIÊN BẢN KIỂM TRA
Kết quả nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy

Hồi 14 giờ 00 phút, ngày 15 tháng 01 năm 2021,
Tại công trình: Nhà máy Future of Sound Vina
Địa chỉ: Lô E2, Cụm công nghiệp Phúc Ứng, xã Phúc Ứng, huyện Sơn
Dương, tỉnh Tuyen Quang.

Chủ đầu tư: Công ty TNHH Future of Sound Vina

Lần kiểm tra: Lần 1

Chúng tôi gồm:

I. ĐẠI DIỆN PHÒNG CẢNH SÁT PCCC VÀ CNCH - CÔNG AN TỈNH TUYỀN QUANG

- 1. Thượng úy: Bùi Minh Tuấn - Chức vụ: Phó Đội trưởng Đội Tham mưu;
- 2. Trung úy: Nguyễn Văn Quân - Chức vụ: Cán bộ Đội Tham mưu;
- 3. Trung úy: Cao Minh Thái - Chức vụ: Cán bộ Đội Công tác phòng cháy;

Đã tiến hành kiểm tra nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy của công trình: Nhà máy sản xuất, gia công thiết bị nghe (tai nghe) Future of Sound Vina theo đề nghị tại văn bản số 01/CV-NTPCCC ngày 05/01/2021 của Công ty TNHH Future of Sound Vina, văn bản thông báo kèm Kế hoạch kiểm tra số 45/PCCC&CNCH-TM ngày 12/01/2021 của Phòng Cảnh sát PCCC và CNCH - Công an tỉnh Tuyen Quang;

I. ĐẠI DIỆN CHỦ ĐẦU TƯ: CÔNG TY TNHH FUTURE OF SOUND VINA

- 1. Ông: Lee Chul Ki - Chức vụ: Phó Tổng giám đốc
- 2. Ông : Nguyễn Văn Biên - Chức vụ: Phiên dịch

II. ĐẠI DIỆN ĐƠN VỊ THI CÔNG XÂY DỰNG CƠ BẢN: CÔNG TY TNHH DOUM E&C

- 1. Ông: Kim Jea Bul - Chức vụ: Giám đốc;
- 2. Ông: Đoàn Văn Quang - Chức vụ: Quản lý công trình

III. ĐẠI DIỆN ĐƠN VỊ THI CÔNG PCCC + THIẾT KẾ VỀ PCCC: CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ XÂY DỰNG GIA BẢO VĨNH PHÚC

- 1. Ông: Trần Hồng Quang - Chức vụ: Phó Giám đốc;
- 2. Ông: Nguyễn Hữu Tấn - Chức vụ: chủ trì thiết kế;

Tình hình và kết quả kiểm tra như sau

1. Phần báo cáo của chủ đầu tư

Công trình: Nhà máy sản xuất, gia công thiết bị nghe (tai nghe) Future of Sound Vina, đã được thẩm duyệt thiết kế về PCCC tại Giấy chứng nhận thẩm duyệt thiết kế về PCCC số 35/TD-PCCC-TQ ngày 30/6/2020 của Phòng Cảnh sát PCCC và CNCH - Công an tỉnh Tuyên Quang.

- Chủ đầu tư và nhà thầu cam kết về kết quả thi công, nghiệm thu đảm bảo theo hồ sơ thiết kế được duyệt.

- Chủ đầu tư và nhà thầu cam kết về kết quả thi công, nghiệm thu, đã tổ chức nghiệm thu các bộ phận của công trình khi thi công bị che khuất tại các vị trí đường ống kỹ thuật, đi trong tường, trên trần giả... đối với các hạng mục như đường ống, dây tín hiệu, bể nước ngầm... đảm bảo đúng hồ sơ thiết kế được thẩm duyệt về PCCC và chịu trách nhiệm trước pháp luật về kết quả nghiệm thu, đề nghị Phòng Cảnh sát PCCC và CNCH - Công an tỉnh Tuyên Quang kiểm tra công tác nghiệm thu của chủ đầu tư và các đơn vị có liên quan trước khi đưa công trình vào sử dụng.

2. Kiểm tra hồ sơ nghiệm thu

- Giấy chứng nhận thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy số 35/TD-PCCC-TQ ngày 30/6/2020 của Phòng Cảnh sát PCCC và CNCH - Công an tỉnh Tuyên Quang đối với công trình: Nhà máy sản xuất, gia công thiết bị (tai nghe) Future of Sound Vina;

- Bản sao giấy chứng nhận kiểm định phương tiện PCCC số 13565/KĐ-PCCC-P7 ngày 10/9/2020 của Cục Cảnh sát PCCC và CNCH đối với lô phương tiện tủ trung tâm báo cháy, đầu báo cháy khói, đầu báo cháy nhiệt, đầu báo cháy beam tia chiếu, nút ấn và chuông đèn báo cháy;

- Bản sao giấy chứng nhận kiểm định phương tiện PCCC số 13163/KĐ-PCCC-P7 ngày 03/9/2020 của Cục Cảnh sát PCCC và CNCH đối với lô phương tiện đèn chiếu sáng sự cố và đầu phun Sprinkler;

- Bản sao giấy chứng nhận kiểm định phương tiện PCCC số 11784/KĐ-PCCC-P7 ngày 17/8/2020 của Cục Cảnh sát PCCC và CNCH đối với lô sơn chống cháy;

- Bản sao giấy chứng nhận kiểm định phương tiện PCCC số 277/KĐ-PCCC ngày 03/12/2020 và số 27/KĐ-PCCC ngày 04/7/2019 của Phòng Cảnh sát PCCC&CNCH – Công an tỉnh Vĩnh Phúc đối với lô phương tiện bình chữa cháy xách tay, vòi chữa cháy;

- Bản vẽ bản vẽ hoàn công;

- Các biên bản nghiệm thu nội bộ, biên bản nghiệm thu, biên bản thử nghiệm, biên bản nghiệm thu hoàn thành hạng mục;

- Quy trình hướng dẫn, vận hành các thiết bị, hệ thống PCCC.

** Tồn tại: Thiếu Giấy chứng nhận kiểm định phương tiện PCCC đối với các máy bơm chữa cháy.*

3. Kiểm tra thực tế việc thi công lắp đặt và thử nghiệm hoạt động của hệ thống PCCC

3.1. Kiểm tra việc thi công xây dựng, lắp đặt phương tiện, thiết bị PCCC

Tại thời điểm kiểm tra:

a) Đường giao thông, khoảng cách an toàn PCCC: Đường giao thông bê tông đảm bảo cho xe chữa cháy tiếp cận rộng 5÷10m, khoảng cách an toàn PCCC giữa các nhà xưởng sản xuất đến các hạng mục phụ trợ bảo đảm theo hồ sơ thiết kế đã được thẩm duyệt.

b) Bậc chịu lửa: Sơn chống cháy nghiệm thu theo biên bản nghiệm thu nội bộ giữa chủ đầu tư và đơn vị thi công, chủ đầu tư và đơn vị thi công chịu trách nhiệm về kết quả nghiệm thu nội dung này.

c) Giải pháp bố trí công năng, ngăn cháy, chống cháy lan:

** Tồn tại: Tại khu vực sản xuất tầng 1, tầng 2 thi công bố trí thêm các gian phòng không phù hợp với hồ sơ thiết kế đã được thẩm duyệt.*

d) Giải pháp thoát nạn:

** Tồn tại: Lối thoát nạn từ một số khu vực sản xuất đã bị thay đổi do việc ngăn chia, bổ sung thêm các gian phòng không phù hợp với thiết kế đã được thẩm duyệt.*

e) Hệ thống đèn chiếu sáng sự cố và chỉ dẫn thoát nạn: Trong các hạng mục đã lắp đặt các đèn chiếu sáng sự cố, chỉ dẫn thoát nạn tại phía trước lối ra thoát nạn, trước lối vào cầu thang bộ của nhà văn phòng, vị trí lắp đặt đảm bảo theo quy định.

f) Hệ thống báo cháy tự động:

- Trung tâm báo cháy 30 kênh lắp đặt tại phòng bảo vệ có người thường trực 24/24h, lắp đặt bảo đảm theo hồ sơ thiết kế đã được thẩm duyệt, đã được đấu nối với nguồn điện 220v và có nguồn ắc quy dự phòng.

- Tại các hạng mục theo hồ sơ thiết kế đã được thẩm duyệt đã lắp đặt các đầu báo cháy phù hợp, phủ kín diện tích cần bảo vệ, các tổ hợp chuông và đèn, nút ấn báo cháy được lắp đặt trước lối ra thoát nạn; số lượng, vị trí, khoảng cách lắp đặt các thiết bị phù hợp với thiết kế đã được thẩm duyệt. Đối với các thiết bị bị che khuất như dây dẫn, cáp tín hiệu đi ngầm trong tường, đường ống kỹ thuật,... tiến hành nghiệm thu theo các biên bản nghiệm thu, bản vẽ hoàn công, chủ đầu tư, đơn vị thi công chịu trách nhiệm về kết quả nghiệm thu.

g) Hệ thống cấp nước chữa cháy:

313
CỘNG
HÒA
XÃ HỘI
CHUYÊN
CHÍNH
ĐỨC - T

- Bố trí trạm bơm chữa cháy: đặt tại vị trí đúng theo bản vẽ thiết kế gồm: 01 bơm chữa cháy động cơ điện có thông số: $Q=55\div 170\text{l/s}$; $H=88\div 68\text{m.c.n}$; 01 bơm chữa cháy dự phòng động cơ điện có thông số $Q=55\div 170\text{l/s}$; $H=88\div 72\text{m.c.n}$, các máy bơm đã được đấu nối với nguồn điện ưu tiên và nguồn điện từ máy phát điện.

- Bể nước dự trữ chữa cháy: Nghiệm thu theo biên bản nghiệm thu nội bộ giữa chủ đầu tư và đơn vị thi công.

- Hệ thống trụ nước chữa cháy, họng tiếp nước: Đã thi công lắp đặt 04 trụ nước chữa cháy 02 cửa DN100; 01 họng chờ tiếp nước từ xe chữa cháy DN100 theo đúng hồ sơ thiết kế được thẩm duyệt.

- Hệ thống họng nước chữa cháy trong nhà: Trong các hạng mục đã lắp đặt các họng nước chữa cháy trong nhà phù hợp với hồ sơ thiết kế đã được thẩm duyệt. Trong các hộp họng nước chữa cháy trong nhà (mỗi hộp gồm 01 van khóa, 01 cuộn vòi D50 dài 20m và lăng phun chữa cháy D50/13) vị trí, khoảng cách lắp đặt đảm bảo theo quy định.

- Hệ thống chữa cháy Sprinkler tự động: Kiểm tra khu vực hở trong các nhà xưởng sản xuất nhận thấy đã lắp đặt các sprinkler phủ kín diện tích bảo vệ.

h) Bình chữa cháy xách tay:

+ Tại các vị trí trong các hạng mục, công trình đã bố trí các bình chữa cháy xách tay bảo đảm vị trí, số lượng theo hồ sơ thiết kế đã được thẩm duyệt. Tại thời điểm kiểm tra thực tế ghi nhận các bình chữa cháy đảm bảo các điều kiện để sử dụng bình thường.

3.2. Tổ chức thử nghiệm hoạt động của hệ thống PCCC và các hệ thống có liên quan

a) Hệ thống đèn chiếu sáng sự cố và chỉ dẫn thoát nạn: Thử nghiệm hoạt động của các đèn chiếu sáng sự cố, chỉ dẫn thoát nạn khi bình thường và khi cắt điện; kết quả các đèn hoạt động bình thường, có nguồn điện dự phòng đảm bảo theo quy định.

b) Hệ thống báo cháy tự động: Kiểm tra, thử nghiệm xác suất một số đầu báo cháy tại các khu vực, nút ấn báo cháy; kết quả: chuông, đèn báo cháy hoạt động bình thường, tủ trung tâm báo cháy hiển thị đúng khu vực thử nghiệm.

c) Hệ thống chữa cháy bằng nước: Thử nghiệm phun nước đồng thời tại đầu phun Spinkler bất kỳ, 02 họng nước chữa cháy trong nhà và trụ nước chữa cháy, kết quả: Các bơm chữa cháy khởi động tự động và hoạt động bình thường, áp lực, lưu lượng tại đầu phun, đầu lăng, trụ nước chữa cháy bảo đảm theo chức năng thiết kế.

d) Hệ thống chống sét đánh thẳng: Nghiệm thu theo biên bản đo điện trở nối đất do chủ đầu tư cung cấp.

4. Kết luận

Tại thời điểm kiểm tra nghiệm thu về PCCC công trình: Nhà máy sản xuất, gia công thiết bị nghe (tai nghe) Future of Sound Vina các hạng mục về PCCC được kiểm tra, ghi nhận tại mục 3 Biên bản này chưa được thi công đúng theo với hồ sơ thiết kế được thẩm duyệt, hồ sơ nghiệm thu chưa đầy đủ theo quy định, không bảo đảm điều kiện để Phòng Cảnh sát PCCC và CNCH - Công an tỉnh Tuyên Quang ban hành văn bản chấp thuận nghiệm thu về PCCC cho công trình.

5. Kiến nghị

Đề nghị Chủ đầu tư phối hợp với các đơn vị thi công và các đơn vị có liên quan khắc phục các tồn tại nêu tại mục 3 của biên bản và tổ chức nghiệm thu về PCCC theo đúng quy định.

- Đề nghị Chủ đầu tư thường xuyên tự kiểm tra công tác an toàn về PCCC, duy trì thường xuyên, liên tục các điều kiện an toàn PCCC như tại thời điểm kiểm tra; thường xuyên kiểm tra tình trạng hoạt động của các phương tiện phòng cháy và chữa cháy đã lắp đặt cho công trình, định kỳ kiểm tra, bảo dưỡng theo đúng quy định, kịp thời phát hiện, thay thế các phương tiện PCCC bị hư hỏng

Biên bản lập xong hồi 16 giờ 00 phút cùng ngày, gồm 05 trang được lập thành 05 bản, mỗi bên liên quan giữ một bản, đã thông qua cho mọi người nghe, công nhận đúng và nhất trí ký tên dưới đây./.

ĐẠI DIỆN CHỦ ĐẦU TƯ



PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC
LEE CHUL KI

ĐẠI DIỆN ĐOÀN KIỂM TRA PHÓ ĐỘI TRƯỞNG

Thượng úy Bùi Minh Tuấn

ĐẠI DIỆN ĐƠN VỊ THI CÔNG XÂY DỰNG CƠ BẢN



GIÁM ĐỐC
KIM JEA BUL

ĐẠI DIỆN ĐƠN VỊ THIẾT KẾ THI CÔNG VỀ PCCC



PHÓ GIÁM ĐỐC
Trần Hồng Quang



PHÓ GIÁM ĐỐC
Nguyễn Thị Ngọc Lành



BIÊN BẢN KIỂM TRA
Kết quả nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy

Hồi 14 giờ 00 phút, ngày 01 tháng 3 năm 2021,

Tại công trình: Nhà máy Future of Sound Vina

Địa chỉ: Lô E2, Cụm công nghiệp Phúc Ứng, xã Phúc Ứng, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang.

Chủ đầu tư: Công ty TNHH Future of Sound Vina

Lần kiểm tra: Lần 2

Chúng tôi gồm:

ĐẠI DIỆN PHÒNG CẢNH SÁT PCCC VÀ CNCH - CÔNG AN TỈNH TUYÊN QUANG

1. Thượng úy: Bùi Minh Tuấn - Chức vụ: Phó Đội trưởng Đội Tham mưu;
2. Trung úy: Cao Minh Thái - Chức vụ: Cán bộ Đội Công tác phòng cháy;

Đã tiến hành kiểm tra nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy của công trình: Nhà máy sản xuất, gia công thiết bị nghe (tai nghe) Future of Sound Vina theo đề nghị tại văn bản số 01/CV-NTPCCC ngày 05/01/2021 của Công ty TNHH Future of Sound Vina, văn bản thông báo kèm Kế hoạch kiểm tra số 45/PCCC&CNCH-TM ngày 12/01/2021 của Phòng Cảnh sát PCCC và CNCH - Công an tỉnh Tuyên Quang;

I. ĐẠI DIỆN CHỦ ĐẦU TƯ: CÔNG TY TNHH FUTURE OF SOUND VINA

1. Ông: Cho Won Jae - Chức vụ: Giám đốc tài chính (Theo Giấy ủy quyền ngày 01/30/2021);

II. ĐẠI DIỆN ĐƠN VỊ THI CÔNG XÂY DỰNG CƠ BẢN: CÔNG TY TNHH DOUM E&C

1. Ông: Kim Jea Bul - Chức vụ: Giám đốc;
2. Ông: Đoàn Văn Quang - Chức vụ: Quản lý công trình

III. ĐẠI DIỆN ĐƠN VỊ THI CÔNG PCCC + THIẾT KẾ VỆ PCCC: CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ XÂY DỰNG GIA BẢO VĨNH PHÚC

1. Ông: Trần Hồng Quang - Chức vụ: Phó Giám đốc;
2. Ông: Nguyễn Hữu Tấn - Chức vụ: chủ trì thiết kế;

Tình hình và kết quả kiểm tra như sau

1. Phần báo cáo của chủ đầu tư

Công trình: Nhà máy sản xuất, gia công thiết bị nghe (tai nghe) Future of Sound Vina, đã được thẩm duyệt thiết kế về PCCC tại Giấy chứng nhận thẩm duyệt thiết kế về PCCC số 35/TD-PCCC-TQ ngày 30/6/2020 của Phòng Cảnh sát PCCC và CNCH - Công an tỉnh Tuyên Quang.

- Chủ đầu tư và nhà thầu cam kết về kết quả thi công, nghiệm thu đảm bảo theo hồ sơ thiết kế được duyệt.

- Chủ đầu tư và nhà thầu cam kết về kết quả thi công, nghiệm thu, đã tổ chức nghiệm thu các bộ phận của công trình khi thi công bị che khuất tại các vị trí đường ống kỹ thuật, đi trong tường, trên trần giả... đối với các hạng mục như đường ống, dây tín hiệu, bể nước ngầm... đảm bảo đúng hồ sơ thiết kế được thẩm duyệt về PCCC và chịu trách nhiệm trước pháp luật về kết quả nghiệm thu, đề nghị Phòng Cảnh sát PCCC và CNCH - Công an tỉnh Tuyên Quang kiểm tra công tác nghiệm thu của chủ đầu tư và các đơn vị có liên quan trước khi đưa công trình vào sử dụng.

2. Kiểm tra hồ sơ nghiệm thu

- Giấy chứng nhận thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy số 35/TD-PCCC-TQ ngày 30/6/2020 của Phòng Cảnh sát PCCC và CNCH - Công an tỉnh Tuyên Quang đối với công trình: Nhà máy sản xuất, gia công thiết bị (tai nghe) Future of Sound Vina;

- Văn bản thẩm duyệt thiết kế về PCCC số 191/TD-PCCC&CNCH ngày 09/02/2021 của Phòng Cảnh sát PCCC và CNCH – Công an tỉnh Tuyên Quang

- Bản sao giấy chứng nhận kiểm định phương tiện PCCC số 03/KĐ-PCCC ngày 08/01/2021 của Phòng Cảnh sát PCCC và CNCH Công an tỉnh Vĩnh Phúc đối với lô phương tiện máy bơm chữa cháy;

- Bản vẽ bản vẽ hoàn công;

- Các biên bản nghiệm thu nội bộ, biên bản nghiệm thu, biên bản thử nghiệm, biên bản nghiệm thu hoàn thành hạng mục;

3. Kiểm tra thực tế việc thi công lắp đặt và thử nghiệm hoạt động của hệ thống PCCC

Tại thời điểm kiểm tra:

3.1. Giải pháp bố trí công năng, ngăn cháy, chống cháy lan: Bố trí công năng, ngăn chia lại khu vực theo đúng hồ sơ thiết kế đã được thẩm duyệt và tại văn bản kiến nghị số 191/TD-PCCC&CNCH ngày 09/02/2021 của Phòng Cảnh sát PCCC và CNCH – Công an tỉnh Tuyên Quang

3.2. Giải pháp thoát nạn:

Đảm bảo chiều rộng, chiều cao, hướng mở cửa theo chiều thoát nạn đúng theo hồ sơ thiết kế đã được thẩm duyệt theo văn bản thẩm duyệt số 191/TD-

PCCC&CNCH ngày 09/02/2021 của Phòng Cảnh sát PCCC và CNCH – Công an tỉnh Tuyên Quang.

3.3. Bố trí trạm bơm chữa cháy: đặt tại vị trí đúng theo bản vẽ thiết kế gồm: 01 bơm chữa cháy động cơ điện có thông số: $Q=55\div 170\text{l/s}$; $H=88\div 68\text{m.c.n}$; 01 bơm chữa cháy dự phòng động cơ điện có thông số $Q=55\div 170\text{l/s}$; $H=88\div 72\text{m.c.n}$, các máy bơm đã được đấu nối với nguồn điện ưu tiên và nguồn điện từ máy phát điện. Tem kiểm định và các thông số phù hợp với giấy chứng nhận kiểm định phương tiện PCCC số 03/KĐ-PCCC ngày 08/01/2021 của Phòng Cảnh sát PCCC và CNCH Công an tỉnh Vĩnh Phúc.

Thử nghiệm phun nước đồng thời tại đầu phun Spinkler bất kỳ, 02 họng nước chữa cháy trong nhà và trụ nước chữa cháy, kết quả: Các bơm chữa cháy khởi động tự động và hoạt động bình thường, áp lực, lưu lượng tại đầu phun, đầu lăng, trụ nước chữa cháy bảo đảm theo chức năng thiết kế.

4. Kết luận

Tại thời điểm kiểm tra nghiệm thu về PCCC công trình: Nhà máy sản xuất, gia công thiết bị nghe (tai nghe) Future of Sound Vina các hạng mục về PCCC được kiểm tra, ghi nhận tại mục 3 Biên bản này đã được thi công đúng theo với hồ sơ thiết kế được thẩm duyệt.

Biên bản này là căn cứ để Phòng Cảnh sát PCCC và CNCH - Công an tỉnh Tuyên Quang ban hành văn bản chấp thuận kết quả nghiệm thu về PCCC cho công trình.

5. Kiến nghị

Đề nghị Chủ đầu tư thường xuyên tự kiểm tra công tác an toàn về PCCC, duy trì thường xuyên, liên tục các điều kiện an toàn PCCC như tại thời điểm kiểm tra; thường xuyên kiểm tra tình trạng hoạt động của các phương tiện phòng cháy và chữa cháy đã lắp đặt cho công trình, định kỳ kiểm tra, bảo dưỡng theo đúng quy định, kịp thời phát hiện, thay thế các phương tiện PCCC bị hư hỏng.

Biên bản lập xong hồi 16 giờ 00 phút cùng ngày, gồm 03 trang được lập thành 05 bản, mỗi bên liên quan giữ một bản, đã thông qua cho mọi người nghe, công nhận đúng và nhất trí ký tên dưới đây./.

ĐẠI DIỆN CHỦ ĐẦU TƯ



CHO WON JAE

**ĐẠI DIỆN ĐOÀN KIỂM TRA
PHÓ ĐỘI TRƯỞNG**

Thượng úy Bùi Minh Tuấn

ĐẠI DIỆN
ĐƠN VỊ THI CÔNG XÂY DỰNG CƠ BẢN



GIÁM ĐỐC
KIM JEA BUL

ĐẠI DIỆN
ĐƠN VỊ THIẾT KẾ + THI CÔNG VẼ PCCC



PHÓ GIÁM ĐỐC
Trần Hồng Quang



GP. PCCC

CÔNG AN TỈNH TUYỀN QUANG
PHÒNG CẢNH SÁT PCCC VÀ CNCH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 11/NT-PCCC&CNCH

Tuyên Quang, ngày 02 tháng 3 năm 2021

Kính gửi: Công ty Trách nhiệm hữu hạn Future of Sound Vina

Căn cứ Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24 tháng 11 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy;

Căn cứ Giấy chứng nhận thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy chữa cháy số 35/TD-PCCC-TQ ngày 30/6/2020 của Phòng Cảnh sát PCCC và CNCH - Công an tỉnh Tuyên Quang;

Xét hồ sơ và văn bản đề nghị kiểm tra kết quả nghiệm thu về phòng cháy, chữa cháy số 01/CV-NTPCCC ngày 05/01/2021 và văn bản số 10/CV-NTPCCC ngày 20/02/2021 của Công ty TNHH Future of Sound Vina;

Người đại diện theo pháp luật Ông: Lee Chul Ki

Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc

Căn cứ các biên bản kiểm tra kết quả nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy ngày 15 tháng 01 năm 2021 và ngày 01 tháng 3 năm 2021 của Phòng Cảnh sát PCCC và CNCH và các đơn vị liên quan;

Phòng Cảnh sát PCCC và CNCH - Công an tỉnh Tuyên Quang chấp thuận kết quả nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy công trình: Nhà máy sản xuất, gia công thiết bị nghe (tai nghe) Future of Sound Vina với các nội dung sau:

Địa điểm xây dựng: Lô E2, Cụm công nghiệp Phúc Ứng, xã Phúc Ứng, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang

Chủ đầu tư: Công ty TNHH Future of Sound Vina.

Đơn vị thi công PCCC: Công ty TNHH Doum E&C; Công ty TNHH Thương mại và Xây dựng Gia Bảo Vĩnh Phúc.

Quy mô công trình:

- Nhà sản xuất, gia công chính 02 tầng, tầng 1 diện tích 6.720m², tầng 2 diện tích 5.400m².

- Nhà để xe máy (01 tầng, diện tích 2.300m²); nhà bảo vệ (01 tầng, 64 m²); nhà trạm bơm (01 tầng, diện tích 30m²).

Nội dung được nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy:

1. Khoảng cách an toàn PCCC; đường cho xe chữa cháy;
2. Bậc chịu lửa; giải pháp ngăn cháy;
3. Lối thoát nạn; hệ thống chiếu sáng sự cố và chỉ dẫn thoát nạn;

4. Hệ thống chống sét;
5. Hệ thống báo cháy tự động;
6. Hệ thống chữa cháy bằng nước;
7. Trang bị phương tiện chữa cháy ban đầu.

Các yêu cầu kèm theo:

- Thực hiện đúng quy trình, quy định về vận hành sử dụng, bảo trì, bảo dưỡng, sửa chữa, thay thế các hệ thống, thiết bị phòng cháy, chữa cháy và hệ thống kỹ thuật có liên quan;

- Duy trì liên tục chế độ hoạt động bình thường của hệ thống, thiết bị phòng cháy, chữa cháy và hệ thống kỹ thuật có liên quan đã được lắp đặt theo đúng chức năng trong suốt quá trình sử dụng;

- Thực hiện đầy đủ các điều kiện an toàn về phòng cháy, chữa cháy đối với cơ sở trước khi đưa vào hoạt động theo quy định tại Điều 5 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24 tháng 11 năm 2020 của Chính phủ, đồng thời liên hệ với Phòng Cảnh sát PCCC và CNCH - Công an tỉnh Tuyên Quang để được hướng dẫn, lập hồ sơ quản lý, theo dõi hoạt động phòng cháy, chữa cháy.

Văn bản này là một trong những căn cứ để Chủ đầu tư đề nghị cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền xem xét cấp văn bản chấp thuận kết quả nghiệm thu công trình đưa vào sử dụng. /

Nơi nhận:

- Như trên;
- Cục CS PCCC và CNCH (để báo cáo);
- Lưu: TM (TD).



Đại tá Phạm Đình Bá Tiên

Số: 18 /GP-UBND

Tuyên Quang, ngày 05 tháng 6 năm 2021

GIẤY PHÉP KHAI THÁC, SỬ DỤNG NƯỚC DƯỚI ĐẤT

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Tài nguyên nước ngày 21 tháng 6 năm 2012; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch;

Căn cứ Nghị định số 201/2013/NĐ-CP ngày 27/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước;

Căn cứ Nghị định số 167/2018/NĐ-CP ngày 26/12/2018 của Chính phủ quy định việc hạn chế khai thác nước dưới đất;

Căn cứ Thông tư số 27/2014/TT-BTNMT ngày 30/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định việc đăng ký khai thác nước dưới đất, mẫu hồ sơ cấp, gia hạn, điều chỉnh, cấp lại giấy phép tài nguyên nước;

Căn cứ Thông tư số 24/2016/TT-BTNMT ngày 09/9/2016 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định việc xác định và công bố vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt;

Căn cứ Thông tư số 47/2017/TT-BTNMT ngày 07/11/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định về giám sát khai thác, sử dụng tài nguyên nước;

Xét Đơn đề nghị cấp giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất ngày 13/5/2021 của Công ty trách nhiệm hữu hạn Future Of Sound Vina và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 172/TTr-STNMT ngày 31/5/2021 về việc đề nghị cấp giấy phép khai thác nước dưới đất tại Lô E2, Cụm công nghiệp Phúc Ứng, xã Phúc Ứng, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang cho Công ty trách nhiệm hữu hạn Future Of Sound Vina.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho phép Công ty trách nhiệm hữu hạn Future Of Sound Vina (địa chỉ: Lô E2, Cụm công nghiệp Phúc Ứng, xã Phúc Ứng, huyện Sơn

Dương, tỉnh Tuyên Quang) được khai thác nước dưới đất với các nội dung chủ yếu sau đây:

1. Mục đích khai thác, sử dụng nước: Cung cấp nước phục vụ sản xuất và sinh hoạt cho Nhà máy sản xuất, gia công thiết bị nghe (tai nghe) future of sound vina tại Lô F2, Cụm công nghiệp Phúc Ứng, xã Phúc Ứng, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang.

2. Vị trí công trình khai thác nước dưới đất:

- Giếng khoan khai thác nước GK1 tại Lô E2, Cụm công nghiệp Phúc Ứng, xã Phúc Ứng, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang.

Tọa độ giếng khai thác (hệ VN2000-Kinh tuyến trục 106^0 múi chiếu 3^0):

$$X = ^{23}93.906; \quad Y = ^436.208.$$

3. Tầng chứa nước khai thác: Tầng chứa nước khe nứt, khe nứt karst trong các trầm tích lục nguyên hệ tầng Phia Phương (D_{1pp}).

4. Tổng số giếng khai thác: 01 giếng.

5. Tổng lượng nước khai thác: $56 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}$.

6. Chế độ khai thác: 10 giờ/ngày; 312 ngày/năm.

7. Thời hạn của giấy phép là: 10 (mười) năm, kể từ ngày ký Giấy phép khai thác.

Vị trí tọa độ, lưu lượng và các thông số của công trình cụ thể như sau:

Số hiệu giếng	Tọa độ (VN2000, kinh tuyến trục 106^0 , múi chiếu $3'$)		Lưu lượng ($\text{m}^3/\text{ng.đ}$)	Chế độ khai thác (giờ/ngày đêm)	Chiều sâu giếng (m)		Chiều sâu mực nước tĩnh (m)	Chiều sâu mực nước động lớn nhất (m)	Tầng chứa nước khai thác
	X	Y			Từ (m)	Đến (m)			
GK1	$^{23}93.906$	$^436.208$	56	10/24	20,0	35,0	5,0	9,5	D_{1pp}

(có sơ đồ khu vực và vị trí công trình khai thác nước dưới đất kèm theo)

Điều 2. Các yêu cầu đối với Công ty trách nhiệm hữu hạn Future Of Sound Vina:

1. Tuân thủ các nội dung quy định tại Điều 1 của Giấy phép này; nếu thay đổi nội dung quy định tại Điều 1 phải được cơ quan cấp phép đồng ý bằng văn bản.

2. Thực hiện lắp đặt thiết bị đo đạc, giám sát đối với thông số mực nước, lưu lượng nước và chất lượng nước tại giếng khai thác theo quy định tại Thông tư số 47/2017/TT-BTNMT ngày 07/11/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

3. Thiết lập vùng bảo hộ vệ sinh của công trình khai thác nước theo quy định của Thông tư số 24/2016/TT-BTNMT ngày 09/9/2016 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

4. Tuân thủ các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật chuyên ngành có liên quan đến lĩnh vực cấp nước theo quy định.

5. Nộp tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước, thuế tài nguyên nước và thực hiện các nghĩa vụ tài chính khác trong khai thác, sử dụng nước dưới đất theo quy định của pháp luật.

6. Định kỳ hàng năm (trước ngày 10 tháng 01 của năm tiếp theo), báo cáo hoạt động khai thác, sử dụng nước dưới đất của công trình gửi về Sở Tài nguyên và Môi trường theo quy định.

7. Chịu sự kiểm tra, giám sát của cơ quan quản lý tài nguyên và môi trường về các vấn đề có liên quan tới khai thác, sử dụng nước dưới đất.

8. Thực hiện theo dõi các hiện tượng tai biến địa chất, sụt lún đất trong khu vực khai thác nước dưới đất; có biện pháp phòng ngừa, khắc phục, bảo đảm an toàn trong trường hợp xảy ra sự cố, báo cáo kịp thời cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của các tổ chức, cá nhân hiện đang khai thác, sử dụng nước dưới đất xung quanh khu vực đề nghị cấp phép.

Điều 3. Công ty trách nhiệm hữu hạn Future Of Sound Vina được hưởng các quyền hợp pháp theo quy định tại Khoản 1 Điều 43 Luật Tài nguyên nước và quyền lợi hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Giấy phép này có hiệu lực kể từ ngày ký. Chậm nhất chín mươi (90) ngày trước khi Giấy phép hết hạn, nếu Công ty trách nhiệm hữu hạn Future Of Sound Vina còn tiếp tục khai thác nước dưới đất như quy định tại Điều 1 của Giấy phép này thì phải làm thủ tục gia hạn giấy phép theo quy định.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Cục trưởng Cục Thuế tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Sơn Dương, Tổng Giám đốc Công ty trách nhiệm hữu hạn Future Of Sound Vina, thủ trưởng các đơn vị có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận: *th*

- Như Điều 4;
 - Cục Quản lý Tài nguyên nước;
 - Chủ tịch UBND tỉnh;
 - Các PCT UBND tỉnh;
 - Phó CVP Nguyễn Thanh;
 - Chuyên viên KS;
 - Lưu VT, (Đ 22).
- (Báo cáo)

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Thế Giang

P109
(18)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

베트남 사회주의 공화국

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

독립 - 자유 - 행복

HỢP ĐỒNG

계약서

V/v: Thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải công nghiệp, sinh hoạt, nguy hại và thu mua phế liệu tái chế

계약명: 산업 폐기물, 생활쓰레기, 유해 폐기물 수집, 운반 처리

및 스크랩 구매에 관한 계약

Số/hồ: 20220022/HĐXL-PL

- Căn cứ vào Luật Thương mại số 36/2005/QH11 năm 2005;
2005 년 제 36/2005/QH11 호 상법에 의거하여;
- Căn cứ Luật bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14;
제 72/2020/QH14 호 환경보호법에 의거하여;
- Căn cứ Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30/6/2015 quy định về Quản lý chất thải nguy hại của Bộ Tài nguyên Môi trường;
자원환경부의 유해폐기물관리에 대해 규정하는 2015/6/30 일자 제 36/2015/TT-BTNMT 호 안내장에 의거하여;
- Căn cứ yêu cầu của Công ty TNHH FUTURE OF SOUND VINA;
FUTURE OF SOUND VINA 유한책임 회사의 요구에 따라;
- Căn cứ chức năng và năng lực của Công ty cổ phần môi trường Thuận Thành để tiến hành ký kết Hợp đồng;
Thuan Thanh 환경 주식회사의 기능과 능력에 따라서 다음의 계약을 체결한다.

Hôm nay, ngày 18 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Công ty TNHH FUTURE OF SOUND VINA, Chúng tôi gồm có:

금일, 2022 년 01 월 18 일, FUTURE OF SOUND VINA 유한책임 회사의 본부에서, 우리는 다음과 같다:

■ Tên chủ nguồn thải: CÔNG TY TNHH FUTURE OF SOUND VINA(Sau đây gọi là Bên A)

폐기물 소유자: FUTURE OF SOUND VINA 유한책임 회사 (이하 “갑”이라고 한다)

Địa chỉ: Lô E2 cụm khu công nghiệp Phúc Ứng, xã Phúc Ứng, Huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang, Việt



Nam

주소: Tuyen Quang 성, Son Duong 현, Phuc Ung 면, Phuc Ung 공단, E2 LOT

Điện thoại/전화번호:

Tài khoản số/계좌번호: 1121000066668 Ngân hàng vietcombank chi nhánh Tuyên Quang

Mã số thuế/세금코드: 5000871045

Người đại diện: Ông. LEE CHUL KI – Chức vụ: Tổng giám đốc

대표자: Mr. LEE CHUL KI –직위: 법인장

■ Tên chủ xử lý: CÔNG TY CP MÔI TRƯỜNG THUẬN THÀNH (Sau đây gọi tắt là Bên B)

처리 업체: THUAN THANH 환경 주식 회사 (이하 “을”이라고 한다)

Địa chỉ: thôn Ngọc Khám, xã Gia Đông, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh

주소: Bac Ninh 성, Thuan Thanh 현, Gia Dong 면, Ngoc Kham 촌

Điện thoại/전화: 0222.3.774 998

Tài khoản số: 0851000010555 tại Ngân hàng Vietcombank – CN Hà Thành

계좌번호: Vietcombank 은행 – Ha Thanh 지점 0851000010555

Mã số thuế/세금코드: 2300426314

Đại diện: Ông Đoàn Văn Hữu - Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc

대표자: Mr. Doan Van Huu - 직위: 부법인장

(Đại diện theo Giấy ủy quyền số 09/MTTT-GUQ ký ngày 01/07/2020)

2020 년 07 월 01 일에 승인된 09/MTTT-GUQ 위임장에 따라 대표임

Hai bên thống nhất thỏa thuận nội dung hợp đồng với các điều khoản sau:

양측은 다음과 같은 조항으로 계약 내용을 합의하기로 일치하였다:

Điều 1: Mục đích của hợp đồng

제 1 조: 계약의 목적

1. Thu gom, vận chuyển, lưu giữ và xử lý chất thải công nghiệp, chất thải sinh hoạt, chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình sản xuất của của Bên A theo đúng quy định của Luật bảo vệ môi trường và các văn bản hướng dẫn thi hành.

을은 베트남의 관련 폐기물 관리에 대한 법률 규정에 따라 갑의 생산 과정에서 발생하는 산업 폐기물, 생활 쓰레기, 유해 폐기물 등 수거, 운반, 저장 및 처리한다.

2. Bên A sẽ bán lại cho Bên B các loại phế liệu tái chế.

갑은 을에게 재활용 스크랩 판매한다.

Điều 2: Địa điểm, thời gian giao nhận, phương thức xử lý, phương tiện vận chuyển

제 2 조: 인수인계 장소, 시간, 처리방법, 운반 차량

1. Địa điểm giao chất thải: tại Công ty TNHH FUTURE OF SOUND VINA
폐기물 인수인계 장소: FUTURE OF SOUND VINA 유한책임 회사.
Địa chỉ: Lô E2 cụm khu công nghiệp Phúc Ứng, xã Phúc Ứng, Huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang, Việt Nam
주소: Tuyen Quang 성, Son Duong 현, Phuc Ung 면, Phuc Ung 공단, E2 LOT
Địa điểm lưu giữ, xử lý chất thải: Tại Công ty CP Môi trường Thuận Thành, thôn Ngọc Khám, xã Gia Đông, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh.
폐기물 저장, 처리 장소: Thuan Thanh 환경 주식회사.
주소: Bac Ninh 성, Thuan Thanh 현, Gia Dong 면, Ngoc Kham 촌.
2. Phương thức xử lý chất thải: Theo đúng các phương án được cấp phép trong Giấy phép xử lý chất thải nguy hại mã số QLCTNH 1-2-3.036.VX của Công ty Cổ phần Môi trường Thuận Thành.
폐기물 처리 방법: Thuan Thanh 환경 주식회사의 제 QLCTNH 1-2-3.036.VX 호 유해 폐기물 처리 허가서에 허용된 방법에 따른다.
3. Thời gian giao nhận chất thải: Chậm nhất sau 24 tiếng kể từ khi nhận được thông báo của Bên A (bằng điện thoại, email hoặc fax) trừ ngày lễ và chủ nhật.
폐기물 및 스크랩 인수인계 시간: 갑의 통보를 받은 후 (전화, 이메일 혹은 팩스) 최대 24 시간 이내. 단, 공휴일과 일요일은 제외한다.
4. Phương tiện vận chuyển: Bên B chịu trách nhiệm bố trí nhân công và phương tiện vận chuyển chuyên dụng đã được Bộ TNMT cấp phép.
운반 차량: 을은 자원환경부에 의해 승인된 직원, 전용 운반 차량을 배치할 책임이 있다.

Điều 3: Đơn giá xử lý và phương thức thanh toán

제 3 조: 처리 비용 및 결제 방법

1. Đơn giá vận chuyển, xử lý chất thải và đơn giá phế liệu được hai bên thống nhất bằng Phụ lục hợp đồng và đó là một phần không thể tách rời của hợp đồng này. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, đơn giá này có thể được điều chỉnh thông qua sự đàm phán nhất trí của hai bên.
폐기물의 운반, 처리 비용 및 스크랩의 구매 가격은 양측이 계약 부록에 의해 합의하며, 이는 본 계약의 불가분의 일부이다. 계약 이행 과정에서, 이 가격은 양측의 합의와 협상을 통해 조정될 수 있다.
2. Trong thời gian thực hiện hợp đồng nếu Bên A có phát sinh những loại phế liệu đặc biệt khác. Hai bên sẽ thống nhất đơn giá và bổ sung bằng phụ lục hợp đồng và đó là một phần không thể tách rời của hợp đồng này.
계약기간 동안내에 갑은 기타 특별한 스크랩을 발생한 경우 양측이 가격은별도 협상후 계약 부록에 추가하여 본 계약의 불가분의 일부이다.
3. Hai bên sẽ lập biên bản giao nhận chất thải cho từng lần thu gom.
양측은 매 수거 마다, 폐기물 및 스크랩 인수인계서를 작성한다.
4. Ngày 29 hoặc 30 hàng tháng, Bên B sẽ lập bảng tổng hợp khối lượng chất thải và phế liệu (bao gồm

đơn giá và số lượng chất thải cụ thể) để hai bên đối chiếu, xác nhận làm cơ sở thanh toán.

mỗi 29 ngày hoặc 30 ngày, 갑과을 양측은 폐기물 및 스크랩 물량표(자세한 가격 및 수량을 포함하여)를 작성하여 양 측이 이를 대조하고 결제의 근거를 확인한다.

5. Phương thức và thời gian thanh toán: Bên A sẽ thanh toán bằng chuyển khoản hoặc tiền mặt cho Bên B trong vòng 35 ngày kể từ ngày bên A nhận được đầy đủ hóa đơn GTGT, bảng tổng hợp khối lượng chất thải trong tháng và các chứng từ chất thải có liên quan.

폐기물 결제 방법 및 시간: 갑은 유효한 VAT 세금계산서, 월간 폐기물 물량 명세서 및 관련 폐기물 처리증서를 받은 후 35 일 이내에 을에게 은행이체 혹은 현금으로 지급한다.

6. Đối với việc thu mua lại các phế liệu, Bên B sẽ thanh toán cho Bên A trong vòng 35 ngày kể từ ngày nhận được hóa đơn tài chính hợp lệ từ Bên A.

스크랩 결제 방법 및 시간: 을은 스크랩 구매에 대해, 갑으로부터 유효한 송장을 받은 후 35 일 이내에 갑에게 지급한다.

Điều 4: Trách nhiệm chung của các bên

제 4 조: 각측의 책임

1. Trách nhiệm của Bên A

갑의 책임

- Hỗ trợ Bên B trong việc thu gom chất thải đúng nơi quy định và thuận tiện cho việc bốc xếp. Hỗ trợ xe nâng (nếu có) trong quá trình thu gom chất thải (nếu cần) và cung cấp giấy tờ cần thiết khi ra vào cổng nhà máy.

을에게 정해진 장소에서 폐기물을 수거하고 편리한 적재를 위해 지원한다. 폐기물 수거 과정에서 지게차 (필요한 경우)를 지원하고 공장 출입 시 필요한 서류를 제공한다.

- Đảm bảo thành phần chất thải đúng như đã thông báo cho Bên B, tuyệt đối không trộn lẫn các loại chất thải với nhau.

을에게 통보한 대로 폐기물의 성분을 보장하며 각종의 폐기물을 혼합하지 않는다.

- Cử người hướng dẫn và xác nhận khối lượng chất thải vận chuyển và xử lý để làm cơ sở nghiệm thu khối lượng và thanh toán.

물량 검사 및 결제의 근거를 위해 운반과 처리 폐기물의 물량을 확인하도록 직원을 지정한다.

- Ký xác nhận và chuyển giao đầy đủ cho Bên B bộ chứng từ CTNH sau mỗi lần Bên B đến thu gom, vận chuyển CTNH theo đúng quy định tại Thông tư 36/2015/TT-BTNMT.

제 36/2015/TT-BTNMT 호 안내장의 규정에 따라 폐기물을 수거, 운반한 후 폐기물 증서를 확인 후 서명하여 을에게 부여한다.

- Bên A có quyền kiểm tra, giám sát quá trình vận chuyển và cân đo khối lượng, quá trình xử lý và tái chế chất thải sinh hoạt, chất thải nguy hại và chất thải công nghiệp thông thường của mình, việc giám sát, kiểm tra này không làm ảnh hưởng đến các hoạt động sản xuất của Bên B.

갑은 생활 쓰레기 유해 산업 폐기물과 일반 산업 폐기물의 운반 과정, 물량 측정, 처리와

재활용 과정을 검사해서 관리할 권한이 있다. 단, 이 검사 및 관리시 을의 생산 활동에 영향을 미치지 않아야 한다.

- Thanh toán đầy đủ, đúng hạn cho Bên B.
을에게 정해진 기간내에 충분히 처리비용 지불한다

2. Trách nhiệm của Bên B:

2. 을의 책임

- Bốc xếp, vận chuyển, lưu giữ và xử lý chất thải công nghiệp, chất thải sinh hoạt, chất thải nguy hại đúng địa điểm và thời gian quy định, bảo đảm thời gian và chất lượng công việc; đảm bảo không gây ô nhiễm môi trường trong toàn bộ quá trình trên.
정해진 장소와 시간에 따라 산업 폐기물, 생활 쓰레기, 유해 폐기물을 수거, 운반, 저장과 처리하고, 업무의 시간과 품질을 보장하며, 해당 과업 전체 과정에서 환경을 오염시키지 않도록 보장한다.
- Khi chất thải đã bàn giao ra khỏi phạm vi nhà máy của Bên A, nếu có bất kỳ sự cố nào xảy ra (thất thoát, làm ảnh hưởng đến vệ sinh môi trường) trong quá trình vận chuyển, lưu giữ, xử lý chất thải của Bên A thì Bên B hoàn toàn chịu trách nhiệm.
폐기물이 갑의 공장 외부로 인수인계 된 후, 갑의 폐기물을 운반, 저장, 처리하는 과정에서 어떤 사고 (유출, 환경위생에 영향을 미친다) 가 발생하는 경우에 을은 전적으로 책임을 진다.
- Đảm bảo đủ điều kiện vận chuyển, lưu giữ và xử lý chất thải theo đúng các qui định của Luật bảo vệ môi trường và các văn bản hướng dẫn thi hành.
베트남의 폐기물 처리 및 환경 보호에 대한 규정에 따라 폐기물을 운반, 저장과 처리하는 것을 보장한다.
- Có phương án xử lý sự cố khi tràn đổ, rò rỉ, hỏa hoạn chất thải và Bên B phải có trách nhiệm đào tạo nhân viên của mình phương án xử lý sự cố đó. Có trách nhiệm cải tiến công nghệ nhằm đạt kết quả xử lý tốt nhất, giảm chi phí xử lý và đảm bảo thân thiện với môi trường.
폐기물의 유출, 누설, 화재의 사고가 발생할 때 이를 해결하며 해당 사고에 대한 처리 방법을 자신의 직원에게 교육을 진행할 책임이 있다. 최상의 처리 결과를 달성하고 처리 비용을 절감하며 친환경을 보장하기 위해 기술을 개선할 책임이 있다.
- Thông tin đầy đủ cho Bên A các vấn đề phát sinh trong quá trình thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải
폐기물의 수거, 운반 및 처리하는 과정에서 발생하는 문제를 갑에게 즉시 통지한다.
- Ký xác nhận và trả lại đầy đủ cho Bên A bộ chứng từ CTNH sau khi đã hoàn thành việc xử lý CTNH theo đúng quy định tại Thông tư 36/2015/TT-BTNMT.
제 36/2015/TT-BTNMT 호 안내장의 규정에 따라 유해 폐기물의 처리를 완료한 후 유해 폐기물의 증서를 확인 서명해서 갑에게 반환한다.

- Chịu chi phí cân xe, cân hàng hóa khi hai bên xác nhận chuyển giao khối lượng chất thải, phế liệu bằng dịch vụ cân xe và hàng hóa.
 폐기물 인수인계시 차량 계량비용 발생하는경우 처리 업체 부담한다.
- Xuất hóa đơn tài chính hợp lệ cho Bên A dựa theo bảng tổng hợp khối lượng chất thải.
 폐기물 물량 명세서에 따라 유효한 송장을 갑에게 발행한다.
- Thanh toán đầy đủ, đúng hạn cho Bên A.
 갑에게 정해진 기간내에 충분히 스크랩 구매비용 지불한다

Điều 5: Điều khoản chung

제 5 조: 공동 조항

1. Trừ các vấn đề có liên quan đến bí quyết công nghệ hóa học, hai bên cam kết trao đổi một cách công khai cho nhau các thông tin liên quan đến việc xử lý chất thải công nghiệp, sinh hoạt, nguy hại.
 화학 공학 노하우와 관련된 문제를 제외하고, 양측은 산업 폐기물, 생활 쓰레기, 유해 산업 폐기물의 처리에 관한 정보를 서로 교환하는 것을 서약한다
2. Bất kỳ sự sửa đổi hay bổ sung nào đối với Hợp đồng này đều phải được lập thành văn bản với sự thỏa thuận giữa hai bên và việc sửa đổi bổ sung đó là một phần không thể tách rời như là bản chính hay phụ lục bổ sung của hợp đồng này.
 본 계약에 대한 모든 수정이나 추가는 양측의 합의에 따라 서면으로 작성되어야 하며 해당 수정이나 추가는 원본이나 본 계약의 추가 부록으로써 불가분의 일부를 구성한다.
3. Hai bên cần chủ động thông báo cho nhau biết tiến độ thực hiện hợp đồng, nếu có vấn đề phải quyết định các bên phải kịp thời thông báo cho nhau và chủ động bàn bạc, giải quyết trên cơ sở thương lượng đảm bảo lợi ích của cả hai bên. Trong trường hợp không giải quyết được bằng thương lượng, tranh chấp sẽ được đưa ra tòa án Nhân dân Tỉnh Tuyên Quang giải quyết theo quy định của Pháp Luật.
 양측은 계약 진행 상황을 서로 적극적으로 통지하여야 하며, 결정해야 할 문제가 있는 경우에 각측은 적시 통지해서 양측의 이익을 보장하는 협상에 기초하여 서로 논의해서 해결하여야 한다. 협상에 의해 해결될 수 없는 경우, 분쟁은 갑의 소재지 (Tuyen Quang) 관할 법원에 제기된다.

Điều 6: Bảo mật

제 6 조: 비밀유지

1. Hợp đồng này và các giấy tờ, tài liệu liên quan đến hợp đồng này là tài liệu riêng của các bên tham gia hợp đồng và không bên nào được tiết lộ cho bên thứ ba (trừ trường hợp bắt buộc theo quy định của pháp luật) nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của bên còn lại.
 각 당사자는 본 계약 및 관련한 모든 서류, 증서가 비밀 정보이며 비밀정보에 대하여 업무상 비밀을 유지하여야 하며, 당사자의 명시적인 서면 동의 없이는 제 3 자에게 유출하면 안된다.
 (법률에 특별한 규정이 있는 경우를 제외).

2. Khi hợp đồng chấm dứt, hai bên không được tiết lộ hoặc cung cấp cho bên thứ ba bí mật liên quan đến hoạt động thương mại, bí quyết kinh doanh của cả hai bên trong thời gian thực hiện hợp đồng và sẽ không đưa ra bất kỳ phản đối nào.

본 계약 종료시 계약기간동안 습득한 양 당사자의 영업 비밀을 제 3 자에 제공하지 않으며 어떠한 이익을 제기하지 않는다.

Điều 7: BẤT KHẢ KHÁNG

제 7 조: 불가항력

1. Nếu một trong các bên bị ngăn cản hay bị chậm trễ trong việc thực hiện bất kỳ nhiệm vụ nào trong hợp đồng bởi các sự kiện nằm ngoài khả năng kiểm soát của mình thì sự kiện này được coi là bất khả kháng, bên còn lại sẽ được coi là không có lỗi và không phải chịu bất kỳ trách nhiệm nào với bên kia theo hợp đồng này.

통제하지 못하는 사건으로 인해 각 당사자 중 하나가 계약상의 업무 이행을 방해또는 지연하게 되면 그사건이 불가항력으로 간주된다. 상대방 당사자의 실수 아닌것으로 간주되며 본계약서에 따라 다른 당사자에게 책임을 지지 않아도 된다.

2. Các sự kiện được coi là bất khả kháng là: chiến tranh, bạo động, sự thay đổi chính sách của chính phủ, cháy nổ, lũ lụt, động đất hoặc các điều kiện tự nhiên không bình thường khác.

불가항력은 자연사, 폭풍우, 홍수, 지진, 화재, 산업혼란, 재앙, 정부법령의 변동, 폭동, 반란, 전쟁이나 비정상적인 자연 현상들이다.

Điều 8: Hiệu lực hợp đồng

제 8 조: 계약 효력

1. Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày 18/01/2022 đến hết ngày 17/01/2023.

본 계약은 2022/01/18일부터 2023/01/17까지 유효한다.

Khi hết hạn hợp đồng nếu hai bên không có thông báo chấm dứt hợp đồng bằng văn bản thì hợp đồng mặc nhiên có hiệu lực thêm 01 năm nữa, tương tự qua các năm.

계약이 만료되면 양 당사자가 서면으로 계약 해지 예고없을 경우 계약은 자동으로 1년 더 연장된다, 수년에 걸쳐 비슷합니다.

2. Bên A có quyền chấm dứt hợp đồng khi phát hiện thấy Bên B vi phạm các quy định của hợp đồng này và Luật bảo vệ môi trường và các văn bản hướng dẫn thi hành mà không cần báo trước và được bồi thường thiệt hại phát sinh (nếu có).

본 계약의 규정과 환경보호에 대한 베트남 법률의 규정을 위반하는 경우에 갑은 사전통지 없이 본 계약을 해지할 수 있으며 발생손해 (있는경우)를 을에게 청구할 수 있다

3. Hợp đồng này được hai bên cam kết thực hiện, trường hợp xảy ra tranh chấp hai bên sẽ cùng giải quyết thông qua đàm phán trên tinh thần hợp tác và xây dựng. Nếu không giải quyết được thông qua hình thức trên, tranh chấp sẽ được đưa ra tòa án Nhân dân Tỉnh Tuyen Quang giải quyết theo quy định của Pháp Luật.

본 계약은 양측이 이행하는 것을 약속하며, 분쟁이 발생하는 경우에 양측이 협력의 정신으로 협상을 통해 해결한다. 이 방법을 통해 해결되지 못하는 경우, 분쟁은 갑의 소재지의 관할 Tuyen Quang 법원에 제기되고 법원의 판결이 최종 효력을 갖는다.

4. Nếu có sự bất đồng ngôn ngữ trong các điều khoản trên, tiếng Việt sẽ được sử dụng làm căn cứ để giải quyết tranh chấp.

본 계약의 해석상 차이가 있는 경우베트남어를 근거로 분쟁 해결한다

5. Hợp đồng được lập thành 04 bản tiếng Việt, mỗi bên giữ 02 bản có giá trị pháp lý như nhau.

본계약을 베트남어 - 한국어 04 부 작성한다. 각 당사는 법적 측면에서 같은 값의 02 부씩 보유한다.

ĐẠI DIỆN BÊN A

갑의 대표자



**PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC
LEE CHUL KI**

ĐẠI DIỆN BÊN B

을의 대표자



**PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC
ĐOÀN VĂN HỮU**



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

베트남 사회주의 공화국
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
독립 - 자유 - 행복

PHỤ LỤC HỢP ĐỒNG SỐ 01

계약 부록 01 호

(Kèm theo hợp đồng số: **20.220.022**...../HĐXL-PL ngày 18/01/2022)

(2022/01/18 일자 제 **20.220.022**...../HĐXL-PL 호 계약서와 함께)

Căn cứ Hợp đồng thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải công nghiệp, sinh hoạt, nguy hại và thu mua phế liệu tái chế ký ngày 18/01/2022, giữa Công ty TNHH FUTURE OF SOUND VINA và Công ty CP Môi Trường Thuận Thành;

FUTURE OF SOUND VINA 유한책임 회사 및 Thuan Thanh 환경 주식회사 사이에 2022/01/18 일에 체결된 산업폐기물, 생활쓰레기, 유해 폐기물 처리 및 재활용 스크랩 구매 계약서에 의거하여

Hôm nay, ngày 18/01/2022 tại trụ sở Công ty TNHH FUTURE OF SOUND VINA. Chúng tôi gồm:

금일, 2022/01/18 일에 FUTURE OF SOUND VINA 유한책임 회사의 본부에서 계약의 양 당사자를 다음과 같다.

■ **Bên A: CÔNG TY TNHH FUTURE OF SOUND VINA**

Giấy: FUTURE OF SOUND VINA 유한책임 회사

Địa chỉ: Lô E2 cụm khu công nghiệp Phúc Ứng, xã Phúc Ứng, Huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang, Việt Nam

주소: Tuyên Quang 성, Son Duong 현, Phuc Ung 면, Phuc Ung 공단, E2 LOT

Người đại diện: Ông. LEE CHUL KI – Chức vụ: Tổng giám đốc

대표자: Mr. LEE CHUL KI –직위: 법인장

■ **Bên B: CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG THUẬN THÀNH**

Giấy: THUAN THANH 환경 주식 회사

Địa chỉ: thôn Ngọc Khám, xã Gia Đông, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh

주소: Bac Ninh 성, Thuan Thanh 현, Gia Dong 면, Ngoc Kham 촌

Đại diện: Ông Đoàn Văn Hữu - Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc

대표자: Mr. Doan Van Huu - 직위: 부법인장

(Đại diện theo Giấy ủy quyền số 09/MTTT-GUQ ký ngày 01/07/2020)

2020 년 07 월 01 일에 승인된 09/MTTT-GUQ 위임장에따라 대표임

Hai bên thống nhất ký kết phụ lục hợp đồng với nội dung sau:



양측은 다음과 내용으로 계약 부록을 체결하기로 일치하였다

1. Bên A thuê Bên B thu gom vận chuyển, lưu giữ, xử lý chất thải được liệt kê trong danh mục với đơn giá dưới đây.

Giá là 다음과 같은 단가로 목록에 있는 폐기물들을 수거, 운반, 처리하도록 을에게 위탁한다.

I. Đơn giá cho dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải:

폐기물의 수거, 운반 및 처리 비용.

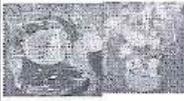
TT	Loại chất thải 폐기물 품목	Đơn vị đơn vị	Đơn giá đơn giá (VNĐ)	Ghi chú 비고
1	Rác công nghiệp thông thường 일반 산업 폐기물	KG	2,500	
2	Rác sinh hoạt 생활쓰레기	KG	1,800	
3	Bóng đèn huỳnh quang thải 폐 형광등	KG	3,000	
4	Giẻ lau nhiễm dầu, chất hấp phụ, bao tay, vải nhiễm các thành phần nguy hại 유해 폐 장갑, 보루, 흡작제	KG	3,500	
5	Linh kiện điện tử thải 유해 폐전자 부품	KG	2,500	
6	Bao bì cứng thải bằng nhựa 폐 플라스틱 포장	KG	2,500	
7	Bao bì cứng thải bằng kim loại 폐 금속 포장	KG	2,500	
8	Dung môi tẩy rửa thải, cồn thải 폐 세척 용매, 폐 알코올	KG	3,800	

Đơn giá xử lý chất thải đã bao gồm thuế VAT/폐기물 처리비용은 VAT 포함.

II. Danh mục và đơn giá thu mua phế liệu.

스크랩 항목 및 구매 단가

TT	Loại Phế liệu 스크랩 품목	Đơn vị đơn vị	Đơn giá đơn giá (VNĐ)	Hình ảnh 사진
1	Nhựa MDD Loại 1 1 종 MDD	KG	14,000	
2	Nhựa MDD Loại 2 2 종 MDD	KG	2,500	
3	HOUSING	KG	3,000	
4	PLUG	KG	13,500	
5	CORD Loại 1 1 종 CODR	KG	11,000	
6	CORD Loại 2 2 종 CORD	KG	7,000	

7	Khay nhựa xô 플라스틱 트레이	KG	3,100	
8	Nhựa Bavaria đúc trắng 화이트 플라스틱 사출버	KG	8,500	
9	Nhựa Bavaria đúc màu 칼러 플라스틱 사출버	KG	6,700	
10	Bìa phế liệu 종이 박스	KG	3,000	
11	Nylon sạch 투명 나이론	KG	4,800	
12	Dây tai nghe có lõi đồng 이어폰 와이어 (구리 와이어 포함)	KG	4,000	
13	Lựa lô cuốn 플라스틱 론	KG	5,500	
14	Dây đồng đỏ 적동 와이어	KG	71,000	
15	Sắt phế liệu 고철 스크랩	KG	5,500	
16	Nhựa Guide 2 층 플라스틱 사출버	KG	4,100	
17	Nhựa ABS (920- 700) ABS (920- 700)플라스틱	KG	10,500	
18	Nhựa TPE (95A-75A) TPE (95A-75A) 플라스틱	KG	4,150	
19	Nhựa PC PC 플라스틱	KG	7,500	
20	Nhựa cục 플라스틱 덩어리	KG	3,000	
21	Nhựa Frameinner Frameinner플라스틱	KG	14,850	
22	Nhựa PET PET 플라스틱	KG	13,000	
23	Pallet gỗ 목재 팔레트	KG	500	
24	Vỏ chai nhựa (vỏ lon) 플라스틱 병(캔)	KG	2,500	

Đơn giá thu mua phế liệu đã bao gồm thuế VAT/스크랩 구매단가를 VAT 포함

2. Điều khoản chung

공동 조항

2.1 Bên B cam kết rằng mình có đủ điều kiện, năng lực thu gom, vận chuyển, lưu giữ và tiêu hủy các

chất thải thuộc bảng nêu trên theo theo Luật bảo vệ môi trường và các văn bản hướng dẫn thi hành.
은 법률의 규정에 따라 상위 표에 속한 폐기물을 수거, 운반, 저장할 수 있는 능력을 갖추는
것을 서약한다.

2.2 Phụ lục hợp đồng số 01 này là một phần không thể tách rời của hợp đồng số:
20.220.022/HĐXL-PL ký ngày 18/01/2022

01 부록은 2022/01/18 일에 체결된 제 **20.220.022**/HĐXL-PL 호 계약의 불가분의 일부이다.

2.3 Phụ lục hợp đồng này được lập thành 04 bản tiếng Việt, mỗi bên giữ 02 bản có giá trị pháp lý như nhau.
본계약부록을 베트남어 - 한국어 04 부 작성한다. 각 당사자는 법적 측면에서 같은 값의 02 부씩
보유한다

ĐẠI DIỆN BÊN A

갑의 대표자



**PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC
LEE CHUL KI**

ĐẠI DIỆN BÊN B

을의 대표자



**PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC
ĐOÀN VĂN HỮU**





HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (VAT Invoice)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử
(E-Invoice viewer)

Ngày (Date) 29 tháng (month) 7 năm (year) 2024

Mã QGT (Code): 00B1E7111349CC46AD98C65441FE812BEF

Ký hiệu (Sign): 1C24TTP

Số (No): 00004261

Đơn vị bán hàng (Supplier): **CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG THUẬN THÀNH**

Mã số thuế (Tax code): **2300426314**

Địa chỉ (Address): Khu Phố Ngọc Khám, Phường Gia Đông, Thị xã Thuận Thành, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam

Điện thoại (Tel): 02223.774.998

Số tài khoản (Bank account): 0351000699616 tại Ngân hàng Vietcombank - Chi nhánh Bắc Ninh
110002618686 tại Ngân hàng Vietinbank - Chi nhánh Bắc Ninh

Họ tên người mua hàng (Buyer):

Tên đơn vị (Company's name): **CÔNG TY TNHH FUTURE OF SOUND VINA**

Mã số thuế (Tax code): 5000871045

Địa chỉ (Address): Lô E2, Cụm công nghiệp Phúc ứng, Xã Phúc ứng, Huyện Sơn Dương, Tỉnh Tuyên Quang, Việt Nam

Hình thức thanh toán (Payment method): Chuyển khoản Số tài khoản (Bank account):

STT (No)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Name of goods and services)	Đơn vị tính (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Thu gom, vận chuyển và xử lý rác công nghiệp thông thường	Kg	804,00	2.315	1.861.111
2	Thu gom, vận chuyển và xử lý rác sinh hoạt	Kg	1.030,00	1.667	1.716.667
3	Thu gom, vận chuyển và xử lý giẻ lau nhiễm dầu, chất hấp phụ, bao tay, vải nhiễm các thành phần nguy hại	Kg	30,00	3.241	97.222
Cộng tiền hàng: (Total before VAT):					3.675.000
Thuế suất GTGT (VAT rate):		8 %	Tiền thuế GTGT (VAT amount):		294.000
Tổng tiền thanh toán (Total amount):					3.969.000
Số tiền viết bằng chữ (Total amount in words): Ba triệu chín trăm sáu mươi chín nghìn đồng.					

Người mua hàng (Buyer)

(Ký, ghi rõ họ, tên)

(Signature, full name)

Người bán hàng (Seller)

(Ký, ghi rõ họ, tên)

(Signature, full name)

Ký bởi: **CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG
THUẬN THÀNH**

Ký ngày: **29/07/2024**

(Cần kiểm tra, đối chiếu trước khi lập, giao, nhận hóa đơn)



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

(VAT Invoice)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử

(E-Invoice viewer)

Ngày (Date) 31 tháng (month) 8 năm (year) 2024

Mã QGT (Code): 003D3CB37AC7334047A146773F6219329A

Ký hiệu (Sign): 1C24TTP

Số (No): 00005180

Đơn vị bán hàng (Supplier): **CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG THUẬN THÀNH**

Mã số thuế (Tax code): **2300426314**

Địa chỉ (Address): Khu Phố Ngọc Khám, Phường Gia Đông, Thị xã Thuận Thành, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam

Điện thoại (Tel): 02223.774.998

Số tài khoản (Bank account): 0351000699616 tại Ngân hàng Vietcombank - Chi nhánh Bắc Ninh

110002618686 tại Ngân hàng Vietinbank - Chi nhánh Bắc Ninh

Họ tên người mua hàng (Buyer):

Tên đơn vị (Company's name): **CÔNG TY TNHH FUTURE OF SOUND VINA**

Mã số thuế (Tax code): 5000871045

Địa chỉ (Address): Lô E2, Cụm công nghiệp Phúc ứng, Xã Phúc ứng, Huyện Sơn Dương, Tỉnh Tuyên Quang, Việt Nam

Hình thức thanh toán (Payment method): Chuyển khoản Số tài khoản (Bank account):

STT (No)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Name of goods and services)	Đơn vị tính (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Thu gom, vận chuyển và xử lý rác công nghiệp thông thường	Kg	835,00	2.315	1.932.870
2	Thu gom, vận chuyển và xử lý rác sinh hoạt	Kg	1.120,00	1.667	1.866.667
3	Thu gom, vận chuyển và xử lý giặt lau nhiễm dầu, chất hấp phụ, bao tay, vải nhiễm các thành phần nguy hại	Kg	30,00	3.241	97.222
Cộng tiền hàng: (Total before VAT):					3.896.759
Thuế suất GTGT (VAT rate):		8 %	Tiền thuế GTGT (VAT amount):		311.741
Tổng tiền thanh toán (Total amount):					4.208.500
Số tiền viết bằng chữ (Total amount in words):					Bốn triệu hai trăm linh tám nghìn năm trăm đồng.

Người mua hàng (Buyer)

(Ký, ghi rõ họ, tên)

(Signature, full name)

Người bán hàng (Seller)

(Ký, ghi rõ họ, tên)

(Signature, full name)

Ký bởi: **CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG THUẬN THÀNH**

Ký ngày: **31/08/2024**

(Cần kiểm tra, đối chiếu trước khi lập, giao, nhận hóa đơn)



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

(VAT Invoice)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử

(E-Invoice viewer)

Ngày (Date) 01 tháng (month) 10 năm (year) 2024

Mã QGT (Code): 003A33D09F79B84469825BE1DFF947729A

Ký hiệu (Sign): 1C24TTP

Số (No): 00005841

Đơn vị bán hàng (Supplier): **CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG THUẬN THÀNH**

Mã số thuế (Tax code): **2300426314**

Địa chỉ (Address): Khu Phố Ngọc Khám, Phường Gia Đông, Thị xã Thuận Thành, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam

Điện thoại (Tel): 02223.774.998

Số tài khoản (Bank account): 0351000699616 tại Ngân hàng Vietcombank - Chi nhánh Bắc Ninh

110002618686 tại Ngân hàng Vietinbank - Chi nhánh Bắc Ninh

Họ tên người mua hàng (Buyer):

Tên đơn vị (Company's name): **CÔNG TY TNHH FUTURE OF SOUND VINA**

Mã số thuế (Tax code): 5000871045

Địa chỉ (Address): Lô E2, Cụm công nghiệp Phúc ứng, Xã Phúc ứng, Huyện Sơn Dương, Tỉnh Tuyên Quang, Việt Nam

Hình thức thanh toán (Payment method): Chuyển khoản Số tài khoản (Bank account):

STT (No)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Name of goods and services)	Đơn vị tính (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Thu gom, vận chuyển và xử lý rác công nghiệp thông thường	Kg	705,00	2.315	1.631.944
2	Thu gom, vận chuyển và xử lý rác sinh hoạt	Kg	1.037,00	1.667	1.728.333
3	Thu gom, vận chuyển và xử lý giặt lau nhiễm dầu, chất hấp phụ, bao tay, vải nhiễm các thành phần nguy hại	Kg	25,00	3.241	81.019
Cộng tiền hàng: (Total before VAT):					3.441.296
Thuế suất GTGT (VAT rate):		8 %	Tiền thuế GTGT (VAT amount):		275.304
Tổng tiền thanh toán (Total amount):					3.716.600
Số tiền viết bằng chữ (Total amount in words):					Ba triệu bảy trăm mười sáu nghìn sáu trăm đồng.

Người mua hàng (Buyer)

(Ký, ghi rõ họ, tên)

(Signature, full name)

Người bán hàng (Seller)

(Ký, ghi rõ họ, tên)

(Signature, full name)

Ký bởi: **CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG THUẬN THÀNH**

Ký ngày: **01/10/2024**

(Cần kiểm tra, đối chiếu trước khi lập, giao, nhận hóa đơn)



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

(VAT Invoice)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử

(E-Invoice viewer)

Ngày (Date) 31 tháng (month) 10 năm (year) 2024

Mã QCT (Code): 008D2A918EBA6C4463AE0878D4AC1DBF19

Ký hiệu (Sign): 1C24TTP

Số (No): 00006377

Đơn vị bán hàng (Supplier): **CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG THUẬN THÀNH**

Mã số thuế (Tax code): **2300426314**

Địa chỉ (Address): Khu Phố Ngọc Khám, Phường Gia Đông, Thị xã Thuận Thành, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam

Điện thoại (Tel): 02223.774.998

Số tài khoản (Bank account): 0351000699616 tại Ngân hàng Vietcombank - Chi nhánh Bắc Ninh

110002618686 tại Ngân hàng Vietinbank - Chi nhánh Bắc Ninh

Họ tên người mua hàng (Buyer):

Tên đơn vị (Company's name): **CÔNG TY TNHH FUTURE OF SOUND VINA**

Mã số thuế (Tax code): 5000871045

Địa chỉ (Address): Lô E2, Cụm công nghiệp Phúc ứng, Xã Phúc ứng, Huyện Sơn Dương, Tỉnh Tuyên Quang, Việt Nam

Hình thức thanh toán (Payment method): TM/CK

Số tài khoản (Bank account):

STT (No)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Name of goods and services)	Đơn vị tính (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Thu gom, vận chuyển và xử lý rác công nghiệp thông thường	Kg	837,00	2.315	1.937.500
2	Thu gom, vận chuyển và xử lý rác sinh hoạt	Kg	1.099,00	1.667	1.831.667
3	Thu gom, vận chuyển và xử lý giẻ lau nhiễm dầu, chất hấp phụ, bao tay, vải nhiễm các thành phần nguy hại	Kg	28,00	3.241	90.741
Cộng tiền hàng: (Total before VAT):					3.859.908
Thuế suất GTGT (VAT rate):		8 %	Tiền thuế GTGT (VAT amount):		308.792
Tổng tiền thanh toán (Total amount):					4.168.700
Số tiền viết bằng chữ (Total amount in words): Bốn triệu một trăm sáu mươi tám nghìn bảy trăm đồng.					

Người mua hàng (Buyer)

(Ký, ghi rõ họ, tên)

(Signature, full name)

Người bán hàng (Seller)

(Ký, ghi rõ họ, tên)

(Signature, full name)

Ký bởi: **CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG THUẬN THÀNH**

Ký ngày: **31/10/2024**

(Cần kiểm tra, đối chiếu trước khi lập, giao, nhận hóa đơn)



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

(VAT Invoice)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử
(E-Invoice viewer)

Ngày (Date) 28 tháng (month) 11 năm (year) 2024

Mã QGT (Code): 0073A260C059AE46CEAA316B52EE5DCD31

Ký hiệu (Sign): 1C24TTP

Số (No): 00006888

Đơn vị bán hàng (Supplier): **CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG THUẬN THÀNH**

Mã số thuế (Tax code): **2300426314**

Địa chỉ (Address): Khu Phố Ngọc Khám, Phường Gia Đông, Thị xã Thuận Thành, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam

Điện thoại (Tel): 02223.774.998

Số tài khoản (Bank account): 0351000699616 tại Ngân hàng Vietcombank - Chi nhánh Bắc Ninh
110002618686 tại Ngân hàng Vietinbank - Chi nhánh Bắc Ninh

Họ tên người mua hàng (Buyer):

Tên đơn vị (Company's name): **CÔNG TY TNHH FUTURE OF SOUND VINA**

Mã số thuế (Tax code): 5000871045

Địa chỉ (Address): Lô E2, Cụm công nghiệp Phúc ứng, Xã Phúc ứng, Huyện Sơn Dương, Tỉnh Tuyên Quang, Việt Nam

Hình thức thanh toán (Payment method): TM/CK

Số tài khoản (Bank account):

STT (No)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Name of goods and services)	Đơn vị tính (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Thu gom, vận chuyển và xử lý rác công nghiệp thông thường	Kg	805,000	2.315	1.863.426
2	Thu gom, vận chuyển và xử lý rác sinh hoạt	Kg	1.028,000	1.667	1.713.333
3	Thu gom, vận chuyển và xử lý giẻ lau nhiễm dầu, chất hấp phụ, bao tay, vải nhiễm các thành phần nguy hại	Kg	23,000	3.241	74.537
Cộng tiền hàng: (Total before VAT):					3.651.296
Thuế suất GTGT (VAT rate):		8 %	Tiền thuế GTGT (VAT amount):		292.104
Tổng tiền thanh toán (Total amount):					3.943.400
Số tiền viết bằng chữ (Total amount in words): Ba triệu chín trăm bốn mươi ba nghìn bốn trăm đồng.					

Người mua hàng (Buyer)

(Ký, ghi rõ họ, tên)

(Signature, full name)

Người bán hàng (Seller)

(Ký, ghi rõ họ, tên)

(Signature, full name)

Ký bởi: **CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG THUẬN THÀNH**

Ký ngày: **28/11/2024**

(Cần kiểm tra, đối chiếu trước khi lập, giao, nhận hóa đơn)



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (VAT Invoice)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử
(E-Invoice viewer)

Ngày (Date) 28 tháng (month) 12 năm (year) 2024

Mã QGT (Code): 0073CC039F9399461FAB39B3742E7F88B5

Ký hiệu (Sign): 1C24TTP

Số (No): 00007623

Đơn vị bán hàng (Supplier): **CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG THUẬN THÀNH**

Mã số thuế (Tax code): **2300426314**

Địa chỉ (Address): Khu Phố Ngọc Khám, Phường Gia Đông, Thị xã Thuận Thành, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam

Điện thoại (Tel): 02223.774.998

Số tài khoản (Bank account): 0351000699616 tại Ngân hàng Vietcombank - Chi nhánh Bắc Ninh
110002618686 tại Ngân hàng Vietinbank - Chi nhánh Bắc Ninh

Họ tên người mua hàng (Buyer):

Tên đơn vị (Company's name): **CÔNG TY TNHH FUTURE OF SOUND VINA**

Mã số thuế (Tax code): 5000871045

Địa chỉ (Address): Lô E2, Cụm công nghiệp Phúc ứng, Xã Phúc ứng, Huyện Sơn Dương, Tỉnh Tuyên Quang, Việt Nam

Hình thức thanh toán (Payment method): TM/CK

Số tài khoản (Bank account):

STT (No)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Name of goods and services)	Đơn vị tính (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Thu gom, vận chuyển và xử lý rác công nghiệp thông thường	Kg	785,000	2.315	1.817.130
2	Thu gom, vận chuyển và xử lý rác sinh hoạt	Kg	1.016,000	1.667	1.693.333
3	Thu gom, vận chuyển và xử lý giẻ lau nhiễm dầu, chất hấp phụ, bao tay, vải nhiễm các thành phần nguy hại	Kg	20,000	3.241	64.815
Cộng tiền hàng: (Total before VAT):					3.575.278
Thuế suất GTGT (VAT rate):		8 %	Tiền thuế GTGT (VAT amount):		286.022
Tổng tiền thanh toán (Total amount):					3.861.300
Số tiền viết bằng chữ (Total amount in words): Ba triệu tám trăm sáu mươi một nghìn ba trăm đồng.					

Người mua hàng (Buyer)

(Ký, ghi rõ họ, tên)

(Signature, full name)

Người bán hàng (Seller)

(Ký, ghi rõ họ, tên)

(Signature, full name)

Ký bởi: **CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG
THUẬN THÀNH**

Ký ngày: **28/12/2024**

(Cần kiểm tra, đối chiếu trước khi lập, giao, nhận hóa đơn)



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (VAT Invoice)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử
(E-Invoice viewer)

Ngày (Date) 24 tháng (month) 01 năm (year) 2025

Mã QGT (Code): 003358B0795F7D4706976B54135651FAA4

Ký hiệu (Sign): 1C25TTP

Số (No): 00000348

Đơn vị bán hàng (Supplier): **CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG THUẬN THÀNH**

Mã số thuế (Tax code): **2300426314**

Địa chỉ (Address): Khu Phố Ngọc Khám, Phường Gia Đông, Thị xã Thuận Thành, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam

Điện thoại (Tel): 02223.774.998

Số tài khoản (Bank account): 0351000699616 tại Ngân hàng Vietcombank - Chi nhánh Bắc Ninh
110002618686 tại Ngân hàng Vietinbank - Chi nhánh Bắc Ninh

Họ tên người mua hàng (Buyer):

Tên đơn vị (Company's name): **CÔNG TY TNHH FUTURE OF SOUND VINA**

Mã số thuế (Tax code): 5000871045

Địa chỉ (Address): Lô E2, Cụm công nghiệp Phúc ứng, Xã Phúc ứng, Huyện Sơn Dương, Tỉnh Tuyên Quang, Việt Nam

Hình thức thanh toán (Payment method): TM/CK

Số tài khoản (Bank account):

STT (No)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Name of goods and services)	Đơn vị tính (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Thu gom, vận chuyển và xử lý rác công nghiệp thông thường	Kg	708,000	2.315	1.639.020
2	Thu gom, vận chuyển và xử lý rác sinh hoạt	Kg	872,000	1.667	1.453.624
3	Thu gom, vận chuyển và xử lý giẻ lau nhiễm dầu, chất hấp phụ, bao tay, vải nhiễm các thành phần nguy hại	Kg	16,000	3.241	51.856
Cộng tiền hàng: (Total before VAT):					3.144.500
Thuế suất GTGT (VAT rate):		8 %	Tiền thuế GTGT (VAT amount):		251.560
Tổng tiền thanh toán (Total amount):					3.396.060
Số tiền viết bằng chữ (Total amount in words): Ba triệu ba trăm chín mươi sáu nghìn không trăm sáu mươi đồng.					

Người mua hàng (Buyer)

(Ký, ghi rõ họ, tên)

(Signature, full name)

Người bán hàng (Seller)

(Ký, ghi rõ họ, tên)

(Signature, full name)

Ký bởi: **CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG
THUẬN THÀNH**

Ký ngày: **24/01/2025**

(Cần kiểm tra, đối chiếu trước khi lập, giao, nhận hóa đơn)



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

(VAT Invoice)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử
(E-Invoice viewer)

Ký hiệu (Sign): 1C25TTP

Số (No): 00000885

Ngày (Date) 27 tháng (month) 02 năm (year) 2025

Mã QCT (Code): 006F82ABBF3C4220AE67934AE8D5F685

Đơn vị bán hàng (Supplier): **CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG THUẬN THÀNH**

Mã số thuế (Tax code): **2300426314**

Địa chỉ (Address): Khu Phố Ngọc Khám, Phường Gia Đông, Thị xã Thuận Thành, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam

Điện thoại (Tel): 02223.774.998

Số tài khoản (Bank account): 0351000699616 tại Ngân hàng Vietcombank - Chi nhánh Bắc Ninh

110002618686 tại Ngân hàng Vietinbank - Chi nhánh Bắc Ninh

Họ tên người mua hàng (Buyer):

Tên đơn vị (Company's name): **CÔNG TY TNHH FUTURE OF SOUND VINA**

Mã số thuế (Tax code): 5000871045

Địa chỉ (Address): Lô E2, Cụm công nghiệp Phúc ứng, Xã Phúc ứng, Huyện Sơn Dương, Tỉnh Tuyên Quang, Việt Nam

Hình thức thanh toán (Payment method): TM/CK

Số tài khoản (Bank account):

STT (No)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Name of goods and services)	Đơn vị tính (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Thu gom, vận chuyển và xử lý rác công nghiệp thông thường	Kg	650,000	2.315	1.504.750
2	Thu gom, vận chuyển và xử lý rác sinh hoạt	Kg	800,000	1.667	1.333.600
3	Thu gom, vận chuyển và xử lý giẻ lau nhiễm dầu, chất hấp phụ, bao tay, vải nhiễm các thành phần nguy hại	Kg	10,000	3.241	32.410
Cộng tiền hàng: (Total before VAT):					2.870.760
Thuế suất GTGT (VAT rate):		8 %	Tiền thuế GTGT (VAT amount):		229.661
Tổng tiền thanh toán (Total amount):					3.100.421
Số tiền viết bằng chữ (Total amount in words):					Ba triệu một trăm nghìn bốn trăm hai mươi một đồng.

Người mua hàng (Buyer)

(Ký, ghi rõ họ, tên)

(Signature, full name)

Người bán hàng (Seller)

(Ký, ghi rõ họ, tên)

(Signature, full name)

Ký bởi: **CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG THUẬN THÀNH**

Ký ngày: **27/02/2025**

(Cần kiểm tra, đối chiếu trước khi lập, giao, nhận hóa đơn)



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

(VAT Invoice)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử

(E-Invoice viewer)

Ngày (Date) 31 tháng (month) 3 năm (year) 2025

Mã QGT (Code): 004477C6598F9544AF85D768AC0786A295

Ký hiệu (Sign): 1C25TTP

Số (No): 00001689

Đơn vị bán hàng (Supplier): **CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG THUẬN THÀNH**

Mã số thuế (Tax code): **2300426314**

Địa chỉ (Address): Khu Phố Ngọc Khám, Phường Gia Đông, Thị xã Thuận Thành, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam

Điện thoại (Tel): 02223.774.998

Số tài khoản (Bank account): 0351000699616 tại Ngân hàng Vietcombank - Chi nhánh Bắc Ninh

110002618686 tại Ngân hàng Vietinbank - Chi nhánh Bắc Ninh

Họ tên người mua hàng (Buyer):

Tên đơn vị (Company's name): **CÔNG TY TNHH FUTURE OF SOUND VINA**

Mã số thuế (Tax code): 5000871045

Địa chỉ (Address): Lô E2, Cụm công nghiệp Phúc ứng, Xã Phúc ứng, Huyện Sơn Dương, Tỉnh Tuyên Quang, Việt Nam

Hình thức thanh toán (Payment method): TM/CK

Số tài khoản (Bank account):

STT (No)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Name of goods and services)	Đơn vị tính (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Thu gom, vận chuyển và xử lý rác công nghiệp thông thường	Kg	720,000	2.315	1.666.800
2	Thu gom, vận chuyển và xử lý rác sinh hoạt	Kg	876,000	1.667	1.460.292
3	Thu gom, vận chuyển và xử lý giặt lau nhiễm dầu, chất hấp phụ, bao tay, vải nhiễm các thành phần nguy hại	Kg	18,000	3.241	58.338
Cộng tiền hàng: (Total before VAT):					3.185.430
Thuế suất GTGT (VAT rate):		8 %	Tiền thuế GTGT (VAT amount):		254.834
Tổng tiền thanh toán (Total amount):					3.440.264
Số tiền viết bằng chữ (Total amount in words): Ba triệu bốn trăm bốn mươi nghìn hai trăm sáu mươi bốn đồng.					

Người mua hàng (Buyer)

(Ký, ghi rõ họ, tên)

(Signature, full name)

Người bán hàng (Seller)

(Ký, ghi rõ họ, tên)

(Signature, full name)

Ký bởi: **CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG THUẬN THÀNH**

Ký ngày: **31/03/2025**

(Cần kiểm tra, đối chiếu trước khi lập, giao, nhận hóa đơn)



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

(VAT Invoice)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử
(E-Invoice viewer)

Ngày (Date) 28 tháng (month) 4 năm (year) 2025

Mã QGT (Code): 00255C88DACBB640D0A765DF4D53907C49

Ký hiệu (Sign): 1C25TTP

Số (No): 00002273

Đơn vị bán hàng (Supplier): **CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG THUẬN THÀNH**

Mã số thuế (Tax code): **2300426314**

Địa chỉ (Address): Khu Phố Ngọc Khám, Phường Gia Đông, Thị xã Thuận Thành, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam

Điện thoại (Tel): 02223.774.998

Số tài khoản (Bank account): 0351000699616 tại Ngân hàng Vietcombank - Chi nhánh Bắc Ninh
110002618686 tại Ngân hàng Vietinbank - Chi nhánh Bắc Ninh

Họ tên người mua hàng (Buyer):

Tên đơn vị (Company's name): **CÔNG TY TNHH FUTURE OF SOUND VINA**

Mã số thuế (Tax code): 5000871045

Địa chỉ (Address): Lô E2 cụm công nghiệp Phúc Ứng, xã Phúc Ứng, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang, Việt Nam

Hình thức thanh toán (Payment method): TM/CK

Số tài khoản (Bank account):

Hóa đơn thay thế cho hóa đơn số 00002270, mẫu số 1, ký hiệu C25TTP, ngày 28/04/2025

STT (No)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Name of goods and services)	Đơn vị tính (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Thu gom, vận chuyển và xử lý rác công nghiệp thông thường	Kg	705,000	2.315	1.631.944
2	Thu gom, vận chuyển và xử lý rác sinh hoạt	Kg	825,000	1.667	1.375.000
3	Thu gom, vận chuyển và xử lý giặt lau nhiễm dầu, chất hấp phụ, bao tay, vải nhiễm các thành phần nguy hại	Kg	15,000	3.241	48.611
Cộng tiền hàng: (Total before VAT):					3.055.555
Thuế suất GTGT (VAT rate):		8 %	Tiền thuế GTGT (VAT amount):		244.445
Tổng tiền thanh toán (Total amount):					3.300.000
Số tiền viết bằng chữ (Total amount in words):					Ba triệu ba trăm nghìn đồng.

Người mua hàng (Buyer)

(Ký, ghi rõ họ, tên)

(Signature, full name)

Người bán hàng (Seller)

(Ký, ghi rõ họ, tên)

(Signature, full name)

Ký bởi: **CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG THUẬN THÀNH**

Ký ngày: **28/04/2025**

(Cần kiểm tra, đối chiếu trước khi lập, giao, nhận hóa đơn)



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

(VAT Invoice)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử
(E-Invoice viewer)

Ký hiệu (Sign): 1C25TTP

Số (No): 00003143

Ngày (Date) 30 tháng (month) 5 năm (year) 2025

Mã QGT (Code): 00674130AA87D7458381992F66918BA268

Đơn vị bán hàng (Supplier): **CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG THUẬN THÀNH**

Mã số thuế (Tax code): **2300426314**

Địa chỉ (Address): Khu Phố Ngọc Khám, Phường Gia Đông, Thị xã Thuận Thành, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam

Điện thoại (Tel): 02223.774.998

Số tài khoản (Bank account): 0351000699616 tại Ngân hàng Vietcombank - Chi nhánh Bắc Ninh
110002618686 tại Ngân hàng Vietinbank - Chi nhánh Bắc Ninh

Họ tên người mua hàng (Buyer):

Tên đơn vị (Company's name): **CÔNG TY TNHH FUTURE OF SOUND VINA**

Mã số thuế (Tax code): 5000871045

Địa chỉ (Address): Lô E2 cụm công nghiệp Phúc Ứng, xã Phúc Ứng, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang, Việt Nam

Hình thức thanh toán (Payment method): TM/CK

Số tài khoản (Bank account):

STT (No)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Name of goods and services)	Đơn vị tính (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Thu gom, vận chuyển và xử lý rác công nghiệp thông thường	Kg	685,000	2.315	1.585.645
2	Thu gom, vận chuyển và xử lý rác sinh hoạt	Kg	769,000	1.667	1.281.669
3	Thu gom, vận chuyển và xử lý giẻ lau nhiễm dầu, chất hấp phụ, bao tay, vải nhiễm các thành phần nguy hại	Kg	16,000	3.241	51.852
Cộng tiền hàng: (Total before VAT):					2.919.166
Thuế suất GTGT (VAT rate):		8 %	Tiền thuế GTGT (VAT amount):		233.534
Tổng tiền thanh toán (Total amount):					3.152.700
Số tiền viết bằng chữ (Total amount in words): Ba triệu một trăm năm mươi hai nghìn bảy trăm đồng.					

Người mua hàng (Buyer)

(Ký, ghi rõ họ, tên)

(Signature, full name)

Người bán hàng (Seller)

(Ký, ghi rõ họ, tên)

(Signature, full name)

Ký bởi: **CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG THUẬN THÀNH**

Ký ngày: **30/05/2025**

(Cần kiểm tra, đối chiếu trước khi lập, giao, nhận hóa đơn)



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (VAT Invoice)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử
(E-Invoice viewer)

Ngày (Date) 28 tháng (month) 6 năm (year) 2025

Mã QGT (Code): 00128B2CD4E141440AB8DE28B5F68D0843

Ký hiệu (Sign): 1C25TTP

Số (No): 00003764

Đơn vị bán hàng (Supplier): **CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG THUẬN THÀNH**

Mã số thuế (Tax code): **2300426314**

Địa chỉ (Address): Khu Phố Ngọc Khám, Phường Gia Đông, Thị xã Thuận Thành, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam

Điện thoại (Tel): 02223.774.998

Số tài khoản (Bank account): 0351000699616 tại Ngân hàng Vietcombank - Chi nhánh Bắc Ninh
110002618686 tại Ngân hàng Vietinbank - Chi nhánh Bắc Ninh

Họ tên người mua hàng (Buyer):

Tên đơn vị (Company's name): **CÔNG TY TNHH FUTURE OF SOUND VINA**

Mã số thuế (Tax code): 5000871045

Địa chỉ (Address): Lô E2 cụm công nghiệp Phúc Ứng, xã Phúc Ứng, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang, Việt Nam

Hình thức thanh toán (Payment method): TM/CK

Số tài khoản (Bank account):

STT (No)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Name of goods and services)	Đơn vị tính (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Thu gom, vận chuyển và xử lý rác công nghiệp thông thường	Kg	725,000	2.315	1.678.241
2	Thu gom, vận chuyển và xử lý rác sinh hoạt	Kg	836,000	1.667	1.393.333
3	Thu gom, vận chuyển và xử lý giẻ lau nhiễm dầu, chất hấp phụ, bao tay, vải nhiễm các thành phần nguy hại	Kg	18,000	3.241	58.333
Cộng tiền hàng: (Total before VAT):					3.129.907
Thuế suất GTGT (VAT rate):		8 %	Tiền thuế GTGT (VAT amount):		250.393
Tổng tiền thanh toán (Total amount):					3.380.300
Số tiền viết bằng chữ (Total amount in words):					Ba triệu ba trăm tám mươi nghìn ba trăm đồng.

Người mua hàng (Buyer)

(Ký, ghi rõ họ, tên)

(Signature, full name)

Người bán hàng (Seller)

(Ký, ghi rõ họ, tên)

(Signature, full name)

Ký bởi: **CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG
THUẬN THÀNH**

Ký ngày: **28/06/2025**

(Cần kiểm tra, đối chiếu trước khi lập, giao, nhận hóa đơn)



CÔNG TY ĐIỆN LỰC TUYÊN QUANG- CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC MIỀN BẮC

Mã số thuế (Tax Code): 0100100417-014

Địa chỉ (Address): Số 431, đường 17/8, phường Phan Thiết, thành phố Tuyên Quang, Tỉnh Tuyên Quang, Việt Nam

Điện thoại (Phone Number): 19006769

Thông tin thanh toán (Payment Information): Điện Lực Sơn Dương - Số TK: 81012110021 - Tại NH: Ngân hàng NN & PTNT huyện Sơn Dương



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử

(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 12 tháng (month) 12 năm (year) 2024

Ký hiệu (Serial): 1K24TPE

Số (No): 706989

Họ tên người mua hàng (Buyer name):

Tên đơn vị (Company name): Công ty TNHH FUTURE OF SOUND VINA

Mã số thuế (Tax code): 5000871045

Địa chỉ (Address): Lô E2, Cụm công nghiệp Phúc ứng, xã Phúc Ứng, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang, Việt Nam

Mã khách hàng (Customer's Code): PA12SD0156609

Số tài khoản (Account No):

Hình thức thanh toán (Payment method): TM/CK

Đồng tiền thanh toán (Payment currency): VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ kỳ 1 tháng 12 năm 2024 từ ngày 01/12/2024 đến ngày 10/12/2024 (kèm theo bảng kê số 1531266248 ngày 12 tháng 12 năm 2024)	kWh	39.158	-	77.414.722
Cộng tiền hàng (Total amount):					77.414.722
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8%					Tiền thuế GTGT (VAT amount): 6.193.178
Tỷ giá (Exchanged rate):					Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment): 83.607.900
Số tiền bằng chữ (Amount in words): Tám mươi ba triệu sáu trăm linh bảy nghìn chín trăm đồng.					

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)

Được ký bởi: CÔNG TY ĐIỆN LỰC TUYÊN QUANG - CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC MIỀN BẮC
Ngày ký: 12/12/2024 15:17:52



CÔNG TY ĐIỆN LỰC TUYÊN QUANG- CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC MIỀN BẮC

Mã số thuế (Tax Code): 0100100417-014

Địa chỉ (Address): Số 431, đường 17/8, phường Phan Thiết, thành phố Tuyên Quang, Tỉnh Tuyên Quang, Việt Nam

Điện thoại (Phone Number): 19006769

Thông tin thanh toán (Payment Information): Điện Lực Sơn Dương - Số TK: 81012110021 - Tại NH: Ngân hàng NN & PTNT huyện Sơn Dương



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử

(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 22 tháng (month) 12 năm (year) 2024

Ký hiệu (Serial): 1K24TPE

Số (No): 707026

Họ tên người mua hàng (Buyer name):

Tên đơn vị (Company name): Công ty TNHH FUTURE OF SOUND VINA

Mã số thuế (Tax code): 5000871045

Địa chỉ (Address): Lô E2, Cụm công nghiệp Phúc ứng, xã Phúc Ứng, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang, Việt Nam

Mã khách hàng (Customer's Code): PA12SD0156609

Số tài khoản (Account No):

Hình thức thanh toán (Payment method): TM/CK

Đồng tiền thanh toán (Payment currency): VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ kỳ 2 tháng 12 năm 2024 từ ngày 11/12/2024 đến ngày 20/12/2024	kWh	46.718	-	91.317.702
	(kèm theo bảng kê số 1533720718 ngày 22 tháng 12 năm 2024)				
Cộng tiền hàng (Total amount):					91.317.702
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8%					Tiền thuế GTGT (VAT amount): 7.305.416
Tỷ giá (Exchanged rate):					Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment): 98.623.118
Số tiền bằng chữ (Amount in words): Chín mươi tám triệu sáu trăm hai mươi ba nghìn một trăm mười tám đồng.					

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)

Được ký bởi: CÔNG TY ĐIỆN LỰC TUYÊN QUANG - CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC MIỀN BẮC
Ngày ký: 22/12/2024 14:46:52



CÔNG TY ĐIỆN LỰC TUYÊN QUANG- CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC MIỀN BẮC

Mã số thuế (Tax Code): 0100100417-014

Địa chỉ (Address): Số 431, đường 17/8, phường Phan Thiết, thành phố Tuyên Quang, Tỉnh Tuyên Quang, Việt Nam

Điện thoại (Phone Number): 19006769

Thông tin thanh toán (Payment Information): Điện Lực Sơn Dương - Số TK: 81012110021 - Tại NH: Ngân hàng NN & PTNT huyện Sơn Dương



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử

(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 02 tháng (month) 01 năm (year) 2025

Ký hiệu (Serial): 1K25TPE

Số (No): 42441

Họ tên người mua hàng (Buyer name):

Tên đơn vị (Company name): Công ty TNHH FUTURE OF SOUND VINA

Mã số thuế (Tax code): 5000871045

Địa chỉ (Address): Lô E2, Cụm công nghiệp Phúc ứng, xã Phúc Ứng, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang, Việt Nam

Mã khách hàng (Customer's Code): PA12SD0156609

Số tài khoản (Account No):

Hình thức thanh toán (Payment method): TM/CK

Đồng tiền thanh toán (Payment currency): VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ kỳ 3 tháng 12 năm 2024 từ ngày 21/12/2024 đến ngày 31/12/2024	kWh	32.354	-	63.955.570
	(kèm theo bảng kê số 1550599497 ngày 02 tháng 01 năm 2025)				
Cộng tiền hàng (Total amount):					63.955.570
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8%					Tiền thuế GTGT (VAT amount): 5.116.446
Tỷ giá (Exchanged rate):					Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment): 69.072.016
Số tiền bằng chữ (Amount in words): Sáu mươi chín triệu không trăm bảy mươi hai nghìn không trăm mười sáu đồng.					

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)

Được ký bởi: CÔNG TY ĐIỆN LỰC TUYÊN QUANG - CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC MIỀN BẮC
Ngày ký: 02/ 01/ 2025 15:26:00



CÔNG TY ĐIỆN LỰC TUYÊN QUANG- CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC MIỀN BẮC

Mã số thuế (Tax Code): 0100100417-014

Địa chỉ (Address): Số 431, đường 17/8, phường Phan Thiết, thành phố Tuyên Quang, Tỉnh Tuyên Quang, Việt Nam

Điện thoại (Phone Number): 19006769

Thông tin thanh toán (Payment Information): Điện Lực Sơn Dương - Số TK: 81012110021 - Tại NH: Ngân hàng NN & PTNT huyện Sơn Dương



**HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)**

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử

(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 12 tháng (month) 01 năm (year) 2025

Ký hiệu (Serial): 1K25TPE

Số (No): 44454

Họ tên người mua hàng (Buyer name):

Tên đơn vị (Company name): Công ty TNHH FUTURE OF SOUND VINA

Mã số thuế (Tax code): 5000871045

Địa chỉ (Address): Lô E2, Cụm công nghiệp Phúc ứng, xã Phúc Ứng, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang, Việt Nam

Mã khách hàng (Customer's Code): PA12SD0156609

Số tài khoản (Account No):

Hình thức thanh toán (Payment method): TM/CK

Đồng tiền thanh toán (Payment currency): VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ kỳ 1 tháng 1 năm 2025 từ ngày 01/01/2025 đến ngày 10/01/2025 (kèm theo bảng kê số 1554335970 ngày 12 tháng 01 năm 2025)	kWh	34.608	-	67.524.786
Cộng tiền hàng (Total amount):					67.524.786
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8%					Tiền thuế GTGT (VAT amount): 5.401.983
Tỷ giá (Exchanged rate):					Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment): 72.926.769
Số tiền bằng chữ (Amount in words): Bảy mươi hai triệu chín trăm hai mươi sáu nghìn bảy trăm sáu mươi chín đồng.					

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)

Được ký bởi: CÔNG TY ĐIỆN LỰC TUYÊN QUANG - CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC MIỀN BẮC
Ngày ký: 12/ 01/ 2025 21:46:22



CÔNG TY ĐIỆN LỰC TUYÊN QUANG- CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC MIỀN BẮC

Mã số thuế (Tax Code): 0100100417-014

Địa chỉ (Address): Số 431, đường 17/8, phường Phan Thiết, thành phố Tuyên Quang, Tỉnh Tuyên Quang, Việt Nam

Điện thoại (Phone Number): 19006769

Thông tin thanh toán (Payment Information): Điện Lực Sơn Dương - Số TK: 81012110021 - Tại NH: Ngân hàng NN & PTNT huyện Sơn Dương



**HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)**

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử

(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 22 tháng (month) 01 năm (year) 2025

Ký hiệu (Serial): 1K25TPE

Số (No): 44489

Họ tên người mua hàng (Buyer name):

Tên đơn vị (Company name): Công ty TNHH FUTURE OF SOUND VINA

Mã số thuế (Tax code): 5000871045

Địa chỉ (Address): Lô E2, Cụm công nghiệp Phúc ứng, xã Phúc Ứng, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang, Việt Nam

Mã khách hàng (Customer's Code): PA12SD0156609

Số tài khoản (Account No):

Hình thức thanh toán (Payment method): TM/CK

Đồng tiền thanh toán (Payment currency): VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ kỳ 2 tháng 1 năm 2025 từ ngày 11/01/2025 đến ngày 20/01/2025 (kèm theo bảng kê số 1555544520 ngày 22 tháng 01 năm 2025)	kWh	36.638	-	71.533.308
Cộng tiền hàng (Total amount):					71.533.308
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8%					Tiền thuế GTGT (VAT amount): 5.722.665
Tỷ giá (Exchanged rate):					Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment): 77.255.973
Số tiền bằng chữ (Amount in words): Bảy mươi bảy triệu hai trăm năm mươi lăm nghìn chín trăm bảy mươi ba đồng.					

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)

Được ký bởi: CÔNG TY ĐIỆN LỰC TUYÊN QUANG - CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC MIỀN BẮC
Ngày ký: 22/ 01/ 2025 14:55:57



CÔNG TY ĐIỆN LỰC TUYÊN QUANG- CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC MIỀN BẮC

Mã số thuế (Tax Code): 0100100417-014

Địa chỉ (Address): Số 431, đường 17/8, phường Phan Thiết, thành phố Tuyên Quang, Tỉnh Tuyên Quang, Việt Nam

Điện thoại (Phone Number): 19006769

Thông tin thanh toán (Payment Information): Điện Lực Sơn Dương - Số TK: 81012110021 - Tại NH: Ngân hàng NN & PTNT huyện Sơn Dương



**HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)**

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử

(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 03 tháng (month) 02 năm (year) 2025

Ký hiệu (Serial): 1K25TPE

Số (No): 109636

Họ tên người mua hàng (Buyer name):

Tên đơn vị (Company name): Công ty TNHH FUTURE OF SOUND VINA

Mã số thuế (Tax code): 5000871045

Địa chỉ (Address): Lô E2, Cụm công nghiệp Phúc ứng, xã Phúc Ứng, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang, Việt Nam

Mã khách hàng (Customer's Code): PA12SD0156609

Số tài khoản (Account No):

Hình thức thanh toán (Payment method): TM/CK

Đồng tiền thanh toán (Payment currency): VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ kỳ 3 tháng 1 năm 2025 từ ngày 21/01/2025 đến ngày 31/01/2025 (kèm theo bảng kê số 1563445603 ngày 03 tháng 02 năm 2025)	kWh	18.004	-	35.127.400
Cộng tiền hàng (Total amount):					35.127.400
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8%					Tiền thuế GTGT (VAT amount): 2.810.192
Tỷ giá (Exchanged rate):					Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment): 37.937.592
Số tiền bằng chữ (Amount in words): Ba mươi bảy triệu chín trăm ba mươi bảy nghìn năm trăm chín mươi hai đồng.					

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)

Được ký bởi: CÔNG TY ĐIỆN LỰC TUYÊN QUANG - CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC MIỀN BẮC
Ngày ký: 03/ 02/ 2025 17:06:46



CÔNG TY ĐIỆN LỰC TUYÊN QUANG- CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC MIỀN BẮC

Mã số thuế (Tax Code): 0100100417-014

Địa chỉ (Address): đường Lê Lợi, tổ 8, Phường Hưng Thành, Thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang, Việt Nam

Điện thoại (Phone Number): 19006769

Thông tin thanh toán (Payment Information): Điện Lực Sơn Dương - Số TK: 81012110021 - Tại NH: Ngân hàng NN & PTNT huyện Sơn Dương



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử

(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 14 tháng (month) 02 năm (year) 2025

Ký hiệu (Serial): 1K25TPE

Số (No): 109661

Họ tên người mua hàng (Buyer name):

Tên đơn vị (Company name): Công ty TNHH FUTURE OF SOUND VINA

Mã số thuế (Tax code): 5000871045

Địa chỉ (Address): Lô E2, Cụm công nghiệp Phúc ứng, xã Phúc Ứng, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang, Việt Nam

Mã khách hàng (Customer's Code): PA12SD0156609

Số tài khoản (Account No):

Hình thức thanh toán (Payment method): TM/CK

Đồng tiền thanh toán (Payment currency): VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ kỳ 1 tháng 2 năm 2025 từ ngày 01/02/2025 đến ngày 10/02/2025	kWh	27.552	-	52.879.890
	(kèm theo bảng kê số 1566969481 ngày 14 tháng 02 năm 2025)				
Cộng tiền hàng (Total amount):					52.879.890
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8%					Tiền thuế GTGT (VAT amount): 4.230.391
Tỷ giá (Exchanged rate):					Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment): 57.110.281
Số tiền bằng chữ (Amount in words): Năm mươi bảy triệu một trăm mười nghìn hai trăm tám mươi một đồng.					

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)

Được ký bởi: CÔNG TY ĐIỆN LỰC TUYÊN QUANG - CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC MIỀN BẮC
Ngày ký: 14/ 02/ 2025 10:25:48



CÔNG TY ĐIỆN LỰC TUYÊN QUANG- CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC MIỀN BẮC

Mã số thuế (Tax Code): 0100100417-014

Địa chỉ (Address): đường Lê Lợi, tổ 8, Phường Hưng Thành, Thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang, Việt Nam

Điện thoại (Phone Number): 19006769

Thông tin thanh toán (Payment Information): Điện Lực Sơn Dương - Số TK: 81012110021 - Tại NH: Ngân hàng NN & PTNT huyện Sơn Dương



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử

(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 22 tháng (month) 02 năm (year) 2025

Ký hiệu (Serial): 1K25TPE

Số (No): 109694

Họ tên người mua hàng (Buyer name):

Tên đơn vị (Company name): Công ty TNHH FUTURE OF SOUND VINA

Mã số thuế (Tax code): 5000871045

Địa chỉ (Address): Lô E2, Cụm công nghiệp Phúc ứng, xã Phúc Ứng, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang, Việt Nam

Mã khách hàng (Customer's Code): PA12SD0156609

Số tài khoản (Account No):

Hình thức thanh toán (Payment method): TM/CK

Đồng tiền thanh toán (Payment currency): VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ kỳ 2 tháng 2 năm 2025 từ ngày 11/02/2025 đến ngày 20/02/2025	kWh	35.294	-	68.295.766
	(kèm theo bảng kê số 1568261444 ngày 22 tháng 02 năm 2025)				
Cộng tiền hàng (Total amount):					68.295.766
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8%					Tiền thuế GTGT (VAT amount): 5.463.661
Tỷ giá (Exchanged rate):					Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment): 73.759.427
Số tiền bằng chữ (Amount in words): Bảy mươi ba triệu bảy trăm năm mươi chín nghìn bốn trăm hai mươi bảy đồng.					

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)

Được ký bởi: CÔNG TY ĐIỆN LỰC TUYÊN QUANG - CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC MIỀN BẮC
Ngày ký: 22/02/2025 18:06:45



CÔNG TY ĐIỆN LỰC TUYÊN QUANG- CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC MIỀN BẮC

Mã số thuế (Tax Code): 0100100417-014

Địa chỉ (Address): đường Lê Lợi, tổ 8, Phường Hưng Thành, Thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang, Việt Nam

Điện thoại (Phone Number): 19006769

Thông tin thanh toán (Payment Information): Điện Lực Sơn Dương - Số TK: 81012110021 - Tại NH: Ngân hàng NN & PTNT huyện Sơn Dương



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử

(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 02 tháng (month) 03 năm (year) 2025

Ký hiệu (Serial): 1K25TPE

Số (No): 175110

Họ tên người mua hàng (Buyer name):

Tên đơn vị (Company name): Công ty TNHH FUTURE OF SOUND VINA

Mã số thuế (Tax code): 5000871045

Địa chỉ (Address): Lô E2, Cụm công nghiệp Phúc ứng, xã Phúc Ứng, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang, Việt Nam

Mã khách hàng (Customer's Code): PA12SD0156609

Số tài khoản (Account No):

Hình thức thanh toán (Payment method): TM/CK

Đồng tiền thanh toán (Payment currency): VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ kỳ 3 tháng 2 năm 2025 từ ngày 21/02/2025 đến ngày 28/02/2025	kWh	28.392	-	55.642.608
	(kèm theo bảng kê số 1577095965 ngày 02 tháng 03 năm 2025)				
Cộng tiền hàng (Total amount):					55.642.608
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8%					Tiền thuế GTGT (VAT amount): 4.451.409
Tỷ giá (Exchanged rate):					Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment): 60.094.017
Số tiền bằng chữ (Amount in words): Sáu mươi triệu không trăm chín mươi bốn nghìn không trăm mười bảy đồng.					

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)

Được ký bởi: CÔNG TY ĐIỆN LỰC TUYÊN QUANG - CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC MIỀN BẮC
Ngày ký: 02/03/2025 18:30:30



CÔNG TY ĐIỆN LỰC TUYÊN QUANG- CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC MIỀN BẮC

Mã số thuế (Tax Code): 0100100417-014

Địa chỉ (Address): đường Lê Lợi, tổ 8, Phường Hưng Thành, Thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang, Việt Nam

Điện thoại (Phone Number): 19006769

Thông tin thanh toán (Payment Information): Điện Lực Sơn Dương - Số TK: 81012110021 - Tại NH: Ngân hàng NN & PTNT huyện Sơn Dương



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử
(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 12 tháng (month) 03 năm (year) 2025

Ký hiệu (Serial): 1K25TPE

Số (No): 175143

Họ tên người mua hàng (Buyer name):

Tên đơn vị (Company name): Công ty TNHH FUTURE OF SOUND VINA

Mã số thuế (Tax code): 5000871045

Địa chỉ (Address): Lô E2, Cụm công nghiệp Phúc ứng, xã Phúc Ứng, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang, Việt Nam

Mã khách hàng (Customer's Code): PA12SD0156609

Số tài khoản (Account No):

Hình thức thanh toán (Payment method): TM/CK

Đồng tiền thanh toán (Payment currency): VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ kỳ 1 tháng 3 năm 2025 từ ngày 01/03/2025 đến ngày 10/03/2025	kWh	35.364	-	69.805.050
	(kèm theo bảng kê số 1579714232 ngày 12 tháng 03 năm 2025)				
Cộng tiền hàng (Total amount):					69.805.050
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8%					Tiền thuế GTGT (VAT amount): 5.584.404
Tỷ giá (Exchanged rate):					Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment): 75.389.454
Số tiền bằng chữ (Amount in words): Bảy mươi lăm triệu ba trăm tám mươi chín nghìn bốn trăm năm mươi bốn đồng.					

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)

Được ký bởi: CÔNG TY ĐIỆN LỰC TUYÊN QUANG - CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC MIỀN BẮC
Ngày ký: 12/ 03/ 2025 10:51:13



CÔNG TY ĐIỆN LỰC TUYÊN QUANG- CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC MIỀN BẮC

Mã số thuế (Tax Code): 0100100417-014

Địa chỉ (Address): đường Lê Lợi, tổ 8, Phường Hưng Thành, Thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang, Việt Nam

Điện thoại (Phone Number): 19006769

Thông tin thanh toán (Payment Information): Điện Lực Sơn Dương - Số TK: 81012110021 - Tại NH: Ngân hàng NN & PTNT huyện Sơn Dương



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử

(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 22 tháng (month) 03 năm (year) 2025

Ký hiệu (Serial): 1K25TPE

Số (No): 175184

Họ tên người mua hàng (Buyer name):

Tên đơn vị (Company name): Công ty TNHH FUTURE OF SOUND VINA

Mã số thuế (Tax code): 5000871045

Địa chỉ (Address): Lô E2, Cụm công nghiệp Phúc ứng, xã Phúc Ứng, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang, Việt Nam

Mã khách hàng (Customer's Code): PA12SD0156609

Số tài khoản (Account No):

Hình thức thanh toán (Payment method): TM/CK

Đồng tiền thanh toán (Payment currency): VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ kỳ 2 tháng 3 năm 2025 từ ngày 11/03/2025 đến ngày 20/03/2025	kWh	42.504	-	83.230.910
	(kèm theo bảng kê số 1580785654 ngày 22 tháng 03 năm 2025)				
Cộng tiền hàng (Total amount):					83.230.910
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8%					Tiền thuế GTGT (VAT amount): 6.658.473
Tỷ giá (Exchanged rate):					Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment): 89.889.383
Số tiền bằng chữ (Amount in words): Tám mươi chín triệu tám trăm tám mươi chín nghìn ba trăm tám mươi ba đồng.					

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)

Được ký bởi: CÔNG TY ĐIỆN LỰC TUYÊN QUANG - CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC MIỀN BẮC
Ngày ký: 22/03/2025 09:41:30



CÔNG TY ĐIỆN LỰC TUYÊN QUANG- CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC MIỀN BẮC

Mã số thuế (Tax Code): 0100100417-014

Địa chỉ (Address): đường Lê Lợi, tổ 8, Phường Hưng Thành, Thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang, Việt Nam

Điện thoại (Phone Number): 19006769

Thông tin thanh toán (Payment Information): Điện Lực Sơn Dương - Số TK: 81012110021 - Tại NH: Ngân hàng NN & PTNT huyện Sơn Dương



**HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)**

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử

(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 02 tháng (month) 04 năm (year) 2025

Ký hiệu (Serial): 1K25TPE

Số (No): 240564

Họ tên người mua hàng (Buyer name):

Tên đơn vị (Company name): Công ty TNHH FUTURE OF SOUND VINA

Mã số thuế (Tax code): 5000871045

Địa chỉ (Address): Lô E2, Cụm công nghiệp Phúc ứng, xã Phúc Ứng, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang, Việt Nam

Mã khách hàng (Customer's Code): PA12SD0156609

Số tài khoản (Account No):

Hình thức thanh toán (Payment method): TM/CK

Đồng tiền thanh toán (Payment currency): VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ kỳ 3 tháng 3 năm 2025 từ ngày 21/03/2025 đến ngày 31/03/2025 (kèm theo bảng kê số 1588986663 ngày 02 tháng 04 năm 2025)	kWh	44.772	-	87.866.926
Cộng tiền hàng (Total amount):					87.866.926
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8%					Tiền thuế GTGT (VAT amount): 7.029.354
Tỷ giá (Exchanged rate):					Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment): 94.896.280
Số tiền bằng chữ (Amount in words): Chín mươi bốn triệu tám trăm chín mươi sáu nghìn hai trăm tám mươi đồng.					

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)

Được ký bởi: CÔNG TY ĐIỆN LỰC TUYÊN QUANG - CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC MIỀN BẮC
Ngày ký: 02/04/2025 10:38:37

**CÔNG TY ĐIỆN LỰC TUYÊN QUANG- CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC MIỀN BẮC**

Mã số thuế (Tax Code): 0100100417-014

Địa chỉ (Address): đường Lê Lợi, tổ 8, Phường Hưng Thành, Thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang, Việt Nam

Điện thoại (Phone Number): 19006769

Thông tin thanh toán (Payment Information): Điện Lực Sơn Dương - Số TK: 81012110021 - Tại NH: Ngân hàng NN & PTNT huyện Sơn Dương

**HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)**Bản thể hiện của hóa đơn điện tử
(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 13 tháng (month) 04 năm (year) 2025

Ký hiệu (Serial): 1K25TPE

Số (No): 240592

Họ tên người mua hàng (Buyer name):

Tên đơn vị (Company name): Công ty TNHH FUTURE OF SOUND VINA

Mã số thuế (Tax code): 5000871045

Địa chỉ (Address): Lô E2, Cụm công nghiệp Phúc ứng, xã Phúc Ứng, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang, Việt Nam

Mã khách hàng (Customer's Code): PA12SD0156609

Số tài khoản (Account No):

Hình thức thanh toán (Payment method): TM/CK

Đồng tiền thanh toán (Payment currency): VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ kỳ 1 tháng 4 năm 2025 từ ngày 01/04/2025 đến ngày 10/04/2025 (kèm theo bảng kê số 1592559467 ngày 13 tháng 04 năm 2025)	kWh	38.976	-	76.037.612
Cộng tiền hàng (Total amount):					76.037.612
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8%			Tiền thuế GTGT (VAT amount):		6.083.009
Tỷ giá (Exchanged rate):			Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment):		82.120.621
Số tiền bằng chữ (Amount in words): Tám mươi hai triệu một trăm hai mươi nghìn sáu trăm hai mươi mốt đồng.					

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)

Được ký bởi: CÔNG TY ĐIỆN LỰC TUYÊN
QUANG – CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY ĐIỆN
LỰC MIỀN BẮC
Ngày ký: 13/ 04/ 2025 21:37:33

Khởi tạo từ (Created by) Phần mềm CMIS – Công ty (Company): Viễn thông điện lực và công nghệ thông tin – EVN – MST (Tax code): 0100100079-010



CÔNG TY ĐIỆN LỰC TUYÊN QUANG- CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC MIỀN BẮC

Mã số thuế (Tax Code): 0100100417-014

Địa chỉ (Address): đường Lê Lợi, tổ 8, Phường Hưng Thành, Thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang, Việt Nam

Điện thoại (Phone Number): 19006769

Thông tin thanh toán (Payment Information): Điện Lực Sơn Dương - Số TK: 81012110021 - Tại NH: Ngân hàng NN & PTNT huyện Sơn Dương



**HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)**

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử

(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 23 tháng (month) 04 năm (year) 2025

Ký hiệu (Serial): 1K25TPE

Số (No): 240628

Họ tên người mua hàng (Buyer name):

Tên đơn vị (Company name): Công ty TNHH FUTURE OF SOUND VINA

Mã số thuế (Tax code): 5000871045

Địa chỉ (Address): Lô E2, Cụm công nghiệp Phúc ứng, xã Phúc Ứng, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang, Việt Nam

Mã khách hàng (Customer's Code): PA12SD0156609

Số tài khoản (Account No):

Hình thức thanh toán (Payment method): TM/CK

Đồng tiền thanh toán (Payment currency): VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ kỳ 2 tháng 4 năm 2025 từ ngày 11/04/2025 đến ngày 20/04/2025 (kèm theo bảng kê số 1593480088 ngày 23 tháng 04 năm 2025)	kWh	35.784	-	71.069.922
Cộng tiền hàng (Total amount):					71.069.922
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8%					Tiền thuế GTGT (VAT amount): 5.685.594
Tỷ giá (Exchanged rate):					Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment): 76.755.516
Số tiền bằng chữ (Amount in words): Sáu mươi sáu triệu bảy trăm năm mươi lăm nghìn năm trăm mười sáu đồng.					

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)

Được ký bởi: CÔNG TY ĐIỆN LỰC TUYÊN QUANG - CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC MIỀN BẮC
Ngày ký: 23/ 04/ 2025 07:13:40



CÔNG TY ĐIỆN LỰC TUYÊN QUANG- CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC MIỀN BẮC

Mã số thuế (Tax Code): 0100100417-014

Địa chỉ (Address): đường Lê Lợi, tổ 8, Phường Hưng Thành, Thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang, Việt Nam

Điện thoại (Phone Number): 19006769

Thông tin thanh toán (Payment Information): Điện Lực Sơn Dương - Số TK: 81012110021 - Tại NH: Ngân hàng NN & PTNT huyện Sơn Dương



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử

(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 02 tháng (month) 05 năm (year) 2025

Ký hiệu (Serial): 1K25TPE

Số (No): 306069

Họ tên người mua hàng (Buyer name):

Tên đơn vị (Company name): Công ty TNHH FUTURE OF SOUND VINA

Mã số thuế (Tax code): 5000871045

Địa chỉ (Address): Lô E2, Cụm công nghiệp Phúc ứng, xã Phúc Ứng, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang, Việt Nam

Mã khách hàng (Customer's Code): PA12SD0156609

Số tài khoản (Account No):

Hình thức thanh toán (Payment method): TM/CK

Đồng tiền thanh toán (Payment currency): VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ kỳ 3 tháng 4 năm 2025 từ ngày 21/04/2025 đến ngày 30/04/2025	kWh	30.814	-	62.188.966
	(kèm theo bảng kê số 1604599922 ngày 02 tháng 05 năm 2025)				
Cộng tiền hàng (Total amount):					62.188.966
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8%					Tiền thuế GTGT (VAT amount): 4.975.117
Tỷ giá (Exchanged rate):					Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment): 67.164.083
Số tiền bằng chữ (Amount in words): Sáu mươi bảy triệu một trăm sáu mươi bốn nghìn không trăm tám mươi ba đồng.					

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)

Được ký bởi: CÔNG TY ĐIỆN LỰC TUYÊN QUANG - CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC MIỀN BẮC
Ngày ký: 02/05/2025 14:34:03



CÔNG TY ĐIỆN LỰC TUYÊN QUANG- CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC MIỀN BẮC

Mã số thuế (Tax Code): 0100100417-014

Địa chỉ (Address): đường Lê Lợi, tổ 8, Phường Hưng Thành, Thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang, Việt Nam

Điện thoại (Phone Number): 19006769

Thông tin thanh toán (Payment Information): Điện Lực Sơn Dương - Số TK: 81012110021 - Tại NH: Ngân hàng NN & PTNT huyện Sơn Dương



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử

(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 12 tháng (month) 05 năm (year) 2025

Ký hiệu (Serial): 1K25TPE

Số (No): 306211

Họ tên người mua hàng (Buyer name):

Tên đơn vị (Company name): Công ty TNHH FUTURE OF SOUND VINA

Mã số thuế (Tax code): 5000871045

Địa chỉ (Address): Lô E2, Cụm công nghiệp Phúc ứng, xã Phúc Ứng, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang, Việt Nam

Mã khách hàng (Customer's Code): PA12SD0156609

Số tài khoản (Account No):

Hình thức thanh toán (Payment method): TM/CK

Đồng tiền thanh toán (Payment currency): VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ kỳ 1 tháng 5 năm 2025 từ ngày 01/05/2025 đến ngày 10/05/2025	kWh	26.334	-	53.253.382
	(kèm theo bảng kê số 1605429256 ngày 12 tháng 05 năm 2025)				
Cộng tiền hàng (Total amount):					53.253.382
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8%					Tiền thuế GTGT (VAT amount): 4.260.271
Tỷ giá (Exchanged rate):					Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment): 57.513.653
Số tiền bằng chữ (Amount in words): Năm mươi bảy triệu năm trăm mười ba nghìn sáu trăm năm mươi ba đồng.					

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)

Được ký bởi: CÔNG TY ĐIỆN LỰC TUYÊN QUANG - CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC MIỀN BẮC
Ngày ký: 12/05/2025 19:02:13



CÔNG TY ĐIỆN LỰC TUYÊN QUANG- CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC MIỀN BẮC

Mã số thuế (Tax Code): 0100100417-014

Địa chỉ (Address): đường Lê Lợi, tổ 8, Phường Hưng Thành, Thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang, Việt Nam

Điện thoại (Phone Number): 19006769

Thông tin thanh toán (Payment Information): Điện Lực Sơn Dương - Số TK: 81012110021 - Tại NH: Ngân hàng NN & PTNT huyện Sơn Dương



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử

(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 22 tháng (month) 05 năm (year) 2025

Ký hiệu (Serial): 1K25TPE

Số (No): 306280

Họ tên người mua hàng (Buyer name):

Tên đơn vị (Company name): Công ty TNHH FUTURE OF SOUND VINA

Mã số thuế (Tax code): 5000871045

Địa chỉ (Address): Lô E2, Cụm công nghiệp Phúc ứng, xã Phúc Ứng, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang, Việt Nam

Mã khách hàng (Customer's Code): PA12SD0156609

Số tài khoản (Account No):

Hình thức thanh toán (Payment method): TM/CK

Đồng tiền thanh toán (Payment currency): VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ kỳ 2 tháng 5 năm 2025 từ ngày 11/05/2025 đến ngày 20/05/2025	kWh	34.790	-	72.317.938
	(kèm theo bảng kê số 1606275413 ngày 22 tháng 05 năm 2025)				
Cộng tiền hàng (Total amount):					72.317.938
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8%					Tiền thuế GTGT (VAT amount): 5.785.435
Tỷ giá (Exchanged rate):					Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment): 78.103.373
Số tiền bằng chữ (Amount in words): Bảy mươi tám triệu một trăm linh ba nghìn ba trăm bảy mươi ba đồng.					

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)

Được ký bởi: CÔNG TY ĐIỆN LỰC TUYÊN QUANG - CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC MIỀN BẮC
Ngày ký: 22/05/2025 09:05:25



CÔNG TY ĐIỆN LỰC TUYÊN QUANG- CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC MIỀN BẮC

Mã số thuế (Tax Code): 0100100417-014

Địa chỉ (Address): đường Lê Lợi, tổ 8, Phường Hưng Thành, Thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang, Việt Nam

Điện thoại (Phone Number): 19006769

Thông tin thanh toán (Payment Information): Điện Lực Sơn Dương - Số TK: 81012110021 - Tại NH: Ngân hàng NN & PTNT huyện Sơn Dương



**HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)**

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử
(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 02 tháng (month) 06 năm (year) 2025

Ký hiệu (Serial): 1K25TPE

Số (No): 372159

Họ tên người mua hàng (Buyer name):

Tên đơn vị (Company name): Công ty TNHH FUTURE OF SOUND VINA

Mã số thuế (Tax code): 5000871045

Số định danh (ID No):

Mã số đơn vị có quan hệ với ngân sách (State budget related unit code):

Số hộ chiếu (Passport No):

Địa chỉ (Address): Lô E2, Cụm công nghiệp Phúc ứng, xã Phúc Ứng, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang, Việt Nam

Mã khách hàng (Customer's Code): PA12SD0156609

Số tài khoản (Account No):

Hình thức thanh toán (Payment method): TM/CK

Đồng tiền thanh toán (Payment currency): VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ kỳ 3 tháng 5 năm 2025 từ ngày 21/05/2025 đến ngày 31/05/2025 (kèm theo bảng kê số 1615772634 ngày 02 tháng 06 năm 2025)	kWh	49.896	-	104.655.852
Cộng tiền hàng (Total amount):					104.655.852
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8%					Tiền thuế GTGT (VAT amount): 8.372.468
Tỷ giá (Exchanged rate):					Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment): 113.028.320
Số tiền bằng chữ (Amount in words): Một trăm mười ba triệu không trăm hai mươi tám nghìn ba trăm hai mươi đồng.					

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)

Được ký bởi: CÔNG TY ĐIỆN LỰC TUYÊN QUANG - CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC MIỀN BẮC
Ngày ký: 02/06/2025 14:57:01



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN FEC

Địa chỉ: Số 7, ngõ 71, đường Lương Văn Năm, P. Đình Kế, TP. Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang

Điện thoại: 02046 285 678 Email: : moitruong@fec.com.vn

Giấy chứng nhận hoạt động dịch vụ Quan trắc môi trường: VIMCERTS 279

Chứng chỉ công nhận ISO/IEC 17025:2017: VILAS 1315

KHÁC HIỆT TẠO NÊN GIÁ TRỊ

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 06347/2024/PKQ.24.1962

I. THÔNG TIN CHUNG

Tên khách hàng	Công ty TNHH Future Of Sound Vina
Địa chỉ	Lô F2, Cụm công nghiệp Phúc Ứng, xã Phúc Ứng, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang
Loại mẫu	Khí thải
Vị trí quan trắc	KT.01: Khí thải khu vực hàn nhúng thiếc, đúc nhựa Toạ độ: X=21.640096, Y=105.385838 KT.02: Khí thải khu vực đúc nhựa vào chân cấp Toạ độ: X=21.639631, Y=105.385530
Ngày quan trắc	20/06/2024
Ngày phân tích	20/06/2024 đến 15/07/2024
Ngày trả kết quả	15/07/2024

II. KẾT QUẢ

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả		QCVN 19:2009/ BTNMT Cột B
				KT.01	KT.02	
1	Lưu Lượng	m ³ /h	US EPA Method 2	2.409	2.267	-
2	Nhiệt độ	°C	SOP.QT.KT.01	36,0	35,0	-
3	SO ₂	mg/Nm ³	SOP/HT/K.24	KPH	KPH	500
4	Cacbon oxit, CO	mg/Nm ³	SOP/HT/K.24	0,3	0,3	1.000
5	NO _x (Tính theo NO ₂)	mg/Nm ³	SOP/HT/K.24	KPH	KPH	850
6	Bụi tổng	mg/Nm ³	US EPA Method 5	<35	<35	200
7	Chi và hợp chất, tính theo Pb	mg/Nm ³	US EPA method 29	<0,0020	<0,0020	5
8	VOCs (Vinyl Clorua) ^(**)	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	<0,9	KPH (MDL=0,3)	20 ^a

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm do khách hàng gửi tới hoặc nhân viên Công ty cổ phần tập đoàn FEC trực tiếp lấy;

2. Các kết quả ghi trong phiếu này chỉ có giá trị tại thời điểm lấy mẫu hoặc nhận mẫu gửi.

3. Quy trình nhận mẫu, vận chuyển, lưu trữ, phân tích và báo cáo kết quả phân tích;

BM03.QT/CI.09 - LBH: 01



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN FEC

Địa chỉ: Số 7, ngõ 71, đường Lương Văn Năm, P. Đình Kế, TP. Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang

Điện thoại: 02046 285 678 Email: : moitruong@fec.com.vn

Giấy chứng nhận hoạt động dịch vụ Quan trắc môi trường: VIMCERTS 279

Chứng chỉ công nhận ISO/IEC 17025:2017: VILAS 1315

KHÁC BIỆT TẠO NÊN GIÁ TRỊ

Số: 06347/2024/PKQ.24.1962

Ghi chú:

- QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ;
- + Cột B: Quy định nồng độ C làm cơ sở tính giá trị tối đa cho phép trong khí thải công nghiệp đối với tất cả các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp;
- (a) QCVN 20:2009/BTNMT- Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ;
- KPH: Không phát hiện. Kết quả thấp hơn Giới hạn dưới của Dải đo của phương pháp đối với thông số hiện trường và thấp hơn Giới hạn phát hiện MDL của phương pháp đối với thông số phân tích;
- MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp thử;
- " < ": Kết quả nhỏ hơn giới hạn định lượng (LOQ) của phương pháp; - (-): Không quy định;
- (**): Thông số được thực hiện bởi nhà thầu phụ: Công ty TNHH Tư vấn kỹ thuật, thiết bị và công nghệ môi trường Nguyễn Gia – Vimcerts 251.

Bắc Giang, ngày 15 tháng 07 năm 2024

NGƯỜI LẬP

Nguyễn Thị Cẩm Nhung

TRƯỞNG PHÒNG
PHÂN TÍCH

Lê Thị Khánh

ĐẠI DIỆN CÔNG TY



TỔNG GIÁM ĐỐC
Nguyễn Văn Hào

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm do khách hàng gửi tới hoặc nhân viên Công ty cổ phần tập đoàn FEC trực tiếp lấy;

2. Các kết quả ghi trong phiếu này chỉ có giá trị tại thời điểm lấy mẫu hoặc nhận mẫu gửi.

3. Quá thời hạn lưu mẫu, Công ty không giải quyết việc khiếu nại kết quả phân tích;

BM03.QT/CL09 - LBH: 01



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN FEC

Địa chỉ: Số 7, ngõ 71, đường Lương Văn Năm, P. Đình Kế, TP. Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang

Điện thoại: 02046 285 678 Email: : moitruong@fec.com.vn

Giấy chứng nhận hoạt động dịch vụ Quan trắc môi trường: VIMCERTS 279

Chứng chỉ công nhận ISO/IEC 17025:2017: VILAS 1315

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 05210/2024/PKQ.24.1932

I. THÔNG TIN CHUNG

Tên khách hàng	Công ty TNHH Future Of Sound Vina
Địa chỉ	Lô F2, Cụm công nghiệp Phúc Ứng, xã Phúc Ứng, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang
Loại mẫu	Nước thải sinh hoạt
Vị trí quan trắc	NTSH.01: Nước thải sau hệ thống xử lý Toạ độ: X=21.641208, Y=105.384777
Ngày quan trắc	13/06/2024
Ngày phân tích	13/06/2024 đến 21/06/2024
Ngày trả kết quả	21/06/2024

II. KẾT QUẢ

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả	QCVN 14:2008/BTNMT Cột B
				NTSH.01	
1	pH ^(*)	-	TCVN 6492:2011	7,20	5 ÷ 9
2	TDS	mg/L	SOP/HT/N.05	440	1.000
3	TSS	mg/L	TCVN 6625:2000	<15	100
4	BOD ₅ (20°C)	mg/L	SMEWW 5210B:2023	6	50
5	Amoni (NH ₄ ⁺) (tính theo N)	mg/L	TCVN 5988:1995	KPH (MDL=1)	10
6	Nitrat (NO ₃ ⁻) (tính theo N)	mg/L	TCVN 6494-1:2011	5,3	50
7	Photphat (PO ₄ ³⁻) tính theo P ^(*)	mg/L	TCVN 6202: 2008	0,95	10
8	Chất hoạt động bề mặt anion ^(*)	mg/L	TCVN 6622-1: 2009	0,285	10
9	Sunfua (S ²⁻)	mg/L	SMEWW 4500 S ²⁻ .B&D:2023	<0,030	4
10	Coliform	MPN/ 100mL	SMEWW 9221B:2023	130	5.000
11	Dầu, mỡ Động thực vật	mg/L	SMEWW 5520B&F:2023	<3,6	20

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm do khách hàng gửi tới hoặc nhân viên Công ty cổ phần tập đoàn FEC trực tiếp lấy;

2. Các kết quả ghi trong phiếu này chỉ có giá trị tại thời điểm lấy mẫu hoặc nhận mẫu gửi.

3. Xóa nội dung này sau khi nhận, công ty không giữ quyền việc kiểm tra lại kết quả phân tích;

BM03.QT/CL09 - LBH: 01





CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN FEC

Địa chỉ: Số 7, ngõ 71, đường Lương Văn Năm, P. Đình Kê, TP. Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang

Điện thoại: 02046 285 678 Email: : moitruong@fec.com.vn

Giấy chứng nhận hoạt động dịch vụ Quan trắc môi trường: VIMCERTS 279

Chứng chỉ công nhận ISO/IEC 17025:2017: VILAS 1315

KHÁC BIỆT TẠO NÊN GIÁ TRỊ

Số: 05210/2024/PKQ.24.1932

Ghi chú:

- QCVN 14:2008/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt;
- Cột B quy định giá trị C của các thông số ô nhiễm làm cơ sở tính toán giá trị tối đa cho phép trong nước thải sinh hoạt khi thải vào các nguồn nước không dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt.;
- KPH: Không phát hiện. Kết quả phân tích mẫu thấp hơn Giới hạn phát hiện MDL của phương pháp;
- MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp thử;
- " < ": Kết quả nhỏ hơn giới hạn định lượng (LOQ) của phương pháp;
- (-): Không quy định;
- (*): Thông số đã được công nhận Vilas.

NGƯỜI LẬP

Nguyễn Thị Cẩm Nhung

TRƯỞNG PHÒNG
PHÂN TÍCH

Lê Thị Khánh

Bắc Giang, ngày 21 tháng 06 năm 2024



GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH
Nguyễn Minh Quang





CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN FEC

Địa chỉ: Số 7, ngõ 71, đường Lương Văn Năm, P. Đình Kế, TP. Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang

Điện thoại: 02046 285 678 Email: : moitruong@fec.com.vn

Giấy chứng nhận hoạt động dịch vụ Quan trắc môi trường: VIMCERTS 279

Chứng chỉ công nhận ISO/IEC 17025:2017: VILAS 1315

KHÁC BIỆT TẠO NÊN GIÁ TRỊ

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 11768/2024/PKQ.24.4894

I. THÔNG TIN CHUNG

Tên khách hàng	Công ty TNHH Future Of Sound Vina
Địa chỉ	Lô F2, Cụm công nghiệp Phúc Ứng, xã Phúc Ứng, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang
Loại mẫu	Khí thải
Vị trí quan trắc	KT.01: Khí thải khu vực hàn nhúng thiếc, đúc nhựa Toạ độ: X=21.640096, Y=105.385838 KT.02: Khí thải khu vực đúc nhựa vào chân cấp Toạ độ: X=21.639631, Y=105.385530
Ngày quan trắc	06/11/2024
Ngày phân tích	06/11/2024 đến 21/11/2024
Ngày trả kết quả	21/11/2024

II. KẾT QUẢ

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả		QCVN 19:2009/ BTNMT Cột B
				KT.01	KT.02	
1	Lưu Lượng	m ³ /h	US EPA Method 2	3.966	5.500	-
2	Nhiệt độ	°C	SOP.QT.KT.01	28,9	29,5	-
3	SO ₂	mg/Nm ³	SOP/HT/K.24	KPH	KPH	500
4	Cacbon oxit, CO	mg/Nm ³	SOP/HT/K.24	KPH	KPH	1.000
5	NO _x (Tính theo NO ₂)	mg/Nm ³	SOP/HT/K.24	KPH	KPH	850
6	Bụi tổng	mg/Nm ³	US EPA Method 5	<35	KPH (MDL=11)	200
7	Chì và hợp chất, tính theo Pb	mg/Nm ³	US EPA method 29	0,0034	0,0022	5
8	Vinylclorua ^(**)	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	KPH (MDL=0,3)	KPH (MDL=0,3)	20 ^a

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm do khách hàng gửi tới hoặc nhân viên Công ty cổ phần tập đoàn FEC trực tiếp lấy;

2. Các kết quả ghi trong phiếu này chỉ có giá trị tại thời điểm lấy mẫu hoặc nhận mẫu gửi.

3. Quá thời hạn lưu mẫu, Công ty không giải quyết việc khiếu nại kết quả phân tích;

BM03.QT/CL09 - LBH: 01



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN FEC

Địa chỉ: Số 7, ngõ 71, đường Lương Văn Năm, P. Dĩnh Kế, TP. Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang

Điện thoại: 02046 285 678 Email: : moitruong@fec.com.vn

Giấy chứng nhận hoạt động dịch vụ Quan trắc môi trường: VIMCERTS 279

Chứng chỉ công nhận ISO/IEC 17025:2017: VILAS 1315

KHÁC BIỆT TẠO NÊN GIÁ TRỊ

Số: 11768/2024/PKQ.24.4894

Ghi chú:

- QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ;
- + Cột B: Quy định nồng độ C làm cơ sở tính giá trị tối đa cho phép trong khí thải công nghiệp đối với tất cả các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp;
- (a) QCVN 20:2009/BTNMT- Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ;
- KPH: Không phát hiện. Kết quả thấp hơn Giới hạn dưới của Dải đo của phương pháp đối với thông số hiện trường và thấp hơn Giới hạn phát hiện MDL của phương pháp đối với thông số phân tích;
- MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp thử;
- " < ": Kết quả nhỏ hơn giới hạn định lượng (LOQ) của phương pháp; - (-): Không quy định;
- (**): Thông số được thực hiện bởi nhà thầu phụ: Công ty TNHH Tư vấn kỹ thuật, thiết bị và công nghệ môi trường Nguyễn Gia – Vimcerts 251.

Bắc Giang, ngày 21 tháng 11 năm 2024

NGƯỜI LẬP

TRƯỞNG PHÒNG
PHÂN TÍCH

ĐẠI DIỆN CÔNG TY

Nguyễn Thị Cẩm Nhung

Lê Thị Khánh



KT. TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC
Phan Thị Oanh

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm do khách hàng gửi tới hoặc nhân viên Công ty cổ phần tập đoàn FEC trực tiếp lấy;

2. Các kết quả ghi trong phiếu này chỉ có giá trị tại thời điểm lấy mẫu hoặc nhận mẫu gửi.

3. Quá thời hạn lưu mẫu, Công ty không giải quyết việc khiếu nại kết quả phân tích;

BM03.QT/CL09 - LBH: 01



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN FEC

Địa chỉ: Số 7, ngõ 71, đường Lương Văn Năm, P. Đình Kế, TP. Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang

Điện thoại: 02046 285 678 Email: : moitruong@fec.com.vn

Giấy chứng nhận hoạt động dịch vụ Quan trắc môi trường: VIMCERTS 279

Chứng chỉ công nhận ISO/IEC 17025:2017: VILAS 1315



VILAS 1315

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 11714/2024/PKQ.24.4895

I. THÔNG TIN CHUNG

Tên khách hàng	Công ty TNHH Future Of Sound Vina
Địa chỉ	Lô F2, Cụm công nghiệp Phúc Ứng, xã Phúc Ứng, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang
Loại mẫu	Nước thải sinh hoạt
Vị trí quan trắc	NTSH.01: Nước thải sau hệ thống xử lý Toạ độ: X=21.641208, Y=105.384777
Ngày quan trắc	12/11/2024
Ngày phân tích	12/11/2024 đến 20/11/2024
Ngày trả kết quả	20/11/2024

II. KẾT QUẢ

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả	QCVN 14:2008/BTNMT Cột B
				NTSH.01	
1	pH ^(*)	-	TCVN 6492:2011	7,9	5 ÷ 9
2	TDS	mg/L	SOP/HT/N.05	320	1.000
3	TSS	mg/L	TCVN 6625:2000	15	100
4	BOD ₅ (20°C)	mg/L	SMEWW 5210B:2023	8	50
5	Amoni (NH ₄ ⁺) (tính theo N)	mg/L	TCVN 5988:1995	KPH (MDL=1)	10
6	Nitrat (NO ₃ ⁻) (tính theo N)	mg/L	TCVN 6494-1:2011	3,7	50
7	Photphat (PO ₄ ³⁻) (tính theo P)	mg/L	TCVN 6202: 2008	<0,06	10
8	Chất hoạt động bề mặt anion ^(*)	mg/L	TCVN 6622-1: 2009	0,301	10
9	Sunfua (S ²⁻)	mg/L	SMEWW 4500 S ²⁻ .B&D:2023	<0,030	4
10	Coliform	MPN/ 100mL	SMEWW 9221B:2023	4.900	5.000
11	Dầu, mỡ Động thực vật	mg/L	SMEWW 5520B&F:2023	<3,6	20

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm do khách hàng gửi tới hoặc nhân viên Công ty cổ phần tập đoàn FEC trực tiếp lấy;

2. Các kết quả ghi trong phiếu này chỉ có giá trị tại thời điểm lấy mẫu hoặc nhận mẫu gửi.

3. Quá thời hạn lưu mẫu, Công ty không giải quyết việc khiếu nại kết quả phân tích;

BM03.QT/CL09 - LBH: 01



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN FEC

Địa chỉ: Số 7, ngõ 71, đường Lương Văn Năm, P. Đình Kế, TP. Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang

Điện thoại: 02046 285 678 Email: : moitruong@fec.com.vn

Giấy chứng nhận hoạt động dịch vụ Quan trắc môi trường: VIMCERTS 279

Chứng chỉ công nhận ISO/IEC 17025:2017: VILAS 1315

KHÁC BIỆT TẠO NÊN GIÁ TRỊ

Số: 11714/2024/PKQ.24.4895

Ghi chú:

- QCVN 14:2008/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt;
- Cột B quy định giá trị C của các thông số ô nhiễm làm cơ sở tính toán giá trị tối đa cho phép trong nước thải sinh hoạt khi thải vào các nguồn nước không dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt.;
- KPH: Không phát hiện. Kết quả phân tích mẫu thấp hơn Giới hạn phát hiện MDL của phương pháp; MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp thử;
- " < ": Kết quả nhỏ hơn giới hạn định lượng (LOQ) của phương pháp;
- (-): Không quy định;
- (*): Thông số đã được công nhận Vilas.

Bắc Giang, ngày 20 tháng 11 năm 2024

NGƯỜI LẬP

TRƯỞNG PHÒNG
PHÂN TÍCH

ĐẠI DIỆN CÔNG TY



KT. TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC
Phan Thị Oanh

Nguyễn Thị Cẩm Nhung

Lê Thị Khánh



HATICO VIỆT NAM

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ VÀ KỸ THUẬT HATICO VIỆT NAM
PHÒNG THỬ NGHIỆM – VIMCERTS 269 - VILAS 1349**

Đ/c: Số 45 ngách 14/20 ngõ 214 đường Nguyễn Xiển, P. Hạ Đình, Q. Thanh Xuân,
TP. Hà Nội

Đ/c PTN : Liên kề 16.31 khu đô thị Hinode Royal Park Kim Chung Di Trạch, huyện
Hoài Đức, thành phố Hà Nội

Tel: 0936.175.507

Email: haticovietnam2016@gmail.com

Số: 07045/2025/PKQ/25.3540

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Tên khách hàng : CÔNG TY TNHH MTV CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG XANH
 Địa chỉ : Thôn 4, xã Lưỡng Vượng, Thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang
 Địa điểm quan trắc : Nhà máy sản xuất gia công thiết bị nghe (tai nghe) Future Of Sound Vina,
 Lô E2, Cụm công nghiệp Phúc Ứng, xã Phúc Ứng, huyện Sơn Dương,
 tỉnh Tuyên Quang - Công ty TNHH Future of sound Vina
 Vị trí lấy mẫu : - KT.070625-005- Khí thải khu vực hàn nhôm thiếc, đúc nhựa, tọa độ:
 VD=21.640048, KĐ=105.385926 (KT.01)
 - KT.070625-006- Khí thải khu vực đúc nhựa vào chân cáp, tọa độ:
 VD=21.639674, KĐ=105.385554 (KT.02)
 Tên mẫu/ Loại mẫu : Khí thải Số lượng mẫu: 02
 Ngày lấy mẫu : 07/06/2025 Ngày hoàn thành thử nghiệm: 18/06/2025

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả		QCVN 19:2009/ BTNMT
				KT.01	KT.02	Cột B
1	Nhiệt độ ^(b)	°C	QT.KT.02. TESTO350	34	34	-
2	Lưu lượng ^(b)	m ³ /h	US EPA Method 02	7.620	5.280	-
3	Bụi tổng (PM) ^(b)	mg/Nm ³	US EPA Method 05	13,6	12,2	200
4	Chì và hợp chất, tính theo Pb ^(b)	mg/Nm ³	US EPA METHOD 29	KPH (MDL=0,0007)	KPH (MDL=0,0007)	5
5	CO ^(b)	mg/Nm ³	QT.KT.02. TESTO350	KPH (MDL=1,14)	KPH (MDL=1,14)	1.000
6	SO ₂ ^(b)	mg/Nm ³	QT.KT.02. TESTO350	KPH (MDL=2,62)	KPH (MDL=2,62)	500
7	NO _x ^(b)	mg/Nm ³	QT.KT.02. TESTO350	KPH (MDL=3,11)	KPH (MDL=3,11)	850
8	Vinylchloride ^(b)	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649: 2014	KPH (MDL=0,02)	KPH (MDL=0,02)	20 ⁽¹⁾

Ghi chú:

+ KPH: Không phát hiện; MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp

Quy chuẩn so sánh: QCVN 19: 2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ

- Cột B quy định nồng độ C của bụi và các chất vô cơ làm cơ sở tính giá trị tối đa cho phép trong khí thải công nghiệp đối với:

1. (-) Không quy định
 3. Các chỉ tiêu đánh dấu (b) được công nhận Vimcerts
 5. Các chỉ tiêu đánh dấu (*) được thực hiện bởi nhà thầu phụ
 7. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm do khách hàng trực tiếp gửi đến, hoặc công ty lấy về.

2. Các chỉ tiêu đánh dấu (a) được công nhận Vilas
 4. Các chỉ tiêu đánh dấu (c) được công nhận bởi Sở Y tế Hà Nội
 6. Không tự ý sao lưu kết quả khi chưa có sự đồng ý của phòng thử nghiệm
 8. Thời gian lưu mẫu 7 ngày, quá thời hạn phòng thử nghiệm không giải quyết việc khiếu nại kết quả thử nghiệm.



HATICO VIỆT NAM

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ VÀ KỸ THUẬT HATICO VIỆT NAM
PHÒNG THỬ NGHIỆM – VIMCERTS 269 - VILAS 1349

Đ/c: Số 45 ngách 14/20 ngõ 214 đường Nguyễn Xiển, P. Hạ Đình, Q. Thanh Xuân,
TP. Hà Nội

Đ/c PTN : Liên kê 16.31 khu đô thị Himode Royal Park Kim Chung Di Trạch, huyện
Hoài Đức, thành phố Hà Nội

Tel: 0936.175.507

Email: haticovietnam2016@gmail.com

Số: 07044/2025/PKQ/25.3540

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Tên khách hàng : CÔNG TY TNHH MTV CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG XANH
Địa chỉ : Thôn 4, xã Lương Vượng, Thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang
Địa điểm quan trắc : Nhà máy sản xuất gia công thiết bị nghe (tai nghe) Future Of Sound Vina,
Lô E2, Cụm công nghiệp Phúc Ứng, xã Phúc Ứng, huyện Sơn Dương,
tỉnh Tuyên Quang - Công ty TNHH Future of sound Vina
Vị trí lấy mẫu : - NT.070625-004- Nước thải sau hệ thống xử lý nước thải tập trung, tọa
độ: VD=21.640078, KĐ=105.385853 (NT)
Tên mẫu/ Loại mẫu : Nước thải Số lượng mẫu: 01
Ngày lấy mẫu : 07/06/2025 Ngày hoàn thành thử nghiệm: 18/06/2025

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	
				NT	QCVN 40:2011/ BTNMT Cột B
1	pH ^(b)	-	TCVN 6492:2011	7,25	5,5 ÷ 9
2	Tổng chất rắn hòa tan (TDS) ^(b)	mg/L	SOP.QT.TDS	258	-
3	Dầu mỡ động, thực vật ^(b)	mg/L	SMEWW 5520B&F:2023	1,3	-
4	TSS ^(b)	mg/L	TCVN 6625:2000	23,2	100
5	BOD ₅ (20°C) ^(b)	mg/L	TCVN 6001-1:2021	11,3	50
6	Sulfua (H ₂ S) ^(b)	mg/L	TCVN 6637:2000	0,02	0,5
7	Amoni (tính theo N) ^(b)	mg/L	TCVN 5988:1995	KPH (MDL=0,4)	10
8	Nitrat (NO ₃ ⁻ tính theo N) ^(b)	mg/L	SMEWW 4500-NO ₃ - .E:2023	6,23	-
9	Chất hoạt động bề mặt ^(b)	mg/L	TCVN 6622-1:2009	1,07	-
10	Phosphat (PO ₄ ³⁻ tính theo P) ^(b)	mg/L	TCVN 6202:2008	2,16	-
11	Coliform ^(b)	MPN/ 100ml	SMEWW 9221B:2023	1,7×10 ³	5.000

Ghi chú:

+ KPH: Không phát hiện; MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp

Quy chuẩn so sánh: QCVN 40:2011/BTNMT: Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về nước thải Công nghiệp

1. (-) Không quy định
3. Các chỉ tiêu đánh dấu (b) được công nhận Vimcerts
5. Các chỉ tiêu đánh dấu (*) được thực hiện bởi nhà thầu phụ
7. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm do khách hàng trực tiếp gửi đến, hoặc công ty lấy về.

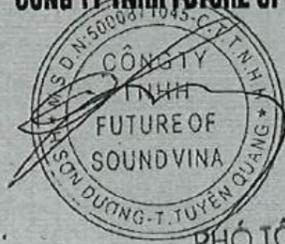
2. Các chỉ tiêu đánh dấu (a) được công nhận Vilas
4. Các chỉ tiêu đánh dấu (c) được công nhận bởi Sở Y tế Hà Nội
6. Không tự ý sao lưu kết quả khi chưa có sự đồng ý của phòng thử nghiệm
8. Thời gian lưu mẫu 7 ngày, quá thời hạn phòng thử nghiệm không giải quyết việc khiếu nại kết quả thử nghiệm.

CÔNG TY TNHH FUTURE OF SOUND VINA
FUTURE OF SOUND VINA CO., LTD

BẢN VẼ HOÀN CÔNG AS-BUILT DRAWING

CÔNG TRÌNH : NHÀ MÁY FUTURE OF SOUND VINA
PROJECT : FUTURE OF SOUND VINA FACTORY
CHỦ ĐẦU TƯ : CÔNG TY TNHH FUTURE OF SOUND VINA
OWNER : FUTURE OF SOUND VINA CO., LTD
ĐƠN VỊ TƯ VẤN GIÁM SÁT : CÔNG TY TNHH RAFA VIỆT NAM
SUPERVISION CONSULTANTS : RAFA VIET NAM CO., LTD
TỔNG THẦU : CÔNG TY TNHH DOUM E&C
MAIN CONTRACTOR : DOUM E&C CO.,LTD
ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG : LÔ E2, CỤM CÔNG NGHIỆP PHÚC ỨNG, XÃ PHÚC ỨNG, HUYỆN SƠN DƯƠNG, TỈNH TUYÊN QUANG
LOCATION : PLOT E2, PHUC UNG INDUSTRIAL ZONE, PHUC UNG WARD, SON DUONG DISTRICT, TUYEN QUANG PROVINCE

CHỦ ĐẦU TƯ/ OWNER
CÔNG TY TNHH FUTURE OF SOUND VINA



PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC
LEE CHUL KI

ĐƠN VỊ TƯ VẤN GIÁM SÁT / SUPERVISION CONSULTANTS



PHÓ GIÁM ĐỐC
Nguyễn Thị Ngọc Linh

TỔNG THẦU THI CÔNG / MAIN CONTRACTOR



GIÁM ĐỐC
KIM JEA BUL



CÔNG TY TNHH FUTURE OF SOUND VINA
FUTURE OF SOUND VINA CO., LTD

CÔNG TY TNHH DOUM E&C

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

Ngày.....tháng.....năm 20.....

NGƯỜI LẬP	CHỈ HUY TRƯỞNG	TƯ VẤN GIÁM SÁT
-----------	----------------	-----------------

M

Dn

Nguyễn Tiến Kiên

Nguyễn Cường

Nhiệt Công Đức

BẢN VẼ THIẾT KẾ KỸ THUẬT TECHNICAL DESIGN

SỞ XÂY DỰNG TUYÊN QUANG

THẨM ĐỊNH

Theo văn bản số 6.25.1.SXD-CCB

Ngày 27 tháng 8 năm 2020

Ký tên:

Thư

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TRÍ VIỆT

HỒ SƠ ĐÃ THẨM TRA

Theo Văn Bản Số: 09/KQTT-CTTRV

Ngày 26 tháng 8 năm 2020

Ký tên:

Đạt

- CÔNG TRÌNH** : NHÀ MÁY FUTURE OF SOUND VINA
- PROJECT** : FUTURE OF SOUND VINA FACTORY
- CHỦ ĐẦU TƯ** : CÔNG TY TNHH FUTURE OF SOUND VINA
- OWNER** : FUTURE OF SOUND VINA CO., LTD
- ĐƠN VỊ THIẾT KẾ** : CÔNG TY TNHH RAFA VIỆT NAM
- DESIGNER** : RAFA VIET NAM CO., LTD
- TỔNG THẦU** : CÔNG TY TNHH DOUM E&C
- MAIN CONTRACTOR** : DOUM E&C CO.,LTD
- ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG** : LÔ E2, CỤM CÔNG NGHIỆP PHÚC ỨNG, XÃ PHÚC ỨNG, HUYỆN SƠN DƯƠNG, TỈNH TUYÊN QUANG
- LOCATION** : PLOT E2, PHUC UNG INDUSTRIAL ZONE, PHUC UNG WARD, SON DUONG DISTRICT, TUYEN QUANG PROVINCE



PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC
LEE CHUL KI

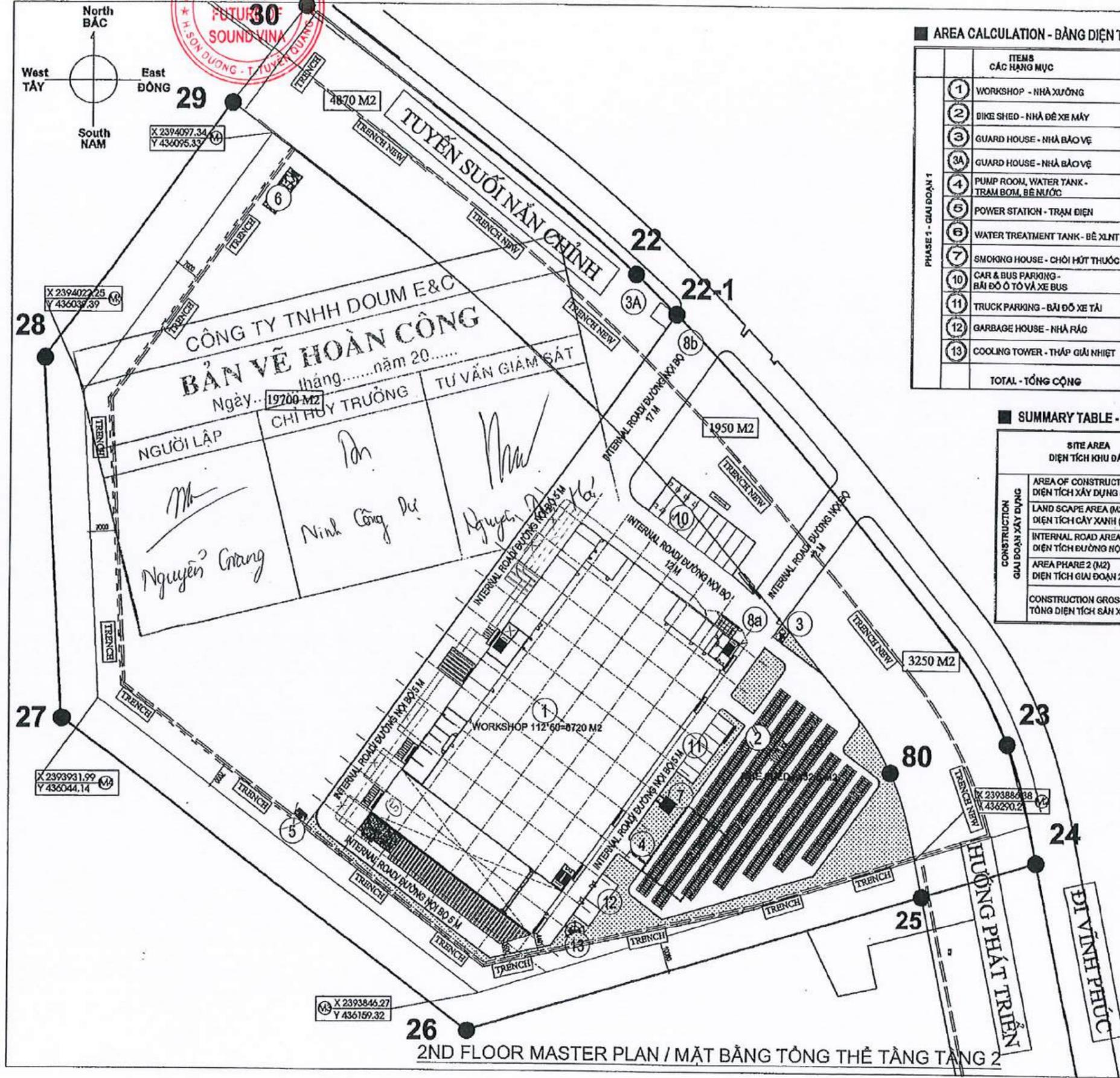
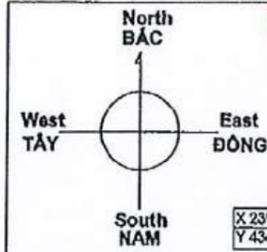


GIÁM ĐỐC
KIM JEA BUL

CÔNG TY TNHH DOUM E&C		
BẢN VẼ HOÀN CÔNG		
Ngày.....tháng.....năm 20.....		
NGƯỜI LẬP	CHỈ HUY TRƯỞNG	TỰ VẤN GIÁM SÁT
 Nguyễn Cương	 Ngô Công Dự	 Nguyễn Tuấn Hải

GENERAL TỔNG MẶT BẰNG





AREA CALCULATION - BẢNG DIỆN TÍCH

ITEMS CÁC HẠNG MỤC	CONSTRUCTION AREA (M ²)	1 ST FLOOR PLAN AREA (M ²)	2 ND FLOOR PLAN AREA (M ²)	FLOOR AREA (M ²)
1 WORKSHOP - NHÀ XƯỞNG	8.720,00	8.720,00	5.400,00	12.120,00
2 BIKE SHED - NHÀ ĐÈ XE MÁY	2.432,5	2.432,5	0	2.432,50
3 GUARD HOUSE - NHÀ BẢO VỆ	15,70	15,70	0	15,70
3A GUARD HOUSE - NHÀ BẢO VỆ	5,00	5,00	0	5,00
4 PUMP ROOM, WATER TANK - TRẠM BƠM, BÈ NƯỚC	30,00	30,00	0	30,00
5 POWER STATION - TRẠM ĐIỆN	40,00	40,00	0	40,00
6 WATER TREATMENT TANK - BÈ XLNT	30,00	30,00	0	30,00
7 SMOKING HOUSE - CHỖ HÚT THUỐC	20,00	20,00	0	20,00
10 CAR & BUS PARKING - BÃI ĐÓ Ô TÔ VÀ XE BUS	00,00	00,00	0	00,00
11 TRUCK PARKING - BÃI ĐÓ XE TẢI	00,00	00,00	0	00,00
12 GARBAGE HOUSE - NHÀ RÁC	00,00	00,00	0	00,00
13 COOLING TOWER - THÁP GIẢI NHIỆT	00,00	00,00	0	00,00
TOTAL - TỔNG CỘNG	9.428,2	9.428,2	5.400,0	14.828,2

SUMMARY TABLE - BẢNG TỔNG HỢP

CONSTRUCTION GIẢI ĐOẠN XÂY DỰNG	SITE AREA DIỆN TÍCH KHU ĐẤT	DIỆN TÍCH	MẬT ĐỘ
AREA OF CONSTRUCTION (M ²)	DIỆN TÍCH XÂY DỰNG (M ²)	9.428,20	20,08 %
LANDSCAPE AREA (M ²)	DIỆN TÍCH CÂY XANH (M ²)	6.684,88	11,65 %
INTERNAL ROAD AREA (M ²)	DIỆN TÍCH ĐƯỜNG NỘI BỘ (M ²)	4.692,42	9,78 %
AREA PHASE 2 (M ²)	DIỆN TÍCH GIẢI ĐOẠN 2 (M ²)	27.362,99	58,26 %
CONSTRUCTION GROSS AREA TOTAL	TỔNG DIỆN TÍCH SÀN XD (M²)	14.828,20	0,316 LẦN

- 8a MAIN GATE - CÔNG CHÍNH
- 8b SUB GATE - CÔNG PHỤ
- 9 LANDSCAPE - CÂY XANH

CHỮ HỮU

MỤC ĐÍCH PHÁT HÀNH/ISSUED FOR

- TRÌNH DUYỆT/ FOR APPROVAL
- THAM KHẢO/ FOR REFERENCE
- THI CÔNG/ FOR CONSTRUCTION
- ĐẦU TƯ/ FOR TENDER
- HOÀN CÔNG/ AS-BUILT

HỮU CHỮ REVISION

①	②
③	④
⑤	⑥
⑦	⑧

CHỦ ĐẦU TƯ OWNER

FOS
CÔNG TY TNHH FUTURE OF SOUND VINA
FUTURE OF SOUND VINA CO., LTD

LÔ 02, CỤM CÔNG NGHIỆP PHƯỚC AN, XÃ PHƯỚC AN, HUYỆN SƠN DƯƠNG, TỈNH TUYÊN QUANG
PLOT 02, PHUOC AN INDUSTRIAL ZONE, PHUOC AN WARD, SON DUONG DISTRICT, Tuyen Quang PROVINCE

TÊN DỰ ÁN PROJECT NAME:
**NHÀ MÁY FUTURE OF SOUND VINA
FUTURE OF SOUND VINA FACTORY**

LÔ 02, CỤM CÔNG NGHIỆP PHƯỚC AN, XÃ PHƯỚC AN, HUYỆN SƠN DƯƠNG, TỈNH TUYÊN QUANG
PLOT 02, PHUOC AN INDUSTRIAL ZONE, PHUOC AN WARD, SON DUONG DISTRICT, Tuyen Quang PROVINCE

DESIGN COMPANY:
RAFA
CÔNG TY TNHH RAFA VIỆT NAM
RAFA VIETNAM CO., LTD

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ VÀ MÔ TẢ PHẠM VI: KINH DOANH
QUẢN LÝ DỰ ÁN
ĐƠN VỊ THIẾT KẾ VÀ MÔ TẢ PHẠM VI: KINH DOANH
QUẢN LÝ DỰ ÁN

CHỨC VỤ: DIRECTOR

KIM JEA GUK PROJECT MANAGER

CHỦ TRÌ TC: PROJECT MANAGER

TRẦN VĂN THANG DESIGN & DRAWING

THIẾT KẾ VẼ: DESIGN & DRAWING

DOANH HỒNG MINH CHECKED BY:

KIỂM TRA: CHECKED BY:

HUYỀN TIÊN THANH PART:

PHẦN: PART:

ACHITECHTURE/ KIẾN TRÚC

HẠNG MỤC: ITEM:
NHÀ XƯỞNG SẢN XUẤT WORKSHOP

TÊN BẢN VẼ DRAWING TITLE:
**2ND FLOOR MASTER PLAN
MẶT BẰNG TỔNG THỂ TẦNG 2**

TỶ LỆ: SCALE:

NGÀY PHÁT HÀNH DATE: -03/2020

SỐ HỮU: DRAWING NO: A-02

26 2ND FLOOR MASTER PLAN / MẶT BẰNG TỔNG THỂ TẦNG TẦNG 2

SỞ XÂY DỰNG TUYẾN QUANG

THẨM ĐỊNH

Theo văn bản số.../.../...

Ngày... tháng... năm 20...

Ký tên:

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TRÍ VIỆT

HỒ SƠ ĐÃ THẨM TRA

Theo Văn Bản Số.../.../...

Ngày... tháng... năm 20...

Ký tên:

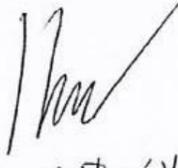
WORKSHOP - ARCHITECTURE

NHÀ XƯỞNG - KIẾN TRÚC

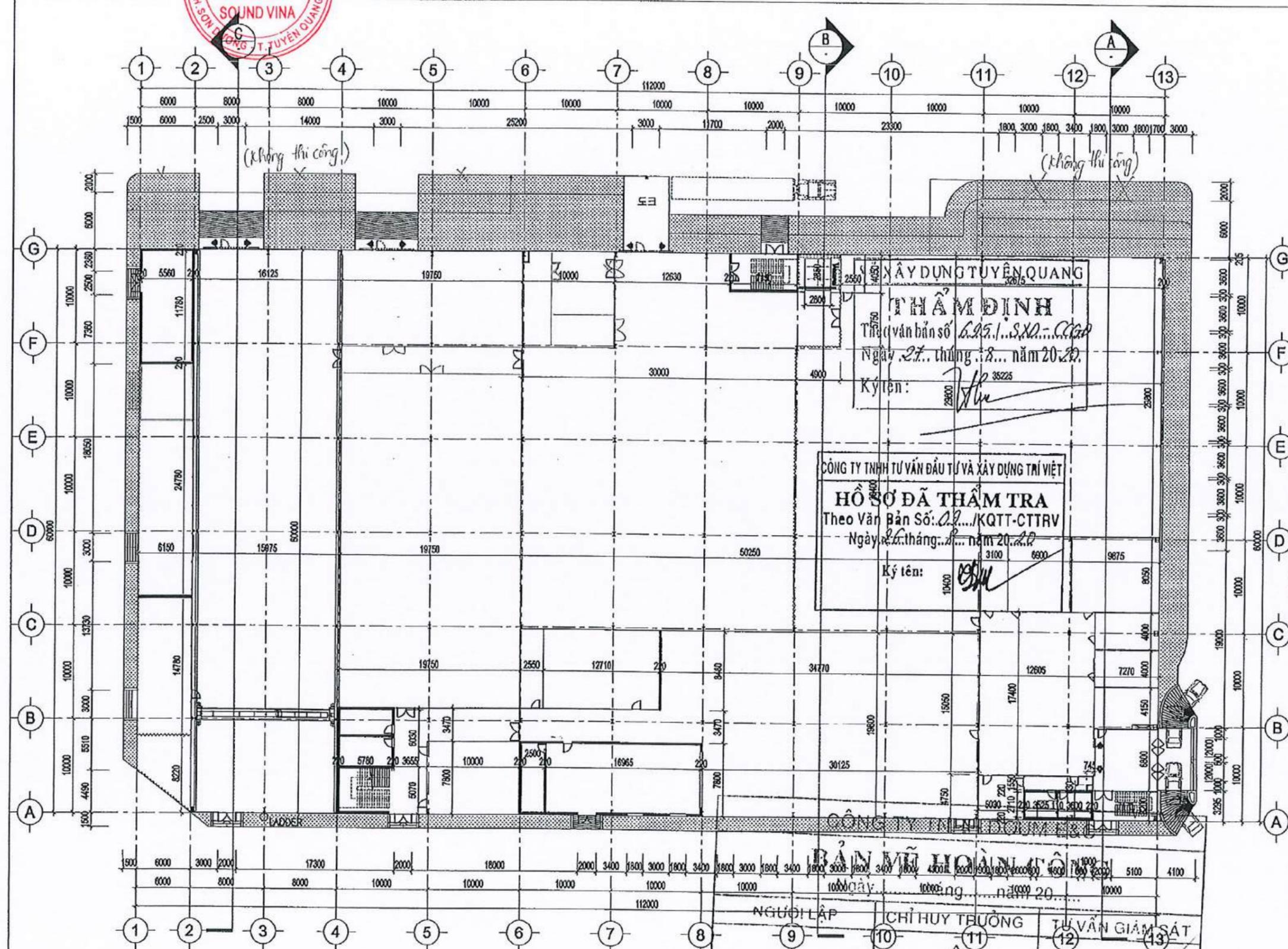
CÔNG TY TNHH DOUM E&C

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

Ngày.....tháng.....năm 20.....

NGƯỜI LẬP	CHỈ HUY TRƯỞNG	TƯ VẤN GIÁM SÁT
 Nguyễn Cường	 Ninh Công Đạt	 Nguyễn Tuấn Hải

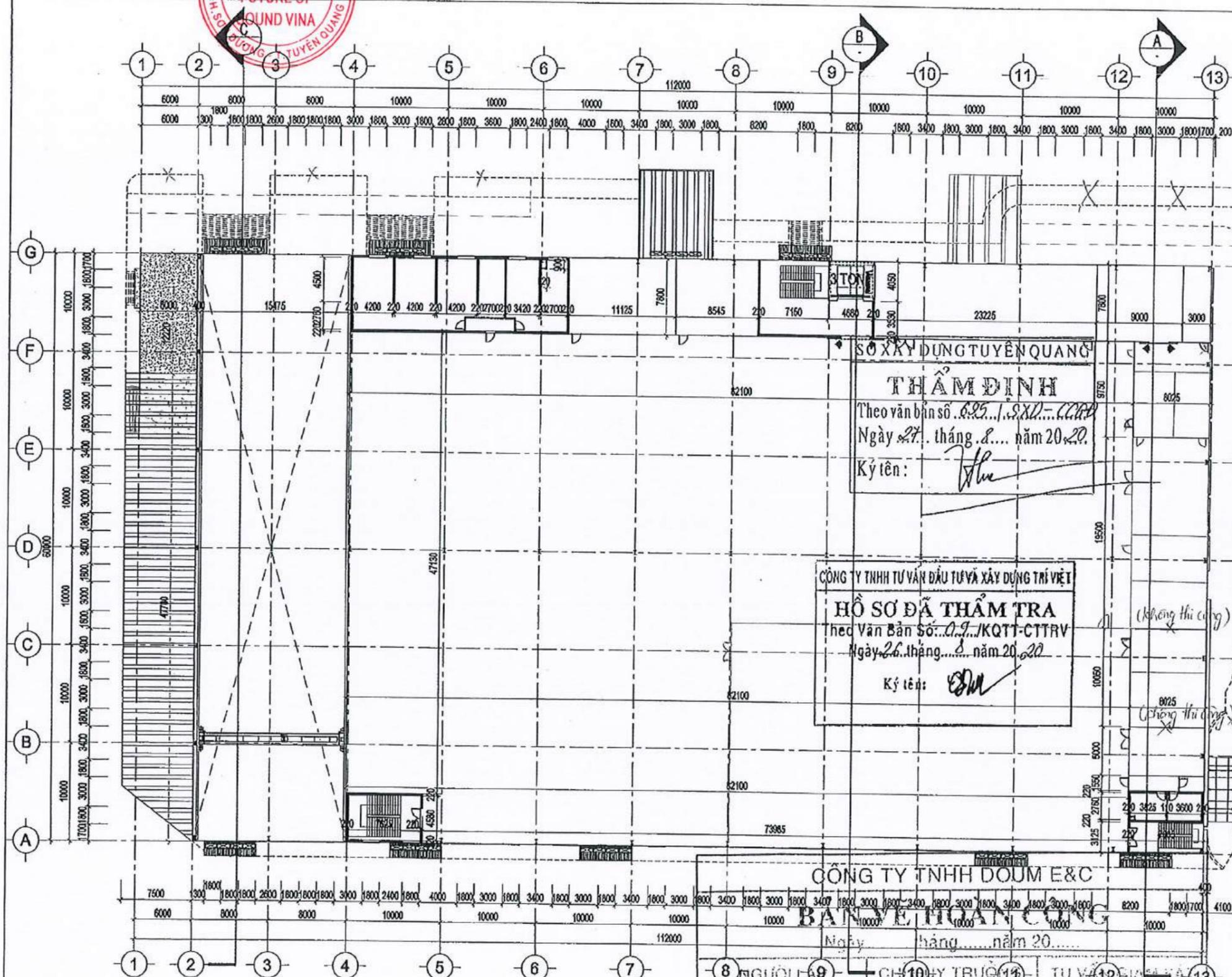




1ST FLOOR PLAN / MẶT BẰNG TẦNG 1

NGƯỜI LẬP: *Nh*
 NGUYỄN TRƯỜNG
 CHỈ HUY TRƯỞNG: *Nh*
 NINH CÔNG DUY
 TƯ VẤN GIÁM SÁT: *Nh*
 NGUYỄN TUYÊN HẠO

GHI CHÚ NOTE:	
MỤC ĐÍCH PHÁT HÀNH ISSUED FOR:	
• TRẢ DUYỆT FOR APPROVAL	
• THAM KHẢO FOR REFERENCE	
• THI CÔNG FOR CONSTRUCTION	
• BẦU THẦU FOR TENDER	
• HOÀN CÔNG AS-BUILT	
HIỆU CHỈNH REVISION:	
①	②
③	④
⑤	⑥
⑦	⑧
CHỦ ĐẦU TƯ	OWNER
 CÔNG TY TNHH FUTURE OF SOUND VINA FUTURE OF SOUND VINA CO., LTD LÔ 02, CỤM CÔNG NGHIỆP PHƯỚC ANH, PHƯỚC ANH, HUYỆN SƠN QUANG, TỈNH TUYÊN QUANG PLOT 02, PHU ANH INDUSTRIAL ZONE, PHU ANH WARD, SON QUANG DISTRICT, TUYEN QUANG PROVINCE	
TÊN DỰ ÁN	PROJECT NAME:
NHÀ MÁY FUTURE OF SOUND VINA FUTURE OF SOUND VINA FACTORY	
LÔ 02, CỤM CÔNG NGHIỆP PHƯỚC ANH, PHƯỚC ANH, HUYỆN SƠN QUANG, TỈNH TUYÊN QUANG PLOT 02, PHU ANH INDUSTRIAL ZONE, PHU ANH WARD, SON QUANG DISTRICT, TUYEN QUANG PROVINCE	
CITY TRADING	DESIGN COMPANY:
 RAFA CÔNG TY TNHH RAFA VIỆT NAM 04 CÔNG PHỐ 7/0 BÙI PHƯƠNG HẠNG, PHƯỜNG CẨM LỘ, QUẬN HOÀN KIẾM, TP. HÀ NỘI 04 CÔNG PHỐ 7/0 BUI PHUONG HANG, WARD CAM LO, DISTRICT HOAN KIEM, HA NOI	
QUẢN LÝ	DIRECTOR:
KIM JEA BUL	
CHỈ TRƯỞNG	PROJECT MANAGER:
TRẦN VĂN THƯƠNG	
THIẾT KẾ VẼ	DESIGN & DRAWING:
DUONG HONG MINH	
XEM TRÁ	CHECKED BY:
NGUYỄN TIẾN THÀNH	
BỘ MÔN	PART:
ARCHITECTURE / KIẾN TRÚC	
HẠNG MỤC	ITEM:
NHÀ XƯỞNG WORKSHOP	
TÊN BẢN VẼ	DRAWING TITLE:
MẶT BẰNG TẦNG 1 1ST FLOOR PLAN	
TỶ LỆ	
SCALE	
NGÀY PHÁT HÀNH	DATE:
	-03/2020
SỐ HIỆU	DRAWING NO.:
	WA-01



SỞ XÂY DỰNG TUYÊN QUANG
THẨM ĐỊNH
 Theo văn bản số 6.25.../SXD.../CCTP
 Ngày 27... tháng 8... năm 2020.
 Ký tên: *[Signature]*

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG VIỆT
HỒ SƠ ĐÃ THẨM TRA
 theo Văn Bản Số: 0.9.../KQT-CTTRV
 Ngày 26... tháng 8... năm 2020.
 Ký tên: *[Signature]*

CÔNG TY TNHH DOUM E&C
BẢN VẼ HOÀN CÔNG
 Ngày tháng năm 20...
 NGƯỜI CHỈ ĐẠO: *[Signature]*
 NGƯỜI CHỨC TRÙ: *[Signature]*
 TU VẤN: *[Signature]*
 Nguyễn Cường
 Minh Công Lê
 Nguyễn Tuấn Hải

2ND FLOOR PLAN / MẶT BẰNG TẦNG 2

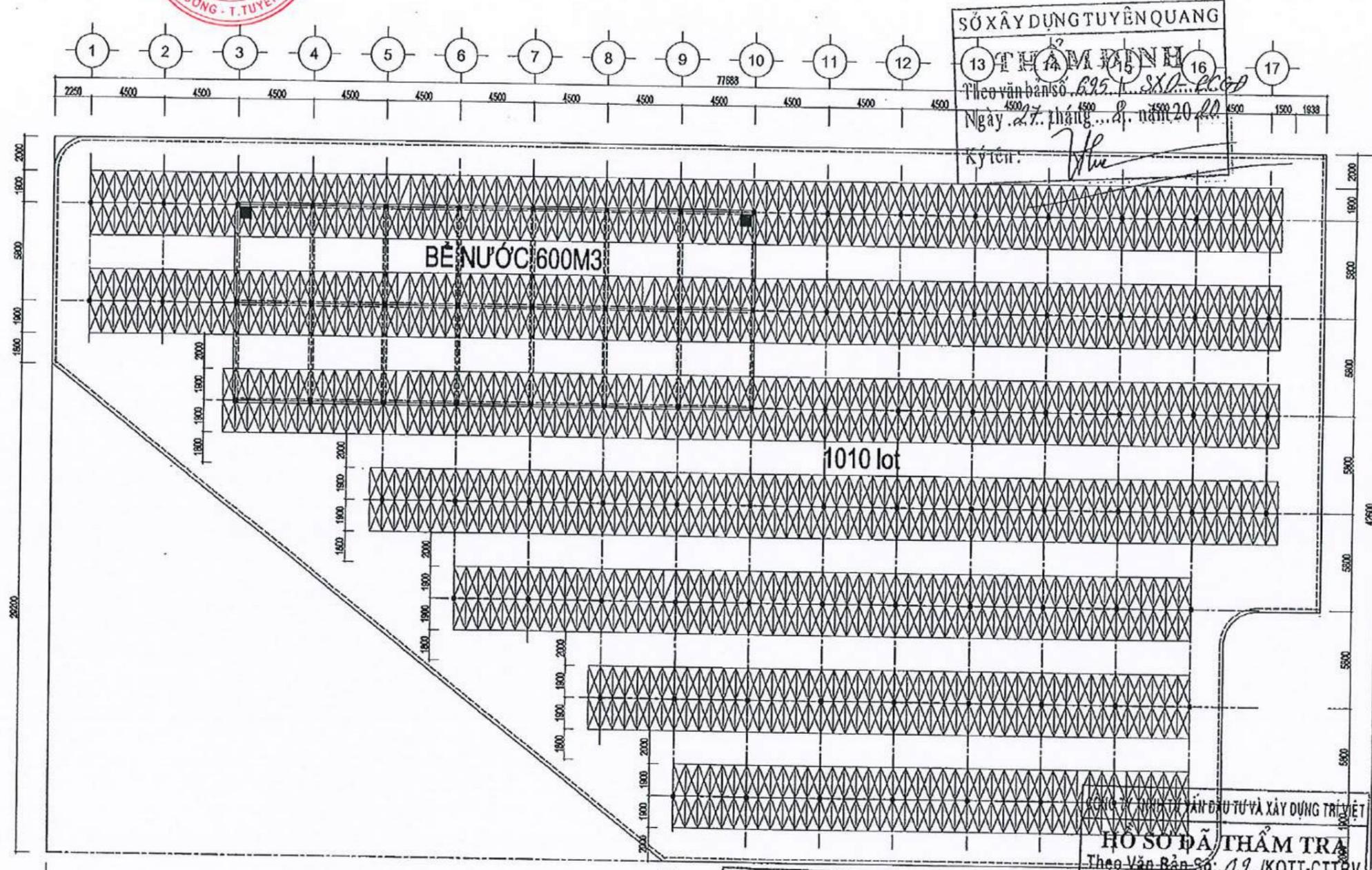
GHI CHÚ/NOTE:	
MỤC ĐÍCH PHÁT HÀNH/ISSUED FOR:	TRÌNH DUYỆT/ FOR APPROVAL
THAM KHẢO/ FOR REFERENCE	THI CÔNG/ FOR CONSTRUCTION
ĐẦU TƯ/ FOR TENDER	HOÀN CÔNG/ AS-BUILT
HỆ CHỮ/ REVISION:	
①	②
③	④
⑤	⑥
⑦	⑧
CHỦ ĐẦU TƯ / OWNER:	
TÊN DỰ ÁN / PROJECT NAME:	
NHÀ MÁY FUTURE OF SOUND VINA FUTURE OF SOUND VINA FACTORY	
LỜI MỞ ĐẦU CÔNG TRÌNH/ PROJECT INTRODUCTION: LÔ 02, CỤM CÔNG NGHIỆP PHƯỚC ANH, XÃ PHƯỚC ANH, HUYỆN SƠN QUANG, TỈNH TUYÊN QUANG PLOT 02, PHUOC ANH INDUSTRIAL ZONE, PHUOC ANH WARD, SON QUANG DISTRICT, TUYEN QUANG PROVINCE	
CÔNG TY THIẾT KẾ / DESIGN COMPANY:	
TRÌNH THỰC HIỆN / PROJECT MANAGER:	
THIẾT KẾ VẼ / DESIGN & DRAWING:	
KIỂM TRA / CHECKED BY:	
BỘ MÔN / PART:	
ARCHITECTURE/ KIẾN TRÚC	
HẠNG MỤC / ITEM:	
NHÀ XƯỞNG / WORKSHOP	
TÊN BẢN VẼ / DRAWING TITLE:	
MẶT BẰNG TẦNG 2 2ND FLOOR PLAN	
TỶ LỆ / SCALE:	
NGÀY PHÁT HÀNH / DATE:	-/03/2020
SỐ HẸM / DRAWING NO.:	WA-02

BIKE SHED NHÀ ĐỂ XE

SỞ XÂY DỰNG TUYÊN QUANG
THẨM ĐỊNH
Theo văn bản số 625.../SXĐ.../CCQP
Ngày 27... tháng... năm 2020.
Ký tên:

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TRÍ VIỆT
HỒ SƠ ĐÃ THẨM TRA
Theo Văn Bản Số: 09.../KQTT-CTTRV
Ngày 26... tháng... năm 2020.
Ký tên:

CÔNG TY TNHH DOUM E&C		
BẢN VẼ HOÀN CÔNG Ngày.....tháng.....năm 20.....		
NGƯỜI LẬP	CHỈ HUY TRƯỞNG	TƯ VẤN GIÁM SÁT
 Nguyễn Công	 Nguyễn Công Dự	 Nguyễn Tuấn Hải



SỐ XÂY DỰNG TUYẾN QUANG

THẨM ĐỊNH
 Theo văn bản số 695/K.SXD...
 Ngày 27 tháng 01 năm 2020
 Ký tên: *[Signature]*

HỒ SƠ ĐÃ THẨM TRA
 Theo Văn Bản Số 12/KQT-CTTV
 Ngày 26 tháng 08 năm 2020
 Ký tên: *[Signature]*

CÔNG TY TNHH DOLIM E&C		
BẢN VẼ HOÀN CÔNG		
Ngày.....tháng.....năm 20.....		
NGƯỜI LẬP	CHỈ HUY TRƯỞNG	TƯ VẤN GIÁM SÁT
<i>[Signature]</i>	<i>[Signature]</i>	<i>[Signature]</i>
Nguyễn Công Cường	Ninh Công Đức	Nguyễn Tuấn Hải

MỤC ĐÍCH PHÁT HÀNH ISSUED FOR	
<input checked="" type="checkbox"/>	TRÌNH DUYỆT/ FOR APPROVAL
<input type="checkbox"/>	THAM KHẢO/ FOR REFERENCE
<input type="checkbox"/>	THI CÔNG/ FOR CONSTRUCTION
<input type="checkbox"/>	ĐẦU THẦU/ FOR TENDER
<input type="checkbox"/>	HOÀN CÔNG/ AS BUILT
KẾ CHỮ REVISION	
①	①
②	②
③	③
④	④
CHỈ ĐẠO DỰT	OWNER
TÊN DỰ ÁN PROJECT NAME:	
NHÀ MÁY FUTURE OF SOUND VINA FUTURE OF SOUND VINA FACTORY	
LỘ BIỆT QUẬN CÔNG NGHIỆP PHƯỚC LƯƠNG, XÃ PHƯỚC LƯƠNG, HUYỆN PHƯỚC LƯƠNG, TỈNH TUYẾN QUANG PHUOC LUANG INDUSTRIAL ZONE, PHUOC LUANG WARD, SON DUONG DISTRICT, TUYEN QUANG PROVINCE	
CITY TUYÊN QUANG 6322394 - DESIGN COMPANY: 	
QUẢN LÝ	DIRECTOR:
KIM JEA BUI	<i>[Signature]</i>
CHỈ TRỊ THỰC	PROJECT MANAGER:
NGUYỄN TIẾN THANH	<i>[Signature]</i>
THẾT KẾ VẼ	DESIGN & DRAWING:
DUONG HONG ANH	<i>[Signature]</i>
KÈM TRƯA	CHECKED BY:
NGUYỄN TIẾN THANH	<i>[Signature]</i>
BỘ MẪU	PART:
ARCHITECTURE / KIẾN TRÚC	
HẠNG MỤC	ITEM:
BIKE SHED NHÀ XE	
TÊN BẢN VẼ	DRAWING TITLE:
PLAN MẶT BẰNG	
TITLE	
SCALE	
NGÀY PHÁT HÀNH	DATE: -03/2020
SỐ TỰ ĐỘNG	BSH-01

WATER TANK

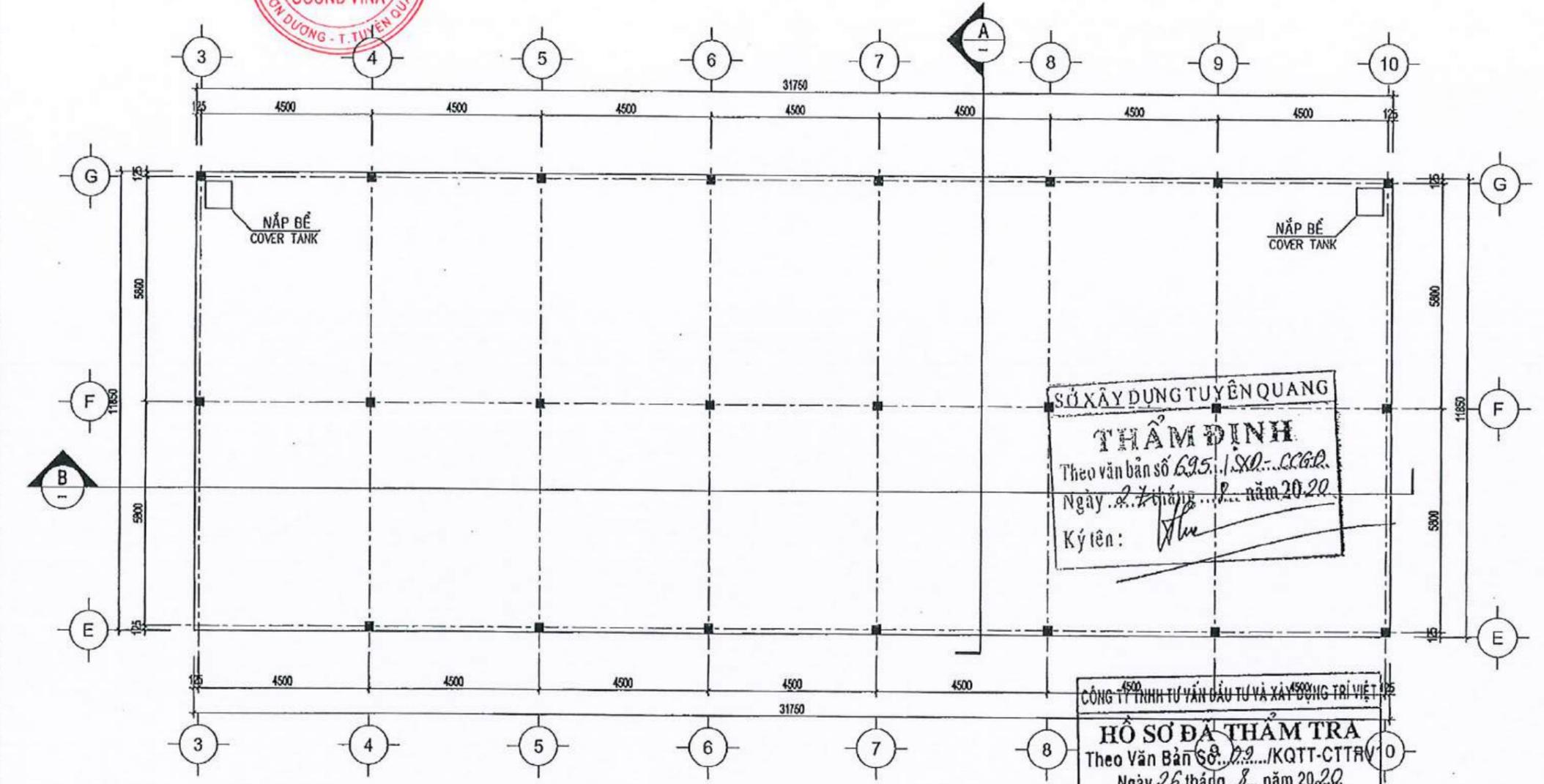
BỂ NƯỚC

SỞ XÂY DỰNG TUYẾN QUANG
THẨM ĐỊNH
Theo văn bản số 6.95.1...XD-CCQT
Ngày 27. tháng 1. năm 2020
Ký tên:

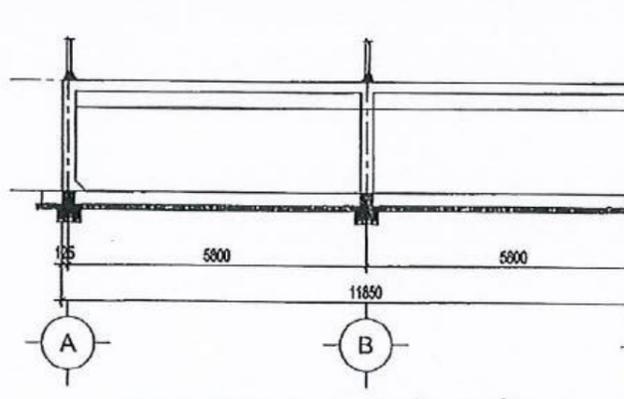
CÔNG TY TNHH TƯ VẤN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TRÍ VIỆT
HỒ SƠ ĐÃ THẨM TRA
Theo Văn Bản Số: 29/KQTT-CTTRV
Ngày 24. tháng 1. năm 2020
Ký tên:

CÔNG TY TNHH DOUM E&C		
BẢN VẼ HOÀN CÔNG		
Ngày.....tháng.....năm 20.....		
NGƯỜI LẬP	CHỈ HUY TRƯỞNG	TƯ VẤN GIÁM SÁT
 Nguyễn Cường	 Ninh Công Đức	 Nguyễn Tuấn Hải





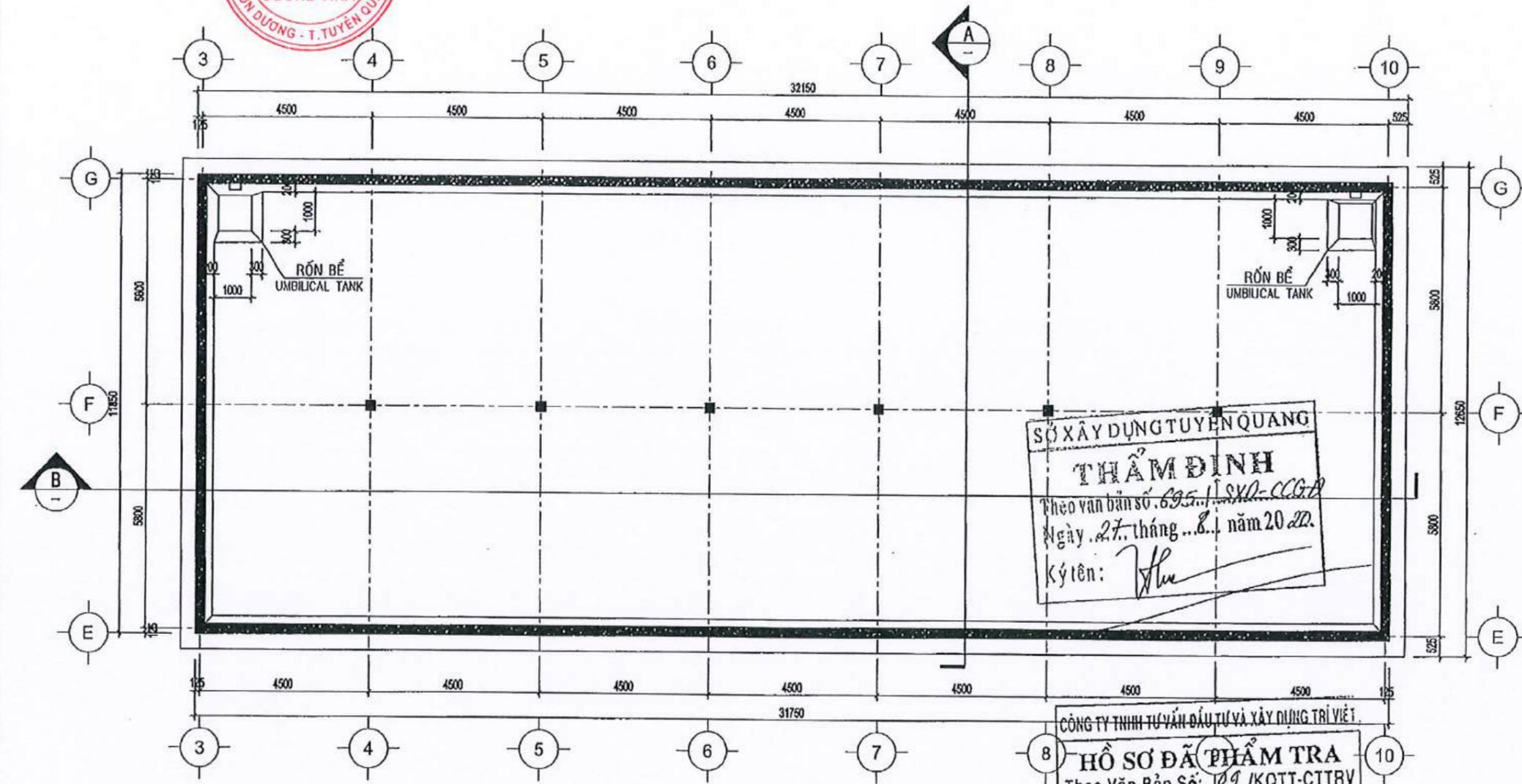
COVER TANK PLAN / MẶT BẰNG NẮP BỂ



SECTION A-A / MẶT CẮT A-A

CÔNG TY TNHH DOUM E&C		
BẢN VẼ HOÀN CÔNG		
Ngày.....tháng.....năm 20.....		
NGƯỜI LẬP	CHỈ HUY TRƯỞNG	TƯ VẤN GIÁM SÁT
 Nguyễn Cương	 Nam Công Phú	 Nguyễn Thuận Hải

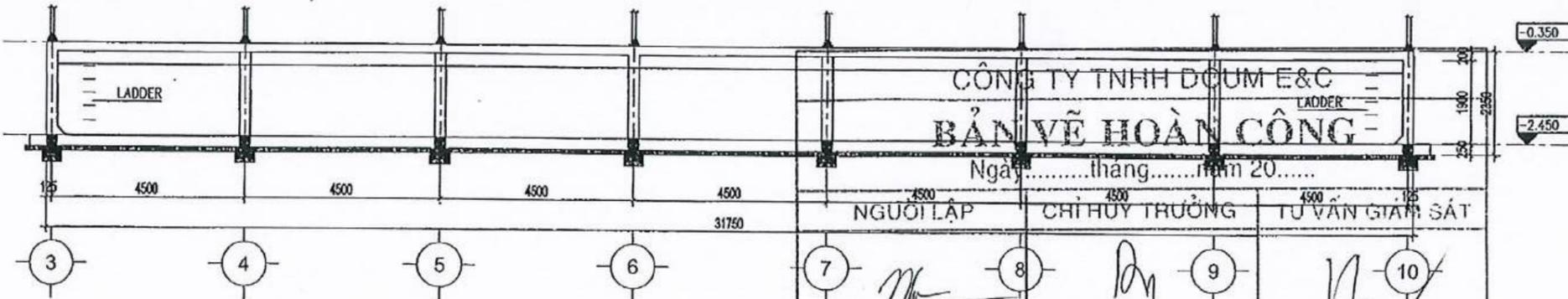
GHI CHÚ / NOTE	
MỤC ĐÍCH PHÁT HÀNH / ISSUED FOR	
• TRẢ LỜI DUYỆT / FOR APPROVAL • THAM KHẢO / FOR REFERENCE • THI CÔNG / FOR CONSTRUCTION • ĐÁI THẦU / FOR TENDER • HOÀN CÔNG AS BUILT	
SỐ CHỈNH / REVISION	
①	②
③	④
⑤	⑥
CHỦ ĐẦU TƯ / OWNER	OWNER
TÊN DỰ ÁN / PROJECT NAME	
NHÀ MÁY FUTURE OF SOUND VINA FUTURE OF SOUND VINA FACTORY	
LỜI GIẢI THÍCH / EXPLANATION LỜI GIẢI THÍCH CÔNG NGHỆ / TECHNOLOGY EXPLANATION LỜI GIẢI THÍCH THIẾT KẾ / DESIGN EXPLANATION LỜI GIẢI THÍCH THI CÔNG / CONSTRUCTION EXPLANATION LỜI GIẢI THÍCH HOÀN CÔNG / AS BUILT EXPLANATION	
CITY THIẾT KẾ / DESIGN COMPANY	
 RAFA CONSULTING & BUSINESS PARTNER CÔNG TY TNHH RAFA VIỆT NAM RAFA CONSULTING & BUSINESS PARTNER CÔNG TY TNHH RAFA VIỆT NAM RAFA CONSULTING & BUSINESS PARTNER CÔNG TY TNHH RAFA VIỆT NAM RAFA CONSULTING & BUSINESS PARTNER	
KIM XE DẪN / PROJECT MANAGER	
 Kim Xe Dẫn	
THIẾT KẾ / DESIGN & DRAWING	
 Thiết Kế	
DUYỆT / CHECKED BY	
 Duyệt	
HƯỚNG TIỀN TRƯỞNG / PROJECT MANAGER	
 Nguyễn Tiên Trùng	
BỘ MÔN / DEPARTMENT	
STRUCTURE / KẾT CẤU	
HẠNG MỤC / ITEM	
WATER TANK BỂ NƯỚC	
TÊN BẢN VẼ / DRAWING TITLE	
PLAN & SECTION MẶT BẰNG, MẶT CẮT	
TÊN LỚP / CLASS	WT-01
NGÀY PHÁT HÀNH / DATE	-03/2020
SỐ BẢN / DRAWING NO.	WT-01



SỞ XÂY DỰNG TUYẾN QUANG
THẨM ĐỊNH
 Theo văn bản số: 695.../SKĐ-CCQT
 Ngày: 27. tháng ... năm 2022.
 Ký tên: *[Signature]*

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TRÍ VIỆT
HỒ SƠ ĐÃ PHẠM TRA
 Theo Văn Bản Số: 129.../KQTT-CTTRV
 Ngày: 26. tháng ... năm 2022.
 Ký tên: *[Signature]*

BOTTOM TANK PLAN / MẶT BẰNG ĐÁY BỂ

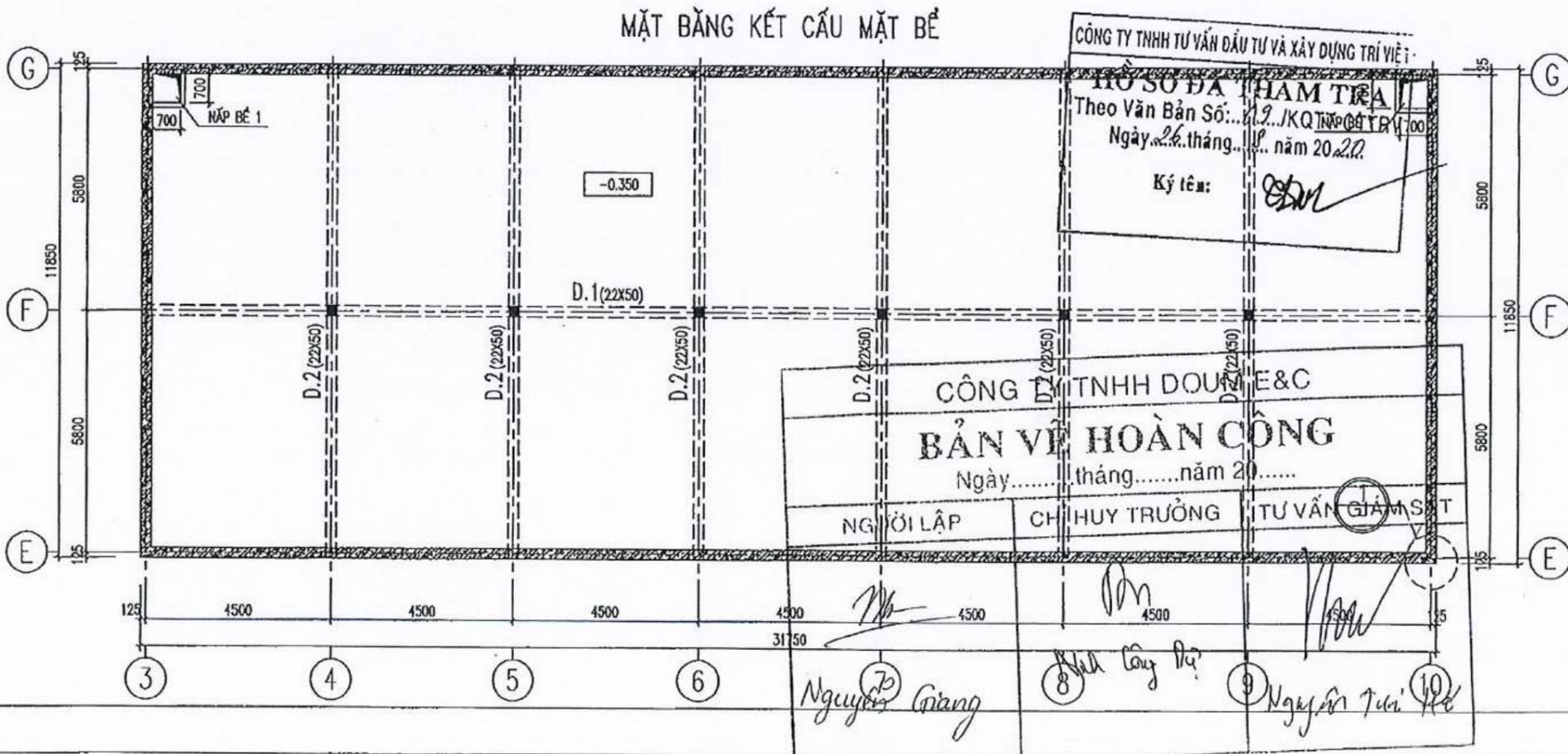
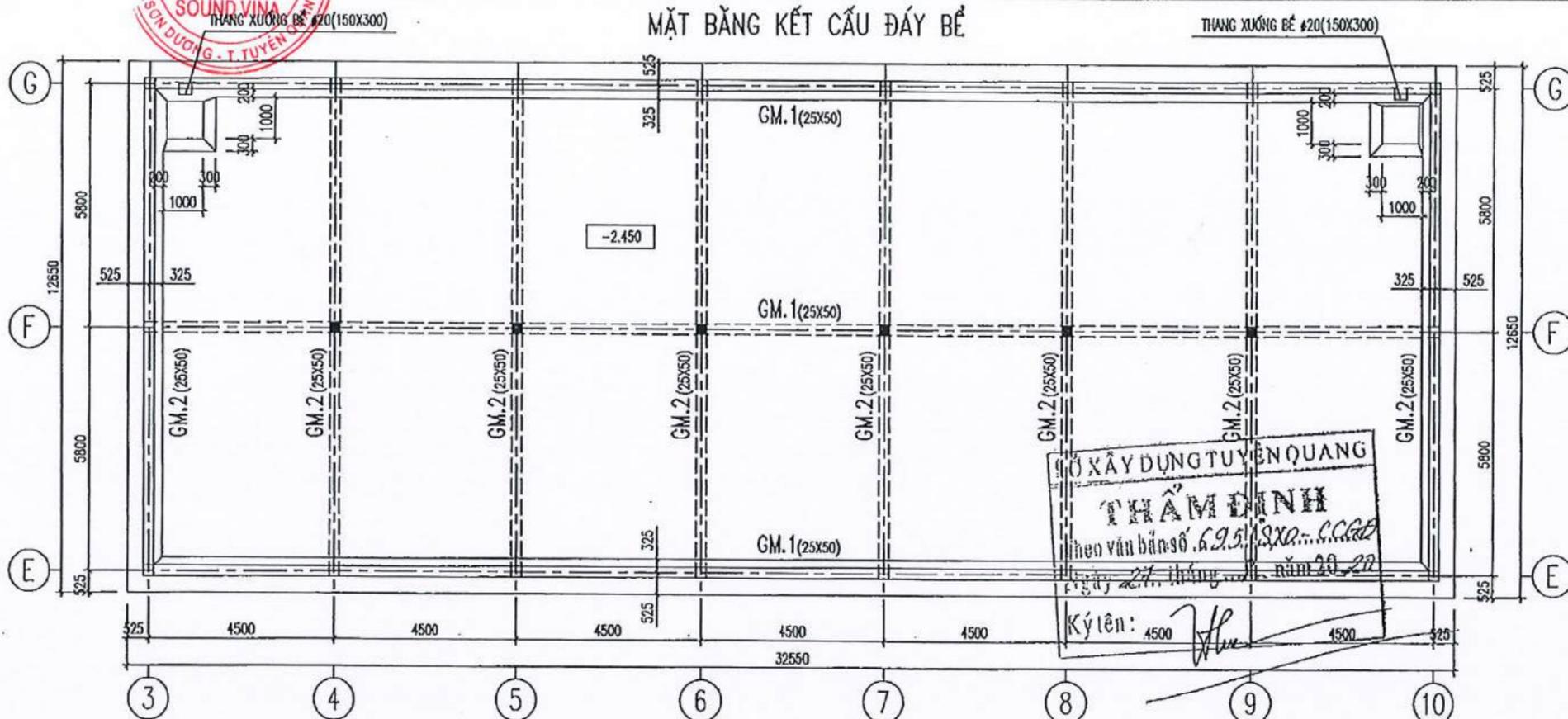


CÔNG TY TNHH ĐCUM E&C
BẢN VẼ HOÀN CÔNG
 Ngày: tháng năm 20.....

NGƯỜI LẬP: *[Signature]*
 CHỈ HUY TRƯỞNG: *[Signature]*
 TỰ VẤN GIÁM SÁT: *[Signature]*
 Nguyễn Công Đạt
 Nguyễn Tuấn Hải

SECTION B-B / MẶT CẮT B-B

GHI CHÚ NOTE:	
MỤC ĐÍCH PHÁT HÀNH ISSUED FOR:	
●	TRẢNH DUYỆT / FOR APPROVAL
●	THAM KHẢO / FOR REFERENCE
●	THI CÔNG / FOR CONSTRUCTION
●	ĐẦU THẦU / FOR TENDER
●	HOÀN CÔNG / AS-BUILT
HỆ CHỈNH REVISION:	
①	②
③	④
⑤	⑥
⑦	⑧
CHỦ ĐẦU TƯ OWNER:	
CÔNG TY TNHH FUTURE OF SOUND VINA FUTURE OF SOUND VINA CO., LTD. 59 S. SOUND VINA LÔ 12, CỤM CÔNG NGHIỆP PHƯỚC ANH, X. PHƯỚC ANH, H. SƠN DƯƠNG, T. TUYẾN QUANG PLOT 12, PHU ANH INDUSTRIAL ZONE, PHU ANH WARD, SON DUONG DISTRICT, TUYEN QUANG PROVINCE	
TÊN DỰ ÁN PROJECT NAME:	
NHÀ MÁY FUTURE OF SOUND VINA FUTURE OF SOUND VINA FACTORY	
LÔ 12, CỤM CÔNG NGHIỆP PHƯỚC ANH, X. PHƯỚC ANH, H. SƠN DƯƠNG, T. TUYẾN QUANG, PLOT 12, PHU ANH INDUSTRIAL ZONE, PHU ANH WARD, SON DUONG DISTRICT, TUYEN QUANG PROVINCE	
CÔNG TY THIẾT KẾ RAFA DESIGN COMPANY:	
CITY RAFA VIETNAM	
Đ. C. PH. 12, C. CÔNG. 12, S. S. PH. ANH, X. PH. ANH, H. S. D. QUANG, T. T. QUANG	
ACC. 12, P. 12, S. PH. ANH, X. PH. ANH, H. S. D. QUANG, T. T. QUANG	
QUẢN ĐỐC DIRECTOR:	<i>[Signature]</i>
KH. K. A. B. L. PROJECT MANAGER:	<i>[Signature]</i>
TR. H. V. T. H. U. N. G. DESIGN & DRAW:	<i>[Signature]</i>
TH. I. E. T. H. E. Y. E. CHECKED BY:	<i>[Signature]</i>
D. U. O. N. G. H. O. N. G. M. I. N. H. PART:	<i>[Signature]</i>
K. I. E. N. T. R. A. C. PART:	<i>[Signature]</i>
STRUCTURE / KẾT CẤU	
H. O. A. N. G. M. A. C. ITEM:	
WATER TANK BỂ NƯỚC	
T. E. N. Đ. A. N. V. E. DRAWING TITLE:	
PLAN & SECTION MẶT BẰNG, MẶT CẮT	
T. I. T. L. E. SCALE:	
NG. A. Y. P. H. A. T. H. A. N. H. DATE:	-03/2023
S. O. H. O. I. DRAWING NO.:	WT-02



MỤC ĐÍCH PHÁT HÀNH ISSUED FOR	
• TRẢ LỜI DUYỆT FOR APPROVAL	
• THAM KHẢO FOR REFERENCE	
• THI CÔNG FOR CONSTRUCTION	
• ĐÀU THẦU FOR TENDER	
• HOÀN CÔNG AS BUILT	
HỆ CHỮ VIẾT	
①	②
③	④
⑤	⑥
⑦	⑧
⑨	⑩
CHỦ ĐẦU TƯ	OWNER
TÊN DỰ ÁN: PROJECT NAME:	
NHÀ MÁY FUTURE OF SOUND VINA FUTURE OF SOUND VINA FACTORY	
LỜI GIẢI THÍCH: LỜI GIẢI THÍCH DỰ ÁN, KẾ HOẠCH CÔNG TRÌNH VÀ THI CÔNG LỜI GIẢI THÍCH DỰ ÁN, KẾ HOẠCH CÔNG TRÌNH VÀ THI CÔNG LỜI GIẢI THÍCH DỰ ÁN, KẾ HOẠCH CÔNG TRÌNH VÀ THI CÔNG LỜI GIẢI THÍCH DỰ ÁN, KẾ HOẠCH CÔNG TRÌNH VÀ THI CÔNG	
CITY TRUYỀN THÔNG: 322394 - CÔNG TY TNHH TƯ VẤN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TRÍ VIỆT	
TÊN CÔNG TY: COMPANY NAME:	
CÔNG TY TNHH TƯ VẤN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TRÍ VIỆT	
LỜI GIẢI THÍCH DỰ ÁN, KẾ HOẠCH CÔNG TRÌNH VÀ THI CÔNG LỜI GIẢI THÍCH DỰ ÁN, KẾ HOẠCH CÔNG TRÌNH VÀ THI CÔNG LỜI GIẢI THÍCH DỰ ÁN, KẾ HOẠCH CÔNG TRÌNH VÀ THI CÔNG LỜI GIẢI THÍCH DỰ ÁN, KẾ HOẠCH CÔNG TRÌNH VÀ THI CÔNG	
CHỨC VỤ: POSITION:	
STRUCTURE / KẾT CẤU	
Hạng mục: ITEM:	
WATER TANK BỂ NƯỚC	
TÊN BẢN VẼ: DRAWING TITLE:	
PLAN MẶT BẰNG	
TỶ LỆ: SCALE:	
NGÀY PHÁT HÀNH: DATE:	-03/2020
ĐỒ THỊ: DRAWING NO.:	WT-03

SỞ XÂY DỰNG TUYÊN QUANG

THẨM ĐỊNH

Theo văn bản số 6251/SXD...CC67

Ngày 27... tháng 1... năm 2020

Ký tên:

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TRÍ VIỆT

HỒ SƠ ĐÃ THẨM TRA

Theo Văn Bản Số: 22/KQTT-CTTRV

Ngày 26 tháng 1 năm 2020

Ký tên:

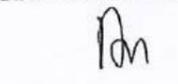
GARBAGE HOUSE

NHÀ RÁC

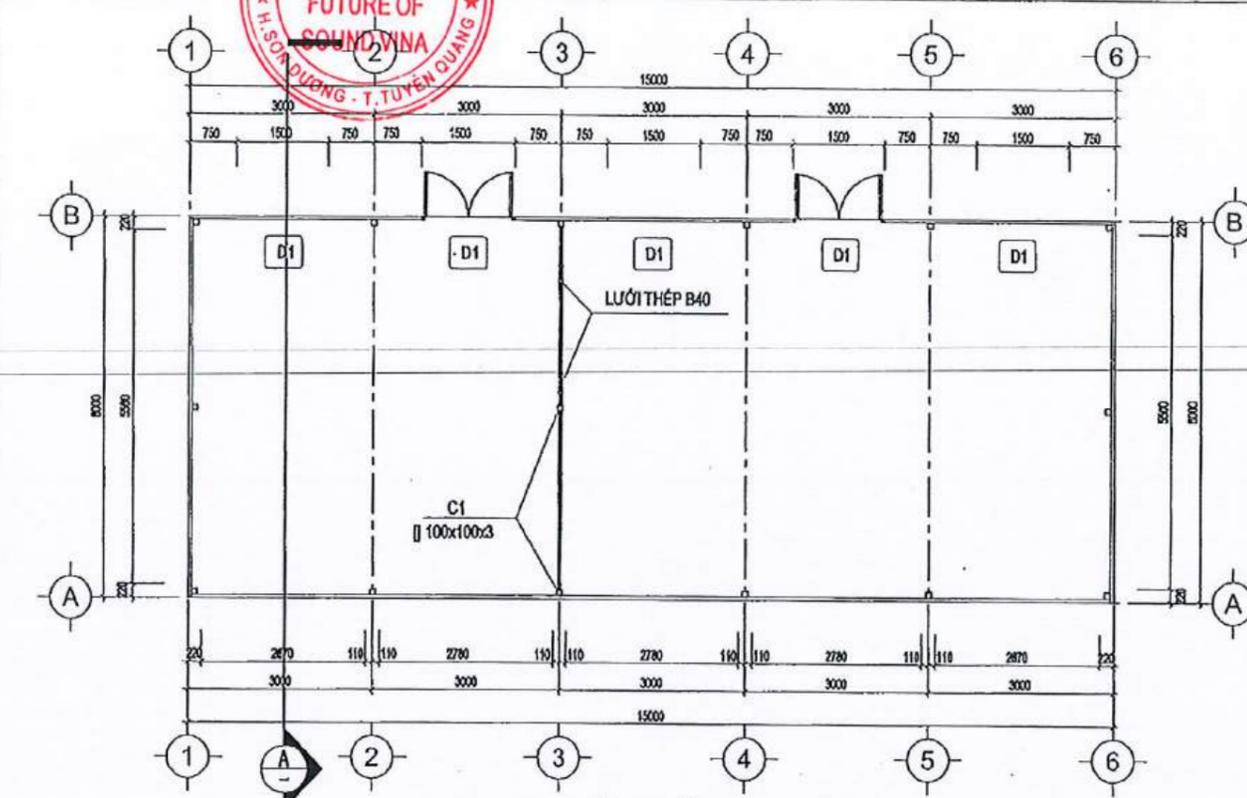
CÔNG TY TNHH DOUM E&C

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

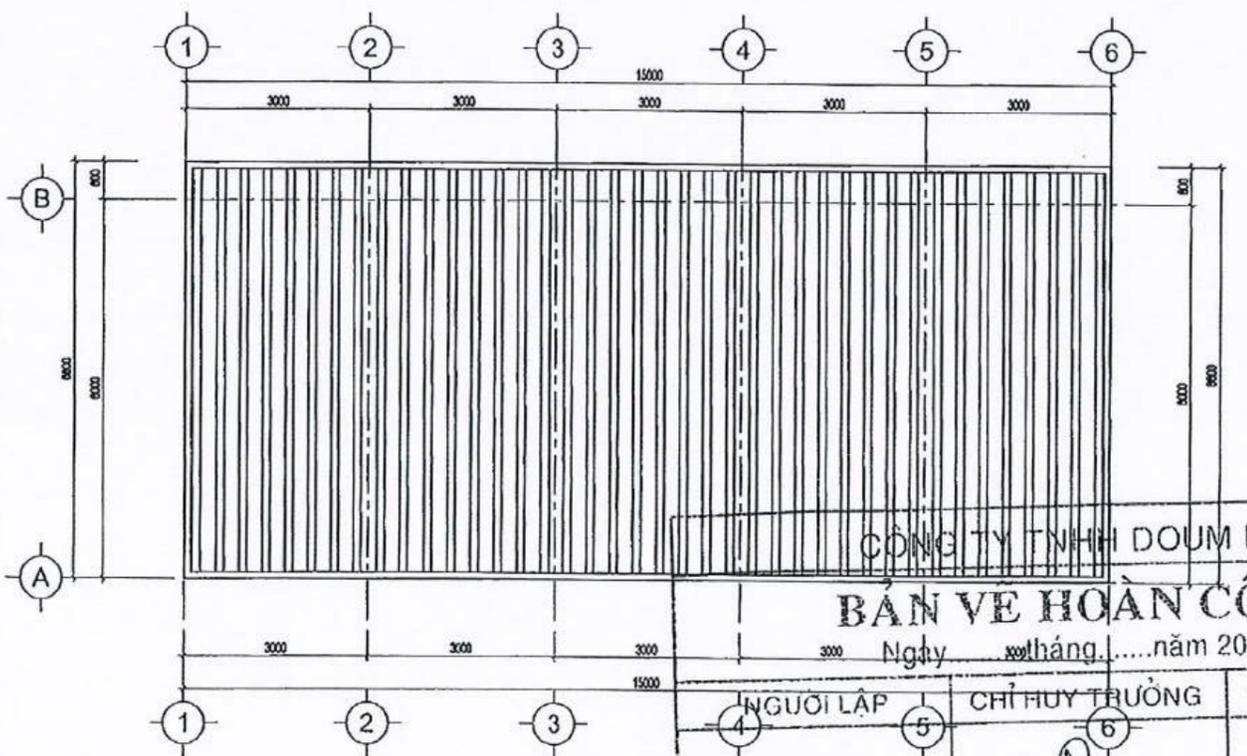
Ngày.....tháng.....năm 20.....

NGƯỜI LẬP	CHỈ HUY TRƯỞNG	TƯ VẤN GIÁM SÁT
 Nguyễn Cường	 Ninh Công Di	 Nguyễn Thái Hải

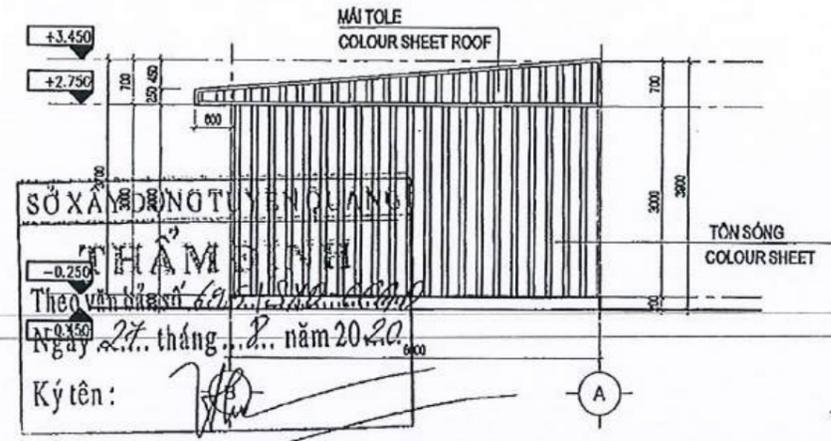




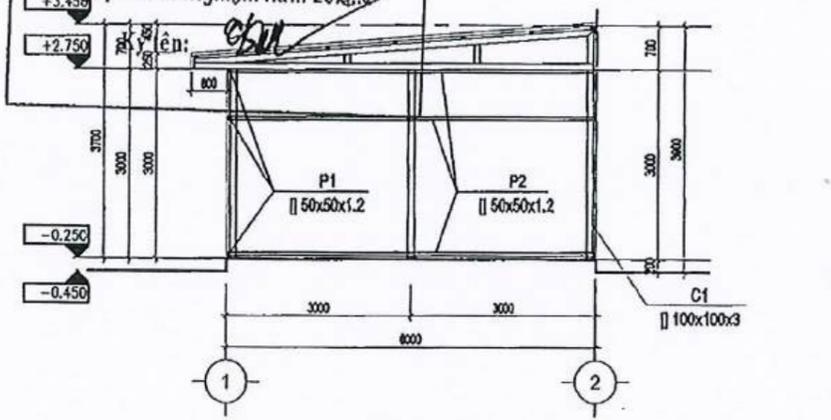
PLAN/MẶT BẰNG tỉ LỆ: 1/100



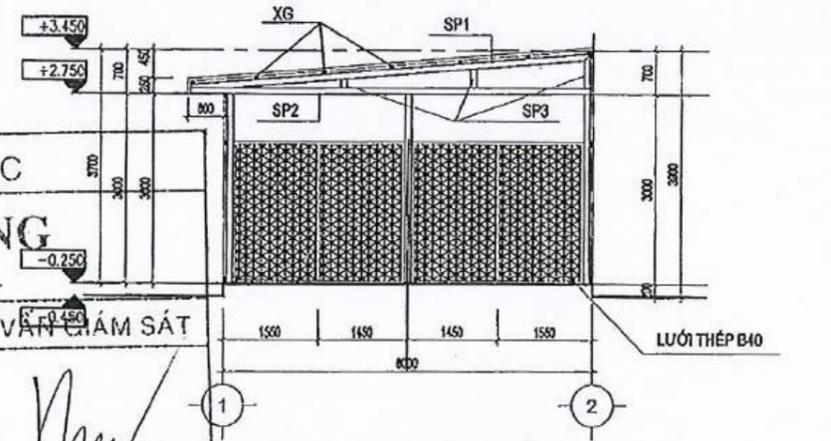
ROOF PLAN/MẶT BẰNG MÁI tỉ LỆ: 1/100



ELEVATION AXIS B-A
MẶT ĐỨNG TRỤC B-A tỉ LỆ: 1/100



ELEVATION AXIS A-B
MẶT ĐỨNG TRỤC A-B tỉ LỆ: 1/100

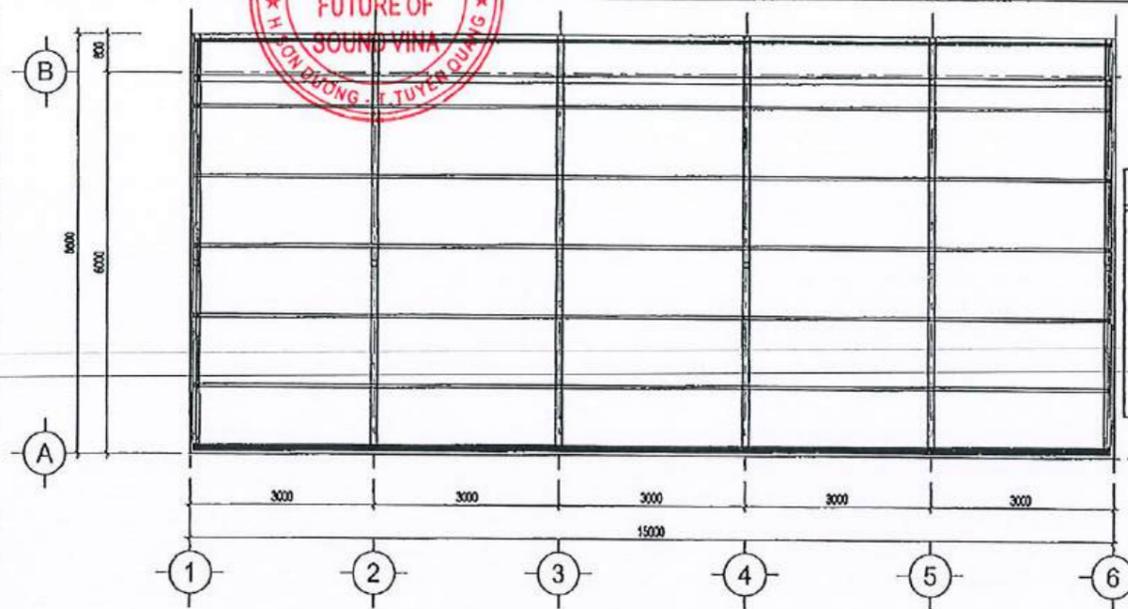


SECTION A-A/MẶT CẮT A-A tỉ LỆ: 1/100

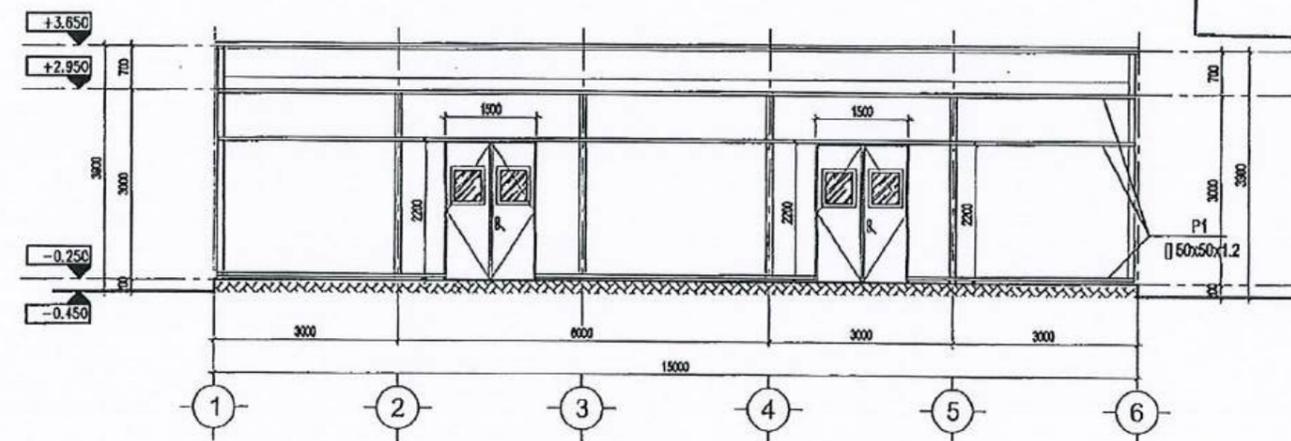
CÔNG TY TNHH DOUM E&C
BẢN VẼ HOÀN CÔNG
Ngày ... tháng ... năm 20...

NGƯỜI LẬP: *Nguyễn Cường*
CHỈ HUY TRƯỞNG: *Nhà Công Dư*
TƯ VẤN CHẤM SÁT: *Nguyễn Tuấn Hải*

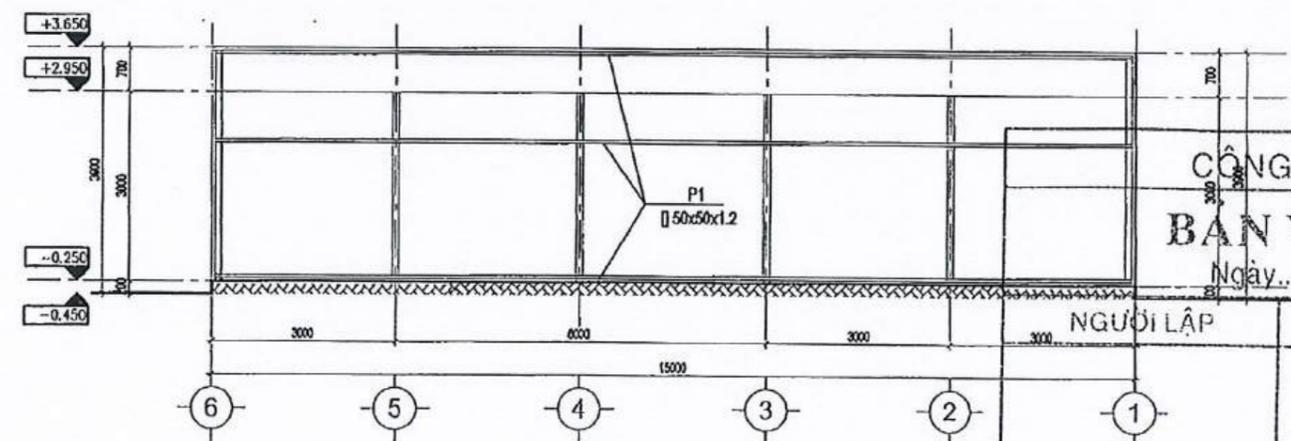
CHỈ CHẤM NOTE	
MỤC ĐÍCH PHÁT HÀNH ISSUED FOR	
• TRÊN DUYỆT/ FOR APPROVAL	
• THAM KHẢO/ FOR REFERENCE	
• THE CÔNG/ FOR CONSTRUCTION	
• ĐẦU THẦU/ FOR TENDER	
• HOÀN CÔNG/ AS BUILT	
HỆ THỐNG REVISION	
①	②
③	④
⑤	⑥
⑦	⑧
CHỖ ĐẤU TỰ: ONGHI	
TÊN DỰ ÁN: PROJECT NAME:	
NHÀ MÁY FUTURE OF SOUND VINA FUTURE OF SOUND VINA FACTORY	
LỘ 22, CỤM CÔNG NGHIỆP PHƯỚC AN, XÃ PHƯỚC AN, HUYỆN BỐ CHƠN, TỈNH TUYÊN QUANG PLOT 22, PH. INDUSTRIAL ZONE, PH. AN, PH. AN, HUY. B. CHON, T. TUYEN QUANG	
TÊN BÀN VẼ: DRAWING TITLE:	
PLAN & ELEVATION MẶT BẰNG & MẶT ĐỨNG	
TỈ LỆ: SCALE:	
NGÀY PHÁT HÀNH: DATE:	-/03/2020
SỐ HẸT: DRAWING NO.:	CB-01



ROOF PURLIN/ XÀ GỖ MÁI TỈ LỆ: 1/100



ELEVATION AXIS 1-6



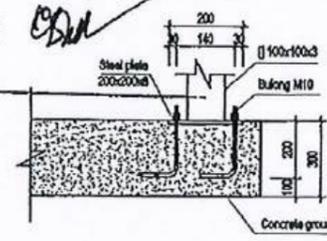
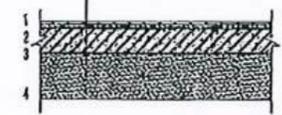
ELEVATION AXIS 6-1

SỞ XÂY DỰNG TUYÊN QUANG
THẨM ĐỊNH
 Theo Văn bản số: 625/SLX...
 Ngày 27 tháng 1 năm 2020
 Ký tên: *[Signature]*

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TRÍ VIỆT
HỒ SƠ ĐÃ THẨM TRA
 Theo Văn Bản Số: 29/KQTT-CTTV
 Ngày 26 tháng 1 năm 2020
 Ký tên: *[Signature]*

F1 R.C FLOOR
 NỀN B.T.C.T

1. LỚP BÊ TÔNG XOA PHẪNG
2. NỀN BÊ TÔNG CỐT THÉP, DÀY 100MM
3. LỚP VINYL CHỐNG MẮT NƯỚC
4. LỚP CÁT TÀN NÉN, DÀY 200MM
5. LỚP CÁT TÀN NÉN, DÀY 200MM



LINK DETAIL/ CHI TIẾT LIÊN KẾT



R ROOF CHI TIẾT MÁI

MARK - KÍ HIỆU	DI
HÌNH DẠNG SHAPE	
KÍNH THÉP SƠN SỐ LƯỢNG/QUY ĐỊNH	1500x2200 02
VẬT LIỆU KHUNG MATERIAL FRAME / LEAF	KHUNG THÉP SƠN TỶ ĐIỆN POWDER COATING STEEL FRAME
HOÀN THIỆN / HOÀN FINISH / GLASS	KÍNH TRONG DÀY 5MM CLEAR GLASS THICKNESS 5MM
GHI CHÚ NOTES	THEY ĐẶC ĐIỂM NHÀ SẢN XUẤT CHARACTERISTICS OF PRODUCTION

CÔNG TY TNHH DOUM E&C
BẢN VẼ HOÀN CÔNG
 Ngày.....tháng.....

NGƯỜI LẬP: *[Signature]*
 CHỈ HUY TRƯỞNG: *[Signature]*
 TỰ KIỂM GIÁM SÁT: *[Signature]*
 NGUYỄN CHANG NHƯ CÔNG ĐẾ NGUYỄN TUYÊN HÒA

CHỮ CHỮ NOTE

MỤC ĐÍCH PHÁT HÀNH ISSUED FOR

- TRÌNH DUYỆT FOR APPROVAL
- THAM KHẢO FOR REFERENCE
- THE CÔNG TY FOR CONSTRUCTION
- ĐẦU THẦU FOR TENDER
- HOÀN CÔNG/AS-BUILT

HEU CHỈNH REVISION

①	②
③	④
⑤	⑥

CHỖ DẤU TỰ: 04/01/20

CÔNG TY TNHH FUTURE OF SOUND VINA
 FUTURE OF SOUND VINA CO., LTD
 LÔ 02, QUẬN CÔNG NGHIỆP PHƯỚC ANH, XÃ PHƯỚC ANH, HUYỆN SƠN QUANG, TỈNH TUYÊN QUANG
 PLOT 02, PHUOC INDUSTRIAL ZONE, PHUOC ANH WARD, SON QUANG DISTRICT, TUYÊN QUANG PROVINCE

TÊN DỰ ÁN: PROJECT NAME: NHÀ MÁY FUTURE OF SOUND VINA FUTURE OF SOUND VINA FACTORY

LÔ 02, QUẬN CÔNG NGHIỆP PHƯỚC ANH, XÃ PHƯỚC ANH, HUYỆN SƠN QUANG, TỈNH TUYÊN QUANG
 PLOT 02, PHUOC INDUSTRIAL ZONE, PHUOC ANH WARD, SON QUANG DISTRICT, TUYÊN QUANG PROVINCE

CITY THIẾT KẾ: DESIGN COMPANY: RAFA

MARK: EUC-1

KHAI GIẢM: PROJECT MANAGER: *[Signature]*

CHỖ TRỊ TẾ: PROJECT MANAGER: *[Signature]*

TRÌNH YAN THANG: DESIGN & DESIGN: *[Signature]*

THIẾT KẾ VẼ: DESIGN & DESIGN: *[Signature]*

ĐƯƠNG HỒNG MINH: CHECKED BY: *[Signature]*

KIỂM TRA: CHECKED BY: *[Signature]*

NGUYỄN TÊN THAI: ARCHITECTURE / KIẾN TRÚC

BỘ MÔN: ARCHITECTURE / KIẾN TRÚC

HẠNG MỤC: ITEM: GABAGE HOUSE NHÀ RÁC

TÊN BẢN VẼ: DRAWING TITLE: PLAN & ELEVATION MẶT BẰNG & MẶT ĐỨNG

TỈ LỆ: SCALE: 1:100

NGÀY PHÁT HÀNH: DATE: -/33/2020

SỐ HẸU: DRAWING NO: G0-02



SỞ XÂY DỰNG TUYÊN QUANG

THẨM ĐỊNH

Theo văn bản số 625.1.2.12.../CCĐ

Ngày 27 tháng 8 năm 2020

Ký tên:

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG T.P.

HỒ SƠ ĐÃ THẨM TRA

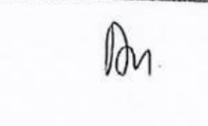
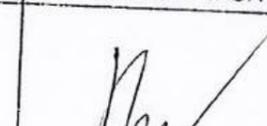
Theo Văn Bản Số: 12/KQTT-CTTRV

Ngày 26 tháng 8 năm 2020

Ký tên:

WASTE WATER TREATMENT TANK

BỂ XỬ LÝ NƯỚC THẢI

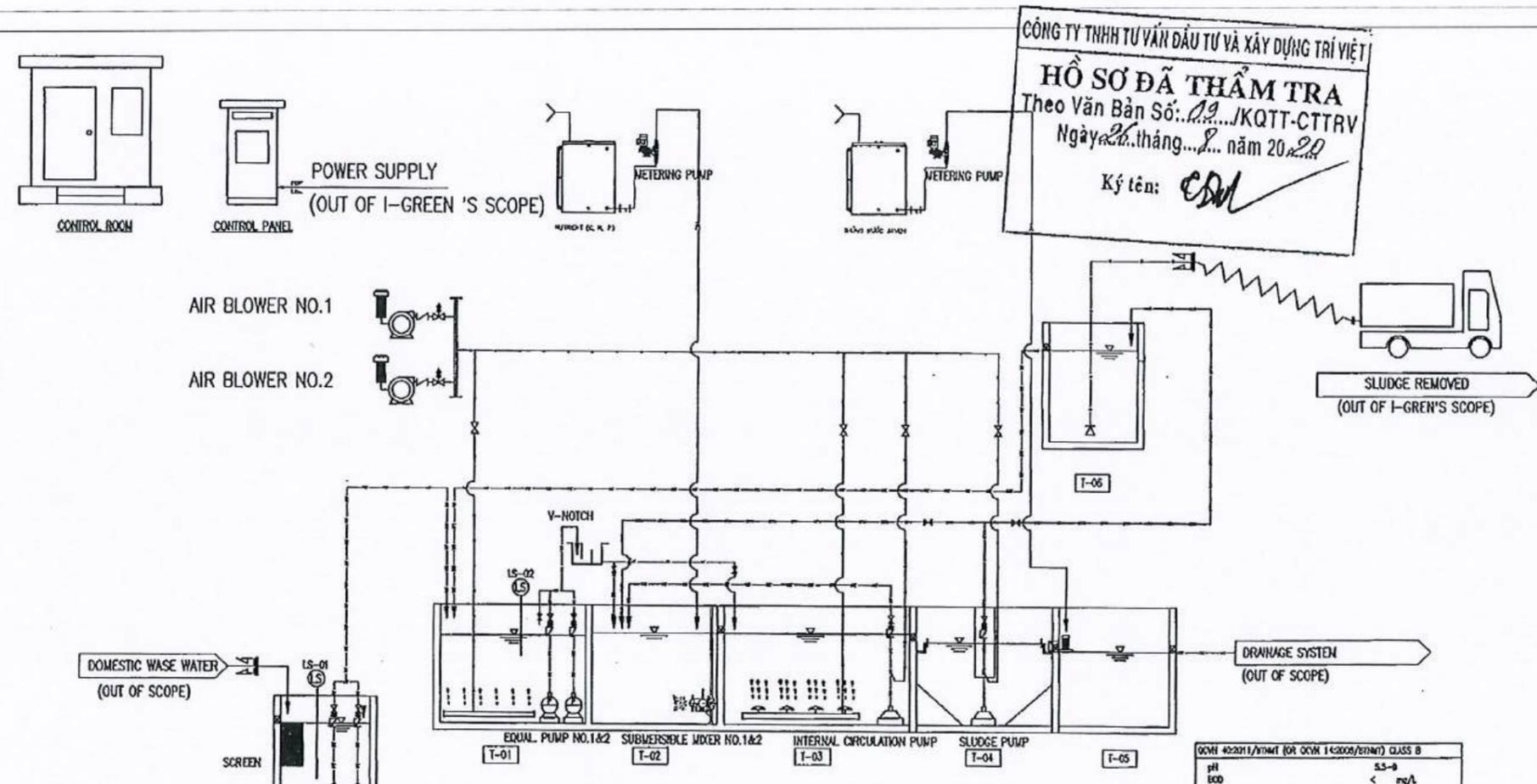
CÔNG TY TNHH DOUM E&C		
BẢN VẼ HOÀN CÔNG		
Ngày.....tháng.....năm 20.....		
NGƯỜI LẬP	CHỈ HUY TRƯỞNG	TƯ VẤN GIÁM SÁT
 Nguyễn Cường	 Ninh Công Di	 Nguyễn Đức Hải





SỞ XÂY DỰNG TUYÊN QUANG
THẨM ĐỊNH
 Theo văn bản số: 625.1.CXD...CQ...
 Ngày 27... tháng... năm 2020.
 Ký tên: *[Signature]*

DOMESTIC WASTEWATER TREATMENT PLANT PROCESS FLOW DIAGRAM - 70CMD



CÔNG TY TNHH TƯ VẤN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TRÍ VIỆT
HỒ SƠ ĐÃ THẨM TRA
 Theo Văn Bản Số: 29...JKQT-CTTRV
 Ngày 26... tháng... năm 2020.
 Ký tên: *[Signature]*

- T-00: SUMP PIT
- T-01: EQUALIZATION TANK
- T-02: ANOXIC TANK
- T-03: OXIC TANK
- T-04: SEDIMENTATION TANK
- T-05: DISINFECTATION TANK
- T-06: SLUDGE STORAGE TANK

QCVN 40:2011/2014 (OR QCVN 1:2008/2014) CLASS B	
pH	5.5-9
EC	< mg/L
CO	< mg/L
SS	< mg/L
T-H	< mg/L
AMONIA	< mg/L
UV	< mg/L
T-P	< mg/L
...	< MPN/100ml

CÔNG TY TNHH ĐOÀN E&C

BẢN VẼ HOÀN CÔNG
 Ngày.....tháng.....năm 20.....

NGƯỜI LẬP	CHỈ HUY TRƯỞNG	TƯ VẤN GIÁM SÁT
<i>[Signature]</i> Nguyễn Cường	<i>[Signature]</i> Ninh Công Dự	<i>[Signature]</i> Nguyễn Xuân Hà

GIẢI THÍCH NOTE

MỤC ĐÍCH PHÁT HÀNH ISSUED FOR

- TRÌNH DUYỆT/ FOR APPROVAL
- THAM KHẢO/ FOR REFERENCE
- TH CÔNG/ FOR CONSTRUCTION
- ĐẦU THẦU/ FOR TENDER
- HOÀN CÔNG/ AS-BUILT

HEU CHỈNH REVISION

①	②
③	④
⑤	⑥
⑦	⑧

CHỖ DỮ TU DWG/SV

FOS
 CÔNG TY TNHH FUTURE OF SOUND VINA
 FUTURE OF SOUND VINA CO., LTD
 10/10, CỤM CÔNG NGHIỆP PHẠC LINH, XÃ PHẠC LINH,
 QUẬN SƠN QUANG, TP. HỒ CHÍ MINH

TÊN DỰ ÁN PROJECT NAME:
NHÀ MÁY FUTURE OF SOUND VINA
 FUTURE OF SOUND VINA FACTORY

LÀ BẾ, CỤM CÔNG NGHIỆP PHẠC LINH, XÃ PHẠC LINH,
 HUYỆN SƠN QUANG, TP. HỒ CHÍ MINH
 PLOT 10, PHẠC LINH INDUSTRIAL ZONE, PHẠC LINH WARD,
 SƠN QUANG DISTRICT, HO CHI MINH PROVINCE

DESIGN COMPANY:
RAFA
 CÔNG TY TNHH RAFA VIỆT NAM
 RAFA ENGINEERING & CONSTRUCTION
 10/10, CỤM CÔNG NGHIỆP PHẠC LINH, XÃ PHẠC LINH,
 QUẬN SƠN QUANG, TP. HỒ CHÍ MINH

KHAI GIẢ DỮ CHỖ TRỊ TRC PROJECT MANAGER:
[Signature]

TRẦN VĂN THẮNG DESIGN & DRAWING
[Signature]

ĐƯƠNG HỒNG MẠNH CHECKED BY:
[Signature]

NGUYỄN TIẾN THÀNH PART:
[Signature]

BỘ MÔN: ARCHITECTURE / KIẾN TRÚC

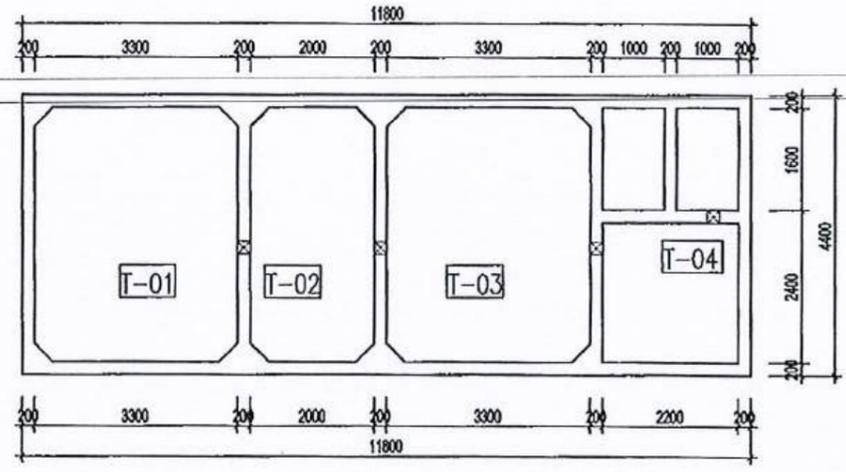
HẠNG MÔN: WASTE WATER TREATMENT TANK
 BỀ XỬ LÝ NƯỚC THẢI

TÊN BẢN VẼ: TECHNOLOGY DIAGRAM
 SƠ ĐỒ CÔNG NGHỆ

TỈ LỆ: SCALE:
 NGÀY PHÁT HÀNH: -03/2020
 DATE: 03/2020
 SỐ HẸP: DWG/NO: WWT-01

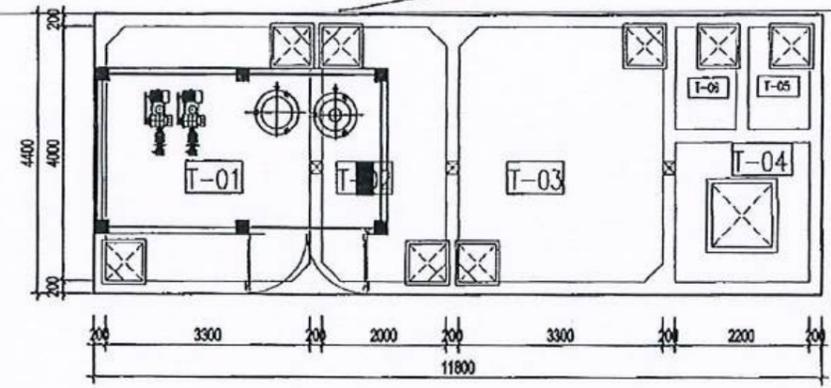


SỞ XÂY DỰNG TUYÊN QUANG
THẨM ĐỊNH
 Theo văn bản số 6.9.51/SXD-CC/20
 Ngày 27. tháng 8. năm 2020.
 Ký tên: *[Signature]*

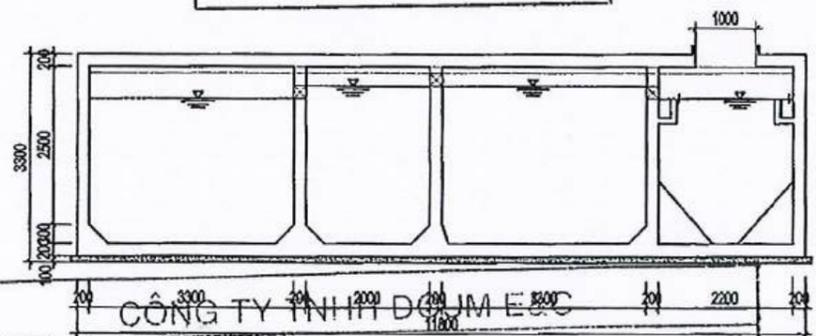


GROUND PLAN

- T-00: SUM PIT
- T-01: EQUALIZATION TANK
- T-02: ANOXIC TANK
- T-03: OXIC TANK
- T-04: SEDIMENTATION TANK
- T-05: DISINFECTION TANK
- T-06: SLUDGE TANK



CÔNG TY TNHH TƯ VẤN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TRÍ VIỆT
TOP SLAB PLAN
HỒ SƠ ĐÃ THẨM TRA
 Theo Văn Bản Số: 6.9.1/KQTT-CTTRV
 Ngày 26. tháng 8. năm 2020.
 Ký tên: *[Signature]*



BẢN VẼ HOÀN CÔNG SECTION
 Ngày.....tháng.....năm 20.....

NGƯỜI LẬP	CHỈ HUY TRƯỞNG	TƯ VẤN GIÁM SÁT
<i>[Signature]</i> Nguyễn Quang	<i>[Signature]</i> Nhuệ Công Đức	<i>[Signature]</i> Nguyễn Tuấn Kiệt

CHỮ CHỮ NOTE

MỤC ĐÍCH PHÁT HÀNH ISSUED FOR	
• TRÊN DUYỆT/ FOR APPROVAL	
• THAM KHẢO/ FOR REFERENCE	
• THỰC HIỆN/ FOR CONSTRUCTION	
• ĐAU THẦU FOR TENDER	
• HOÀN CÔNG/ AS BUILT	
HEU CHỈNH REVISION	
①	①
②	②
③	③
④	④

CHỦ ĐẦU TƯ OWNER

TÊN DỰ ÁN PROJECT NAME

NHÀ MÁY FUTURE OF SOUND VINA
 FUTURE OF SOUND VINA FACTORY

LÔ 22, QUẬN CÔNG NGHỆ PHÚC LƯƠNG, PHÚC LƯƠNG, HUYỆN SƠN DƯƠNG, TỈNH TUYÊN QUANG
 PLOT 22, PHUC LUONG INDUSTRIAL ZONE, PHUC LUONG WARD, SON DUONG DISTRICT, TUYEN QUANG PROVINCE

DESIGN COMPANY:

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN RAFA VIỆT NAM
 RAFA CONSULTING & DESIGN
 107 P. LÊ LỮ ĐÌNH, QUẬN HOÀNG MAI, TP. HÀ NỘI
 107 P. LE LUU DINH, HAI MAI DISTRICT, HANOI

KHAI GIẢ DUYỆT/ PROJECT MANAGER: *[Signature]*

TRÌNH VẤN THANG/ DESIGN & CHECK: *[Signature]*

THIẾT KẾ VẼ/ CHECKED BY: *[Signature]*

DUONG HONG MINH/ CHECKED BY: *[Signature]*

KIỂM TRA/ CHECKED BY: *[Signature]*

NGUYỄN TIẾN THANG/ PART: *[Signature]*

ĐỒ MẪU/ PART:

ARCHITECTURE / KIẾN TRÚC

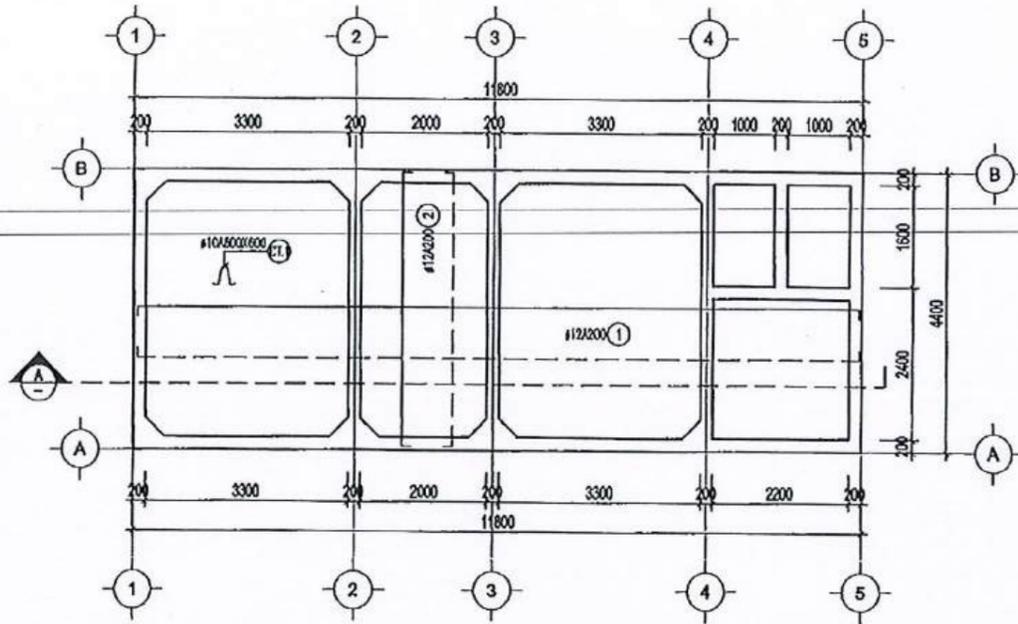
HẠNG MỤC: WASTE WATER TREATMENT TANK
 BỀ XỬ LÝ NƯỚC THẢI

TÊN BẢN VẼ: PLAN & SECTION
 MẶT BẰNG, MẶT CẮT

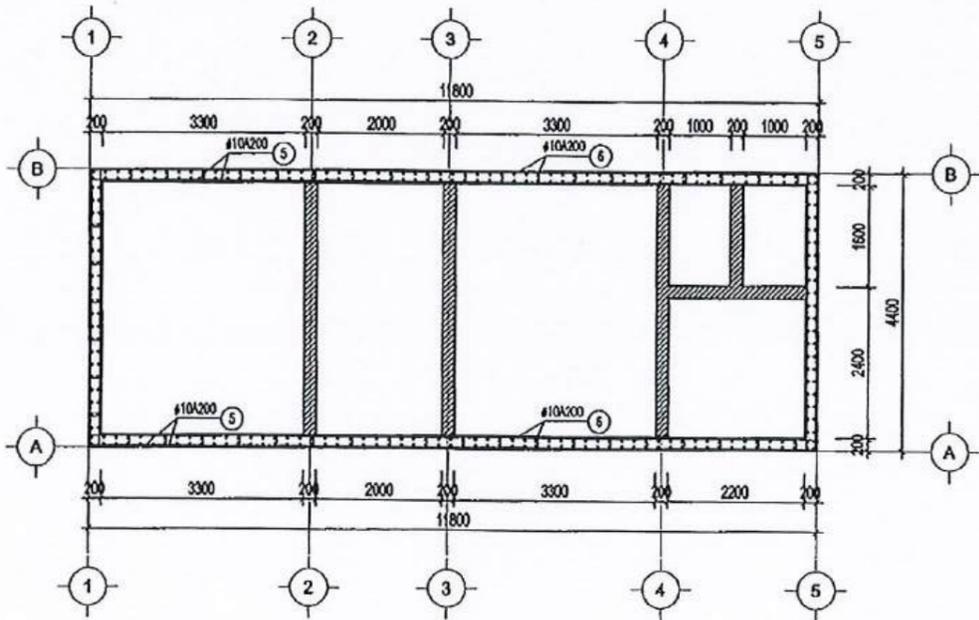
TỶ LỆ: SCALE: 1:100

NGÀY PHÁT HÀNH: DATE: 03/2020

ĐỒ MẪU: DRAWING NO: WWT-02

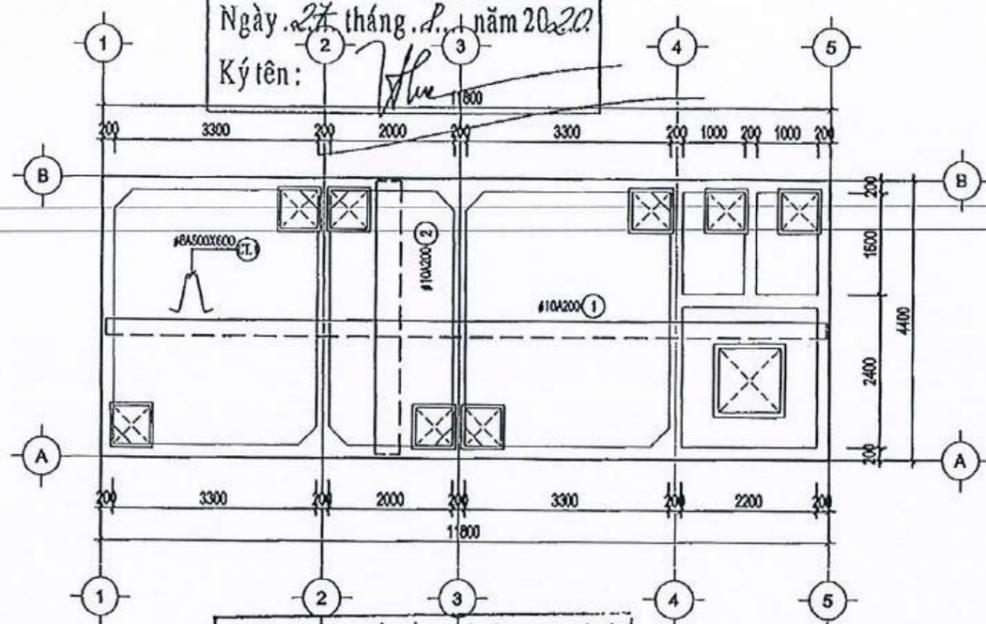


REBAR FOR GROUND

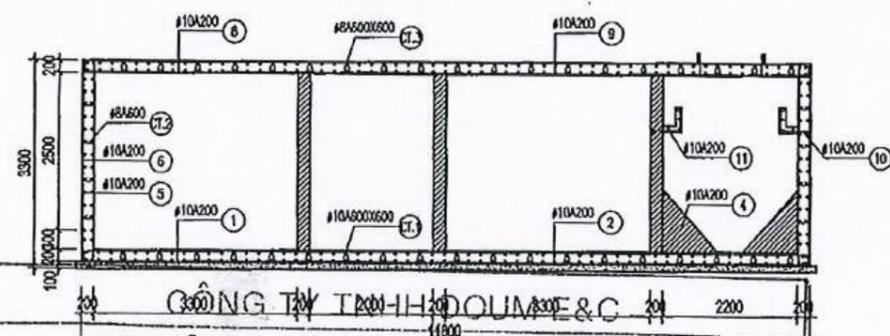


REBAR FOR WALL

SỞ XÂY DỰNG TUYẾN QUANG
THẨM ĐỊNH
 Theo văn bản số 6.25.1.SXD-CC.68
 Ngày 27 tháng 8 năm 2020
 Ký tên: *[Signature]*



CÔNG TY TNHH TƯ VẤN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TRÍ VIỆT
HỒ SƠ BẢN THẨM TRA
 Theo Văn Bản Số 6.25.1.SXD-CC.68
 Ngày 26 tháng 8 năm 2020
 Ký tên: *[Signature]*



CÔNG TY TNHH HOÀN CÔNG & C

BẢN VẼ HOÀN CÔNG
 SECTION A-A
 Ngày tháng năm 20.....

NGƯỜI LẬP	CHỈ HUY TRƯỞNG	TƯ VẤN GIÁM SÁT
<i>[Signature]</i> Nguyễn Cường	<i>[Signature]</i> Nguyễn Công Đức	<i>[Signature]</i> Nguyễn Tuấn Hải

CHỮ CHỮ NOTE

MỤC ĐÍCH PHÁT HÀNH ISSUED FOR	
TRẢNH DUYỆT FOR APPROVAL	
THAM KHẢO FOR REFERENCE	
THE CÔNG/ FOR CONSTRUCTION	
ĐẦU THẦU FOR TENDER	
HOÀN CÔNG/ AS-BUILT	
HIỆU CHỈNH/ REVISION	
①	②
③	④
⑤	⑥

CHỦ ĐẦU TƯ OWNER

FOS
 CÔNG TY TNHH FUTURE OF SOUND VINA
 FUTURE OF SOUND VINA CO., LTD
 01/22 CỤM CÔNG NGHIỆP PHƯỚC ANH, XÃ PHƯỚC ANH,
 HUYỆN SƠN DƯƠNG, TỈNH TUYẾN QUANG
 PLOT 01, PHUOC ANH INDUSTRIAL ZONE, PHUOC ANH
 WARD, SON DUONG DISTRICT, TUYEN QUANG PROVINCE

TÊN DỰ ÁN PROJECT NAME:
 NHÀ MÁY FUTURE OF SOUND VINA
 FUTURE OF SOUND VINA FACTORY

LỖ LẮC CỤM CÔNG NGHIỆP PHƯỚC ANH, XÃ PHƯỚC ANH,
 HUYỆN SƠN DƯƠNG, TỈNH TUYẾN QUANG
 PLOT 01, PHUOC ANH INDUSTRIAL ZONE, PHUOC ANH
 WARD, SON DUONG DISTRICT, TUYEN QUANG PROVINCE

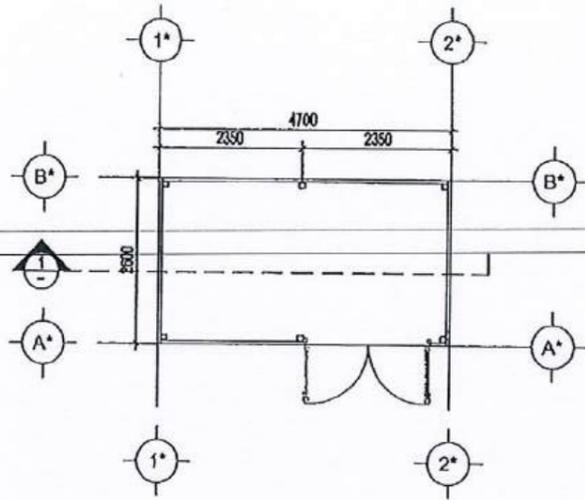
DESIGN COMPANY:
RAFA
 CÔNG TY TNHH RAFA VIỆT NAM
 ĐƠN VỊ TƯ VẤN VÀ THIẾT KẾ
 ADDRESS: 01, PHUOC ANH INDUSTRIAL ZONE, PHUOC ANH
 WARD, SON DUONG DISTRICT, TUYEN QUANG PROVINCE

CHỦ TRƯỞNG PROJECT MANAGER: *[Signature]*
 THIẾT KẾ DESIGN & DRAWN: *[Signature]*
 KIỂM TRA CHECKED BY: *[Signature]*
 NGUYỄN TIẾN THANG
 BỘ MÔN DEPT: STRUCTURE / KẾT CẤU

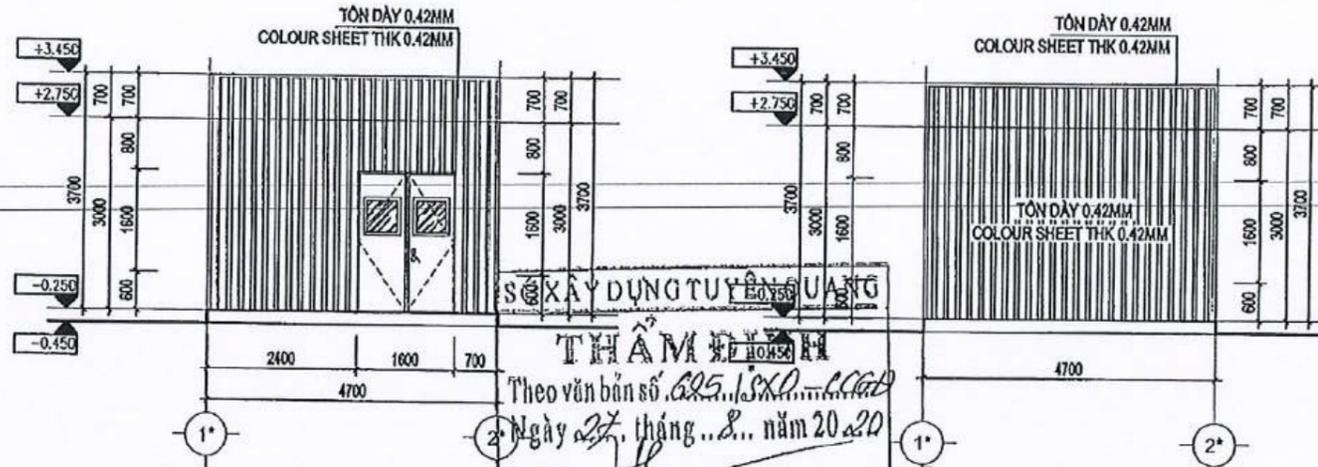
HẠNG MỤC ITEM: WASTE WATER TREATMENT TANK
 BỂ XỬ LÝ NƯỚC THẢI

TÊN BẢN VẼ DRAWING TITLE: STRUCTURE KẾT CẤU

TITLE: STRUCTURE KẾT CẤU
 NGÀY PHÁT HÀNH DATE: 03/2020
 SỐ HẸU DRAWING NO: WWT-03

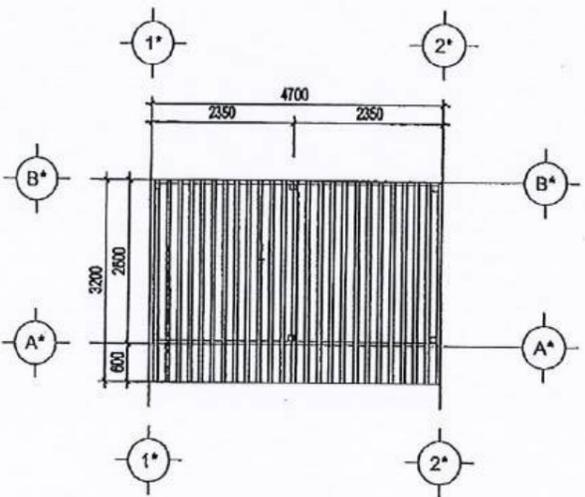


PLAN/ MẶT BẰNG

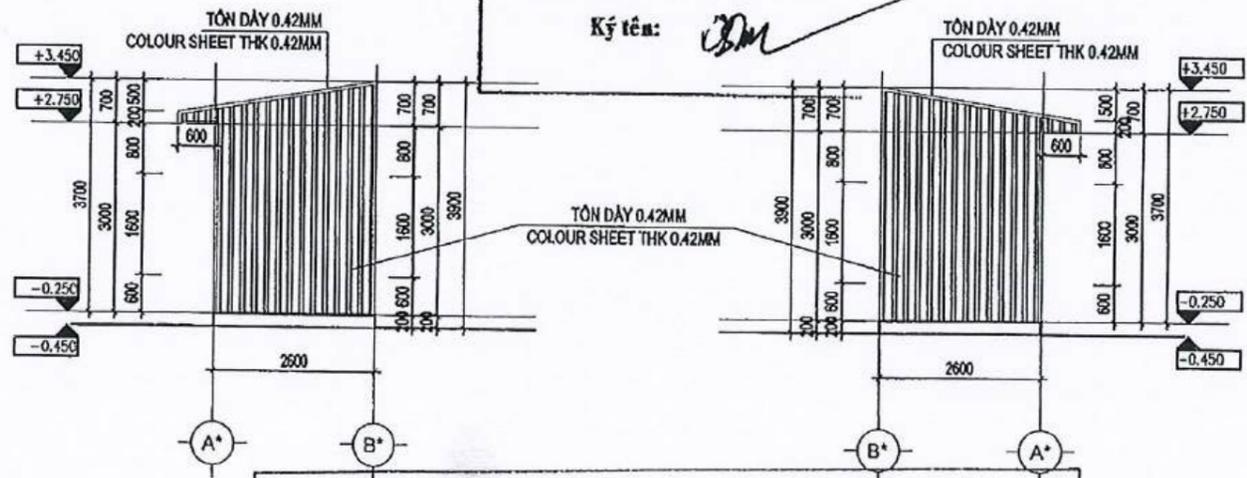


ELEVATION AXIS 1*-2*

ELEVATION AXIS 2*-1*



ROOF PLAN/ MẶT BẰNG MÁI



ELEVATION AXIS A*-B*

ELEVATION AXIS B*-A*

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG
HỒ SƠ ĐÃ THẨM TRA
 Theo Văn Bản Số.../KQTT-CTTRV...
 Ngày... tháng... năm 20...
 Ký tên: *[Signature]*

CÔNG TY TNHH DOUM E&C		
BẢN VẼ HOÀN CÔNG		
Ngày.....tháng.....năm 20.....		
NGƯỜI LẬP	CHỈ HUY TRƯỞNG	TƯ VẤN GIÁM SÁT
<i>[Signature]</i> Nguyễn Công	<i>[Signature]</i> Như Công Dự	<i>[Signature]</i> Nguyễn Tiến Hải

MỤC ĐÍCH PHÁT HÀNH ISSUED FOR	
●	TRÌNH Duyệt FOR APPROVAL
●	THAM KHẢO FOR REFERENCE
●	THI CÔNG FOR CONSTRUCTION
●	ĐẦU THẦU FOR TENDER
●	HOÀN CÔNG AS BUILT
HỆ CHỮ REVISION	
④	④
③	③
②	②
①	①

CHỖ ĐẦU TƯ: _____ ĐƠN VỊ: _____



TÊN DỰ ÁN: _____

NHÀ MÁY FUTURE OF SOUND VINA
 FUTURE OF SOUND VINA FACTORY

LÔ 02, QUẬN CÔNG NGHỆ HIỆP PHƯỚC (H.1), PHƯỜNG 03,
 HUYỆN SƠN DƯƠNG, TỈNH TUYẾN QUẢNG
 PLOT 02, PHUOC Hiep Phuc Industrial Zone, Phuoc Hiep Ward,
 Son Duong District, Tuyen Quang Province

CITY THIẾT KẾ: _____



KH. RAFA: _____

CHỖ TRƯ: _____

TRẦN VĂN THANG: _____

THIẾT KẾ: _____

TRẦN VĂN SĨNH: _____

Kiểm tra: _____

NGUYỄN TIẾN THÀNH: _____

ĐỘ LỚN: _____

STRUTURE / KẾT CẤU

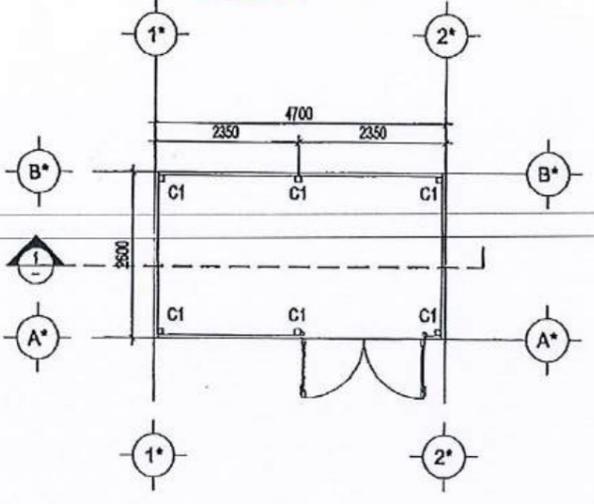
HẠNG MỤC: _____

WASTE WATER TREATMENT TANK
 BỂ XỬ LÝ NƯỚC THẢI

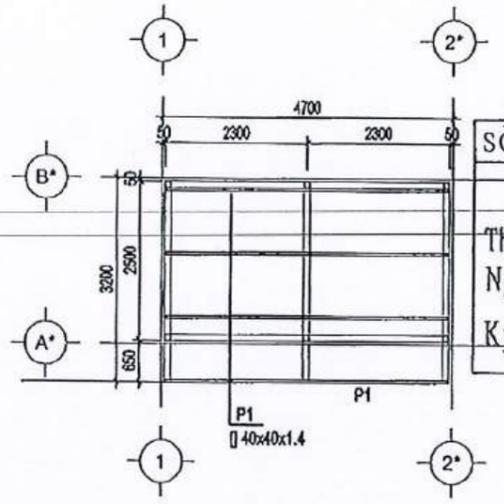
TÊN BẢN VẼ: _____

CONTROL ROOM
 PHÒNG ĐIỀU HÀNH

TITLE: _____
 SCALE: _____
 NGÀY PHÁT HÀNH: _____
 DATE: _____
 SỐ BẢN: _____
 DRAWING NO.: _____



COLUMN PLAN/ MẶT BẰNG CỘT



PURLIN PLAN/ MẶT BẰNG KẸO

SỞ XÂY DỰNG TUYẾN QUANG
THẨM ĐỊNH
 Theo văn bản số...
 Ngày 27 tháng... năm 2020
 Ký tên: *[Signature]*

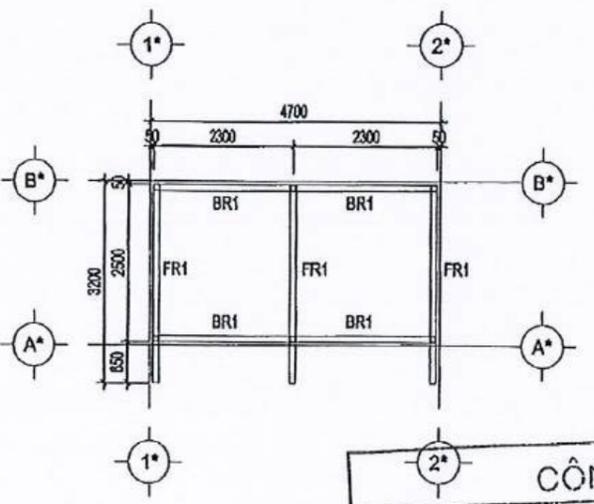
- 1. NỀN BÊ TÔNG XOA PHẪNG
1. GROUND CONCRETE TROWEL BY MACHINE
- 2. NỀN BÊ TÔNG CỐT THÉP, DÀY 100MM
2. CONCRETE SLAB, 100MM THICK

F1 R.C FLOOR
 NỀN B.T.C.T

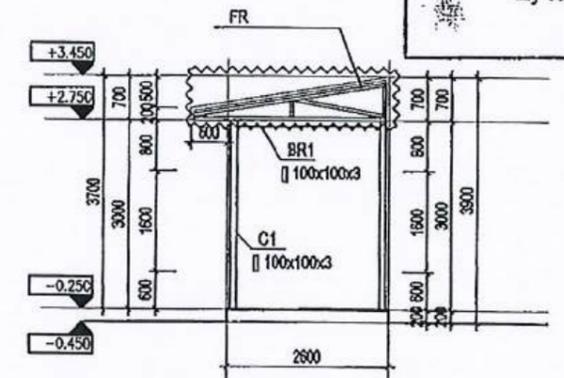
MÀN TÔN
 PANEL ROOF
 XÀ GỖ MÀNG
 GALVANIZED STEEL PURLIN

R ROOF
 CHI TIẾT MÁI

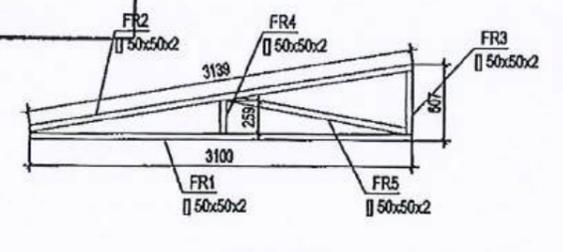
HỒ SƠ ĐÃ THẨM TRA
 Theo Văn Bản Số...
 Ngày 26 tháng... năm 2020
 Ký tên: *[Signature]*



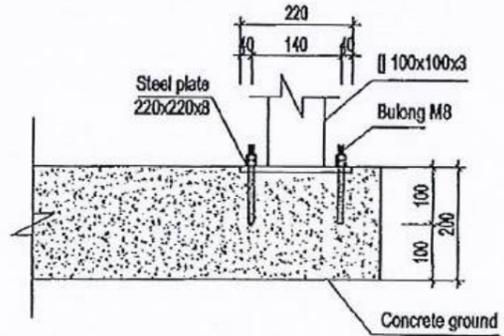
ROOF PLAN/ MẶT BẰNG MÁI



SECTION 1



FR DETAIL



CONNECTION DETAIL

CÔNG TY TNHH DOUM E&A		
BẢN VẼ HOÀN CÔNG		
Ngày.....tháng.....năm 20.....		
NGƯỜI LẬP	CHỈ HUY TRƯỞNG	TƯ VẤN GIÁM SÁT
<i>[Signature]</i> Nguyễn Cường	<i>[Signature]</i> Ninh Công Đạt	<i>[Signature]</i> Nguyễn Tuấn Hải

CHỈ CHỮ NOTE	
MỤC ĐÍCH PHÁT HÀNH/ISSUED FOR	
●	TRÌNH DUYỆT/ FOR APPROVAL
●	THAM KHẢO/ FOR REFERENCE
●	THI CÔNG/ FOR CONSTRUCTION
●	ĐẦU THẦU/ FOR TENDER
●	HOÀN CÔNG/ AS BUILT
HIỆU CHỈNH/ REVISION	
①	②
③	④
⑤	⑥
⑦	⑧
⑨	⑩
CHÓ ĐẦU TƯ	OWNER



TÊN DỰ ÁN: PROJECT NAME:
 NHÀ MÁY FUTURE OF SOUND VINA
 FUTURE OF SOUND VINA FACTORY

LÔ 22, CỤM CÔNG NGHIỆP PHƯỚC AN, XÃ PHƯỚC AN,
 HUYỆN CHƯƠN, TỈNH TUYẾN QUANG
 PLOT 22, PHẠO LẠO INDUSTRIAL ZONE, PHUOC AN WARD,
 CHUON DISTRICT, TUYEN QUANG PROVINCE

CITY THIẾT KẾ: DESIGN COMPANY:
RAFA
 CÔNG TY TNHH RAFA VIỆT NAM
 ĐƠN VỊ THIẾT KẾ: DESIGN UNIT
 CÔNG TY TNHH RAFA VIỆT NAM
 ĐƠN VỊ THIẾT KẾ: DESIGN UNIT

KM. 10A ĐƯỜNG...
 CHỈ TRƯ: PROJECT MANAGER
 TRẦN VĂN THƯỜNG
 THIẾT KẾ VẼ: DESIGN & DRAWING
 TRẦN VĂN SƠN
 KIỂM TRA: CHECKED BY
 NGUYỄN TIẾN THÀNH
 ĐỒ MẪU: DATE

STRUCUTURE / KẾT CẤU
 HẠNG MỤC: ITEM:
 WASTE WATER TREATMENT TANK
 BỂ XỬ LÝ NƯỚC THẢI

TÊN BẢN VẼ: DRAWING TITLE:
 STRUCTURE CONTROL ROOM
 KẾT CẤU PHÒNG ĐIỀU HÀNH
 TỶ LỆ: SCALE:
 NGÀY PHÁT HÀNH: DATE:
 SỐ HẸP: MEETING NO.:
 03/2020
 WWT-04

SỞ XÂY DỰNG TUYÊN QUANG

THẨM ĐỊNH

Theo văn bản số: 6251/SLĐ-CCĐ

Ngày 27 tháng 8 năm 2020

Ký tên:

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TRÍ VIỆT

HỒ SƠ ĐÃ THẨM TRA

Theo Văn Bản Số: 22/KQTT-CTTRV

Ngày 26 tháng 8 năm 2020

Ký tên:

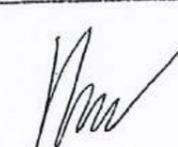
GREASE TRAP

BỂ TÁCH MỠ

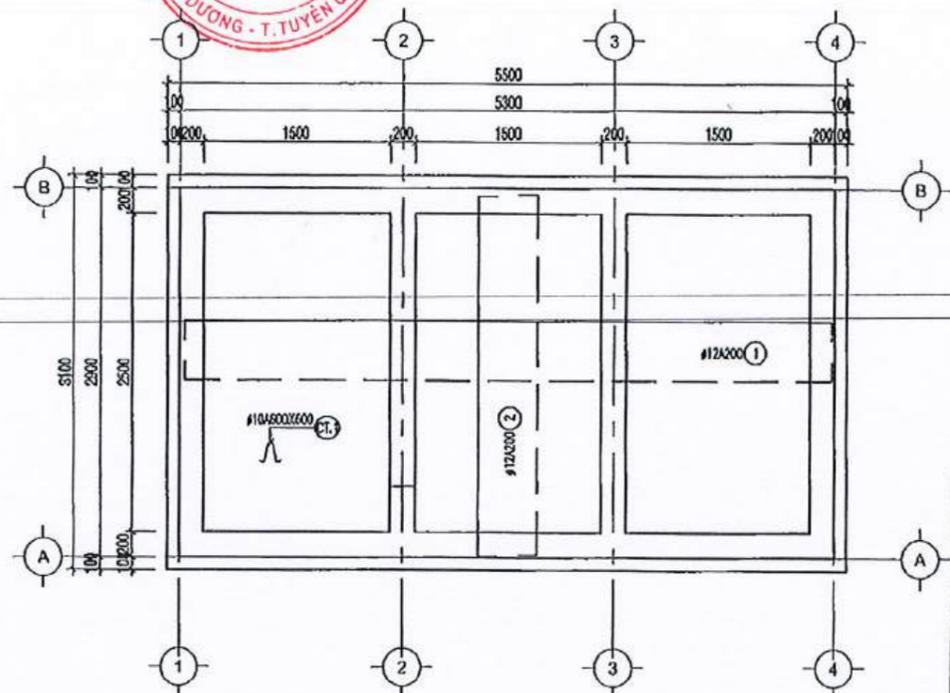
CÔNG TY TNHH DOUM E&C

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

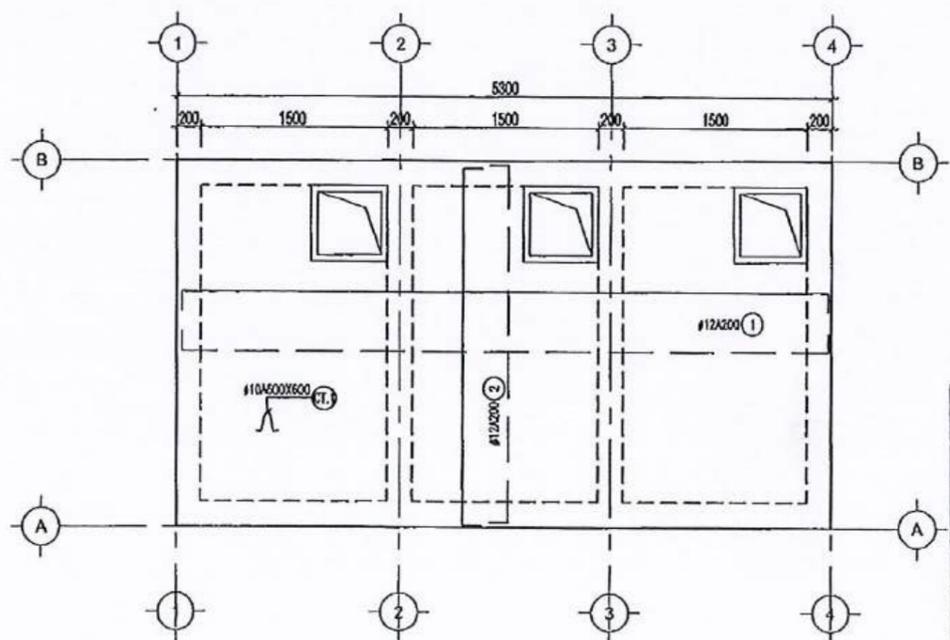
Ngày.....tháng.....năm 20.....

NGƯỜI LẬP	CHỈ HUY TRƯỞNG	TƯ VẤN GIÁM SÁT
 Nguyễn Giang	 Ninh Công Đạt	 Nguyễn Tuấn Hải





REBAR FOR GROUND



REBAR FOR TOP SLAB

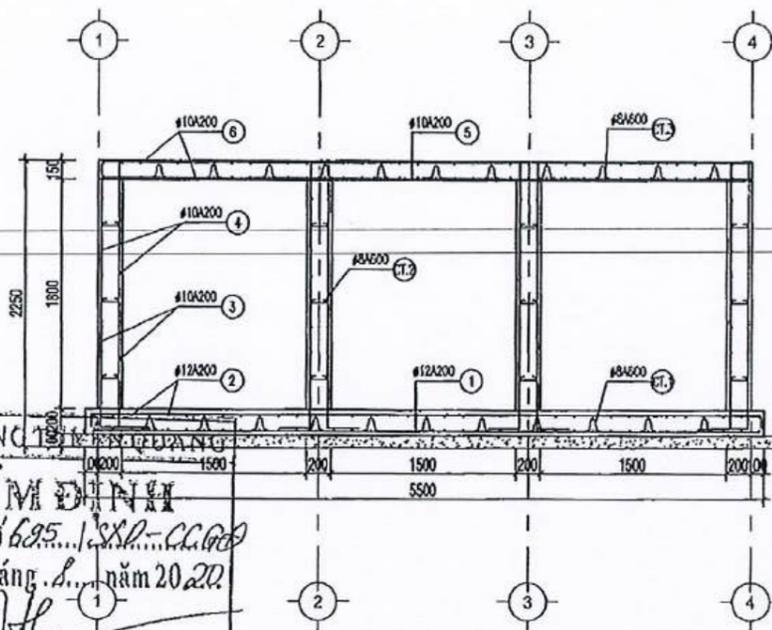
SỞ XÂY DỰNG TP. HỒ CHÍ MINH
THẨM ĐỊNH
 Theo văn bản số 685.../KH.../CC.00
 Ngày 27 tháng 1 năm 2020
 Ký tên: *[Signature]*

SECTION A-A
 CÔNG TY TNHH TƯ VẤN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TRÍ VIỆT
HỒ SƠ ĐÃ THẨM TRA
 Theo Văn Bản Số: 29.../KQTT-CTTRV
 Ngày 26 tháng 1 năm 2020
 Ký tên: *[Signature]*

CÔNG TY TNHH DOYMER
BẢN VẼ HOÀN CÔNG
 Ngày tháng năm 20.....

NGƯỜI LẬP	CHỈ ĐUY TRƯỞNG	TƯ VẤN GIÁM SÁT
<i>[Signature]</i>	<i>[Signature]</i>	<i>[Signature]</i>
Nguyễn Quang	Ninh Công Dự	Nguyễn Tuấn Hải

SECTION B-B



GIẢI CHÁY NOTE:

MẠO DỊCH PHÁT HÀNH ISSUED FOR

- TRẢ HỒ SƠ FOR APPROVAL
- THAM KHẢO FOR REFERENCE
- THE CÔNG VI FOR CONSTRUCTION
- ĐẦU THẦU FOR TENDER
- HOÀN CÔNG AS BUILT

HIỆU CHỈNH REVISION

①	②
③	④
⑤	⑥

CHỦ ĐẦU TƯ: OWNER

FOS
 CÔNG TY TNHH FUTURE OF SOUND VINA
 FUTURE OF SOUND VINA CO., LTD
 602 CỤM CÔNG NGHIỆP PHƯỚC LÂM, XÃ PHƯỚC LÂM,
 HUYỆN CHƠN QUANG, TỈNH TUYẾN QUANG
 PLOT 62, PHƯỚC LÂM INDUSTRIAL ZONE, PHƯỚC LÂM WARD,
 SON DUONG DISTRICT, TUYEN QUANG PROVINCE

TÊN DỰ ÁN: PROJECT NAME:
NHÀ MÁY FUTURE OF SOUND VINA
FUTURE OF SOUND VINA FACTORY

LÔ 22 CỤM CÔNG NGHIỆP PHƯỚC LÂM, XÃ PHƯỚC LÂM,
 HUYỆN CHƠN QUANG, TỈNH TUYẾN QUANG
 PLOT 62, PHƯỚC LÂM INDUSTRIAL ZONE, PHƯỚC LÂM
 WARD, SON DUONG DISTRICT, TUYEN QUANG PROVINCE

CITY TRADING & SERVICE COMPANY:

RAFA
 RAFA Corporation, Ltd
 By order of the Boarding member
 CÔNG TY TNHH RAFA VIỆT NAM
 RAFA VIETNAM CO., LTD
 602 CỤM CÔNG NGHIỆP PHƯỚC LÂM, XÃ PHƯỚC LÂM,
 HUYỆN CHƠN QUANG, TỈNH TUYẾN QUANG
 PLOT 62, PHƯỚC LÂM INDUSTRIAL ZONE, PHƯỚC LÂM WARD,
 SON DUONG DISTRICT, TUYEN QUANG PROVINCE

GIÁM ĐỐC: DIRECTOR: *[Signature]*

KINH JE A BUL: PROJECT MANAGER: *[Signature]*

CHỦ TRƯỞNG: PROJECT MANAGER: *[Signature]*

TRẦN VĂN THẠNG: DESIGN & DRAWING: *[Signature]*

THIẾT KẾ: DESIGN & DRAWING: *[Signature]*

TRẦN VĂN BÌNH: CHECKED BY: *[Signature]*

Kiểm tra: CHECKED BY: *[Signature]*

HOÀNG TIẾN THẠNH: DATE: *[Signature]*

ĐƠN VỊ: DATE:

STRUCTURE / KẾT CẤU

HẠNG MỤC: ITEM:
GREASE TRAP TANK
BỂ TÁCH MỠ

TÊN BẢN VẼ: DRAWING TITLE:
PLAN & SECTION
MẶT BẰNG, MẶT CẮT

TỈ LỆ: SCALE:
 NGÀY PHÁT HÀNH: DATE: -03/2020
 SỐ HẸP: DRAWING NO: GTT-02

SỞ XÂY DỰNG TUYÊN QUANG
THẨM ĐỊNH
Theo văn bản số 6.95/SXD-CKP
Ngày 27 tháng 1 năm 2020
Ký tên: *[Signature]*

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TRÍ VIỆT
HỒ SƠ ĐÃ THẨM TRA
Theo Văn Bản Số: 2.2/KQTT-CTTRV
Ngày 16 tháng 1 năm 2020
Ký tên:

CIVIL

HẠ TẦNG KỸ THUẬT

CÔNG TY TNHH DOUM E&C
BẢN VẼ HOÀN CÔNG
Ngày tháng năm 20.....

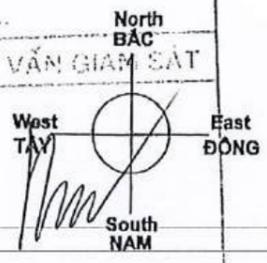
NGƯỜI LẬP	CHỈ HUY TRƯỞNG	TƯ VẤN GIÁM SÁT
<i>[Signature]</i> Nguyễn Công Cường	<i>[Signature]</i> Ninh Công Đạt	<i>[Signature]</i> Nguyễn Tuấn Hải





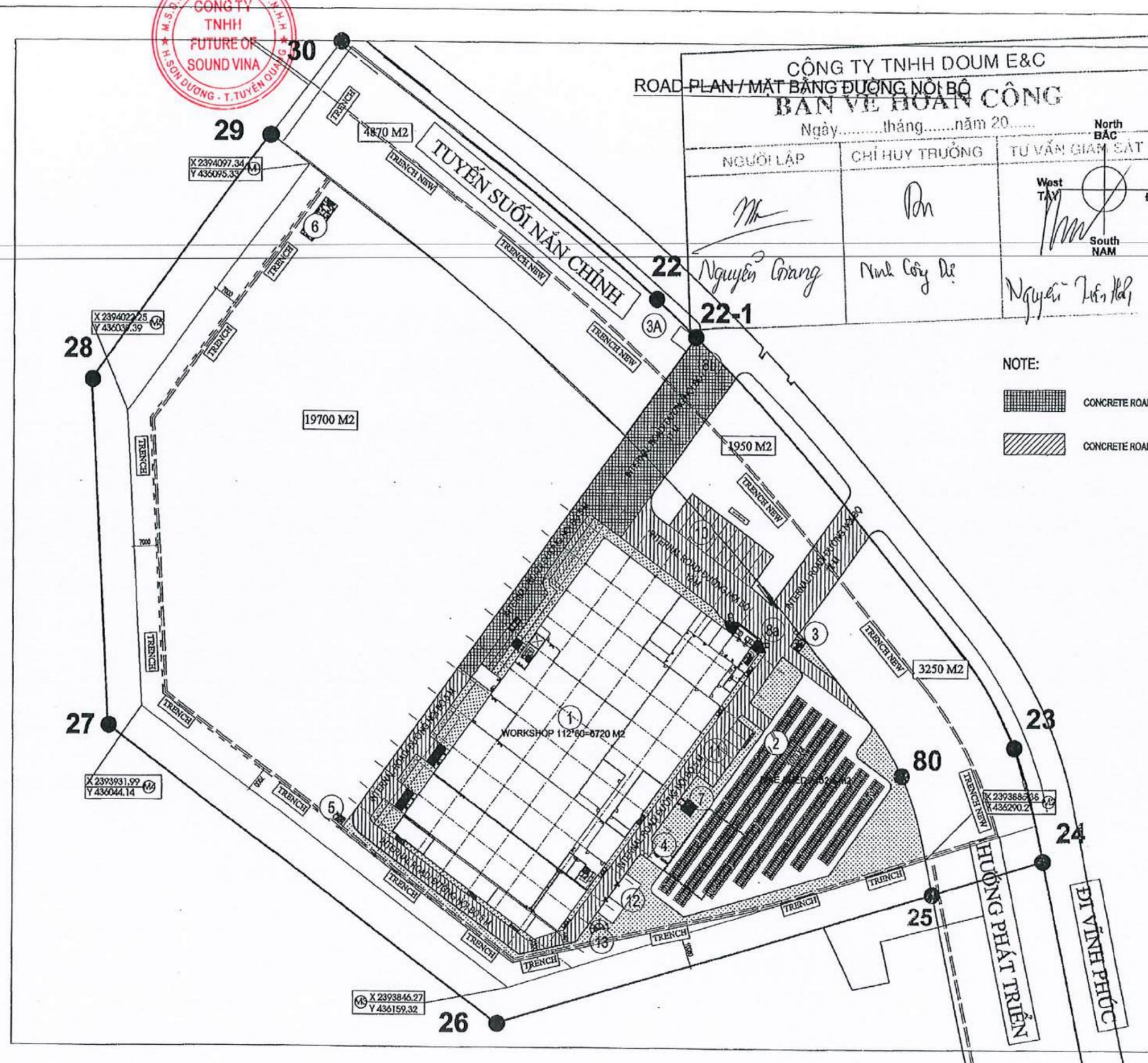
CÔNG TY TNHH DOUM E&C
 ROAD PLAN / MẶT BẰNG ĐƯỜNG NỘI BỘ
BẢN VẼ HOÀN CÔNG
 Ngày.....tháng.....năm 20.....

NGƯỜI LẬP	CHỈ HUY TRƯỞNG	TƯ VẤN GIÁM SÁT
<i>Mh</i>	<i>Pan</i>	<i>Mh</i>
Nguyễn Công	Như Công Lê	Nguyễn Văn Hải



NOTE:

- CONCRETE ROAD TYPE 1
- CONCRETE ROAD TYPE 2



CHỈ CHỮ/NOTE:

MỤC ĐÍCH PHÁT HÀNH/ISSUED FOR	
• TRẢNH DUYỆT/ FOR APPROVAL	
• THAM KHẢO/ FOR REFERENCE	
• THI CÔNG/ FOR CONSTRUCTION	
• DẤU THẨM/ FOR TENDER	
• HOÀN CÔNG/ AS-BUILT	

HIỆU CHỈNH/REVISION

①	②
③	④
⑤	⑥

CHỈ DẪN/REGISTRATION NO. 5000871045-C.T.T.N.H.H. OWNER

CÔNG TY TNHH FUTURE OF SOUND VINA
 CÔNG TY TNHH FUTURE OF SOUND VINA CO., LTD
 LÔ 12, CUNG CẤP NHẬP MỆP PHƯỚC LINH, XÃ PHƯỚC LINH, HUYỆN SƠN ĐƯƠNG, THỊ TUYÊN QUẢNG, PHƯỚC LINH INDUSTRIAL ZONE, PHƯỚC LINH WARD, SƠN ĐƯƠNG DISTRICT, TUYÊN QUẢNG PROVINCE

TÊN DỰ ÁN/ PROJECT NAME: NHÀ MÁY FUTURE OF SOUND VINA FUTURE OF SOUND VINA FACTORY

LỜI BẰNG CUNG CẤP NHẬP MỆP PHƯỚC LINH, XÃ PHƯỚC LINH, HUYỆN SƠN ĐƯƠNG, THỊ TUYÊN QUẢNG, PHƯỚC LINH INDUSTRIAL ZONE, PHƯỚC LINH WARD, SƠN ĐƯƠNG DISTRICT, TUYÊN QUẢNG PROVINCE

CÔNG TY THIẾT KẾ/ DESIGN COMPANY: **CÔNG TY TNHH RATA**
 CÔNG TY TNHH RATA VIỆT NAM
 ĐƠN VỊ 202, TẦNG 5, SỐ 15 PHƯỜNG 1, KẾ ĐÌNH 1, QUẬN TÂY, HÀ NỘI
 ADD: 202, TANG 5, SO 15 PHUONG 1, KY DINH 1, QUAN TAY, HA NOI
 NHÀ TƯ LIÊN ƯỚC TRÚC, HÀ NỘI

GIÁM ĐỐC/ DIRECTOR: *[Signature]*

KH. JEAN BUL/ PROJECT MANAGER: *[Signature]*

CHỦ THÌ T/C/ PROJECT MANAGER: *[Signature]*

TRẦN VĂN THƯƠNG/ DESIGN & DRAWING: *[Signature]*

THIẾT KẾ/ DESIGN & DRAWING: *[Signature]*

NGUYỄN TUẤN HAI/ CHECKED BY: *[Signature]*

KIỂM TRA/ CHECKED BY: *[Signature]*

NGUYỄN VĂN THƯƠNG/ PART: *[Signature]*

ĐỒ MẪU/ PART: *[Signature]*

ACHITECHTURE/ KIẾN TRÚC

HẠNG MỤC/ ITEM: HẠ TẦNG KỸ THUẬT CIVIL

TÊN BẢN VẼ/ DRAWING TITLE: ROAD PLAN MẶT BẰNG ĐƯỜNG NỘI BỘ

TỶ LỆ/ SCALE:

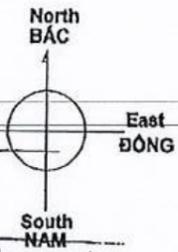
NGÀY PHÁT HÀNH/ DATE: -03/2020

SỐ HỒ/ DRAWING NO:

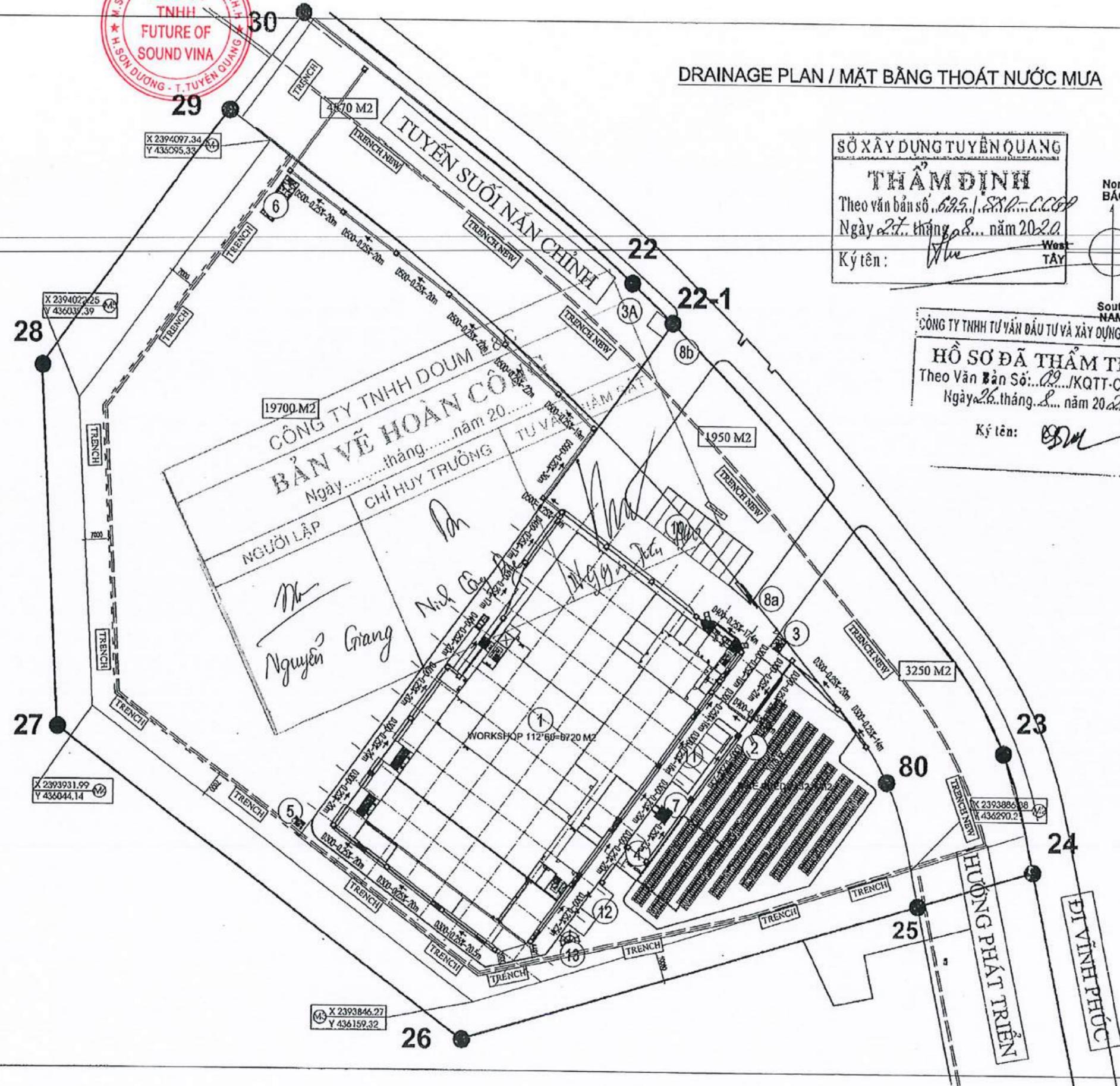


DRAINAGE PLAN / MẶT BẰNG THOÁT NƯỚC MƯA

SỞ XÂY DỰNG TUYÊN QUANG
THẨM ĐỊNH
 Theo văn bản số 625.1/SXD-CCTP
 Ngày 27 tháng 8 năm 2020
 Ký tên: *[Signature]*



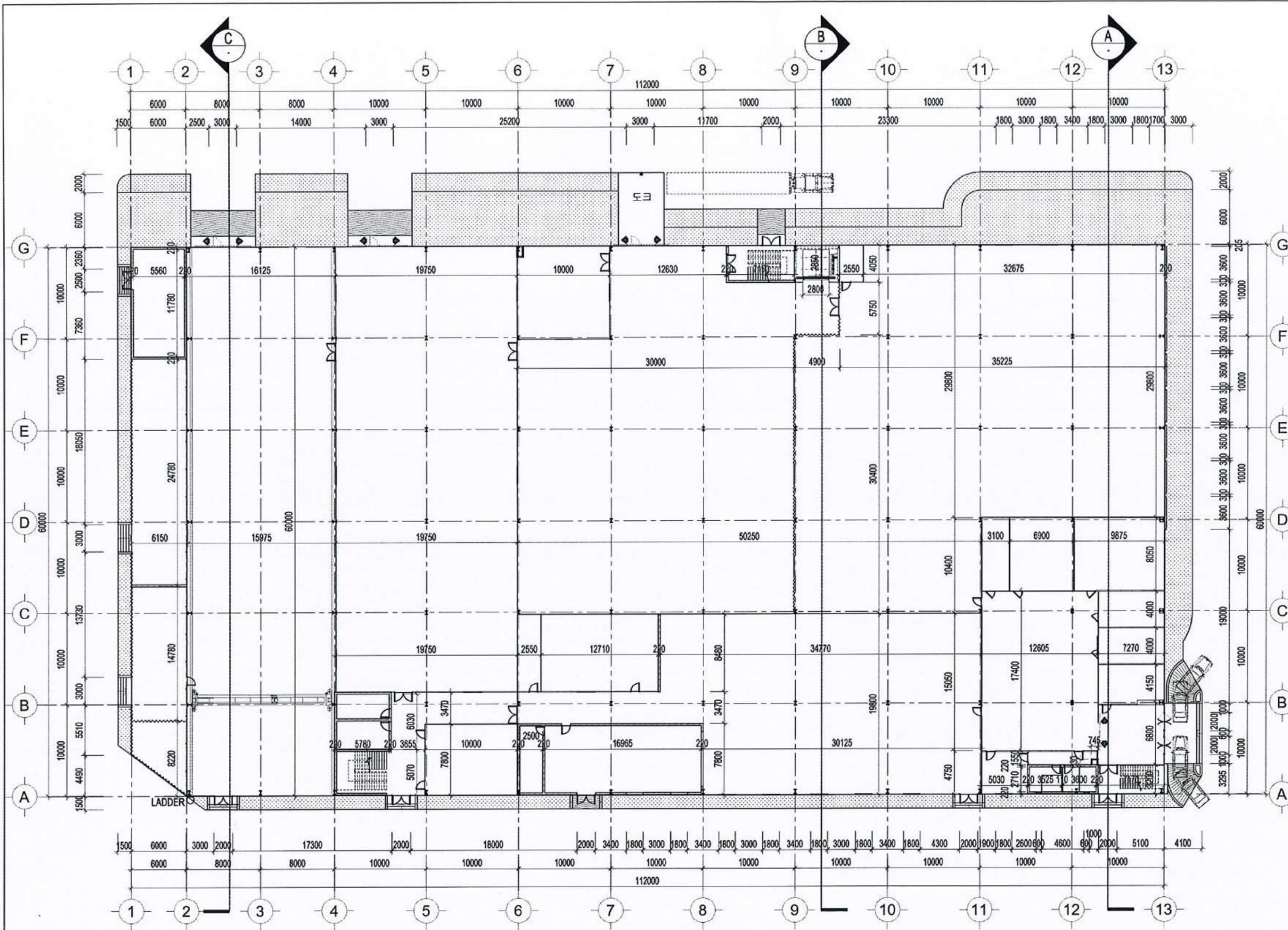
CÔNG TY TNHH TƯ VẤN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TRÍ VIỆT
HỒ SƠ ĐÃ THẨM TRA
 Theo Văn Bản Số: 19/KQT-CTTRV
 Ngày 26 tháng 8 năm 2020
 Ký tên: *[Signature]*



MỤC ĐÍCH PHÁT HÀNH/ISSUED FOR	
<input type="checkbox"/>	TRÌNH DUYỆT/ FOR APPROVAL
<input type="checkbox"/>	THAM KHẢO/ FOR REFERENCE
<input type="checkbox"/>	THE CÔNG/ FOR CONSTRUCTION
<input type="checkbox"/>	ĐẦU THẦU/ FOR TENDER
<input type="checkbox"/>	HOÀN CÔNG/ AS BUILT
HỆ THỐNG/REVISION	
①	②
③	④
⑤	⑥
⑦	⑧
⑨	⑩
CHỦ ĐẦU TƯ/ OWNER	
 CÔNG TY TNHH FUTURE OF SOUND VINA FUTURE OF SOUND VINA CO., LTD Lô 12, Cụm Công Nghiệp Phúc Linh, Xã Phúc Linh, Huyện Sơn Dương, Tỉnh Tuyên Quang Plot 12, Phúc Linh Industrial Zone, Phúc Linh Ward, Sơn Dương District, Tuyên Quang Province	
TÊN DỰ ÁN/ PROJECT NAME	
NHÀ MÁY FUTURE OF SOUND VINA FUTURE OF SOUND VINA FACTORY	
LỜI GIẢI THÍCH/ EXPLANATION	
 RAFA RAFA VIỆT NAM Công ty TNHH Tư vấn Kiến trúc và Xây dựng RAFA CONSULTING AND CONSTRUCTION CO., LTD Tầng 1, Số 15 Phố Trần Hưng Đạo, Phường Trần Hưng Đạo, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội Floor 1, No. 15 Pham Hung Ward, Tran Hung Dao, Hanoi	
TÊN CÔNG TY/ COMPANY NAME	
RAFA VIỆT NAM RAFA VIETNAM	
CHỨC VỤ/ POSITION	
KHẢO SÁT/ SURVEY	<i>[Signature]</i>
CHỈ ĐẠO/ PROJECT MANAGER	<i>[Signature]</i>
TRƯỞNG VÀNG/ DESIGN & DRAWING	<i>[Signature]</i>
THIẾT KẾ/ DESIGN	<i>[Signature]</i>
NGUYỄN TUẤN HẠNH/ CHECKED BY	<i>[Signature]</i>
Kiểm tra/ CHECKED BY	<i>[Signature]</i>
NGUYỄN TIẾN THÀNH/ PART	<i>[Signature]</i>
ĐỒ MẪU/ PART	
ARCHITECTURE/ KIẾN TRÚC	
HẠNG MỤC/ ITEM	
HẠ TẦNG KỸ THUẬT CIVIL	
TÊN BẢN VẼ/ DRAWING TITLE	
STORM DRAINAGE PLAN MẶT BẰNG THOÁT NƯỚC MƯA	
TỈ LỆ/ SCALE	
1:500	
NGÀY PHÁT HÀNH/ DATE	
03/2020	
SỐ HẸM/ DRAWING NO.	
CV-04	

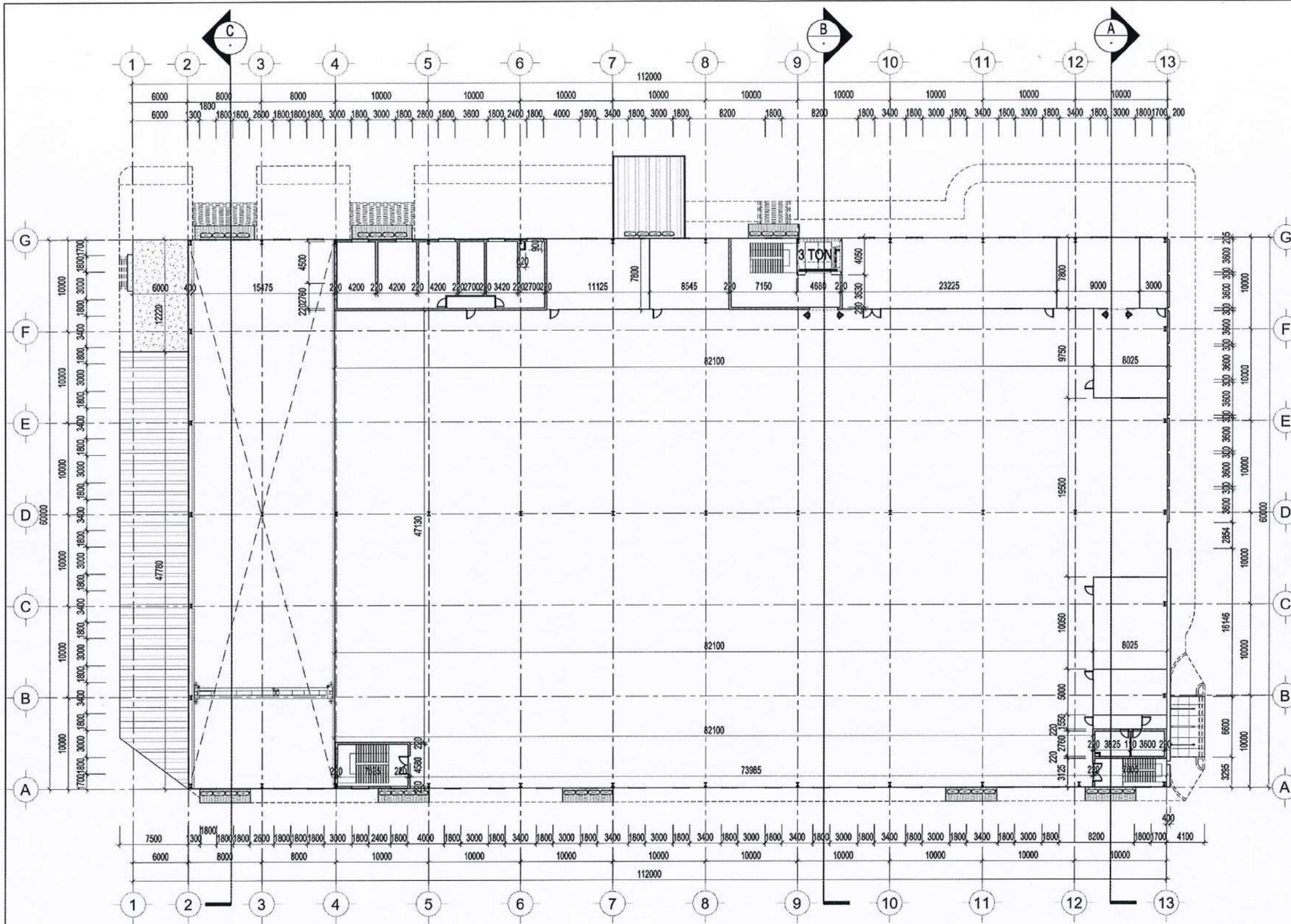
WORKSHOP - ARCHITECTURE
NHÀ XƯỞNG - KIẾN TRÚC





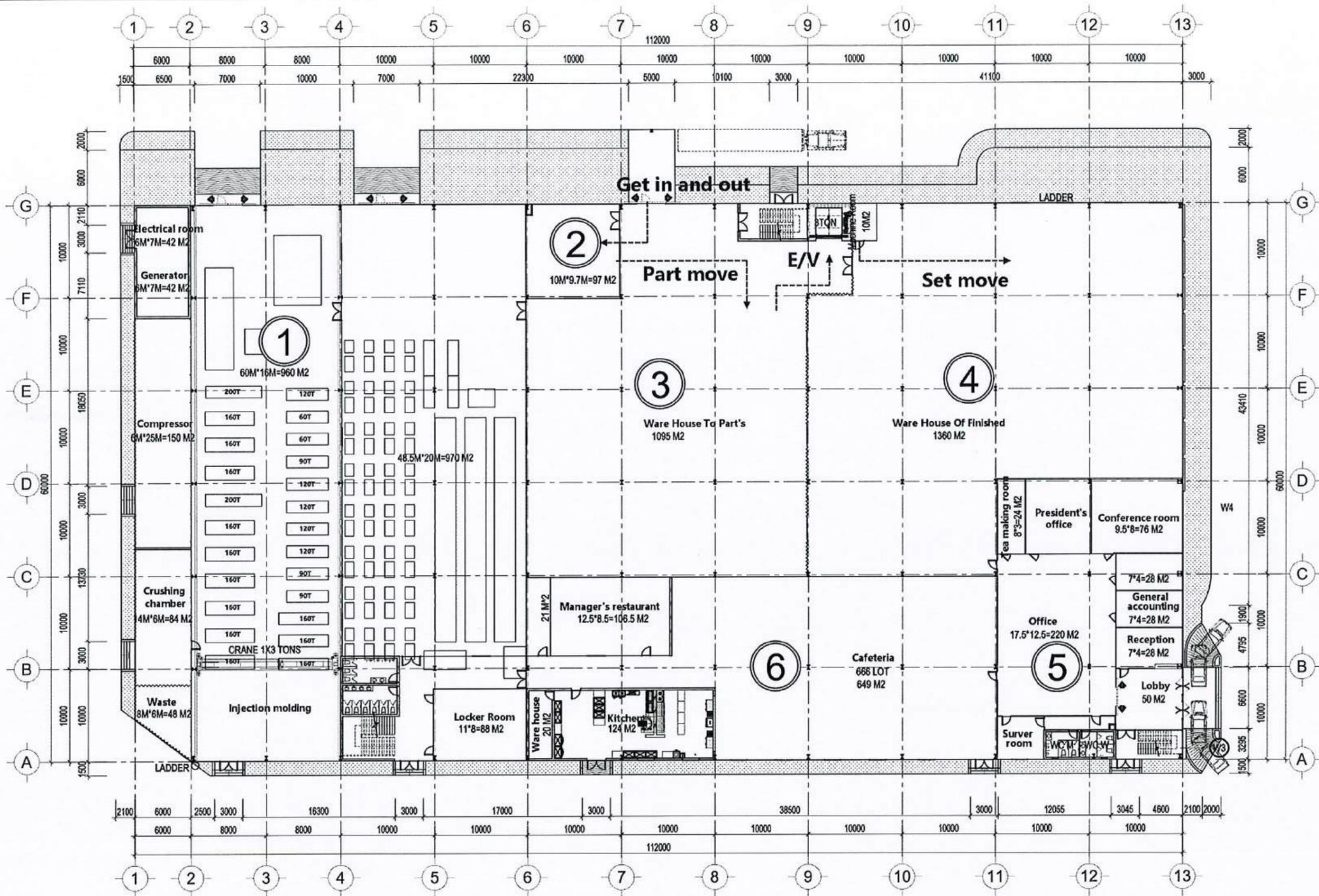
1ST FLOOR PLAN / MẶT BẰNG TẦNG 1

GHI CHÚ NOTE:	
MỤC ĐÍCH PHÁT HÀNH/ ISSUED FOR	
<input checked="" type="checkbox"/>	TRÌNH DUYỆT/ FOR APPROVAL
<input type="checkbox"/>	THAM KHẢO/ FOR REFERENCE
<input type="checkbox"/>	THI CÔNG/ FOR CONSTRUCTION
<input checked="" type="checkbox"/>	ĐẦU THẦU/ FOR TENDER
<input type="checkbox"/>	HOÀN CÔNG/ AS-BUILT
HIỆU CHỈNH/ REVISION	
①	②
③	④
⑤	⑥
⑦	⑧
CHỦ ĐẦU TƯ OWNER	
CÔNG TY TNHH FUTURE OF SOUND VINA FUTURE OF SOUND VINA CO., LTD LÔ E2, CỤM CÔNG NGHIỆP PHƯỚC ƯNG, XÃ PHƯỚC ƯNG, HUYỆN SƠN DƯƠNG, TỈNH TUYÊN QUANG PLOT E2, PHUOC UNG INDUSTRIAL ZONE, PHUOC UNG WARD SON DUONG DISTRICT, TUYEN QUANG PROVINCE	
TÊN DỰ ÁN PROJECT NAME:	
NHÀ MÁY FUTURE OF SOUND VINA FUTURE OF SOUND VINA FACTORY	
LÔ E2, CỤM CÔNG NGHIỆP PHƯỚC ƯNG, XÃ PHƯỚC ƯNG, HUYỆN SƠN DƯƠNG, TỈNH TUYÊN QUANG PLOT E2, PHUOC UNG INDUSTRIAL ZONE, PHUOC UNG WARD SON DUONG DISTRICT, TUYEN QUANG PROVINCE	
CÔNG TY THIẾT KẾ DESIGN COMPANY:	
RAFA VIỆT NAM CÔNG TY TNHH RAFA VIỆT NAM ĐẠ CHẾ PHỐ, TẦNG 3, SỐ 15 PHẠM HỒNG, P. MỸ ĐÌNH 1 Q. NAM TỪ LIÊM, HÀ NỘI ADD: R502, SF, No.15 PHAM HUNG, MY DINH 1 WARD NAM TU LIEM DISTRICT, HA NOI	
GIÁM ĐỐC DIRECTOR:	
KIM JEA BUL 	
CHỦ TRƯỞNG PROJECT MANAGER:	
TRINH VAN THANG 	
THIẾT KẾ-VẼ DESIGN & DRAWN:	
DUONG HONG MINH 	
KIỂM TRA CHECKED BY:	
NGUYEN TIEN THANH 	
BỘ MÔN: PART:	
ARCHITECTURE/ KIẾN TRÚC	
HẠNG MỤC: ITEM:	
NHÀ XƯỞNG WORKSHOP	
TÊN BẢN VẼ: DRAWING TITLE:	
MẶT BẰNG TẦNG 1 1ST FLOOR PLAN	
TỶ LỆ: SCALE:	
NGÀY PHÁT HÀNH: DATE:	-/03/2020
SỐ HIỆU: DRAWING NO:	WA-01



2ND FLOOR PLAN / MẶT BẰNG TẦNG 2

GHI CHÚ/ NOTE:	
MỤC ĐÍCH PHÁT HÀNH/ ISSUED FOR	
●	TRÌNH DUYỆT/ FOR APPROVAL
●	THAM KHẢO/ FOR REFERENCE
●	THI CÔNG/ FOR CONSTRUCTION
●	ĐẦU THẦU/ FOR TENDER
●	HOÀN CÔNG/ AS-BUILT
HIỆU CHỈNH/ REVISION	
①	②
③	④
⑤	⑥
⑦	⑧
CHỦ ĐẦU TƯ / OWNER	
CÔNG TY TNHH FUTURE OF SOUND VINA FUTURE OF SOUND VINA CO., LTD LÔ E2, CỤM CÔNG NGHIỆP PHÚC ƯNG, XÃ PHÚC ƯNG, HUYỆN SƠN DƯƠNG, TỈNH TUYÊN QUANG PLOT E2, PHUC UNG INDUSTRIAL ZONE, PHUC UNG WARD, SON DUONG DISTRICT, TUYEN QUANG PROVINCE	
TÊN DỰ ÁN / PROJECT NAME:	
NHÀ MÁY FUTURE OF SOUND VINA FUTURE OF SOUND VINA FACTORY	
LÔ E2, CỤM CÔNG NGHIỆP PHÚC ƯNG, XÃ PHÚC ƯNG, HUYỆN SƠN DƯƠNG, TỈNH TUYÊN QUANG PLOT E2, PHUC UNG INDUSTRIAL ZONE, PHUC UNG WARD, SON DUONG DISTRICT, TUYEN QUANG PROVINCE	
CÔNG TY THIẾT KẾ / DESIGN COMPANY:	
ĐẠ CHỈ: P.02, TẦNG 5, SỐ 15 PHẠM HỒNG, P. MỸ ĐÌNH 1, Q. NAM TỪ LIÊM, HÀ NỘI ADD: R502, SF, No.15 PHAM HUNG, MY DINH WARD, NAM TU LIEM DISTRICT, HA NOI	
GIÁM ĐỐC / DIRECTOR:	
KIM JEA BUL	
CHỦ TRƯỞNG / PROJECT MANAGER:	
TRINH VAN THANG	
THIẾT KẾ-VẼ / DESIGN & DRAWN:	
DUONG HONG MINH	
KIỂM TRA / CHECKED BY:	
NGUYEN TIEN THANH	
BỘ MÔN / PART:	
ARCHITECTURE/ KIẾN TRÚC	
HẠNG MỤC / ITEM:	
NHÀ XƯỞNG WORKSHOP	
TÊN BẢN VẼ / DRAWING TITLE:	
MẶT BẰNG TẦNG 2 2ND FLOOR PLAN	
TỶ LỆ / SCALE:	
NGÀY PHÁT HÀNH / DATE:	
-/03/2020	
SỐ HIỆU / DRAWING NO:	
WA-02	



1ST MACHINE FLOOR PLAN / MẶT BẰNG BỐ TRÍ MÁY MÓC TẦNG 1

- | | |
|--|--------------------------------|
| 1. Injection machine : 25set | 2. IQC |
| 1. Máy ép nhựa : 25bộ | 2. Kiểm tra chất lượng đầu vào |
| 2color Injection : 6set (160t) | 3. Material warehouse |
| Ép nhựa 2 màu : 6bộ (160t) | 3. Kho vật liệu |
| Injection machine : 18set | 4. Finished goods warehouse |
| Máy ép nhựa : 18bộ | 4. Kho thành phẩm hoàn thiện |
| 60t : 2set 120t : 5set 200t : 2set | 5. Office |
| 60t : 2bộ 120t : 5bộ 200t : 2bộ | 5. Văn phòng |
| 90t : 3set 160t : 6set Vacuum forming : 1set | 6. Cafeteria |
| 90t : 3bộ 160t : 6bộ Ép định hình chân không : 1bộ | 6. Căng tin |

GHI CHÚ NOTE:

MỤC ĐÍCH PHÁT HÀNH/ ISSUED FOR

- TRÌNH DUYỆT/ FOR APPROVAL
- THAM KHẢO/ FOR REFERENCE
- THI CÔNG/ FOR CONSTRUCTION
- ĐẦU THẦU/ FOR TENDER
- HOÀN CÔNG/ AS-BUILT

HIỆU CHỈNH/ REVISION

CHỦ ĐẦU TƯ / OWNER: **FOS**

CÔNG TY TNHH FUTURE OF SOUND VINA
FUTURE OF SOUND VINA CO., LTD
LÔ 82, CỤM CÔNG NGHIỆP PHÚC ƯNG, XÃ PHÚC ƯNG,
HUYỆN SƠN DƯƠNG, TỈNH TUYÊN QUANG
PLOT 82, PHÚC ƯNG INDUSTRIAL ZONE, PHÚC ƯNG WARD,
SƠN DƯƠNG DISTRICT, TUYÊN QUANG PROVINCE

TÊN DỰ ÁN / PROJECT NAME: **NHÀ MÁY FUTURE OF SOUND VINA
FUTURE OF SOUND VINA FACTORY**

LÔ 82, CỤM CÔNG NGHIỆP PHÚC ƯNG, XÃ PHÚC ƯNG,
HUYỆN SƠN DƯƠNG, TỈNH TUYÊN QUANG
PLOT 82, PHÚC ƯNG INDUSTRIAL ZONE, PHÚC ƯNG WARD,
SƠN DƯƠNG DISTRICT, TUYÊN QUANG PROVINCE

CTY THIẾT KẾ / DESIGN COMPANY: **RAFA**

Địa chỉ: Tầng 3, Số 15 Phạm Hùng, P. Mỹ Đình II,
Q. Nam Từ Liêm, Hà Nội
ADD: R502, SF, No.15 PHAM HUNG, MY DINH II WARD,
NAM TU LIEM DISTRICT, HA NOI

GIÁM ĐỐC / DIRECTOR: *[Signature]*

KIM JEA BUI / PROJECT MANAGER: *[Signature]*

TRÌNH VĂN THANG / DESIGN & DRAWN: *[Signature]*

DUONG HONG MINH / CHECKED BY: *[Signature]*

NGUYEN TIEN THANH

BỘ MÔN / PART: **ACHITECHTURE/ KIẾN TRÚC**

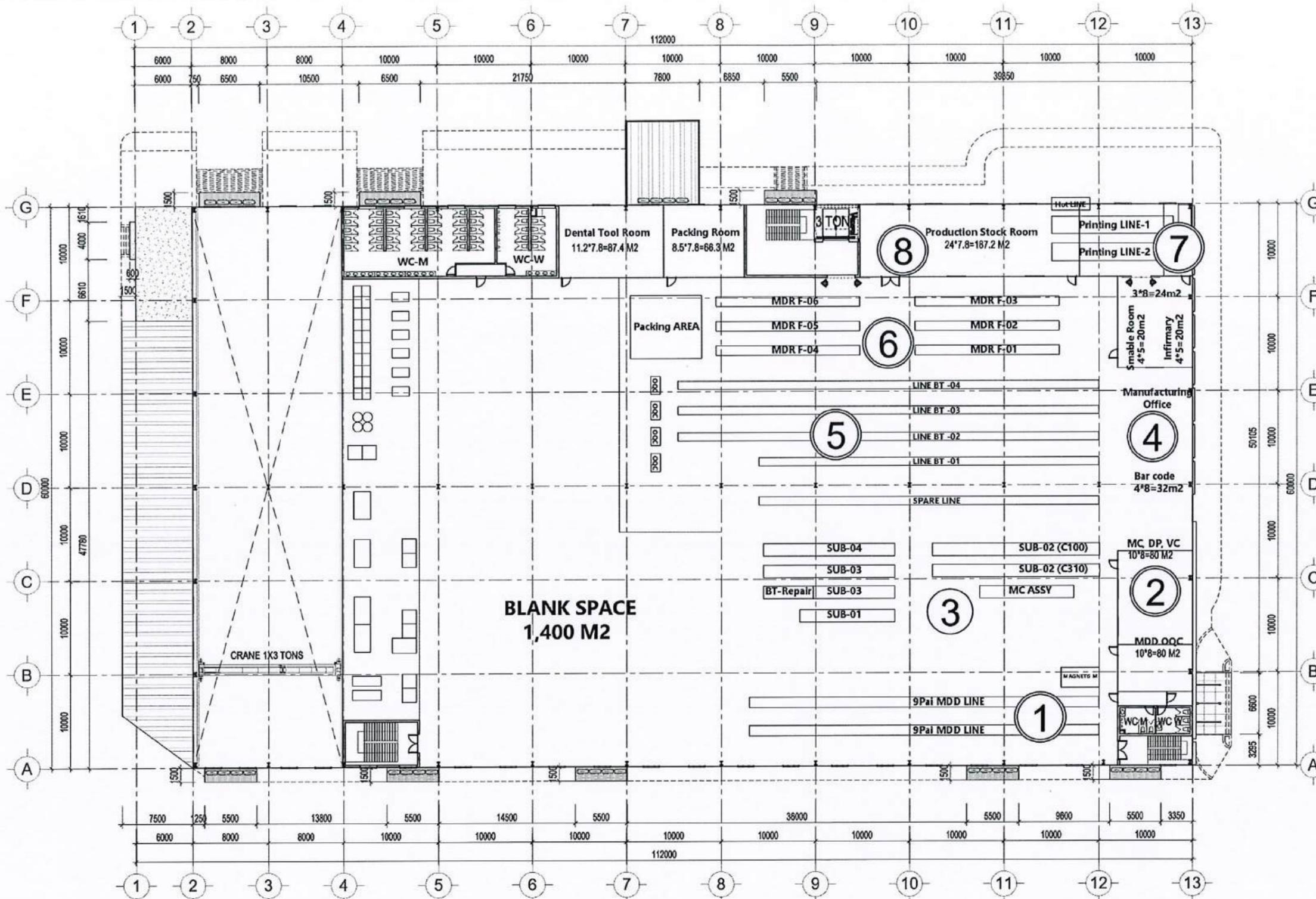
HẠNG MỤC / ITEM: **NHÀ XƯỞNG
WORKSHOP**

TÊN BẢN VẼ / DRAWING TITLE: **MẶT BẰNG BỐ TRÍ MÁY MÓC TẦNG 1
1ST MACHINE FLOOR PLAN**

TỶ LỆ / SCALE: **1:100**

NGÀY PHÁT HÀNH / DATE: **03/2020**

SỐ HIỆU / DRAWING NO: **WA-08A**



2ND MACHINE FLOOR PLAN / MẶT BẰNG BỐ TRÍ MÁY MÓC TẦNG 2

- | | |
|---|---|
| 1. MDD Manufacturing Line
1. Dây chuyền sản xuất MDD | 5. BT model production line (4 Line)
5. Dây chuyền sản xuất mẫu BT (4 dây chuyền) |
| 2. DP, VC, MC Processing Room
2. Phòng xử lý DP, VC, MC | 6. Passive production line (6 Line)
6. Dây chuyền sản xuất linh kiện : tụ, điện trở (6 dây chuyền) |
| 3. Manufacturing SUB Line
3. Dây chuyền sản xuất linh kiện phụ | 7. Printing Room
7. Phòng in |
| 4. Manufacturing Office
4. Văn phòng sản xuất | 8. Manufacturing parts warehouse
8. Kho linh kiện sản xuất |

GHỊ CHÚ/ NOTE:

MỤC ĐÍCH PHÁT HÀNH/ ISSUED FOR	
● TRÌNH DUYỆT/ FOR APPROVAL	
● THAM KHẢO/ FOR REFERENCE	
● THI CÔNG/ FOR CONSTRUCTION	
● ĐẤU THẦU/ FOR TENDER	
● HOÀN CÔNG/ AS-BUILT	
HIỆU CHỈNH/ REVISION	
①	②
③	④
⑤	⑥

CHỦ ĐẦU TƯ / OWNER

FOS
CÔNG TY TNHH
TƯNH
FUTURE OF SOUND VINA
CÔNG TY TNHH FUTURE OF SOUND VINA
FUTURE OF SOUND VINA CO., LTD
LÔ E2, CỤM CÔNG NGHIỆP PHƯỚC ƯNG, XÃ PHƯỚC ƯNG,
HUYỆN SƠN DƯƠNG, TỈNH TUYÊN QUANG
PLOT E2, PHUOC UNG INDUSTRIAL ZONE, PHUOC UNG WARD
SON DUONG DISTRICT, TUYEN QUANG PROVINCE

TÊN DỰ ÁN / PROJECT NAME:

**NHÀ MÁY FUTURE OF SOUND VINA
FUTURE OF SOUND VINA FACTORY**

LÔ E2, CỤM CÔNG NGHIỆP PHƯỚC ƯNG, XÃ PHƯỚC ƯNG,
HUYỆN SƠN DƯƠNG, TỈNH TUYÊN QUANG
PLOT E2, PHUOC UNG INDUSTRIAL ZONE, PHUOC UNG WARD
SON DUONG DISTRICT, TUYEN QUANG PROVINCE

CTY THIẾT KẾ / DESIGN COMPANY:

RAFA
RAFA VIỆT NAM
CTY TNHH RAFA VIỆT NAM
QUẬN PHÚ THỌ, TẦNG 3, SỐ 15 PHẠM HỒNG, P. MỸ DÌNH II
Q. NAM TỪ LIÊM, HÀ NỘI
ADD: P.502, SF. No.15 PHAM HONG, MY DINH II WARD
NAM TU LIEM DISTRICT, HA NOI

GIÁM ĐỐC / DIRECTOR:

KIM JEA BUL

CHỦ TRÍ TK / PROJECT MANAGER:

TRINH VAN THANG

THIẾT KẾ-YE / DESIGN & DRAWN:

DUONG HONG MINH

KIỂM TRA / CHECKED BY:

NGUYEN TIEN THANH

BỘ MÔN / PART:

ACHITECHTURE/ KIẾN TRÚC

HẠNG MỤC / ITEM:

**NHÀ XƯỞNG
WORKSHOP**

TÊN BẢN VẼ / DRAWING TITLE:

**MẶT BẰNG BỐ TRÍ MÁY MÓC TẦNG 2
2ND MACHINE FLOOR PLAN**

TỶ LỆ / SCALE:

NGÀY PHÁT HÀNH / DATE:

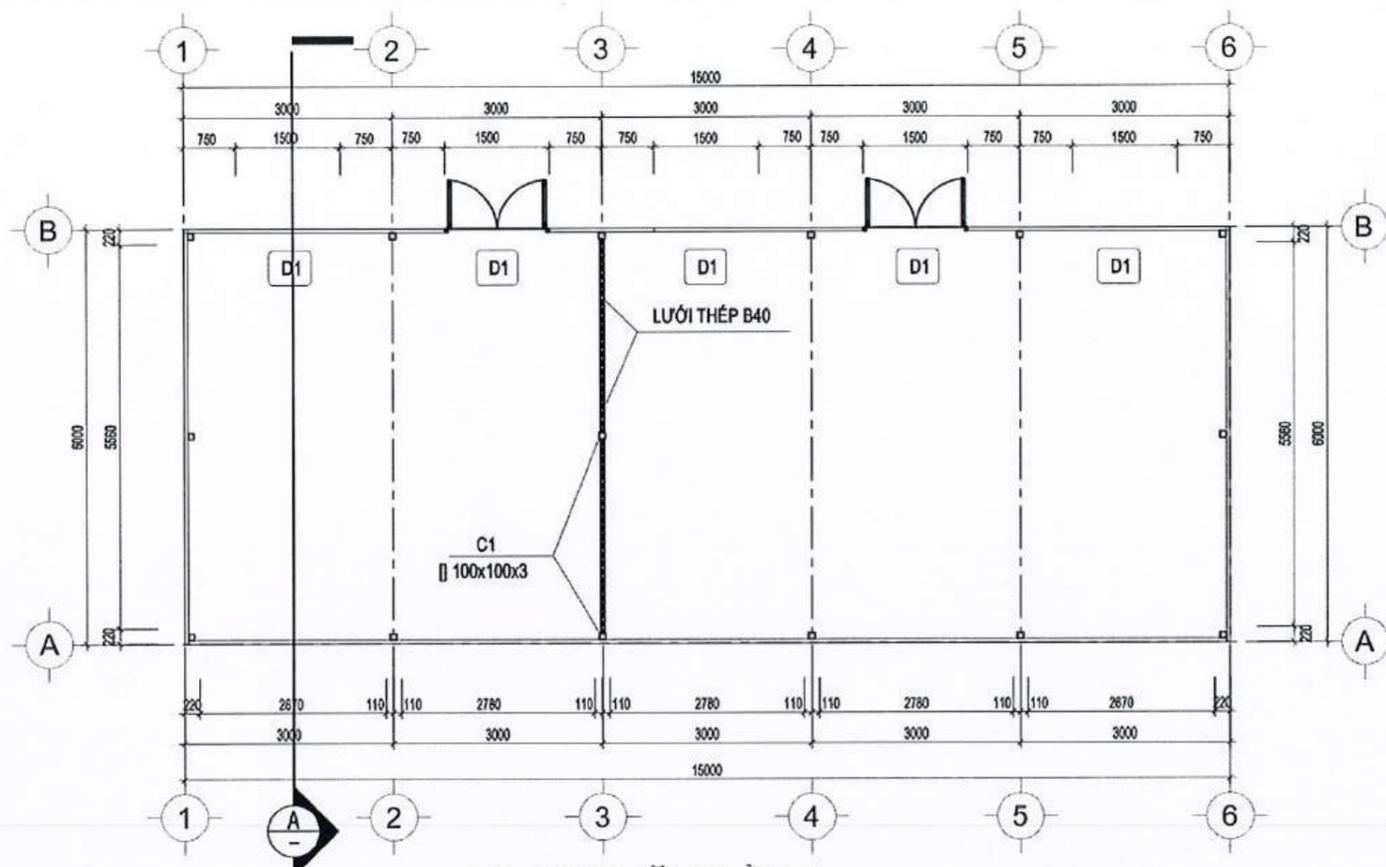
DATE: --/03/2020

SỐ HIỆU / DRAWING NO:

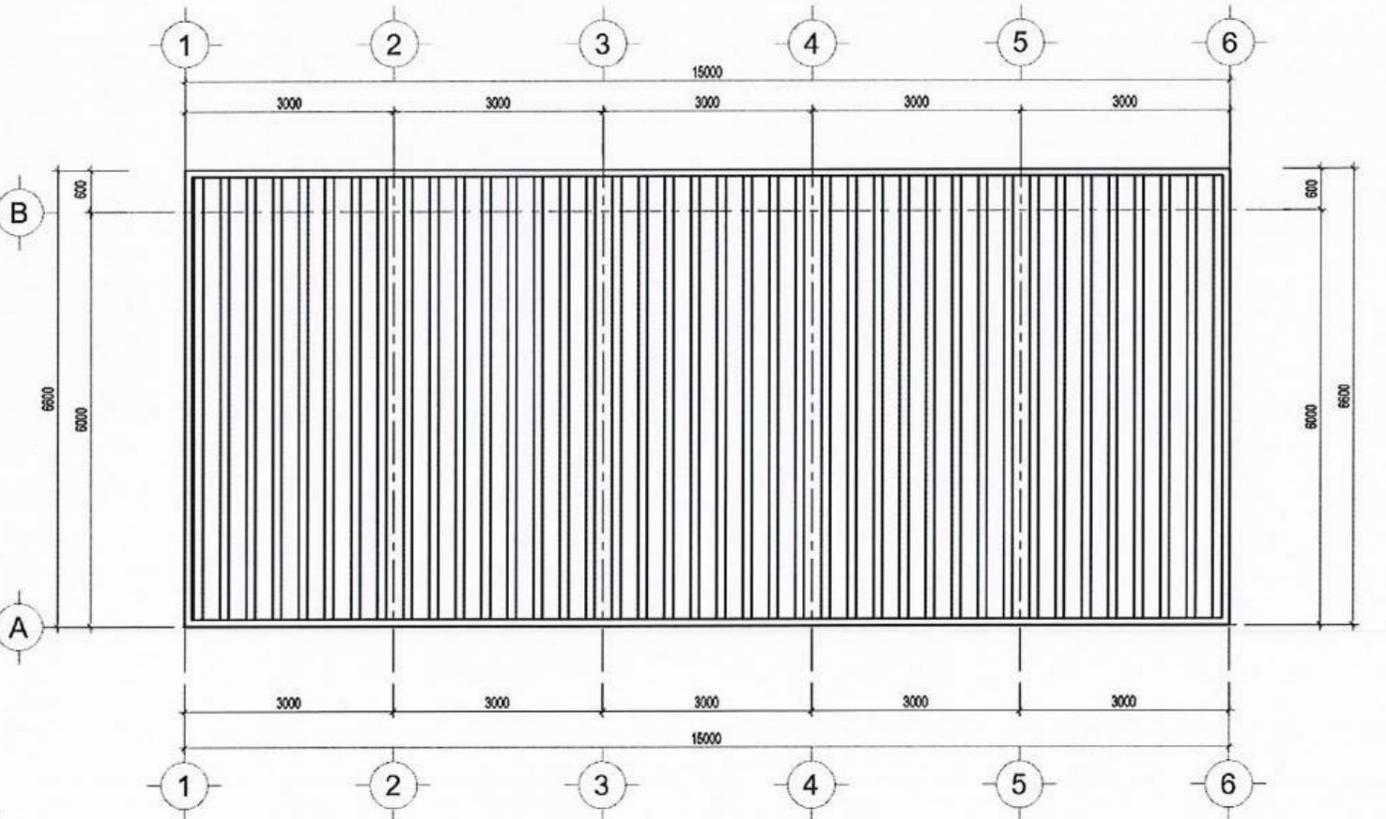
WA-09A

GARBAGE HOUSE
NHÀ RÁC

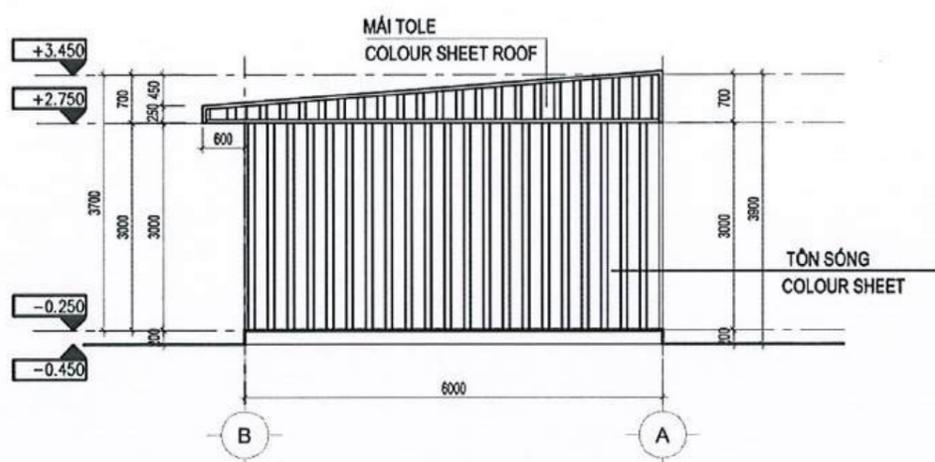




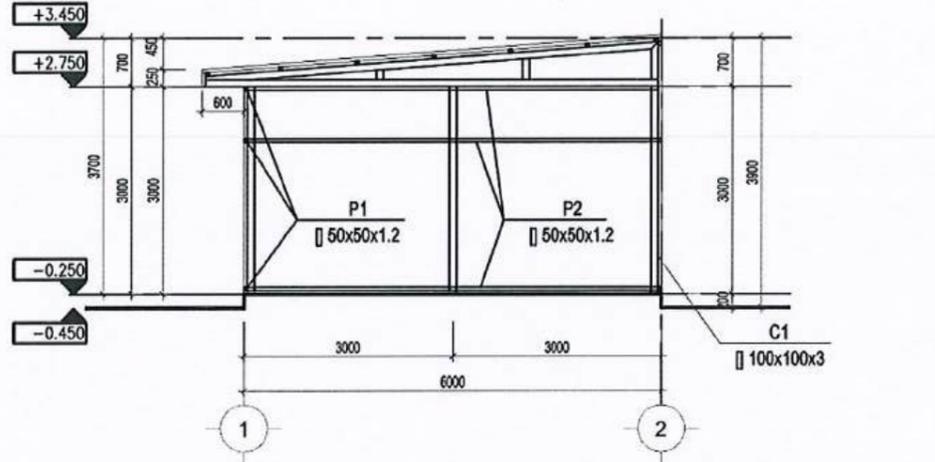
PLAN/ MẶT BẰNG tỉ LỆ: 1/100



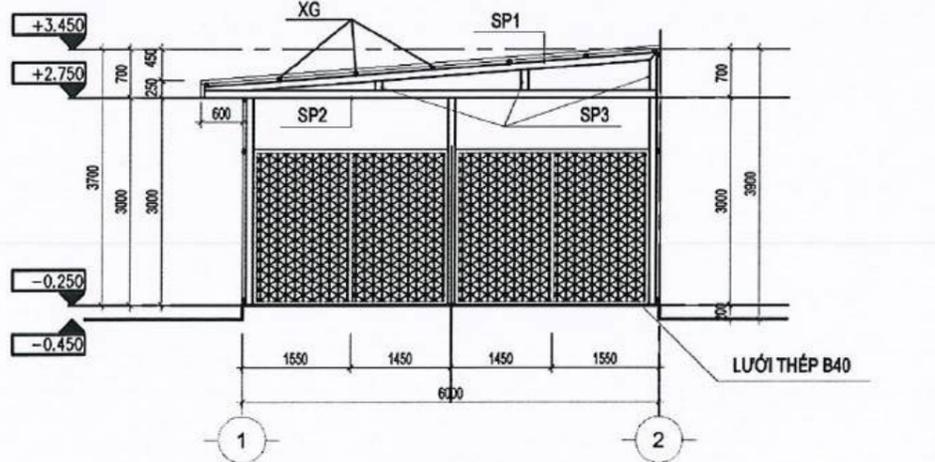
ROOF PLAN/ MẶT BẰNG MÁI tỉ LỆ: 1/100



ELEVATION AXIS B-A
MẶT ĐỨNG TRỤC B-A tỉ LỆ: 1/100



ELEVATION AXIS A-B
MẶT ĐỨNG TRỤC A-B tỉ LỆ: 1/100



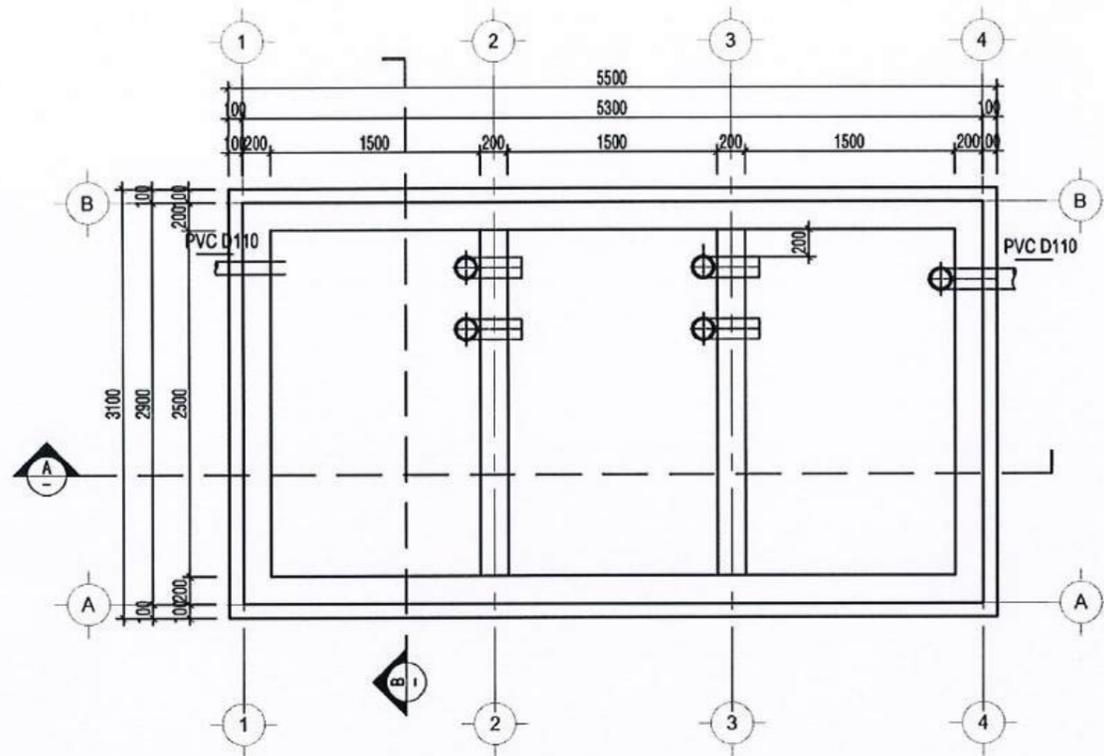
SECTION A-A/ MẶT CẮT A-A tỉ LỆ: 1/100

GHI CHÚ NOTE:	
MỤC ĐÍCH PHÁT HÀNH/ ISSUED FOR	
●	TRÌNH DUYỆT/ FOR APPROVAL
●	THAM KHẢO/ FOR REFERENCE
●	THI CÔNG/ FOR CONSTRUCTION
●	ĐẦU THẦU/ FOR TENDER
●	HOÀN CÔNG/ AS-BUILT
HIỆU CHỈNH REVISION	
①	②
③	④
⑤	⑥
CHỦ ĐẦU TƯ	OWNER
CÔNG TY TNHH FUTURE OF SOUND VINA FUTURE OF SOUND VINA CO., LTD. LÔ E2, CỤM CÔNG NGHIỆP PHÚC ƯNG, XÃ PHÚC ƯNG, HUYỆN SƠN DƯƠNG, TỈNH TUYÊN QUANG PLOT E2, PHÚC ƯNG INDUSTRIAL ZONE, PHÚC ƯNG WARD, SON DUONG DISTRICT, TUYEN QUANG PROVINCE	
TÊN DỰ ÁN	PROJECT NAME:
NHÀ MÁY FUTURE OF SOUND VINA FUTURE OF SOUND VINA FACTORY	
LÔ E2, CỤM CÔNG NGHIỆP PHÚC ƯNG, XÃ PHÚC ƯNG, HUYỆN SƠN DƯƠNG, TỈNH TUYÊN QUANG PLOT E2, PHÚC ƯNG INDUSTRIAL ZONE, PHÚC ƯNG WARD, SON DUONG DISTRICT, TUYEN QUANG PROVINCE	
CTY THIẾT KẾ	DESIGN COMPANY:
CTY TNHH RAFA VIỆT NAM RAFA VIETNAM CO., LTD. Đ. NAM TỬ LIÊM, HÀ NỘI ADD: R502, SF, No. 15 PHAM HUNG, MY DINH II WARD NAM TU LIEM DISTRICT, HA NOI	
GIÁM ĐỐC	DIRECTOR:
KIM JEA BUL	
CHỦ TRƯỞNG	PROJECT MANAGER:
TRINH VAN THANG	
THIẾT KẾ-VẼ	DESIGN & DRAWN:
DUONG HONG MINH	
KIỂM TRA	CHECKED BY:
NGUYEN TIEN THANH	
BỘ MÔN	PART:
ARCHITECTURE / KIẾN TRÚC	
HẠNG MỤC	ITEM :
GABAGE HOUSE NHÀ RÁC	
TÊN BẢN VẼ	DRAWING TITLE:
PLAN & ELEVATION MẶT BẰNG & MẶT ĐỨNG	
TỶ LỆ	SCALE:
NGÀY PHÁT HÀNH	DATE:
DATE:	-/03/2020
SỐ HIỆU	DRAWING NO.:
DRAWING NO.:	GB-01

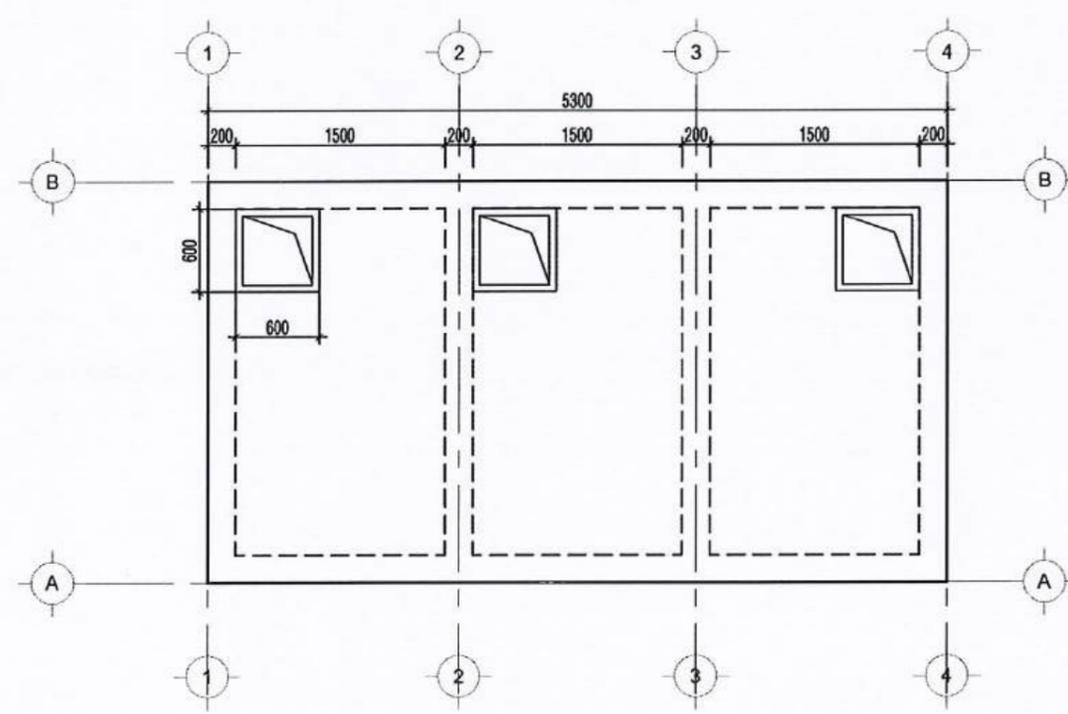
GREASE TRAP

BỂ TÁCH MỠ

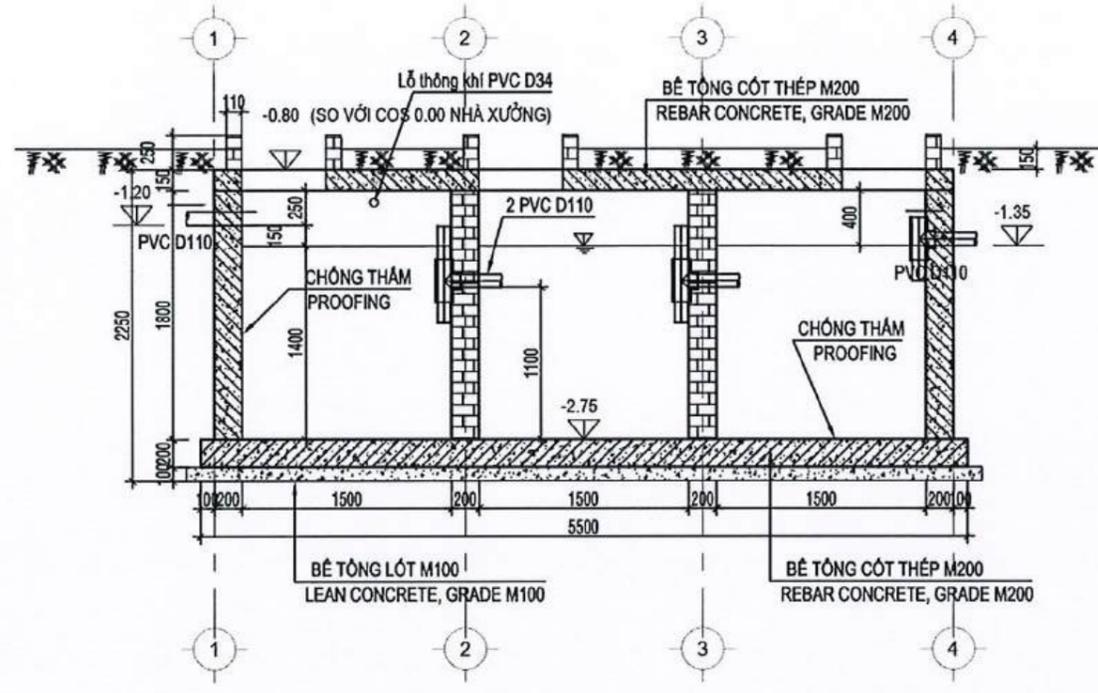




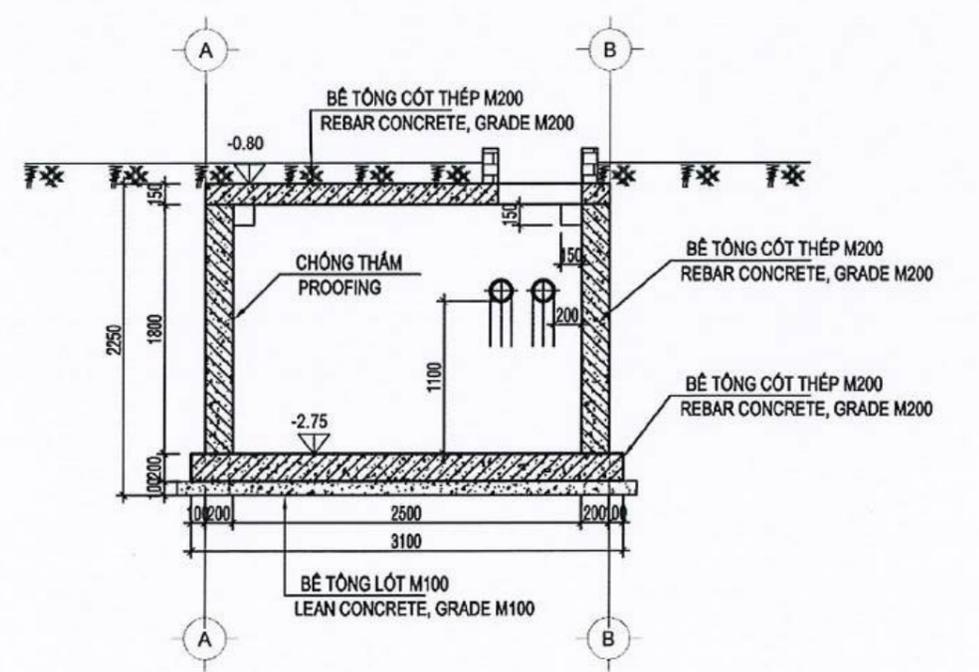
GROUND PLAN



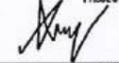
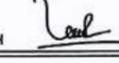
TOP SLAB PLAN

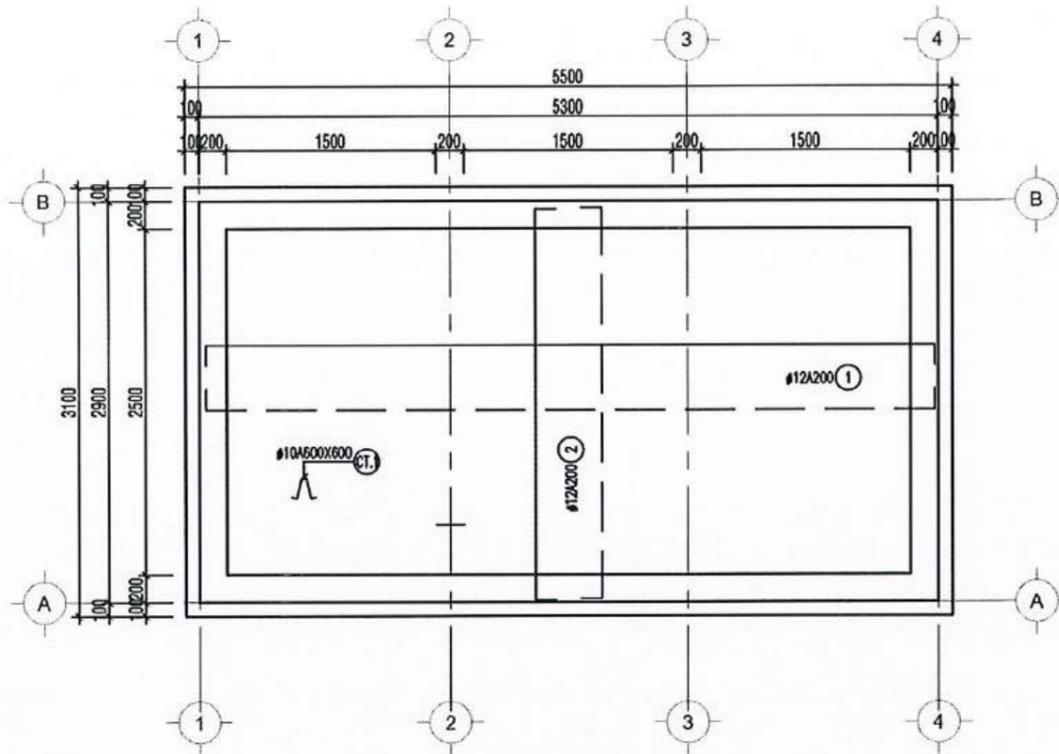


SECTION A-A

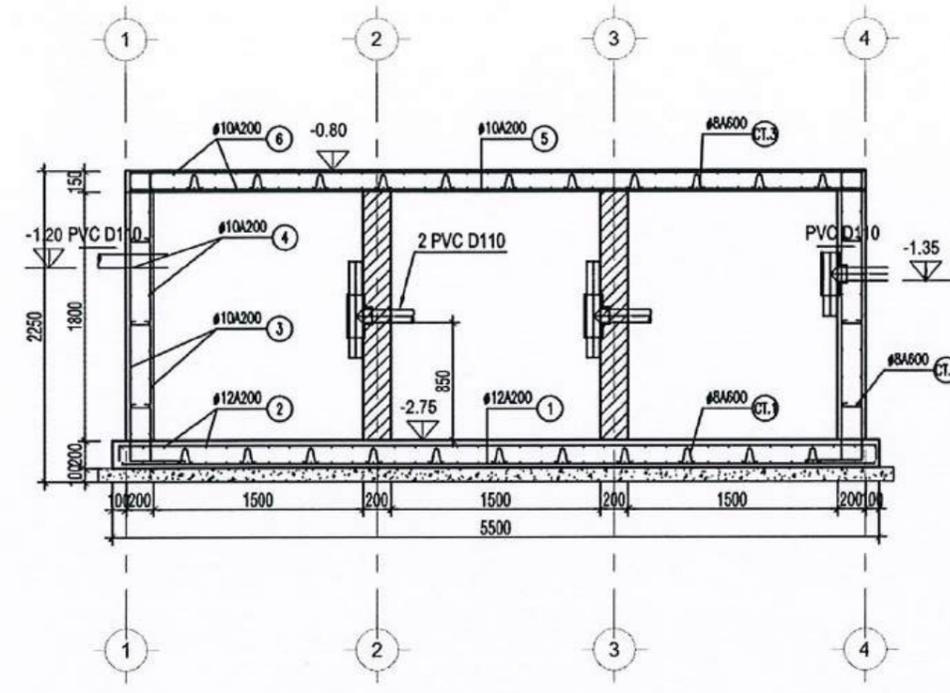


SECTION B-B

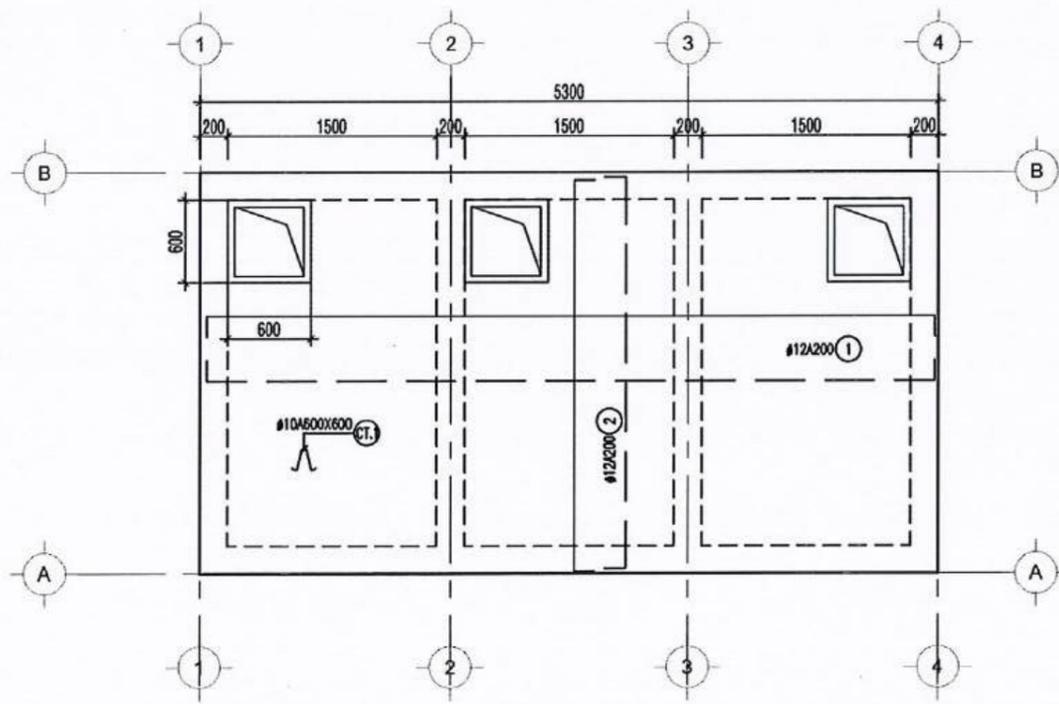
GHI CHÚ NOTE:	
MỤC ĐÍCH PHÁT HÀNH/ ISSUED FOR	
●	TRÌNH DUYỆT/ FOR APPROVAL
●	THAM KHẢO/ FOR REFERENCE
●	THI CÔNG/ FOR CONSTRUCTION
●	ĐẦU THẦU/ FOR TENDER
●	HOÀN CÔNG/ AS-BUILT
HIỆU CHỈNH/ REVISION	
①	①
②	②
③	③
④	④
CHỦ ĐẦU TƯ OWNER	
	
CÔNG TY TNHH FUTURE OF SOUND VINA FUTURE OF SOUND VINA CO., LTD LÔ E2, CỤM CÔNG NGHIỆP PHÚC LƯƠNG, XÃ PHÚC LƯƠNG, HUYỆN SƠN DƯƠNG, TỈNH TUYÊN QUANG PLOT E2, PHU LUONG INDUSTRIAL ZONE, PHU LUONG WARD, SON DUONG DISTRICT, TUYEN QUANG PROVINCE	
TÊN DỰ ÁN PROJECT NAME:	
NHÀ MÁY FUTURE OF SOUND VINA FUTURE OF SOUND VINA FACTORY	
LÔ E2, CỤM CÔNG NGHIỆP PHÚC LƯƠNG, XÃ PHÚC LƯƠNG, HUYỆN SƠN DƯƠNG, TỈNH TUYÊN QUANG PLOT E2, PHU LUONG INDUSTRIAL ZONE, PHU LUONG WARD, SON DUONG DISTRICT, TUYEN QUANG PROVINCE	
CƠ QUAN THIẾT KẾ DESIGN COMPANY:	
	
CÔNG TY TNHH RAFA VIỆT NAM RAFA VIETNAM ĐƠN VỊ HỢP TÁC KINH DOANH ĐƠN VỊ HỢP TÁC KINH DOANH	
ĐƠN VỊ THIẾT KẾ: TẦNG 5, SỐ 15 PHẠM HÙNG, P. MỸ ĐÌNH II Q. NAM TỪ LIÊM, HÀ NỘI ADD: R502, SF. No: 15 PHAM HUNG, MY DINH II WARD NAM TU LIEM DISTRICT, HA NOI	
GIÁM ĐỐC: DIRECTOR:	
KIM JEA BUL 	
CHỦ TRƯỞNG: PROJECT MANAGER:	
TRINH VAN THANG 	
THIẾT KẾ-VẼ: DESIGN & DRAWN:	
TRAN XUAN SINH 	
KIỂM TRA: CHECKED BY:	
NGUYEN TIEN THANH 	
BỘ MÔN: PART:	
ARCHITECTURE / KIẾN TRÚC	
HẠNG MỤC: ITEM:	
GREASE TRAP TANK BỂ TÁCH MỠ	
TÊN BẢN VẼ: DRAWING TITLE:	
PLAN & SECTION MẶT BẰNG, MẶT CẮT	
TỶ LỆ: SCALE:	
NGÀY PHÁT HÀNH DATE: --/03/2020	
SỐ HIỆU: DRAWING NO: GTT-01	



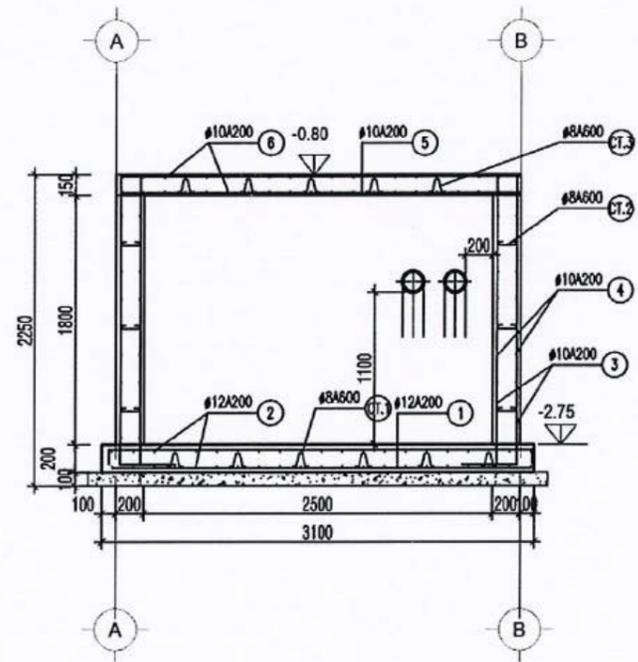
REBAR FOR GROUND



SECTION A-A



REBAR FOR TOP SLAB



SECTION B-B

GHI CHÚ NOTE:

MỤC ĐÍCH PHÁT HÀNH/ISSUED FOR	
● TRÌNH DUYỆT/ FOR APPROVAL	
● THAM KHẢO/ FOR REFERENCE	
● THI CÔNG/ FOR CONSTRUCTION	
● ĐẤU THẦU/ FOR TENDER	
● HOÀN CÔNG/ AS-BUILT	

HIỆU CHỈNH/ REVISION

①	②
③	④
⑤	⑥
⑦	⑧

CHỦ ĐẦU TƯ OWNER

FOS
CÔNG TY TNHH FUTURE OF SOUND VINA
FUTURE OF SOUND VINA CO., LTD.
LÔ E2, CỤM CÔNG NGHIỆP PHƯỚC ƯƠNG, XÃ PHƯỚC ƯƠNG, HUYỆN SƠN DƯƠNG, TỈNH TUYÊN QUANG
PLOT E2, PHUOC UONG INDUSTRIAL ZONE, PHUOC UONG WARD, SON DUONG DISTRICT, TUYEN QUANG PROVINCE

TÊN DỰ ÁN PROJECT NAME:

**NHÀ MÁY FUTURE OF SOUND VINA
FUTURE OF SOUND VINA FACTORY**

LÔ E2, CỤM CÔNG NGHIỆP PHƯỚC ƯƠNG, XÃ PHƯỚC ƯƠNG, HUYỆN SƠN DƯƠNG, TỈNH TUYÊN QUANG
PLOT E2, PHUOC UONG INDUSTRIAL ZONE, PHUOC UONG WARD, SON DUONG DISTRICT, TUYEN QUANG PROVINCE

CTY THIẾT KẾ DESIGN COMPANY:

RAFA
Corporation, Ltd.
The Success of the Business partners
CÔNG TY TNHH RAFA VIỆT NAM
ĐỊA CHỈ: P.502, TẦNG 5, SỐ 15 PHẠM HÙNG, P. MỸ ĐÌNH II, Q. NAM TỪ LIÊM, HÀ NỘI
ADD: P.502, 5/F, No.15 PHAM HUNG, MY DINH II WARD, NAM TU LIEM, DISTRICT, HANOI

GIÁM ĐỐC DIRECTOR:

KIM JEA BUL

CHỦ TRƯ TIỀN PROJECT MANAGER:

TRINH VAN THANG

THIẾT KẾ-VẼ DESIGN & DRAWN:

TRAN XUAN SINH

KIỂM TRA CHECKED BY:

NGUYEN TIEN THANH

BỘ MÔN PART:

STRUCTURE / KẾT CẤU

HẠNG MỤC ITEM:

**GREASE TRAP TANK
BỂ TÁCH MỠ**

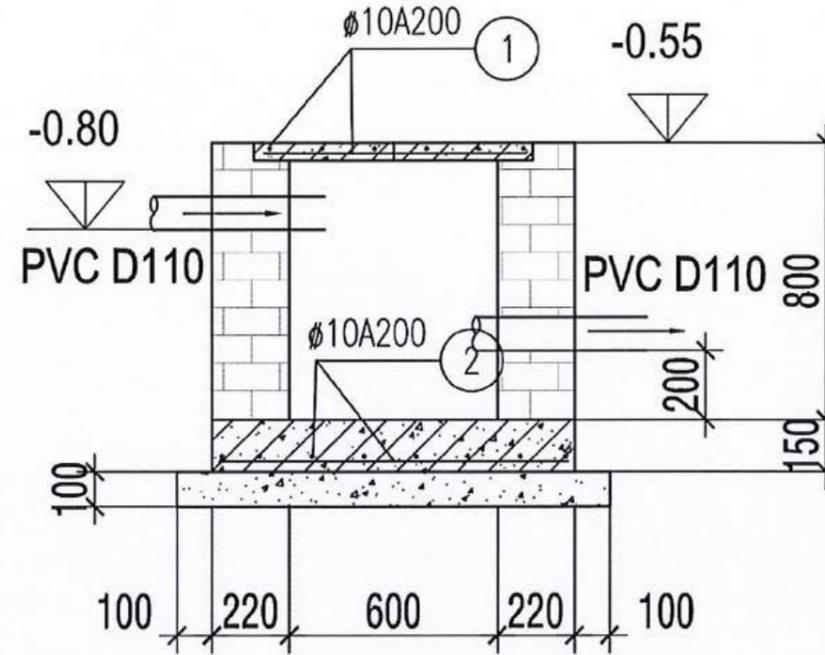
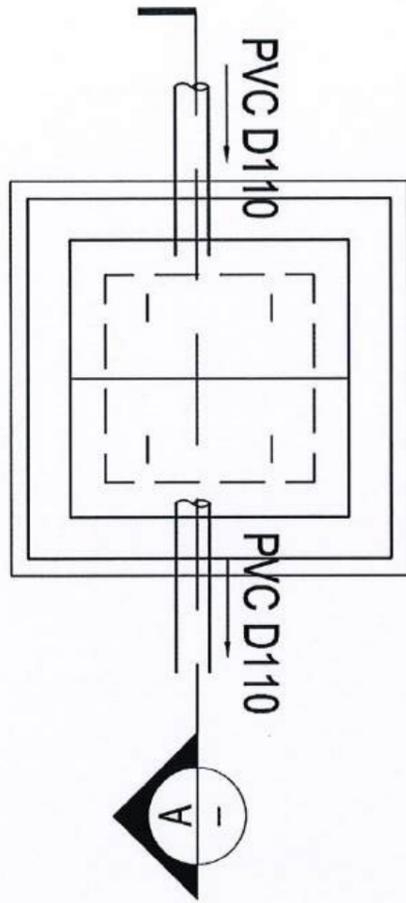
TÊN BẢN VẼ DRAWING TITLE:

**PLAN & SECTION
MẶT BẰNG, MẶT CẮT**

TỶ LỆ SCALE:

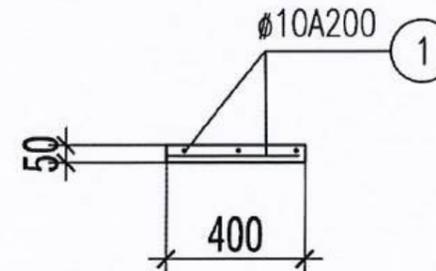
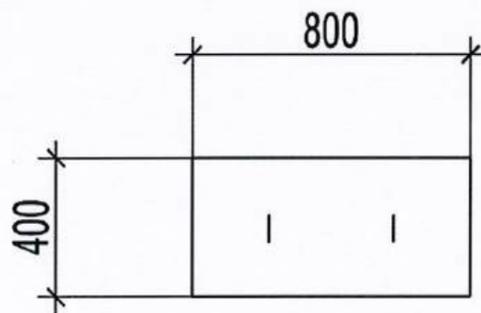
NGÀY PHÁT HÀNH DATE: --/03/2020

SỐ HIỆU DRAWING NO: GTT-02



SECTION A-A

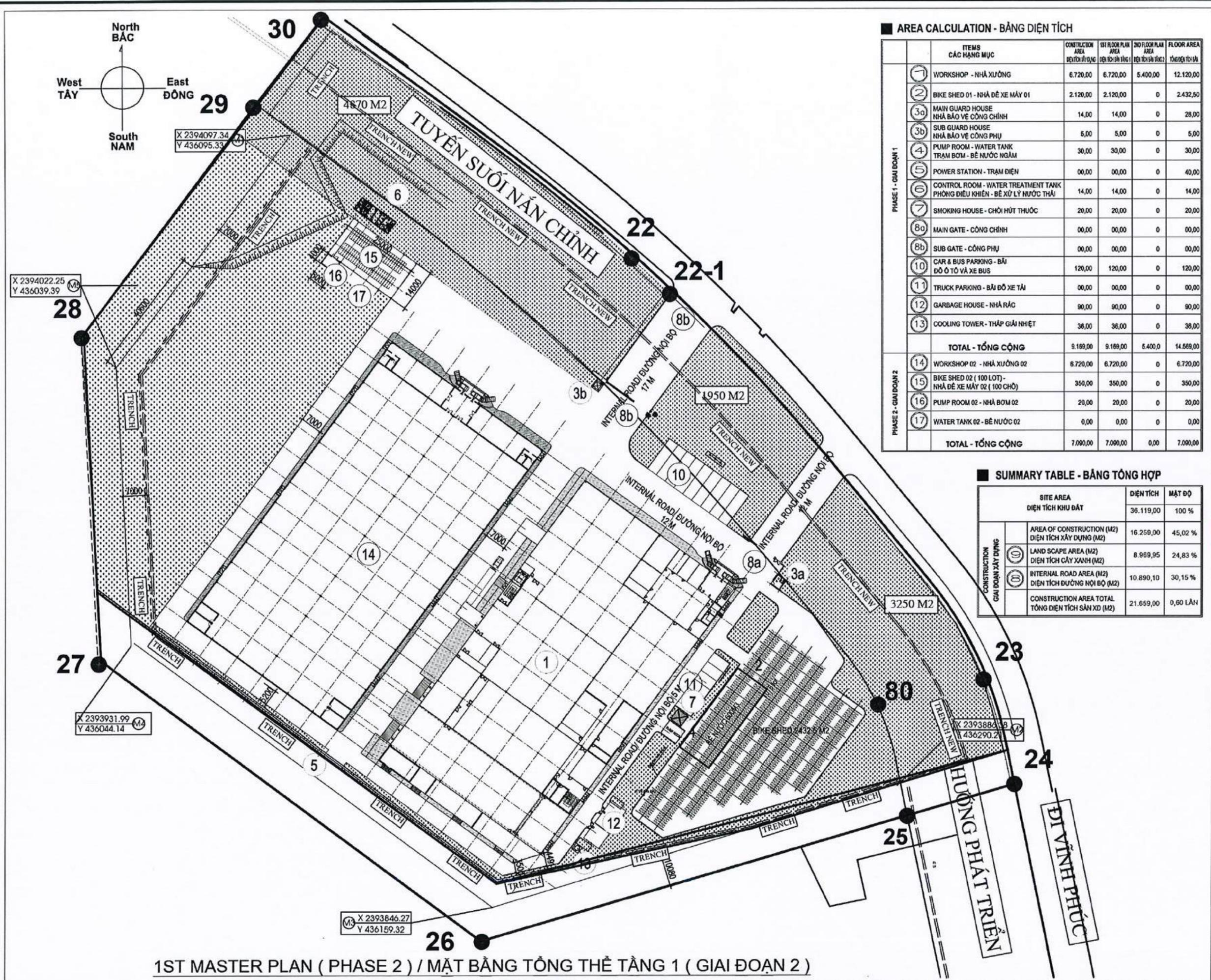
TẦM ĐÀN



GHI CHÚ/ NOTE:	
MỤC ĐÍCH PHÁT HÀNH/ ISSUED FOR	
●	TRÌNH DUYỆT/ FOR APPROVAL
●	THAM KHẢO/ FOR REFERENCE
●	THI CÔNG/ FOR CONSTRUCTION
●	ĐẦU THẦU/ FOR TENDER
●	HOÀN CÔNG/ AS-BUILT
HIỆU CHỈNH/ REVISION	
①	①
②	②
③	③
④	④
CHỦ ĐẦU TƯ/ OWNER	
 FOS CÔNG TY TNHH FUTURE OF SOUND VINA FUTURE OF SOUND VINA CO., LTD LÔ E2, CỤM CÔNG NGHIỆP PHƯỚC LINH, XÃ PHƯỚC LINH, HUYỆN SƠN DƯƠNG, TỈNH TUYÊN QUANG PLOT E2, PHUOC LINH INDUSTRIAL ZONE, PHUOC LINH WARD, SON DUONG DISTRICT, TUYEN QUANG PROVINCE	
TÊN DỰ ÁN/ PROJECT NAME:	
NHÀ MÁY FUTURE OF SOUND VINA FUTURE OF SOUND VINA FACTORY	
LÔ E2, CỤM CÔNG NGHIỆP PHƯỚC LINH, XÃ PHƯỚC LINH, HUYỆN SƠN DƯƠNG, TỈNH TUYÊN QUANG PLOT E2, PHUOC LINH INDUSTRIAL ZONE, PHUOC LINH WARD, SON DUONG DISTRICT, TUYEN QUANG PROVINCE	
CTY THIẾT KẾ/ DESIGN COMPANY:	
 RAFA Corporation, Ltd The success of the business partner CÔNG TY TNHH RAFA VIỆT NAM ĐIA CHỈ: P502, TẦNG 5, SỐ 15 PHẠM HÙNG, P. MỸ ĐÌNH B Q. NAM TỪ LIÊM, HÀ NỘI ADD: R502, 5F, No.15 PHAM HUNG, MY DINH B WARD NAM TU LIEM DISTRICT, HANOI	
GIÁM ĐỐC/ DIRECTOR:	
KIM JEA BUL	
CHỦ TRƯỞNG/ PROJECT MANAGER:	
TRINH VAN THANG	
THIẾT KẾ-VẼ/ DESIGN & DRAWN:	
TRAN XUAN SINH	
KIỂM TRA/ CHECKED BY:	
NGUYEN TIEN THANH	
BỘ MÔN/ PART:	
STRUCTURE / KẾT CẤU	
HẠNG MỤC/ ITEM:	
GREASE TRAP MANHOLE HỒ GA BẦY MỠ	
TÊN BẢN VẼ/ DRAWING TITLE:	
PLAN & SECTION MẶT BẰNG, MẶT CẮT	
TỶ LỆ/ SCALE:	
NGÀY PHÁT HÀNH/ DATE:	
--/03/2020	
SỐ HIỆU/ DRAWING NO.:	
GTT-03	

ARCHITECTURE - KIẾN TRÚC
MASTER PLAN- MẶT BẰNG TỔNG THỂ





AREA CALCULATION - BẢNG DIỆN TÍCH

	ITEMS CÁC HẠNG MỤC	CONSTRUCTION AREA DIỆN TÍCH DỰ ĐẠC	1ST FLOOR PLAN AREA DIỆN TÍCH SÀN LẦU 1	2ND FLOOR PLAN AREA DIỆN TÍCH SÀN LẦU 2	FLOOR AREA DIỆN TÍCH TỔNG
PHASE 1 - GIAI ĐOẠN 1	1 WORKSHOP - NHÀ XƯỞNG	6.720,00	6.720,00	5.400,00	12.120,00
	2 BIKE SHED 01 - NHÀ ĐỂ XE MÁY 01	2.120,00	2.120,00	0	2.432,50
	3a MAIN GUARD HOUSE NHÀ BẢO VỆ CÔNG CHÍNH	14,00	14,00	0	28,00
	3b SUB GUARD HOUSE NHÀ BẢO VỆ CÔNG PHỤ	5,00	5,00	0	5,00
	4 PUMP ROOM - WATER TANK TRẠM BƠM - BỂ NƯỚC NGẦM	30,00	30,00	0	30,00
	5 POWER STATION - TRẠM ĐIỆN	00,00	00,00	0	40,00
	6 CONTROL ROOM - WATER TREATMENT TANK PHÒNG ĐIỀU KHIỂN - BỂ XỬ LÝ NƯỚC THẢI	14,00	14,00	0	14,00
	7 SMOKING HOUSE - CHỖ HÚT THUỐC	20,00	20,00	0	20,00
	8a MAIN GATE - CÔNG CHÍNH	00,00	00,00	0	00,00
	8b SUB GATE - CÔNG PHỤ	00,00	00,00	0	00,00
	10 CAR & BUS PARKING - BÃ ĐỖ Ô TÔ VÀ XE BUS	120,00	120,00	0	120,00
	11 TRUCK PARKING - BÃ ĐỖ XE TẢI	00,00	00,00	0	00,00
	12 GARBAGE HOUSE - NHÀ RÁC	90,00	90,00	0	90,00
13 COOLING TOWER - THÁP GIẢI NHIỆT	36,00	36,00	0	36,00	
TOTAL - TỔNG CỘNG		9.169,00	9.169,00	5.400,0	14.569,00
PHASE 2 - GIAI ĐOẠN 2	14 WORKSHOP 02 - NHÀ XƯỞNG 02	6.720,00	6.720,00	0	6.720,00
	15 BIKE SHED 02 (100 LOT) - NHÀ ĐỂ XE MÁY 02 (100 CHỖ)	350,00	350,00	0	350,00
	16 PUMP ROOM 02 - NHÀ BƠM 02	20,00	20,00	0	20,00
	17 WATER TANK 02 - BỂ NƯỚC 02	0,00	0,00	0	0,00
TOTAL - TỔNG CỘNG		7.090,00	7.090,00	0,00	7.090,00

SUMMARY TABLE - BẢNG TỔNG HỢP

SITE AREA DIỆN TÍCH KHU ĐẤT		DIỆN TÍCH	MẬT ĐỘ
		36.119,00	100 %
CONSTRUCTION GIAI ĐOẠN XÂY DỰNG	AREA OF CONSTRUCTION (M2) DIỆN TÍCH XÂY DỰNG (M2)	16.259,00	45,02 %
	LAND SCAPE AREA (M2) DIỆN TÍCH CÂY XANH (M2)	8.969,95	24,83 %
	INTERNAL ROAD AREA (M2) DIỆN TÍCH ĐƯỜNG NỘI BỘ (M2)	10.890,10	30,15 %
	CONSTRUCTION AREA TOTAL TỔNG DIỆN TÍCH SÀN XD (M2)	21.659,00	0,60 LẦN

GHI CHÚ/NOTE:

MỤC ĐÍCH PHÁT HÀNH/ISSUED FOR:
 TRÌNH DUYỆT/ FOR APPROVAL
 THAM KHẢO/ FOR REFERENCE
 THI CÔNG/ FOR CONSTRUCTION
 ĐẦU THẦU/ FOR TENDER
 HOÀN CÔNG/ AS-BUILT

HIỆU CHỈNH/ REVISION:

④	⑤
⑥	⑦
⑧	⑨
⑩	⑪

CHỦ ĐẦU TƯ: OWNER:

FOS
 CÔNG TY TNHH FUTURE OF SOUND VINA
 FUTURE OF SOUND VINA CO., LTD
 FUTURE OF SOUND VINA
 ĐIA CHỈ LÔ E2, CỤM CÔNG NGHIỆP PHÚC ỨNG,
 XÃ SƠN DƯƠNG, TỈNH TUYÊN QUANG
 ADDRESS: LOT E2, PHÚC ƯNG INDUSTRIAL ZONE,
 SƠN DƯƠNG COMMUNE, TUYÊN QUANG PROVINCE

TÊN DỰ ÁN: PROJECT NAME:
 NHÀ MÁY SẢN XUẤT, GIA CÔNG THIẾT BỊ NGHE
 (TẠI NGHE) FUTURE OF SOUND VINA

ĐỊA CHỈ LÔ E2, CỤM CÔNG NGHIỆP PHÚC ỨNG,
 XÃ SƠN DƯƠNG, TỈNH TUYÊN QUANG
 ADDRESS: LOT E2, PHÚC ƯNG INDUSTRIAL ZONE,
 SƠN DƯƠNG COMMUNE, TUYÊN QUANG PROVINCE

CÔNG TY THIẾT KẾ: DESIGN COMPANY:
RAFA
 Corporation, Ltd
 Members of the Business partners
CÔNG TY TNHH RAFA VIỆT NAM
 ĐIA CHỈ: P.02, TẦNG 5, SỐ 15 ĐƯỜNG PHAN HƯỜNG,
 PHƯỜNG CẦU GIẤY, THÀNH PHỐ HÀ NỘI
 ADDRESS: P.02, 5TH FLOOR, No. 15 PHAN HƯỜNG STREET,
 CẦU GIẤY WARD, HÀ NỘI CITY

GIÁM ĐỐC: DIRECTOR:
 KIM JEA BUI

CHỦ TRÌ TK: PROJECT MANAGER:
 ĐƯƠNG HỒNG MINH

THIẾT KẾ - VẼ: DESIGN & DRAWN:
 ĐƯƠNG HỒNG MINH

KIỂM TRA: CHECKED BY:
 PHẠM VĂN ĐÌNH

BỘ MÔN: PART:
**ARCHITECTURE
 KIẾN TRÚC**

HẠNG MỤC: ITEM:
**MASTER PLAN
 MẶT BẰNG TỔNG THỂ**

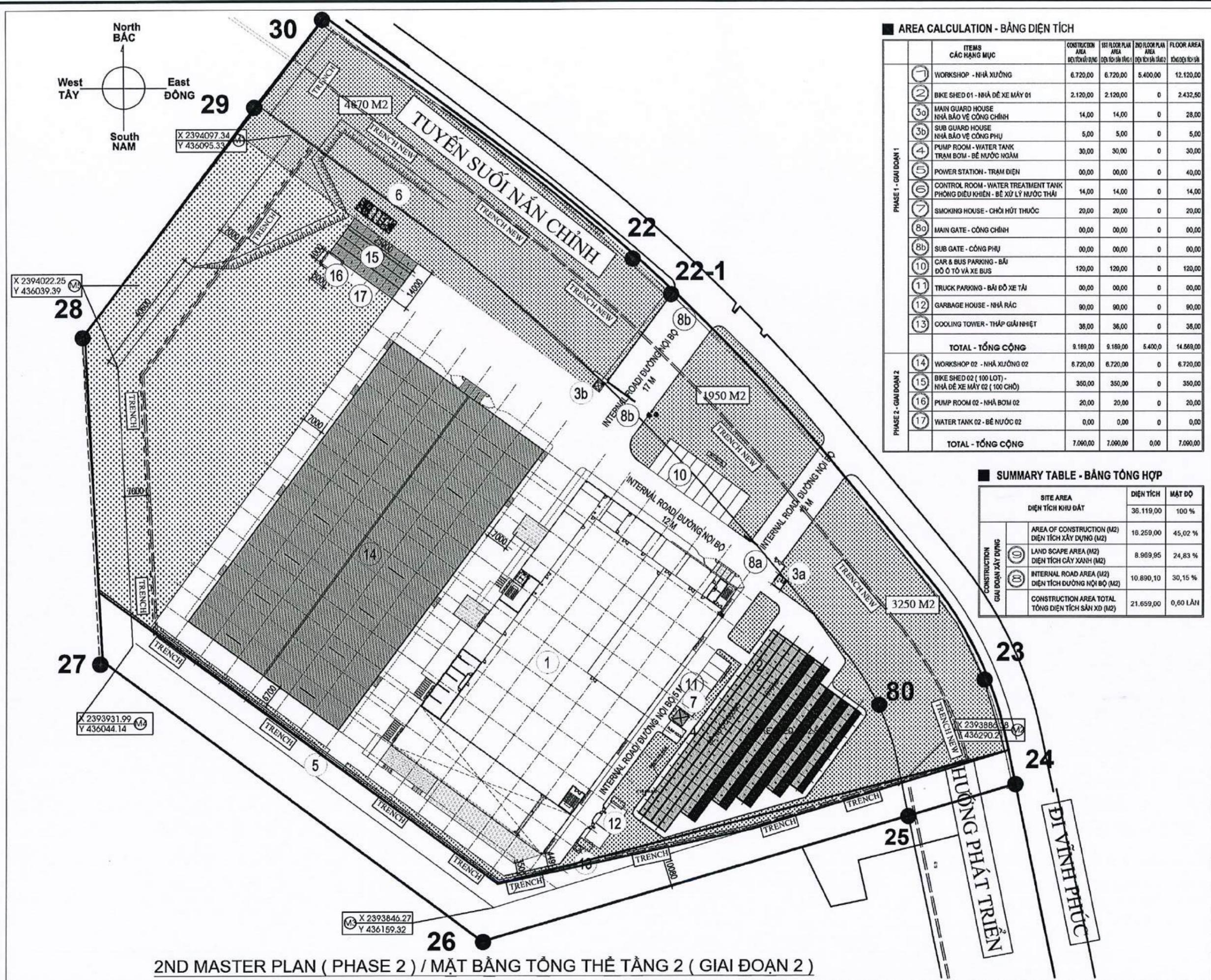
TÊN BẢN VẼ: DRAWING TITLE:
**1ST MASTER PLAN (PHASE 2)
 MẶT BẰNG TỔNG THỂ TẦNG 1 (GIAI ĐOẠN 2)**

TỶ LỆ: SCALE:
 1/100

NGÀY PHÁT HÀNH: DATE:
 09/2025

SỐ HIỆU: DRAWING NO:
 MP-01

1ST MASTER PLAN (PHASE 2) / MẶT BẰNG TỔNG THỂ TẦNG 1 (GIAI ĐOẠN 2)



AREA CALCULATION - BẢNG DIỆN TÍCH

ITEMS CÁCH HẠNG MỤC	CONSTRUCTION AREA (M ²)	1ST FLOOR PLAN AREA (M ²)	2ND FLOOR PLAN AREA (M ²)	FLOOR AREA (M ²)
1 WORKSHOP - NHÀ XƯỞNG	6.720,00	6.720,00	5.400,00	12.120,00
2 BIKE SHED 01 - NHÀ ĐÈ XE MÁY 01	2.120,00	2.120,00	0	2.432,50
3a MAIN GUARD HOUSE	14,00	14,00	0	28,00
3b SUB GUARD HOUSE	5,00	5,00	0	5,00
4 PUMP ROOM - WATER TANK	30,00	30,00	0	30,00
5 POWER STATION - TRẠM ĐIỆN	00,00	00,00	0	40,00
6 CONTROL ROOM - WATER TREATMENT TANK	14,00	14,00	0	14,00
7 SMOKING HOUSE - CHỖ HÚT THUỐC	20,00	20,00	0	20,00
8a MAIN GATE - CỘNG CHÍNH	00,00	00,00	0	00,00
8b SUB GATE - CỘNG PHỤ	00,00	00,00	0	00,00
10 CAR & BUS PARKING - BÃ ĐỖ Ô TÔ VÀ XE BUS	120,00	120,00	0	120,00
11 TRUCK PARKING - BÃ ĐỖ XE TẢI	00,00	00,00	0	00,00
12 GARBAGE HOUSE - NHÀ RÁC	90,00	90,00	0	90,00
13 COOLING TOWER - THÁP GIẢI NHIỆT	38,00	38,00	0	38,00
TOTAL - TỔNG CỘNG	9.189,00	9.189,00	5.400,00	14.589,00
14 WORKSHOP 02 - NHÀ XƯỞNG 02	6.720,00	6.720,00	0	6.720,00
15 BIKE SHED 02 (100 LOT) - NHÀ ĐÈ XE MÁY 02 (100 CHỖ)	350,00	350,00	0	350,00
16 PUMP ROOM 02 - NHÀ BƠM 02	20,00	20,00	0	20,00
17 WATER TANK 02 - BỂ NƯỚC 02	0,00	0,00	0	0,00
TOTAL - TỔNG CỘNG	7.090,00	7.090,00	0,00	7.090,00

SUMMARY TABLE - BẢNG TỔNG HỢP

CONSTRUCTION	GIAI ĐOẠN XÂY DỰNG	SITE AREA	
		DIỆN TÍCH KHU ĐẤT	MẬT ĐỘ
		36.119,00	100 %
		AREA OF CONSTRUCTION (M ²)	18.259,00
		DIỆN TÍCH XÂY DỰNG (M ²)	45,02 %
		LAND SCAPE AREA (M ²)	8.969,95
		DIỆN TÍCH CÂY XANH (M ²)	24,83 %
		INTERNAL ROAD AREA (M ²)	10.890,10
		DIỆN TÍCH ĐƯỜNG NỘI BỘ (M ²)	30,15 %
		CONSTRUCTION AREA TOTAL	21.659,00
		TỔNG DIỆN TÍCH SÀN XD (M ²)	0,60 LẦN

GHI CHÚ NOTE:

MỤC ĐÍCH PHÁT HÀNH ISSUED FOR:
 TRÌNH DUYỆT/ FOR APPROVAL
 THAM KHẢO/ FOR REFERENCE
 THI CÔNG/ FOR CONSTRUCTION
 ĐẦU THẦU/ FOR TENDER
 HOÀN CÔNG/ AS-BUILT
 HIỆU CHỈNH/ REVISION:

CHỦ ĐẦU TƯ: OWNER: **FOS**
CÔNG TY TNHH FUTURE OF SOUND VINA
FUTURE OF SOUND VINA CO., LTD
 ĐƠN VỊ CHẾ LỘ: GUM CÔNG NGHIỆP PHÚC LÚNG,
 XÃ SƠN DƯƠNG, TỈNH TUYÊN QUANG
 ADDRESS: LOT 22, PHÚC LÚNG INDUSTRIAL ZONE,
 SƠN DƯƠNG COMMUNE, TUYÊN QUANG PROVINCE

TÊN DỰ ÁN: PROJECT NAME:
NHÀ MÁY SẢN XUẤT, GIA CÔNG THIẾT BỊ NGHỆ
(TAI NGHỆ) FUTURE OF SOUND VINA

ĐỊA CHỈ LỘ E2, CỤM CÔNG NGHIỆP PHÚC LÚNG,
 XÃ SƠN DƯƠNG, TỈNH TUYÊN QUANG
 ADDRESS: LOT 22, PHÚC LÚNG INDUSTRIAL ZONE,
 SƠN DƯƠNG COMMUNE, TUYÊN QUANG PROVINCE

CÔNG TY THIẾT KẾ: DESIGN COMPANY:
RAFA
CÔNG TY TNHH RAFA VIỆT NAM
 ĐƠN VỊ CHẾ LỘ: TẦNG 5, ĐỒ 15 ĐƯỜNG PHẠM HỒNG,
 PHƯỜNG CẦU GIẤY, THỊ XÃ HÀ NỘI
 ADDRESS: 5TH FLOOR, No. 15 PHAM HUNG STREET,
 CẦU GIẤY WARD, HÀ NỘI CITY

GIÁM ĐỐC: DIRECTOR: *[Signature]*
 CHỦ TRÌ TK: PROJECT MANAGER: *[Signature]*
 ĐƯƠNG HỒNG MINH: DESIGN & DRAWN: *[Signature]*
 ĐƯƠNG HỒNG MINH: CHECKED BY: *[Signature]*
 PHẠM VĂN ĐÌNH: PART:

BỘ MÔN: PART:
ARCHITECTURE
KIẾN TRÚC

HẠNG MỤC: ITEM:
MASTER PLAN
MẶT BẰNG TỔNG THỂ

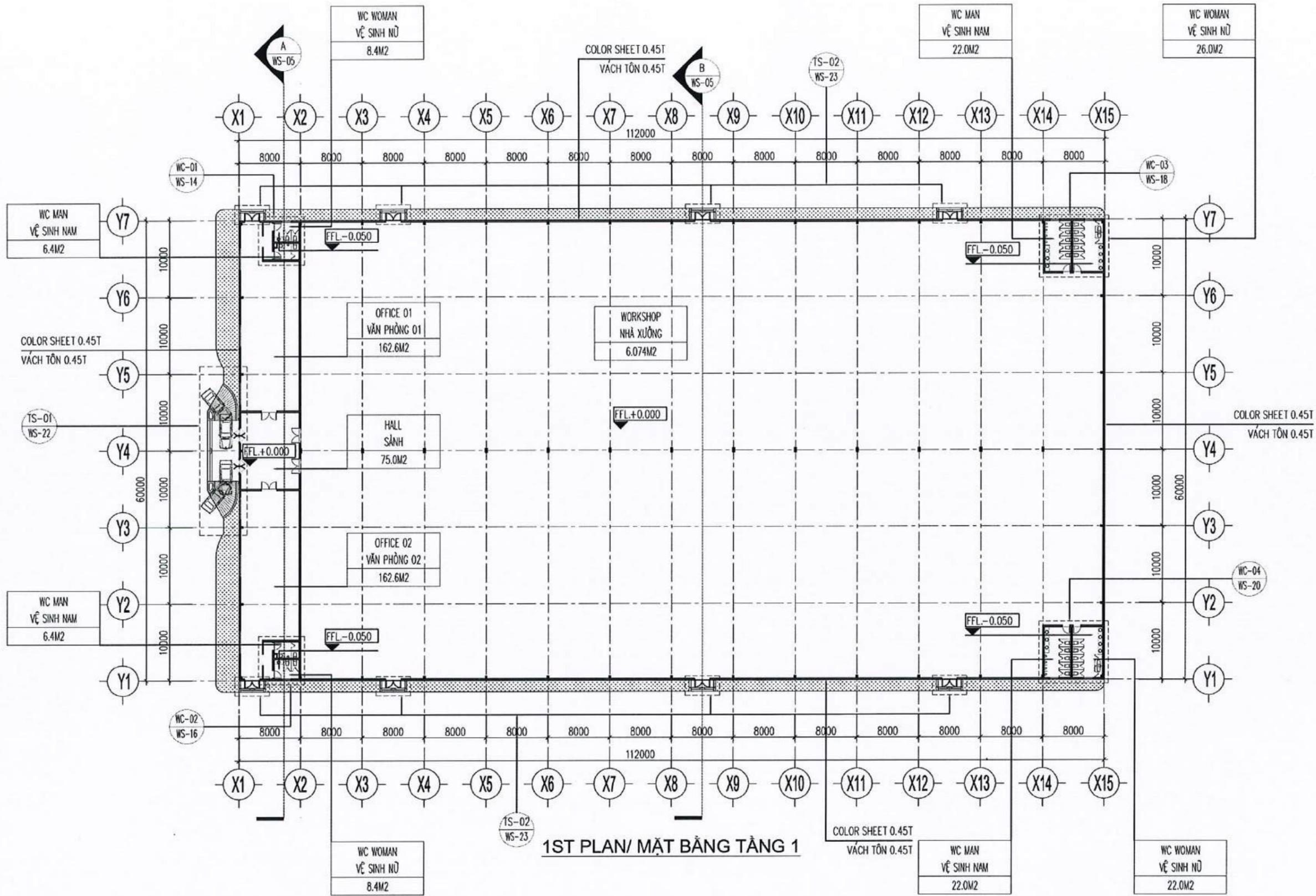
TÊN BẢN VẼ: DRAWING TITLE:
2ND MASTER PLAN (PHASE 2)
MẶT BẰNG TỔNG THỂ TẦNG 2 (GIAI ĐOẠN 2)

TỶ LỆ: SCALE: **1/100**
 NGÀY PHÁT HÀNH: DATE: **09/2025**
 SỐ HIỆU: DRAWING NO.: **MP-02**

2ND MASTER PLAN (PHASE 2) / MẶT BẰNG TỔNG THỂ TẦNG 2 (GIAI ĐOẠN 2)

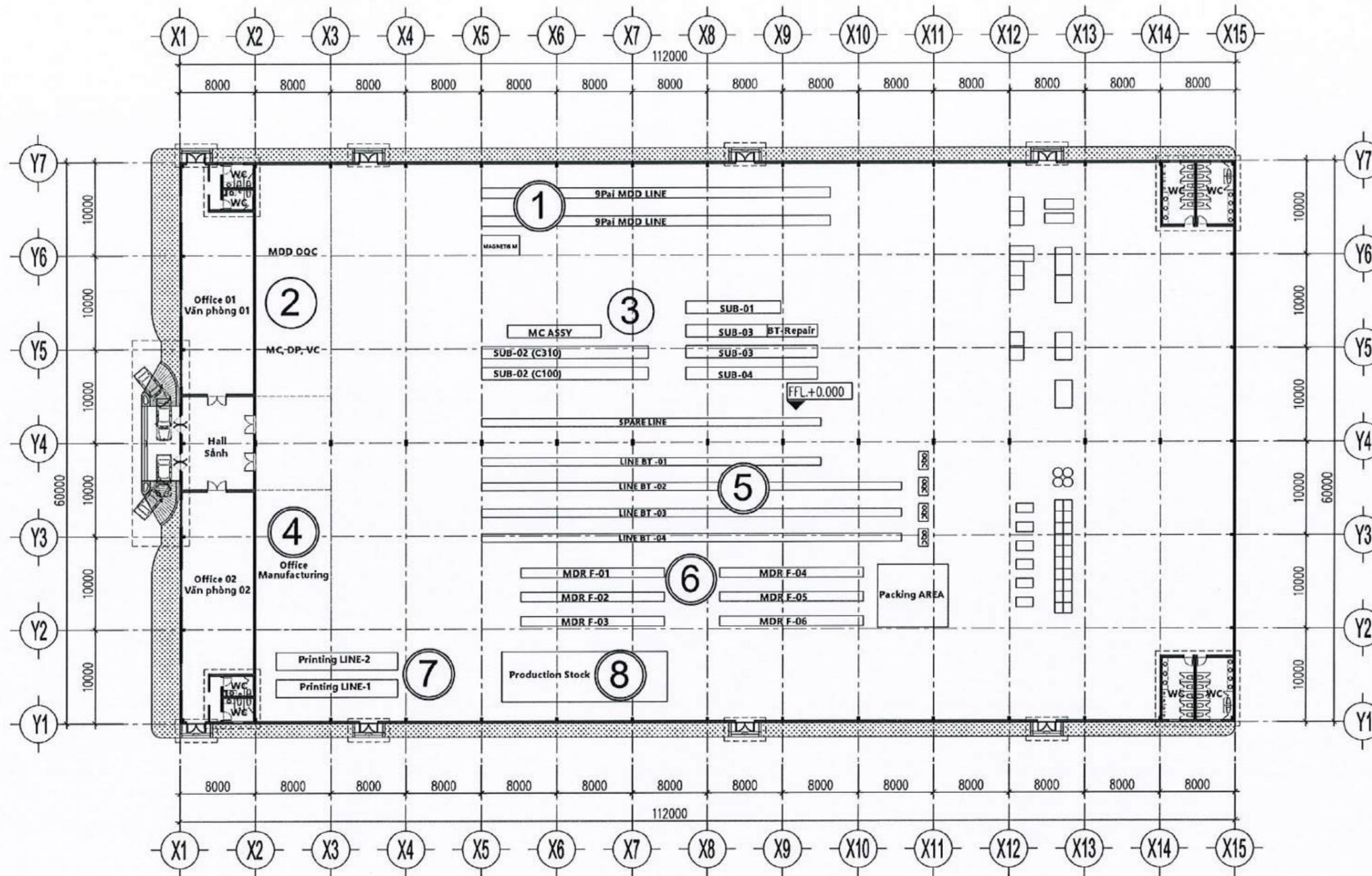
ARCHITECTURE - KIẾN TRÚC
WORKSHOP 02- NHÀ XƯỞNG 02





1ST PLAN/ MẶT BẰNG TẦNG 1

GHI CHÚ NOTE:	
MỤC ĐÍCH PHÁT HÀNH/ ISSUED FOR:	
<ul style="list-style-type: none"> ● TRÌNH DUYỆT/ FOR APPROVAL ● THAM KHẢO/ FOR REFERENCE ● THI CÔNG/ FOR CONSTRUCTION ● ĐẦU THẦU/ FOR TENDER ● HOÀN CÔNG/ AS-BUILT 	
HIỆU CHỈNH/ REVISION:	
①	②
③	④
⑤	⑥
⑦	⑧
⑨	⑩
CHỦ ĐẦU TƯ: OWNER:	
CÔNG TY TNHH FUTURE OF SOUND VINA FUTURE OF SOUND VINA CO., LTD ĐƠN VỊ LĨNH VỰC CÔNG NGHIỆP PHÚC ƯNG, XÃ SƠN DƯƠNG, TỈNH TUYÊN QUANG ADDRESS: LOT E2, PHU LIC NG INDUSTRIAL ZONE, SON DUONG COMMUNE, Tuyen QUANG PROVINCE	
TÊN DỰ ÁN: PROJECT NAME:	
NHÀ MÁY SẢN XUẤT, GIA CÔNG THIẾT BỊ NGHE (TẠI NGHE) FUTURE OF SOUND VINA	
ĐỊA CHẾ LỘ E2, CỤM CÔNG NGHIỆP PHÚC ƯNG, XÃ SƠN DƯƠNG, TỈNH TUYÊN QUANG ADDRESS: LOT E2, PHU LIC NG INDUSTRIAL ZONE, SON DUONG COMMUNE, Tuyen QUANG PROVINCE	
CÔNG TY THIẾT KẾ 2394-C.T.Đ.Đ. DESIGN COMPANY:	
CÔNG TY TNHH RAFA VIỆT NAM ĐƠN VỊ LĨNH VỰC CÔNG NGHIỆP PHÚC ƯNG, PHƯỜNG CẦU GIẤY, THỊ SÃN PHỐ HÀ NỘI ADDRESS: 802, 8TH FLOOR, 3A-1E PHU HUNG STREET, CẦU GIẤY WARD, HÀ NỘI CITY	
GIÁM ĐỐC: DIRECTOR:	
KIM JEA BUL	CHỦ TRÍ TK: PROJECT MANAGER:
	DƯƠNG HỒNG MINH B
THIẾT KẾ - VẼ: DESIGN & DRAWN:	
DƯƠNG HỒNG MINH	KIỂM TRA: CHECKED BY:
	PHẠM VĂN ĐÌNH
BỘ MÔN: PART:	ARCHITECTURE KIẾN TRÚC
HẠNG MỤC: ITEM:	WORKSHOP 02 NHÀ XƯỞNG 02
TÊN BẢN VẼ: DRAWING TITLE:	1ST PLAN MẶT BẰNG TẦNG 1
TỶ LỆ: SCALE:	1/100
NGÀY PHÁT HÀNH: DATE:	09/2025
SỐ HIỆU: DRAWING NO.:	WS-01



1ST MACHINE FLOOR PLAN / MẶT BẰNG BỐ TRÍ MÁY MÓC TẦNG 1

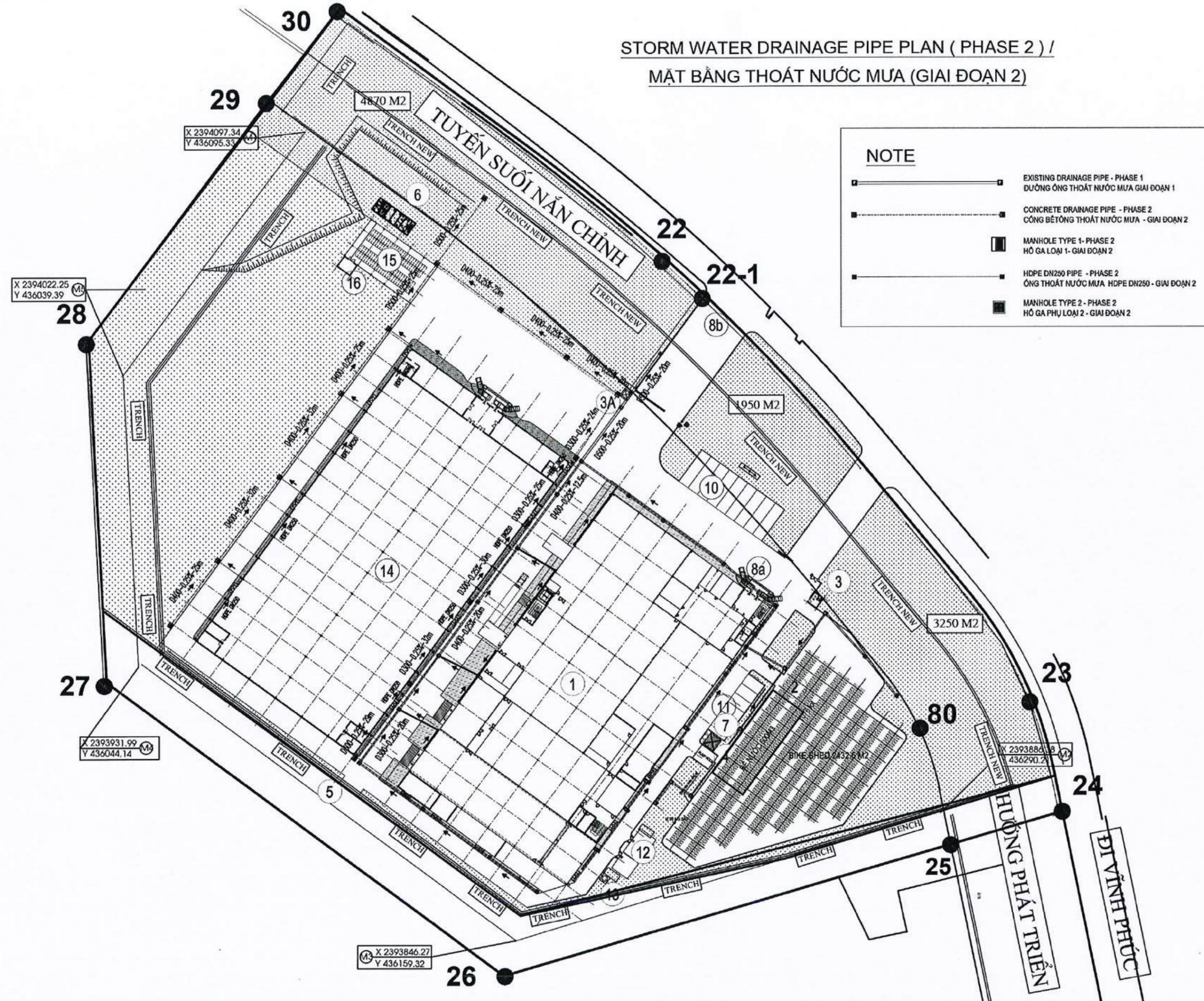
- | | |
|---|---|
| <p>1. MDD Manufacturing Line
1. Dây chuyền sản xuất MDD</p> <p>2. DP, VC, MC Processing Room
2. Phòng xử lý DP, VC, MC</p> <p>3. Manufacturing SUB Line
3. Dây chuyền sản xuất linh kiện phụ</p> <p>4. Manufacturing Office
4. Văn phòng sản xuất</p> | <p>5. BT model production line (4 Line)
5. Dây chuyền sản xuất mẫu BT (4 dây chuyền)</p> <p>6. Passive production line (6 Line)
6. Dây chuyền sản xuất linh kiện: tụ, điện trở (6 dây chuyền)</p> <p>7. Printing Room
7. Phòng in</p> <p>8. Designated area for components in the production
8. Vị trí để linh kiện trong ca sản xuất</p> |
|---|---|

GHI CHÚ/NOTE:	
MỤC ĐÍCH PHÁT HÀNH/ISSUED FOR:	
<input type="checkbox"/> TRÌNH DUYỆT/ FOR APPROVAL <input type="checkbox"/> THAM KHẢO/ FOR REFERENCE <input type="checkbox"/> THI CÔNG/ FOR CONSTRUCTION <input checked="" type="checkbox"/> ĐẦU THẦU/ FOR TENDER	
HOÀN CÔNG/ AS-BUILT	
HIỆU CHỈNH/ REVISION:	
(A)	(E)
(B)	(F)
(C)	(G)
(D)	(H)
CHỦ ĐẦU TƯ:	OWNER:
<p>CÔNG TY TNHH FUTURE OF SOUND VINA FUTURE OF SOUND VINA CO., LTD</p> <p>ĐỊA CHỈ LÒ LÈ, CỤM CÔNG NGHIỆP PHÚC ƯNG, XÃ SƠN DƯƠNG, TỈNH TUYÊN QUANG ADDRESS: LOT E2, PHÚC ƯNG INDUSTRIAL ZONE, SƠN DƯƠNG COMMUNE, TUYÊN QUANG PROVINCE</p>	
TÊN DỰ ÁN:	PROJECT NAME:
<p>NHÀ MÁY SẢN XUẤT, GIA CÔNG THIẾT BỊ NGHE (TẠI NGHE) FUTURE OF SOUND VINA</p> <p>ĐỊA CHỈ LÒ LÈ, CỤM CÔNG NGHIỆP PHÚC ƯNG, XÃ SƠN DƯƠNG, TỈNH TUYÊN QUANG ADDRESS: LOT E2, PHÚC ƯNG INDUSTRIAL ZONE, SƠN DƯƠNG COMMUNE, TUYÊN QUANG PROVINCE</p>	
CÔNG TY THIẾT KẾ:	DESIGN COMPANY:
<p>CÔNG TY TNHH RAFA VIỆT NAM</p> <p>ĐỊA CHỈ: P.02, TẦNG 5, SỐ 15 ĐƯỜNG PHẠM HỒNG, PHƯỜNG CẦU GIẤY, THÀNH PHỐ HÀ NỘI ADDRESS: HOSE, 5TH FLOOR, No.15 PHAM HONG STREET, CAU GIAY WARD, HA NOI CITY</p>	
GIÁM ĐỐC:	DIRECTOR:
KIM JEA BUL	
CHỦ TRƯỞNG:	PROJECT MANAGER:
DƯƠNG HỒNG MINH	
THIẾT KẾ - VẼ:	DESIGN & DRAWN:
DƯƠNG HỒNG MINH	
KIỂM TRA:	CHECKED BY:
PHẠM VĂN ĐỊNH	
BỘ MÔN:	PART:
<p>ARCHITECTURE KIẾN TRÚC</p>	
HẠNG MỤC:	ITEM:
<p>WORKSHOP 02 NHÀ XƯỞNG 02</p>	
TÊN BẢN VẼ:	DRAWING TITLE:
<p>1ST MACHINE FLOOR PLAN MẶT BẰNG BỐ TRÍ MÁY MÓC TẦNG 1</p>	
TỶ LỆ:	SCALE:
SCALE:	1/100
NGÀY PHÁT HÀNH:	DATE:
DATE:	09/2025
SỐ HIỆU:	DRAWING NO.:
DRAWING NO.:	WS-26

INFRASTRUCTURE - HẠ TẦNG
MASTER PLAN - MẶT BẰNG TỔNG THỂ



STORM WATER DRAINAGE PIPE PLAN (PHASE 2) /
MẶT BẰNG THOÁT NƯỚC MƯA (GIAI ĐOẠN 2)

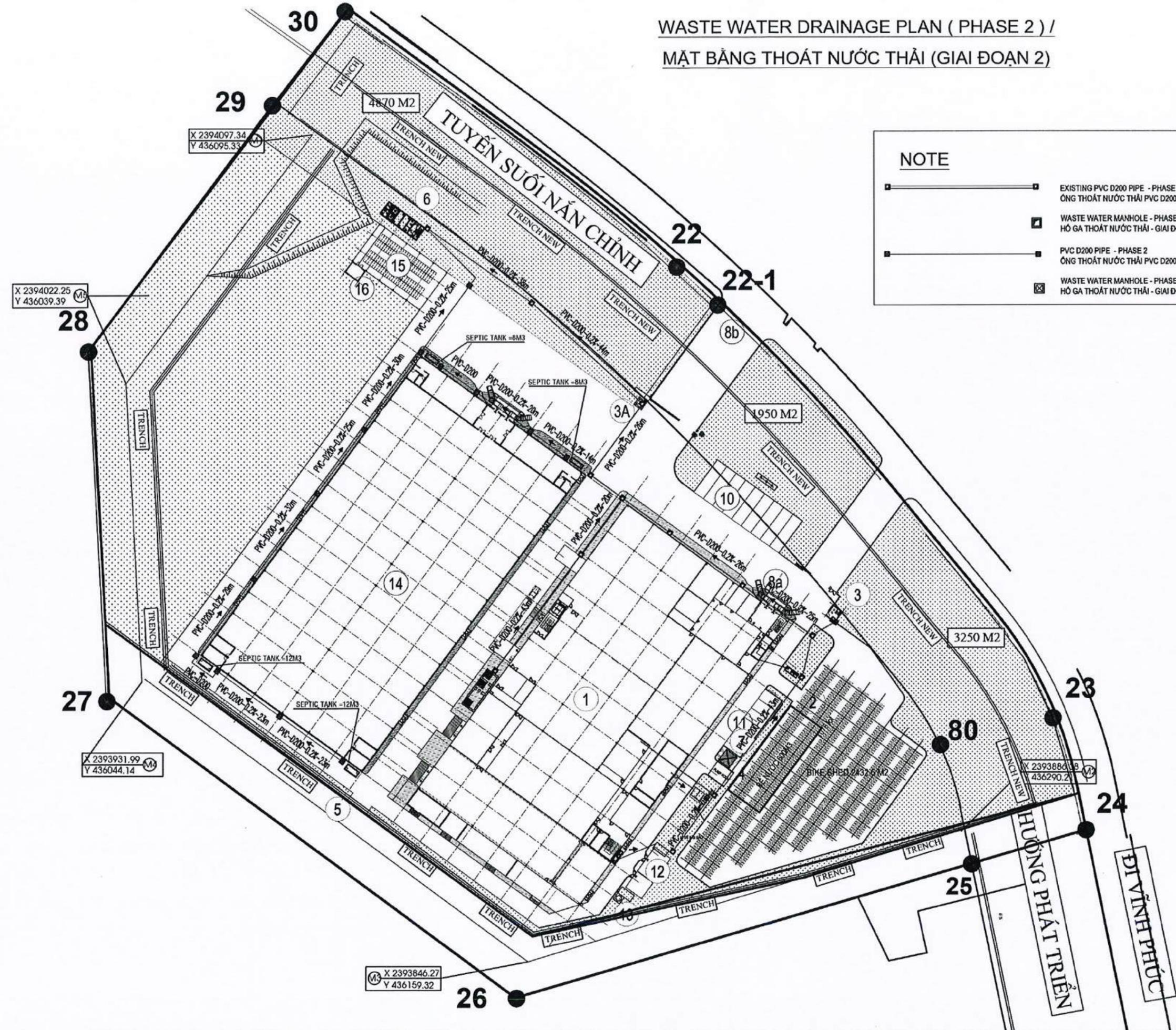


NOTE

- EXISTING DRAINAGE PIPE - PHASE 1
ĐƯỜNG ỐNG THOÁT NƯỚC MƯA GIAI ĐOẠN 1
- CONCRETE DRAINAGE PIPE - PHASE 2
CÔNG BÉ TÔNG THOÁT NƯỚC MƯA - GIAI ĐOẠN 2
- MANHOLE TYPE 1 - PHASE 2
HỒ GA LOẠI 1 - GIAI ĐOẠN 2
- HDPE DN250 PIPE - PHASE 2
ỐNG THOÁT NƯỚC MƯA - HDPE DN250 - GIAI ĐOẠN 2
- MANHOLE TYPE 2 - PHASE 2
HỒ GA PHỤ LOẠI 2 - GIAI ĐOẠN 2

GHI CHÚ/NOTE:	
MỤC ĐÍCH PHÁT HÀNH/ISSUED FOR:	
TRÌNH DUYỆT/ FOR APPROVAL	
THAM KHẢO/ FOR REFERENCE	
THI CÔNG/ FOR CONSTRUCTION	
ĐẦU THẦU/ FOR TENDER	
HOÀN CÔNG/ AS-BUILT	
HIỆU CHỈNH/ REVISION:	
①	②
③	④
⑤	⑥
⑦	⑧
CHỦ ĐẦU TƯ: OWNER:	
CÔNG TY TNHH FUTURE OF SOUND VINA FUTURE OF SOUND VINA CO., LTD ĐIA CHỈ LÔ E2, CỤM CÔNG NGHIỆP PHÚC ƯNG, XÃ SƠN DƯƠNG, TỈNH TUYÊN QUANG ADDRESS: LOT E2, PHU LING INDUSTRIAL ZONE, SON DUONG COMMUNE, TUYEN QUANG PROVINCE	
TÊN DỰ ÁN: PROJECT NAME:	
NHÀ MÁY SẢN XUẤT, GIA CÔNG THIẾT BỊ NGHE (TẠI NGHE) FUTURE OF SOUND VINA ĐIA CHỈ LÔ E2, CỤM CÔNG NGHIỆP PHÚC ƯNG, XÃ SƠN DƯƠNG, TỈNH TUYÊN QUANG ADDRESS: LOT E2, PHU LING INDUSTRIAL ZONE, SON DUONG COMMUNE, TUYEN QUANG PROVINCE	
CÔNG TY THIẾT KẾ: DESIGN COMPANY:	
CÔNG TY TNHH RAFA VIỆT NAM TẦNG 5, SỐ 15 ĐƯỜNG PHẠM HỒNG, PHƯỜNG CẦU GIẤY, THỊ SÀI PHỐ HÀ NỘI ADDRESS: 5/F FLOOR, No. 15 PHAM HONG STREET, CẦU GIẤY WARD, HÀ NỘI CITY	
GIÁM ĐỐC: DIRECTOR:	
KIM JEA BUL	
CHỦ TRÌ TK: PROJECT MANAGER:	
DƯƠNG HỒNG MINH	
THIẾT KẾ - VẼ: DESIGN & DRAWN:	
DƯƠNG HỒNG MINH	
KIỂM TRA: CHECKED BY:	
PHẠM VĂN DỊNH	
BỘ MÔN: PART:	
INFRASTRUCTURE HẠ TẦNG	
HẠNG MỤC: ITEM:	
MASTER PLAN MẶT BẰNG TỔNG THỂ	
TÊN BẢN VẼ: DRAWING TITLE:	
STORM DRAINAGE PLAN MẶT BẰNG THOÁT NƯỚC MƯA	
TỶ LỆ: SCALE:	1/100
NGÀY PHÁT HÀNH: DATE:	09/2025
SỐ HIỆU: DRAWING NO:	IF-02

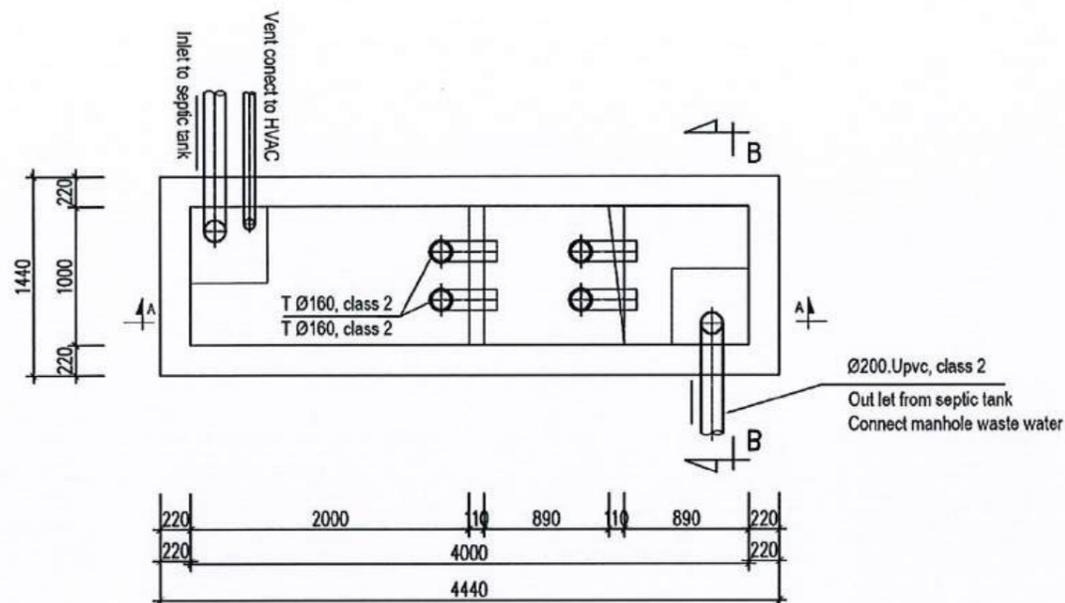
WASTE WATER DRAINAGE PLAN (PHASE 2) /
MẶT BẰNG THOÁT NƯỚC THẢI (GIAI ĐOẠN 2)



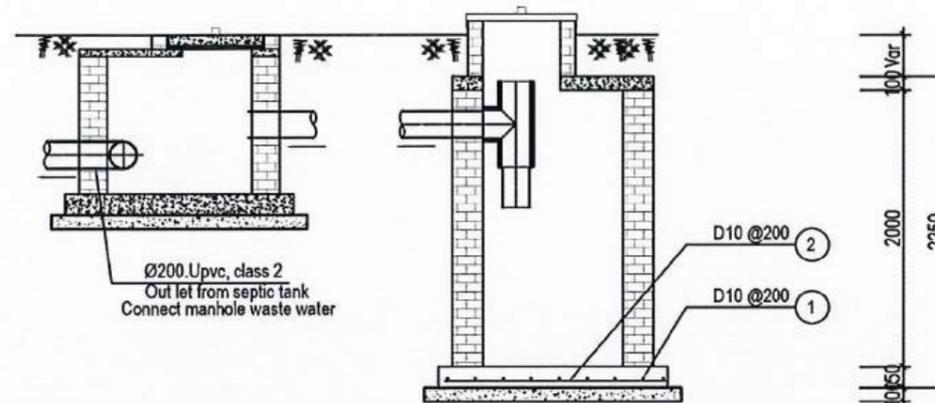
NOTE

- EXISTING PVC D200 PIPE - PHASE 1
ỐNG THOÁT NƯỚC THẢI PVC D200 - GIAI ĐOẠN 1
- WASTE WATER MANHOLE - PHASE 1
HỒ GA THOÁT NƯỚC THẢI - GIAI ĐOẠN 1
- PVC D200 PIPE - PHASE 2
ỐNG THOÁT NƯỚC THẢI PVC D200 - GIAI ĐOẠN 2
- WASTE WATER MANHOLE - PHASE 2
HỒ GA THOÁT NƯỚC THẢI - GIAI ĐOẠN 2

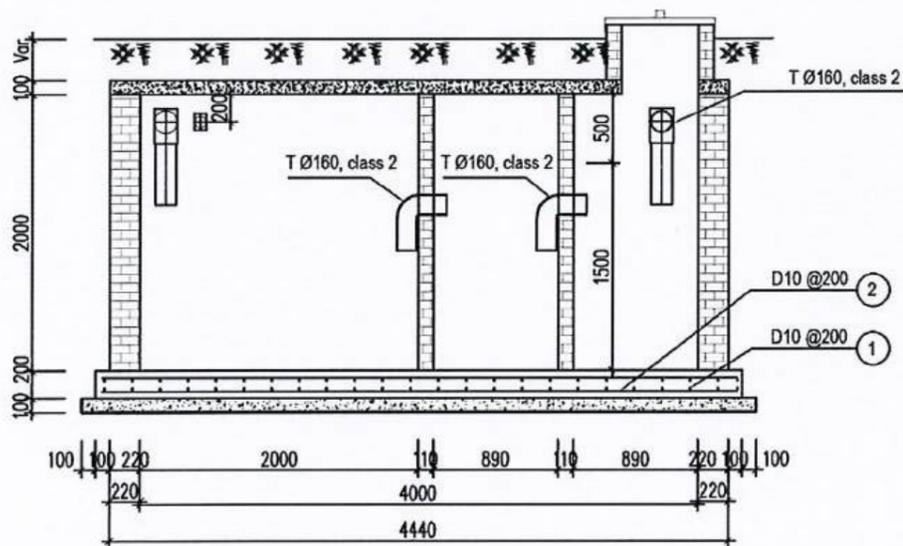
GHI CHÚ/NOTE:	
MỤC ĐÍCH PHÁT HÀNH/ISSUED FOR	
TRÌNH DUYỆT/ FOR APPROVAL	
THAM KHẢO/ FOR REFERENCE	
THI CÔNG/ FOR CONSTRUCTION	
ĐẦU THẦU/ FOR TENDER	
HOÀN CÔNG AS-BUILT	
HIỆU CHỈNH/ REVISION	
①	②
③	④
⑤	⑥
⑦	⑧
⑨	⑩
CHỦ ĐẦU TƯ: OWNER:	
<p>FOS CÔNG TY TNHH FUTURE OF SOUND VINA FUTURE OF SOUND VINA CO., LTD ĐỊA CHỈ LÔ E2, CỤM CÔNG NGHIỆP PHÚC ƯNG, XÃ SƠN DƯƠNG, TỈNH TUYÊN QUANG ADDRESS: LOT E2, PHÚC ƯNG INDUSTRIAL ZONE, SƠN DƯƠNG COMMUNE, TUYÊN QUANG PROVINCE</p>	
TÊN DỰ ÁN: PROJECT NAME:	
NHÀ MÁY SẢN XUẤT, GIA CÔNG THIẾT BỊ NGHE (TẠI NGHỆ) FUTURE OF SOUND VINA	
ĐỊA CHỈ LÔ E2, CỤM CÔNG NGHIỆP PHÚC ƯNG, XÃ SƠN DƯƠNG, TỈNH TUYÊN QUANG ADDRESS: LOT E2, PHÚC ƯNG INDUSTRIAL ZONE, SƠN DƯƠNG COMMUNE, TUYÊN QUANG PROVINCE	
CÔNG TY THIẾT KẾ: DESIGN COMPANY:	
<p>RAFA CÔNG TY TNHH RAFA VIỆT NAM ĐỊA CHỈ: P.02, TẦNG 6, SỐ 15 ĐƯỜNG PHAN HÙNG, PHƯỜNG CẦU GIẤY, THỊNH PHỐ HÀ NỘI ADDRESS: R02, 6TH FLOOR, No 15 PHAM HUNG STREET, CAU GIAY WARD, HA NOI CITY</p>	
GIÁM ĐỐC: DIRECTOR:	
KIM JEA BUL	PROJECT MANAGER:
CHỦ TRÌ TK:	
DUONG HONG MINH	DESIGN & DRAWN:
THIẾT KẾ - VẼ:	
DUONG HONG MINH	CHECKED BY:
KIỂM TRA:	
PHẠM VĂN ĐÌNH	
BỘ MÔN: PART:	INFRASTRUCTURE HẠ TẦNG
HẠNG MỤC: ITEM:	MASTER PLAN MẶT BẰNG TỔNG THỂ
TÊN BẢN VẼ: DRAWING TITLE:	WASTE WATER DRAINAGE PLAN MB THOÁT NƯỚC THẢI
TỶ LỆ: SCALE:	1/100
NGÀY PHÁT HÀNH: DATE:	09/2025
SỐ HIỆU: DRAWING NO.:	IF-07



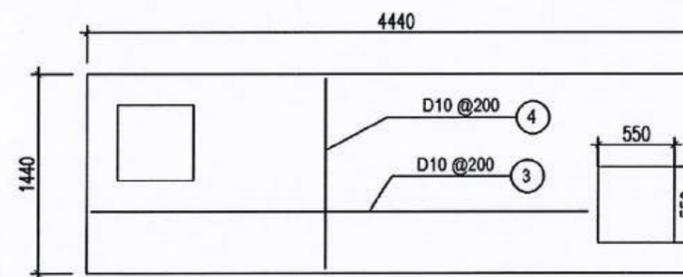
PLAN



SECTION B-B

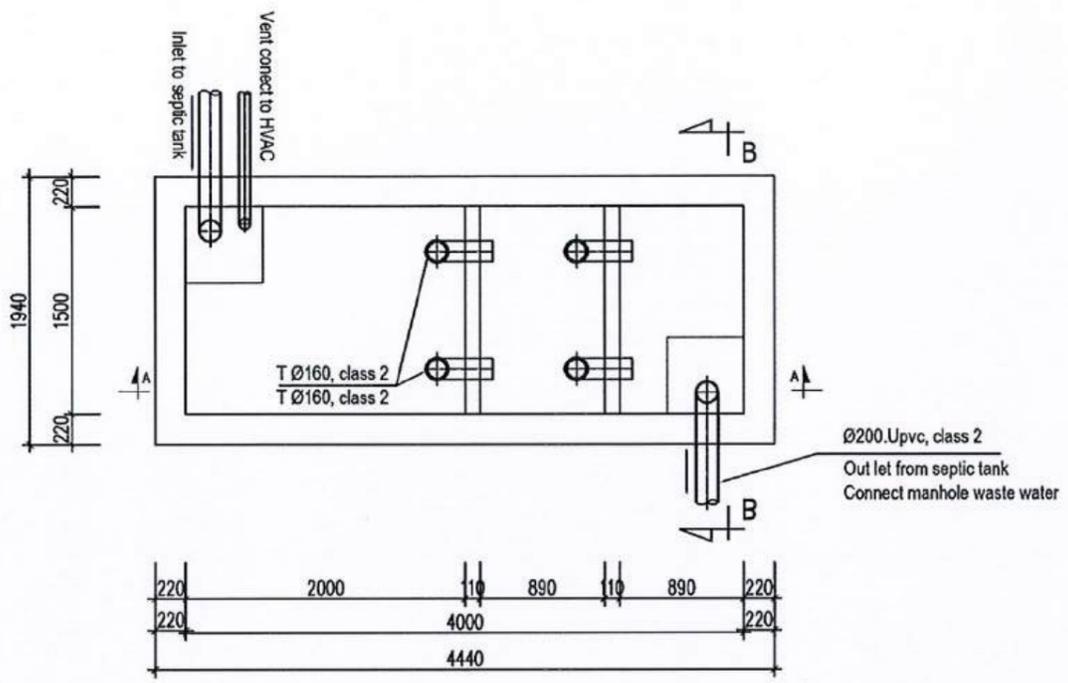


SECTION A-A

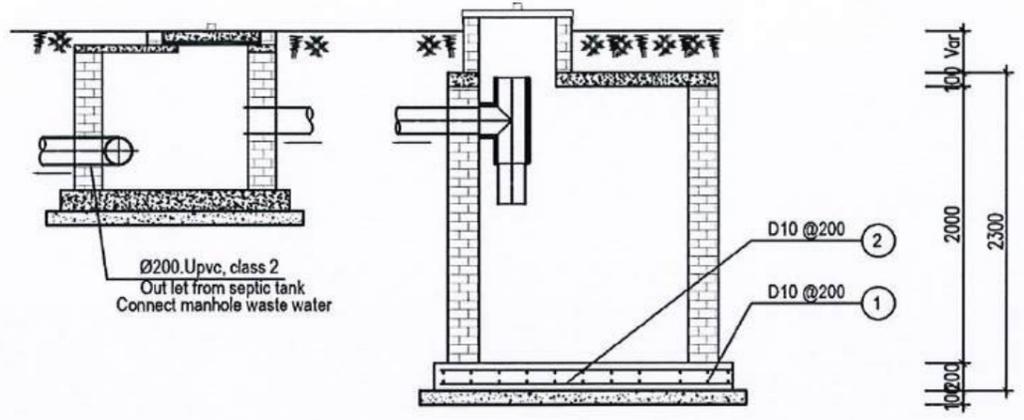


REBAR FOR TOP SLAB

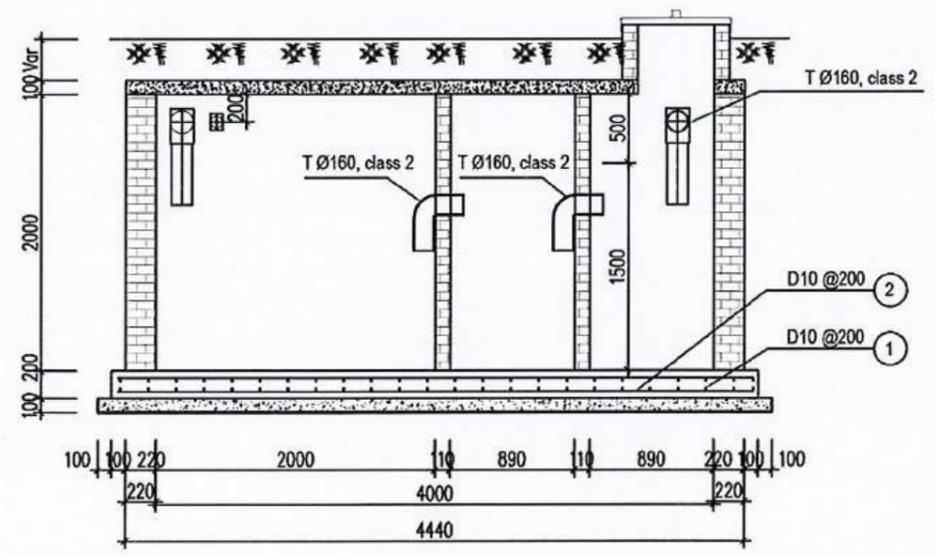
GHI CHÚ/NOTE:	
MỤC ĐÍCH PHÁT HÀNH/ISSUED FOR	
TRÌNH DUYỆT/ FOR APPROVAL	
THAM KHẢO/ FOR REFERENCE	
THI CÔNG/ FOR CONSTRUCTION	
ĐẦU THẦU/ FOR TENDER	
HOÀN CÔNG/ AS-BUILT	
HIỆU CHỈNH/ REVISION	
①	⑤
②	⑥
③	⑦
④	⑧
CHỦ ĐẦU TƯ:	OWNER:
<p>CÔNG TY TNHH FUTURE OF SOUND VINA FUTURE OF SOUND VINA CO., LTD ĐỊA CHỈ: LÔ E2, CỤM CÔNG NGHIỆP PHÚC ƯNG, XÃ SƠN DƯƠNG, TỈNH TUYÊN QUANG ADDRESS: LOT E2, PHÚC ƯNG INDUSTRIAL ZONE, SƠN DƯƠNG COMMUNE, TUYÊN QUANG PROVINCE</p>	
TÊN DỰ ÁN:	PROJECT NAME:
<p>NHÀ MÁY SẢN XUẤT, GIA CÔNG THIẾT BỊ NGHE (TẠI NGHE) FUTURE OF SOUND VINA</p> <p>ĐỊA CHỈ: LÔ E2, CỤM CÔNG NGHIỆP PHÚC ƯNG, XÃ SƠN DƯƠNG, TỈNH TUYÊN QUANG ADDRESS: LOT E2, PHÚC ƯNG INDUSTRIAL ZONE, SƠN DƯƠNG COMMUNE, TUYÊN QUANG PROVINCE</p>	
CÔNG TY THIẾT KẾ:	DESIGN COMPANY:
<p>CÔNG TY TNHH RAFA VIỆT NAM Raza Vietnam Co., Ltd. The Success of the Business partners ĐỊA CHỈ: PHÒNG TẦNG 5, SỐ 15 ĐƯỜNG PHẠM HỒNG, P. CẦU GIẤY, TH. HÀ NỘI ADDRESS: ROOM 5TH FLOOR, NO.15 PHAM HONG STREET, CAU GIAY WARD, HA NOI CITY</p>	
GIÁM ĐỐC:	DIRECTOR:
KIM JEA BUL	PROJECT MANAGER:
DUONG HONG MINH	DESIGN & DRAWN:
DUONG HONG MINH	CHECKED BY:
PHAM VAN BINH	
BỘ MÔN:	PART:
<p>INFRASTRUCTURE HẠ TẦNG</p>	
HẠNG MỤC:	ITEM:
<p>MASTER PLAN MẶT BẰNG TỔNG THỂ</p>	
TÊN BẢN VẼ:	DRAWING TITLE:
<p>SEPTIC TANK - 8M3 BỂ PHỐT - 8M3</p>	
TỶ LỆ:	SCALE:
SCALE:	1/100
NGÀY PHÁT HÀNH:	DATE:
DATE:	09/2025
SỐ HIỆU:	DRAWING NO.:
DRAWING NO.:	IF-08



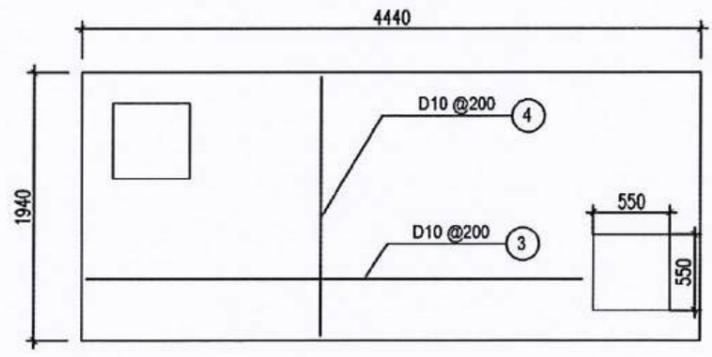
PLAN



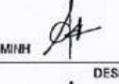
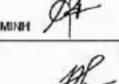
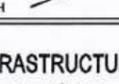
SECTION B-B



SECTION A-A



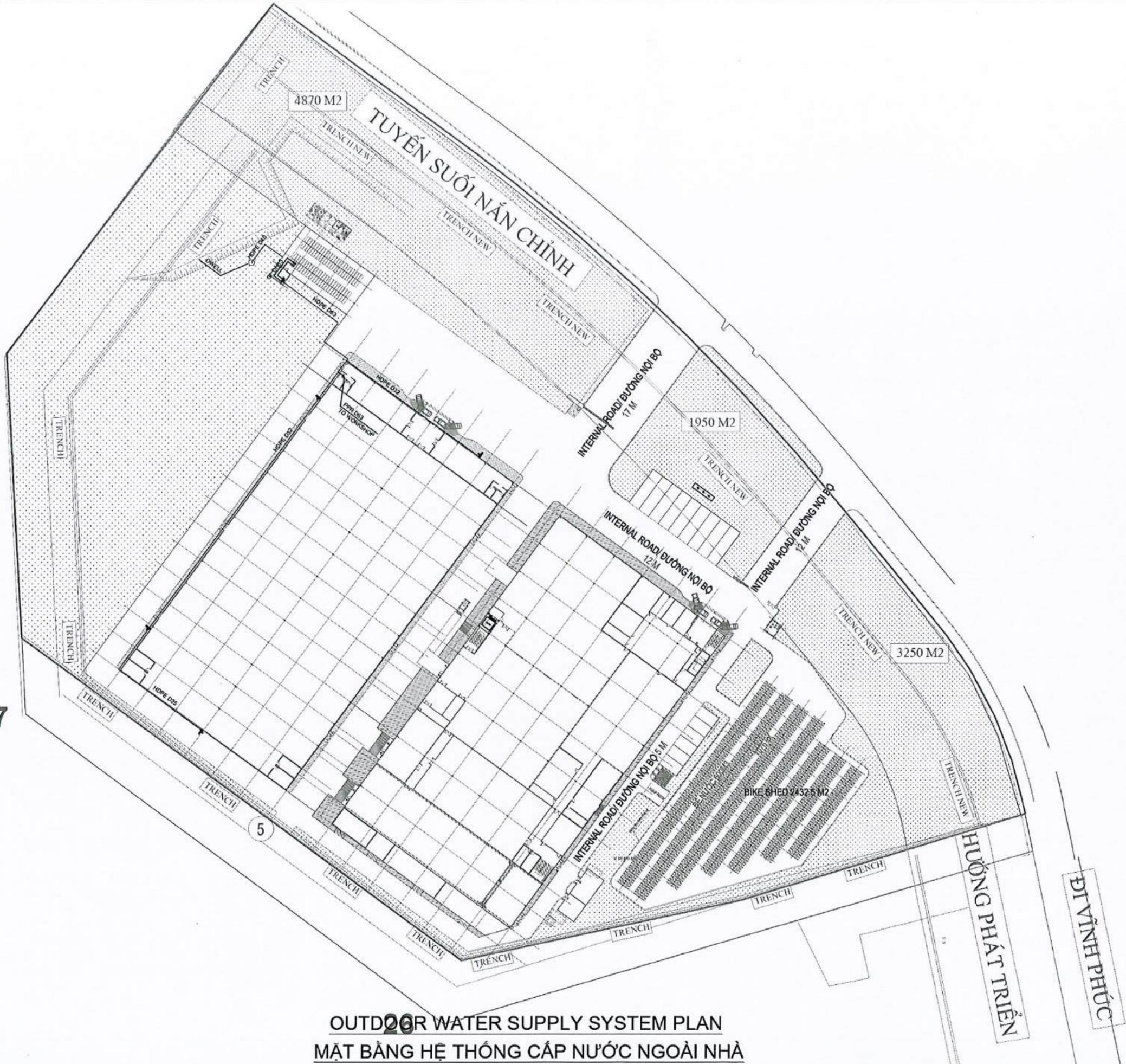
REBAR FOR TOP SLAB

GHI CHÚ/ NOTE:	
MỤC ĐÍCH PHÁT HÀNH/ ISSUED FOR:	
TRÌNH DUYỆT/ FOR APPROVAL	
THAM KHẢO/ FOR REFERENCE	
THI CÔNG/ FOR CONSTRUCTION	
ĐẦU THẦU/ FOR TENDER	
HOÀN CÔNG/ AS-BUILT	
HIỆU CHỈNH/ REVISION:	
①	②
③	④
⑤	⑥
⑦	⑧
⑨	⑩
CHỦ ĐẦU TƯ: OWNER:	
 CÔNG TY TNHH FUTURE OF SOUND VINA FUTURE OF SOUND VINA CO., LTD ĐỊA CHỈ LỘ 12, CỤM CÔNG NGHIỆP PHÚC ƯNG, XÃ SƠN DƯƠNG, TỈNH TUYÊN QUANG ADDRESS: LOT 12, PHÚC ƯNG INDUSTRIAL ZONE, SƠN DƯƠNG COMMUNE, TUYÊN QUANG PROVINCE	
TÊN DỰ ÁN: PROJECT NAME:	
NHÀ MÁY SẢN XUẤT, GIA CÔNG THIẾT BỊ NGHE (TẠI NGHE) FUTURE OF SOUND VINA	
ĐỊA CHỈ LỘ 12, CỤM CÔNG NGHIỆP PHÚC ƯNG, XÃ SƠN DƯƠNG, TỈNH TUYÊN QUANG ADDRESS: LOT 12, PHÚC ƯNG INDUSTRIAL ZONE, SƠN DƯƠNG COMMUNE, TUYÊN QUANG PROVINCE	
CÔNG TY THIẾT KẾ: DESIGN COMPANY:	
 CÔNG TY TNHH RAFA VIỆT NAM ĐỊA CHỈ: PHÒNG 6, SỐ 15 ĐƯỜNG PHẠM HỒNG PHƯỜNG CẦU GIẤY, THÀNH PHỐ HÀ NỘI ADDRESS: ROOM 6, 15 PHAM HONG STREET, CẦU GIẤY WARD, HÀ NỘI CITY, VIỆT NAM	
GIÁM ĐỐC: DIRECTOR:	
KIM JEA BUL	
CHỦ TRÌ TK: PROJECT MANAGER:	
DƯƠNG HỒNG MINH	
THIẾT KẾ - VẼ: DESIGN & DRAWN:	
DƯƠNG HỒNG MINH	
KIỂM TRA: CHECKED BY:	
PHẠM VĂN ĐỊNH	
BỘ MÔN: PART:	
INFRASTRUCTURE HẠ TẦNG	
HẠNG MỤC: ITEM:	
MASTER PLAN MẶT BẰNG TỔNG THỂ	
TÊN BẢN VẼ: DRAWING TITLE:	
SEPTIC TANK - 12M3 BỂ PHỐT - 12M3	
TỶ LỆ: SCALE:	1/100
NGÀY PHÁT HÀNH: DATE:	09/2025
SỐ HIỆU: DRAWING NO.:	IF-09

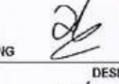
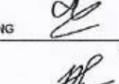
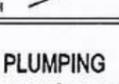
PLUMPING / CẤP THOÁT NƯỚC WORKSHOP / NHÀ XƯỞNG

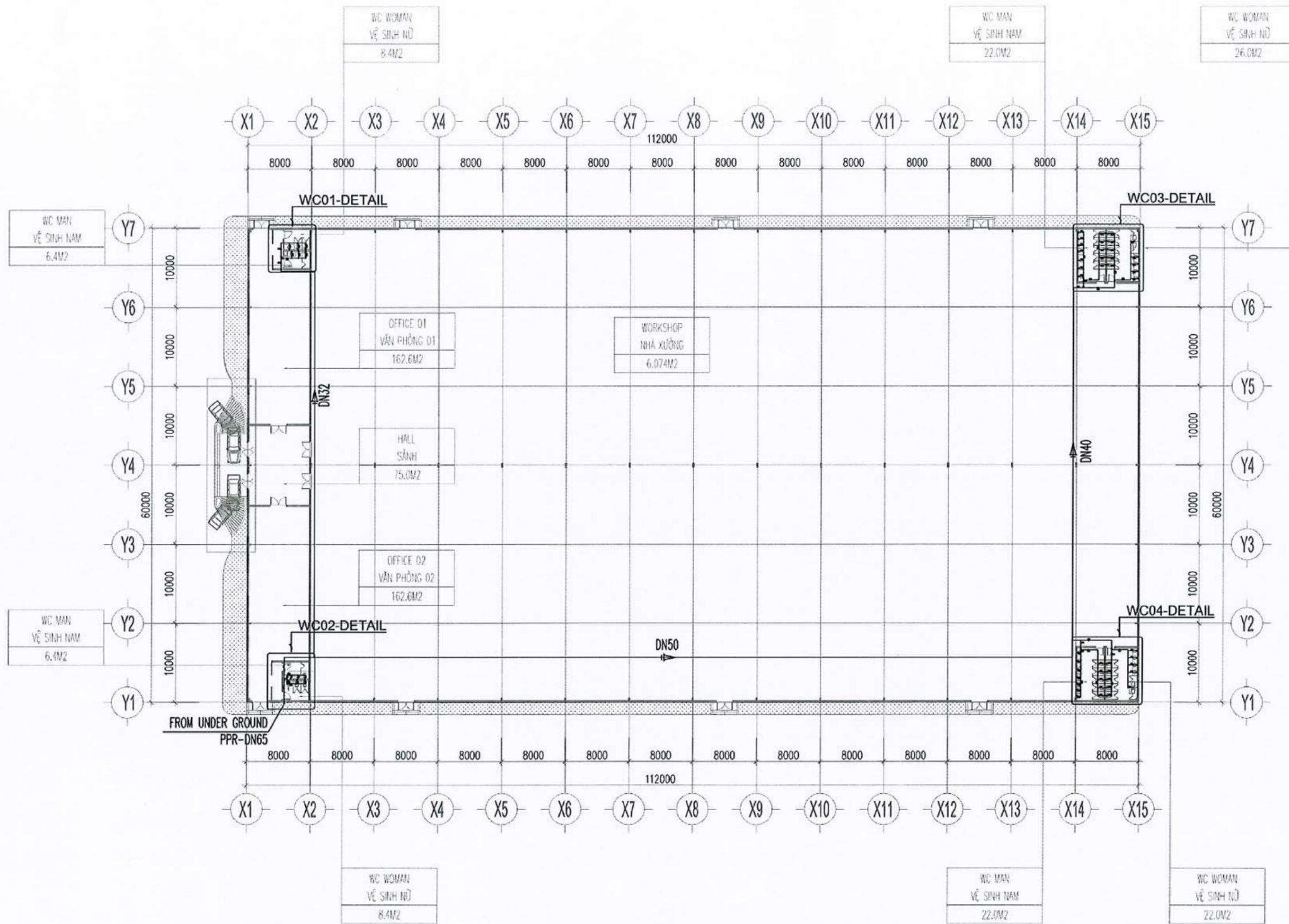


27



OUTDOOR WATER SUPPLY SYSTEM PLAN
MẶT BẰNG HỆ THỐNG CẤP NƯỚC NGOÀI NHÀ

GHI CHÚ/ NOTE:	
MỤC ĐÍCH PHÁT HÀNH/ ISSUED FOR:	
<input checked="" type="checkbox"/> TRÌNH DUYỆT/ FOR APPROVAL <input type="checkbox"/> THAM KHẢO/ FOR REFERENCE <input type="checkbox"/> THI CÔNG/ FOR CONSTRUCTION <input checked="" type="checkbox"/> ĐẤU THẦU/ FOR TENDER <input type="checkbox"/> HOÀN CÔNG/ AS-BUILT	
HIỆU CHỈNH/ REVISION:	
④	⑤
③	⑥
②	⑦
①	⑧
CHỦ ĐẦU TƯ: OWNER:	
 CÔNG TY TNHH FUTURE OF SOUND VINA FUTURE OF SOUND VINA CO., LTD. ĐỊA CHỈ: LÔ E2, CỤM CÔNG NGHIỆP PHÚC ƯNG, XÃ PHÚC ƯNG, HUYỆN SƠN DƯƠNG, TỈNH TUYÊN QUANG ADD: PLOT E2, PHUC UNG INDUSTRIAL ZONE, PHUC UNG WARD, SON DUONG DISTRICT, TUYEN QUANG PROVINCE	
TÊN DỰ ÁN: PROJECT NAME:	
NHÀ MÁY FUTURE OF SOUND VINA GD 2 FUTURE OF SOUND VINA FACTORY PHASE 2	
ĐỊA CHỈ: LÔ E2, CỤM CÔNG NGHIỆP PHÚC ƯNG, XÃ PHÚC ƯNG, HUYỆN SƠN DƯƠNG, TỈNH TUYÊN QUANG ADD: PLOT E2, PHUC UNG INDUSTRIAL ZONE, PHUC UNG WARD, SON DUONG DISTRICT, TUYEN QUANG PROVINCE	
CÔNG TY THIẾT KẾ: DESIGN COMPANY:	
 CÔNG TY TNHH RAFA VIỆT NAM ĐỊA CHỈ: PLOT 2, TẦNG 5, SỐ 15 PHẠM HÙNG, PHƯỜNG LUY ĐÌNH L, QUẬN NAM TỪ LIÊM, HÀ NỘI ADD: 5/F, No. 15 PHAM HUNG, AN THINH II WARD, NAM TU LIEM DISTRICT, HÀ NỘI	
GIÁM ĐỐC: DIRECTOR:	
KIM JEA BUL	
CHỦ TRÌ TK: PROJECT MANAGER:	
TRẦN MINH ĐỒNG	
THIẾT KẾ - VẼ: DESIGN & DRAWN:	
TRẦN MINH ĐỒNG	
KIỂM TRA: CHECKED BY:	
PHẠM VĂN ĐỊNH	
BỘ MÔN: PART:	
PLUMPING	
CẤP THOÁT NƯỚC	
HẠNG MỤC: ITEM:	
MASTER PLAN	
MẶT BẰNG TỔNG THỂ	
TÊN BẢN VẼ: DRAWING TITLE:	
OUTDOOR WATER SUPPLY SYSTEM PLAN	
MẶT BẰNG HỆ THỐNG CẤP NƯỚC NGOÀI NHÀ	
TỶ LỆ: SCALE:	1/100
NGÀY PHÁT HÀNH: DATE:	05/2025
SỐ HIỆU: DRAWING NO.:	WS-02



WATER SUPPLY SYSTEM- WORKSHOP
MẶT BẰNG HỆ THỐNG CẤP NƯỚC- NHÀ XƯỞNG

GHI CHÚ NOTE:																	
MỤC ĐÍCH PHÁT HÀNH/ISSUED FOR:																	
<input checked="" type="checkbox"/> TRÌNH DUYỆT/ FOR APPROVAL <input type="checkbox"/> THAM KHẢO/ FOR REFERENCE <input type="checkbox"/> THI CÔNG/ FOR CONSTRUCTION <input checked="" type="checkbox"/> ĐẤU THẦU/ FOR TENDER <input type="checkbox"/> HOÀN CÔNG/ AS-BUILT																	
HIỆU CHỈNH/ REVISION:																	
<table border="1"> <tr><td>Ⓐ</td><td>Ⓔ</td></tr> <tr><td>Ⓑ</td><td>Ⓕ</td></tr> <tr><td>Ⓒ</td><td>Ⓖ</td></tr> <tr><td>Ⓓ</td><td>Ⓖ</td></tr> </table>	Ⓐ	Ⓔ	Ⓑ	Ⓕ	Ⓒ	Ⓖ	Ⓓ	Ⓖ	<table border="1"> <tr><td>Ⓔ</td><td>Ⓔ</td></tr> <tr><td>Ⓕ</td><td>Ⓕ</td></tr> <tr><td>Ⓖ</td><td>Ⓖ</td></tr> <tr><td>Ⓖ</td><td>Ⓖ</td></tr> </table>	Ⓔ	Ⓔ	Ⓕ	Ⓕ	Ⓖ	Ⓖ	Ⓖ	Ⓖ
Ⓐ	Ⓔ																
Ⓑ	Ⓕ																
Ⓒ	Ⓖ																
Ⓓ	Ⓖ																
Ⓔ	Ⓔ																
Ⓕ	Ⓕ																
Ⓖ	Ⓖ																
Ⓖ	Ⓖ																
CHỦ ĐẦU TƯ:	OWNER:																
 CÔNG TY TNHH FUTURE OF SOUND VINA FUTURE OF SOUND VINA CO., LTD.																	
ĐỊA CHỈ: LÔ 02, CỤM CÔNG NGHIỆP PHƯỚC ƯNG, XÃ PHƯỚC ƯNG, HUYỆN SƠN DƯƠNG, TỈNH TUYÊN QUANG. ADD: PLOT 02, PHUOC UNG INDUSTRIAL ZONE, PHUOC UNG WARD, SON DUONG DISTRICT, TUYEN QUANG PROVINCE																	
TÊN DỰ ÁN:	PROJECT NAME:																
NHÀ MÁY FUTURE OF SOUND VINA GD 2 FUTURE OF SOUND VINA FACTORY PHASE 2																	
ĐỊA CHỈ: LÔ 02, CỤM CÔNG NGHIỆP PHƯỚC ƯNG, XÃ PHƯỚC ƯNG, HUYỆN SƠN DƯƠNG, TỈNH TUYÊN QUANG. ADD: PLOT 02, PHUOC UNG INDUSTRIAL ZONE, PHUOC UNG WARD, SON DUONG DISTRICT, TUYEN QUANG PROVINCE																	
CÔNG TY THIẾT KẾ:	DESIGN COMPANY:																
 CÔNG TY TNHH RAFA VIỆT NAM RAFA VIỆT NAM																	
ĐỊA CHỈ: 05/22, TỈNH Đ. 05, 15 PHẠM HỒNG, PHƯỜNG MỸ DÌNH II, QUẬN NAM TỪ LIÊM, HÀ NỘI. ADD: 05/22, SF, No. 15 PHAM HONG, MY DINH WARD, NAM TU LIEM DISTRICT, HA NOI																	
GIÁM ĐỐC TIẾM TỎ:	DIRECTOR:																
 KIM JEA BUL																	
CHỦ TRÌ TK:	PROJECT MANAGER:																
 TRẦN MINH DŨNG																	
THIẾT KẾ - VẼ:	DESIGN & DRAWN:																
 TRẦN MINH DŨNG																	
KIỂM TRA:	CHECKED BY:																
 PHẠM VĂN ĐỊNH																	
BỘ MÔN:	PART:																
PLUMBING CẤP THOÁT NƯỚC																	
HẠNG MỤC:	ITEM:																
WORKSHOP NHÀ XƯỞNG																	
TÊN BẢN VẼ:	DRAWING TITLE:																
WATER SUPPLY SYSTEM- WORKSHOP MẶT BẰNG HỆ THỐNG CẤP NƯỚC- NHÀ XƯỞNG																	
TỶ LỆ:	SCALE:																
SCALE:	1/100																
NGÀY PHÁT HÀNH:	DATE:																
DATE:	05/2025																
SỐ HIỆU:	DRAWING NO.:																
DRAWING NO.:	WS-03																

HẠNG MỤC : HỆ THỐNG XỬ LÝ KHÍ THẢI
HỆ THỐNG XỬ LÝ KHÍ THẢI

PHẦN CÔNG NGHỆ 工藝部分

SỬA ĐỔI/修改		
LẦN 次	NGÀY 日期	XÁC NHẬN 確認
1		
2		
3		
4		

GHI CHÚ/備註

TÊN BẢN VẼ - 圖紙名稱
DANH MỤC BẢN VẼ
圖紙清單

CÔNG TRÌNH - 工程
NHÀ MÁY FUTURE OF SOUND VINA
FUTURE OF SOUND VINA FACTORY

HẠNG MỤC - 項目
HỆ THỐNG XỬ LÝ KHÍ THẢI



ĐỊA ĐIỂM CÔNG TRÌNH - 地點:
Lô E2, Cụm công nghiệp phúc ứng, Xã Phúc
Ứng, Huyện Sơn Dương, Tỉnh Tuyên Quang



QUẢN LÝ DỰ ÁN
經理

KS. LÊ TIẾN DŨNG
GIÁM ĐỐC DỰ ÁN
項目經理

KS. ĐỒNG ANH THỊNH
THIẾT KẾ
設計

KS. ĐỖ THANH TÙNG
THỂ HIỆN
繪製

KS. ĐỖ THANH TÙNG
QUẢN LÝ KỸ THUẬT
技術經理

KS. ĐỖ THANH TÙNG

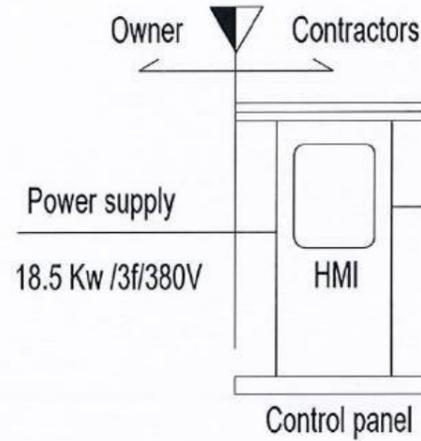
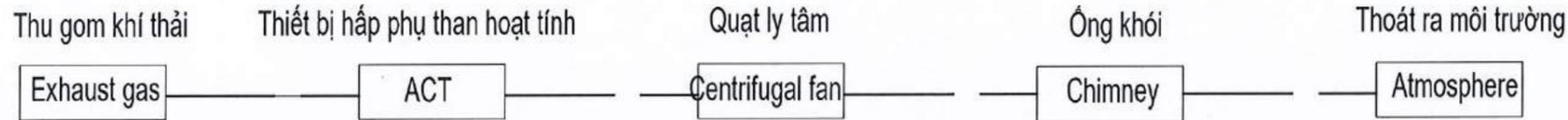
GIAI ĐOẠN/階段: BẢN VẼ HOÀN CÔNG

NGÀY THỰC HIỆN - 日期:
圖紙比例: A3
KÝ HIỆU/符號: CN-001

DANH MỤC BẢN VẼ / 圖紙清單

STT/序號	MÃ BẢN VẼ/象徵	TÊN BẢN VẼ	圖紙名稱	KHỔ GIẤY/紙張規格
0	0	BÌA	封面	A3
1	00	PHẦN CÔNG NGHỆ	工藝部分	A3
2	CN-001	DANH MỤC BẢN VẼ	圖紙清單	A3
3	CN-002	SƠ ĐỒ CÔNG NGHỆ HỆ THỐNG XỬ LÝ KHÍ THẢI	廢氣處理系統工藝流程圖	A3
4	CN-003	MẶT BẰNG ĐỊNH VỊ HỆ THỐNG XỬ LÝ KHÍ THẢI	廢氣處理系統定平面圖	A3
5	CN-004	MẶT BẰNG HỆ THỐNG THU KHÍ TẦNG 1	一層廢氣收集系統平面圖	A3
5	CN-005	MẶT BẰNG HỆ THỐNG THU KHÍ TẦNG 2	二層廢氣收集系統平面圖	A3
6	CN-006	CHI TIẾT HỆ THỐNG XỬ LÝ KHÍ THẢI	廢氣處理系統細節圖	A3
6	CN-007	CHI TIẾT HỆ THỐNG XỬ LÝ KHÍ THẢI KHU VỰC HÀN VÀ CHẤM KEO	焊接及點膠區域廢氣處理系統詳圖	A3

SƠ ĐỒ CÔNG NGHỆ HỆ THỐNG XỬ LÝ KHÍ THẢI EXHAUST GAS TREATMENT SYSTEM DIAGRAM



Khí thải từ nhà xưởng

Q	10.000CMH
T	< 45°C
EXHAUST GAS	

**Thiết bị hấp phụ sử dụng than hoạt tính
Active carbon tower**
 Vật liệu : SS400/ Q235 bọc phủ sơn chống rỉ
 Vận tốc khí thải qua lớp than: $v < 0.5\text{m/s}$
 Chỉ số Iodine : Tối thiểu 800mg/g/
 Khả năng hấp phụ cacbon tetrachlorua CTC: $\geq 70\%$

**Quạt ly tâm
Centrifugal fan**

Lưu lượng : 10.000 C MH
 Áp suất : 2500-2700Pa
 Tốc độ quạt điều chỉnh tự động theo nhu cầu xả khí thải của khu vực sản xuất

Q	10.000CMh
T	< 40°C
Clean gas	

TO ATMOSPHERE

**Ống khói
排气筒**
 烟囱: D550mm
 材质: 镀锌钢
 爬梯、检修平台、安全栏杆、爬梯护笼、接地、防雷、检测口
 所有规划需符合当地法规要求, 附录 5 10号文: 2024/BTNMT
 Ống khói D550mm
 Vật chất: Thép mạ kẽm
 Thang leo, bộ bảo trì, lan can an toàn, lồng thang, sập đất chống sét, lỗ quan trắc
 Tất cả phải tuân thủ các quy định của địa phương, Phụ lục 5 Thông tư 10/2025/BTNMT.

	(Quạt ly tâm)		(Chỉ số pH và bộ điều khiển)
	(Biến tần)		(Chuyển đổi cấp độ)
	(Van phao kiểm soát mực nước trong bể)		(Kính ngắm thước đo mức)
	(Van kiểm tra)		(Đồng hồ đo áp suất, chỉ báo)
	(Van bi)		(Đồng hồ đo áp suất và bộ điều khiển)
	(Điện cực pH)		(Chỉ báo áp suất chênh lệch)
	(Cống thoát nước)		(Bơm tuần hoàn ly tâm)
	(Kết nối mềm chống sóc)		(Bơm định lượng)

- (Đường ống gió)
- - - - - (Đường dây điều khiển)
- (Đường ống nước tuần hoàn)
- (Đường ống thoát nước)
- (Đường ống thoát nước)

SỬA ĐỔI/修改		
LẦN 次	NGÀY 日期	XÁC NHẬN 確認
1		
2		
3		
4		
GHI CHÚ/備注		
TÊN BẢN VẼ - 圖紙名稱 SƠ ĐỒ CÔNG NGHỆ HỆ THỐNG XỬ LÝ KHÍ THẢI 废气处理系统工艺流程图		
CÔNG TRÌNH - 工程 NHÀ MÁY FUTURE OF SOUND VINA FUTURE OF SOUND VINA FACTORY		
HẠNG MỤC - 項目 HỆ THỐNG XỬ LÝ KHÍ THẢI		
CHỦ ĐẦU TƯ - 发包方 CÔNG TY TNHH FUTURE OF SOUND VINA FUTURE OF SOUND VINA CO., LTD SOUND VINA		
ĐỊA ĐIỂM CÔNG TRÌNH - 地點 Lô E2, Cụm công nghiệp phúc ứng, Xã Phúc Ứng, Huyện Sơn Dương, Tỉnh Tuyên Quang		
NHÀ THẦU - 承包人: CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ GIẢI PHÁP KỸ THUẬT I-GREEN I-GREEN 明泰工程盛有限公司 450 NGUYỄN VĂN CƯỜNG TRUNG ƯƠNG, QUẢNG BÌNH KHÁNH THANH HÓA, VIỆT NAM TRƯỞNG QUẢN LÝ DỰ ÁN: Email:		
GIẤM ĐỐC 經理		
KS. LÊ TIẾN DŨNG GIÁM ĐỐC DỰ ÁN 項目經理		
KS. ĐÔNG ANH THỊNH THIẾT KẾ 設計		
KS. ĐỖ THANH TÙNG THỰC HIỆN 繪製		
KS. ĐỖ THANH TÙNG QUẢN LÝ KỸ THUẬT 技術經理		
KS. ĐỖ THANH TÙNG		
GIAI ĐOẠN/階段: BẢN VẼ HOÀN CÔNG		
NGÀY THỰC HIỆN - 日期:		
圖紙比例:		A3
KÝ HIỆU 符號: CN-002		

MẶT BẰNG ĐỊNH VỊ HỆ THỐNG XỬ LÝ KHÍ THẢI/废气处理系统定平面图

1 : 400



HỆ THỐNG XỬ LÝ KHÍ THẢI
MÁY ĐÚC ÉP NHỰA
10.000 M³/H

HỆ THỐNG XỬ LÝ KHÍ THẢI
CÔNG ĐOẠN HÀN
22.000 M³/H

HỆ THỐNG XỬ LÝ KHÍ THẢI
CÔNG ĐOẠN CHẤM KEO
22.000 M³/H

SỬA ĐỔI/修改		
LẦN 次	NGÀY 日期	XÁC NHẬN 確認
1		
2		
3		
4		

GHI CHÚ/備註

TÊN BẢN VẼ - 圖紙名稱
MẶT BẰNG ĐỊNH VỊ HỆ THỐNG XỬ LÝ KHÍ THẢI
废气处理系统定平面图

CÔNG TRÌNH - 工程
NHÀ MÁY FUTURE OF SOUND VINA
FUTURE OF SOUND VINA FACTORY

HẠNG MỤC - 項目
HỆ THỐNG XỬ LÝ KHÍ THẢI

CHỦ ĐẦU TƯ (客戶)

 CÔNG TY TNHH FUTURE OF SOUND VINA
 FUTURE OF SOUND VINA CO., LTD
 SOUND VINA
 SƠN DƯƠNG - TUYÊN QUANG

ĐỊA ĐIỂM CÔNG TRÌNH - 地址:
Lô E2, Cụm công nghiệp phúc ứng, Xã Phúc Ứng, Huyện Sơn Dương, Tỉnh Tuyên Quang

NHÀ THẦU (承辦人):

 CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ GIẢI PHÁP KỸ THUẬT I-GREEN
 I-GREEN 商業工程建築有限公司
 45/0 NGUYỄN SỨ CƯỜNG KHUANG THÁI QUANG, KHUANG DINH KHUANG THÁI QUANG, KHUANG DINH KHUANG THÁI QUANG
 45/0 NGUYỄN SỨ CƯỜNG KHUANG THÁI QUANG, KHUANG DINH KHUANG THÁI QUANG, KHUANG DINH KHUANG THÁI QUANG
 Email: design@igreen.vn

GIÁM ĐỐC
經理

KS. LÊ TIẾN DŨNG
GIÁM ĐỐC DỰ ÁN
項目經理

KS. ĐỒNG ANH THỊNH
THIẾT KẾ
設計

KS. ĐỖ THANH TÙNG
THỂ HIỆN
繪製

KS. ĐỖ THANH TÙNG
QUẢN LÝ KỸ THUẬT
技術經理

GIẢI ĐOẠN 階段: BẢN VẼ HOÀN CÔNG

NGÀY THỰC HIỆN - 日期:
 圖紙比例: 1 : 400
 KÝ HIỆU 符號: CN-003

A3

MẶT BẰNG HỆ THỐNG THU KHÍ TẦNG 1/一层废气收集系统平面图

1 : 400



HỆ THỐNG XỬ LÝ KHÍ THẢI
MÁY ĐÚC ÉP NHỰA
10.000 M³/H

HỆ THỐNG XỬ LÝ KHÍ THẢI
CÔNG ĐOẠN HÀN
22.000 M³/H

HỆ THỐNG XỬ LÝ KHÍ THẢI
CÔNG ĐOẠN CHẤM KEO
22.000 M³/H

SỬA ĐỔI/修改		
LẦN 次	NGÀY 日期	XÁC NHẬN 確認
1		
2		
3		
4		

GHI CHÚ/備註

TÊN BẢN VẼ - 圖紙名稱
MẶT BẰNG HỆ THỐNG THU KHÍ TẦNG 1
一层废气收集系统平面图

CÔNG TRÌNH - 工程
NHÀ MÁY FUTURE OF SOUND VINA
FUTURE OF SOUND VINA FACTORY

HẠNG MỤC - 項目
HỆ THỐNG XỬ LÝ KHÍ THẢI

CHỦ ĐẦU TƯ - 投资方
CÔNG TY TNHH FUTURE OF SOUND VINA
FUTURE OF SOUND VINA CO., LTD
H. SƠN DƯƠNG, TỈNH TUYÊN QUANG

ĐỊA ĐIỂM CÔNG TRÌNH - 地址
Lô E2, Cụm công nghiệp phúc ứng, Xã Phúc
Ứng, Huyện Sơn Dương, Tỉnh Tuyên Quang

NHÀ THẦU - 承包商
CÔNG TY TNHH I-GREEN
THƯƠNG MẠI VÀ
GIẢI PHÁP KỸ THUẬT I-GREEN
I-GREEN 环保工程技术有限公司

GIÁM ĐỐC
經理

KS. LÊ TIẾN DŨNG
GIÁM ĐỐC DỰ ÁN
項目經理

KS. ĐỒNG ANH THỊNH
THIẾT KẾ
設計

KS. ĐỖ THANH TÙNG
THỂ HIỆN
繪製

KS. ĐỖ THANH TÙNG
QUẢN LÝ KỸ THUẬT
技術經理

KS. ĐỖ THANH TÙNG

GIẢI ĐOẠN/階段: BẢN VẼ HOÀN CÔNG

NGÀY THỰC HIỆN - 日期:

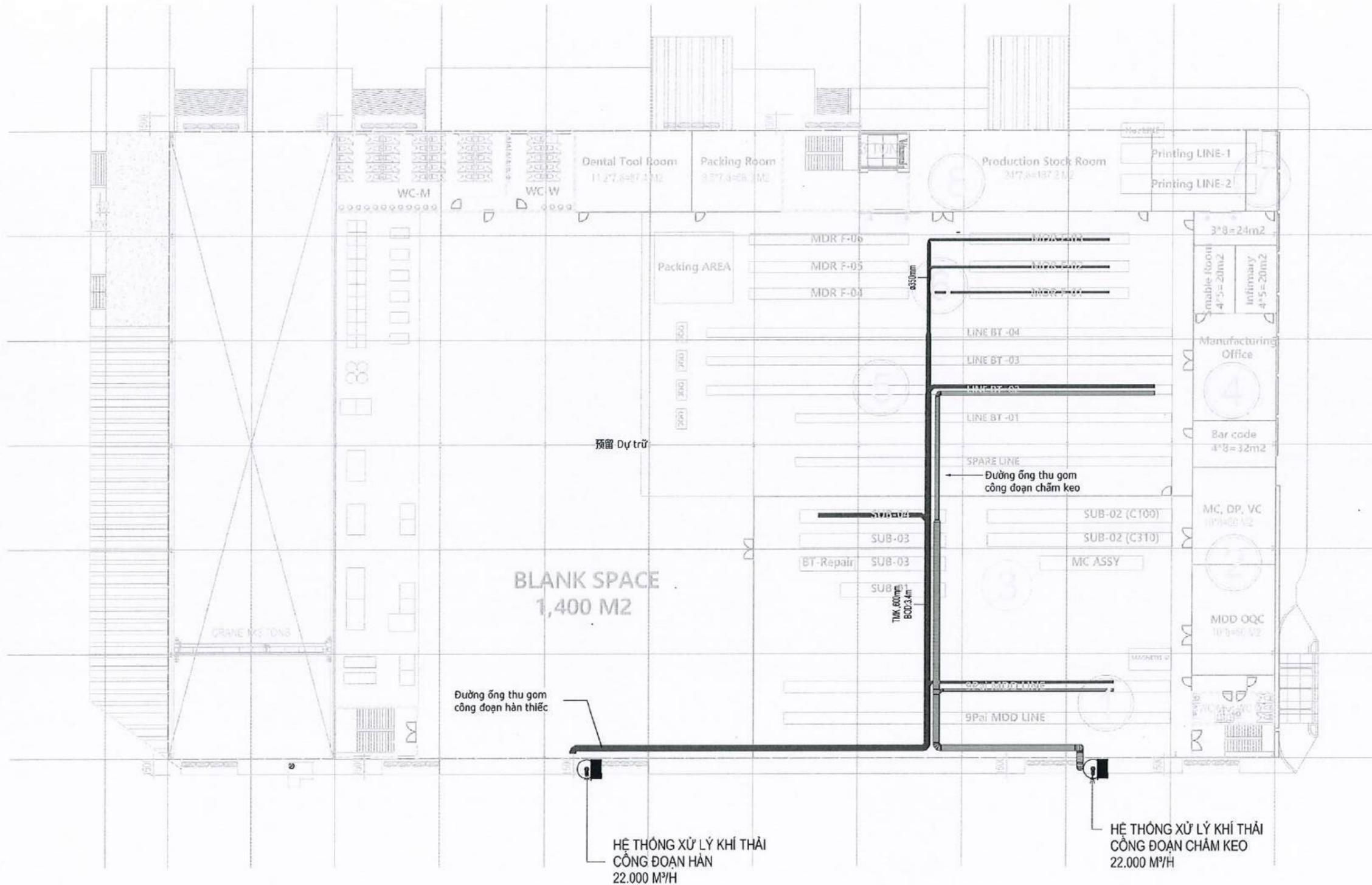
圖紙比例: 1 : 400

KÝ HIỆU 符號: CN-004

A3

MẶT BẰNG HỆ THỐNG THU KHÍ TẦNG 2/二层废气收集系统平面图

1 : 400



SỬA ĐỔI/修改		
LẦN 次	NGÀY 日期	XÁC NHẬN 確認
1		
2		
3		
4		

GHI CHÚ/備註

TÊN BẢN VẼ - 圖紙名稱
MẶT BẰNG HỆ THỐNG THU KHÍ TẦNG 2
二层废气收集系统平面图

CÔNG TRÌNH - 工程
NHÀ MÁY FUTURE OF SOUND VINA
FUTURE OF SOUND VINA FACTORY

HẠNG MỤC - 項目
HỆ THỐNG XỬ LÝ KHÍ THẢI

CHỦ ĐẦU TƯ - 投资方
CÔNG TY TNHH FUTURE OF SOUND VINA
FUTURE OF SOUND VINA CO., LTD
H. SƠN DƯƠNG, TP. HỒ CHÍ MINH

ĐỊA ĐIỂM CÔNG TRÌNH - 地址:
Lô E2, Cụm công nghiệp phục ứng, Xã Phúc Ứng, Huyện Sơn Dương, Tỉnh Tuyên Quang

NHA THẦU - 承包商
CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ GIẢI PHÁP KỸ THUẬT I-GREEN
I-GREEN 环保工程咨询有限公司
Số 10/1C, Alley 35/33 Hoàng Trưng B, Phường Xuân Mỹ, Quận 11, TP. Hồ Chí Minh

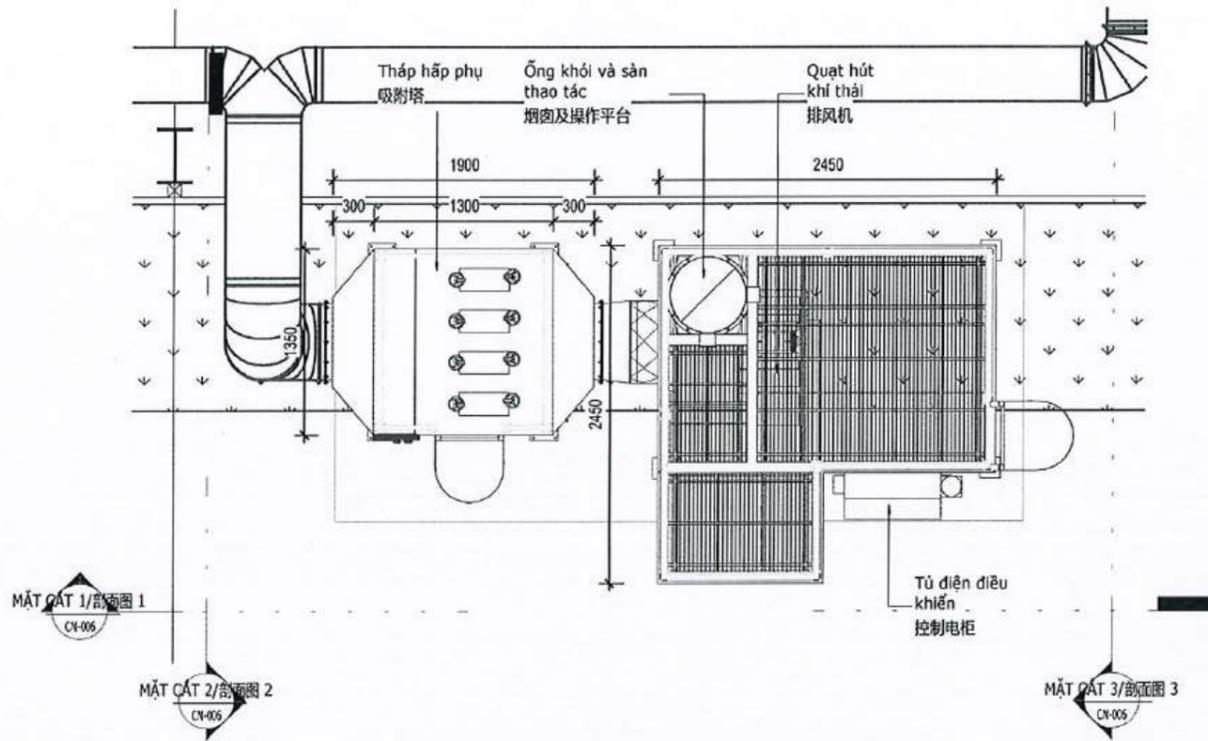
GIÁM ĐỐC
經理 *[Signature]*
KS. LÊ TIẾN DŨNG
GIÁM ĐỐC DỰ ÁN
項目經理 *[Signature]*
KS. ĐÔNG ANH THỊNH
THIẾT KẾ
設計 *[Signature]*
KS. ĐỖ THANH TÙNG
THỂ HIỆN
繪製 *[Signature]*
KS. ĐỖ THANH TÙNG
QUẢN LÝ KỸ THUẬT
技術經理 *[Signature]*
KS. ĐỖ THANH TÙNG

GIAI ĐOẠN 階段: BẢN VẼ HOÀN CÔNG
NGÀY THỰC HIỆN 日期:
圖紙比例: 1 : 400
XÝ HIỆU 符號: CN-005

A3

MẶT BẰNG HỆ THỐNG XỬ LÝ KHÍ THẢI

1 : 50



Tháp Hấp Phụ | 吸附塔

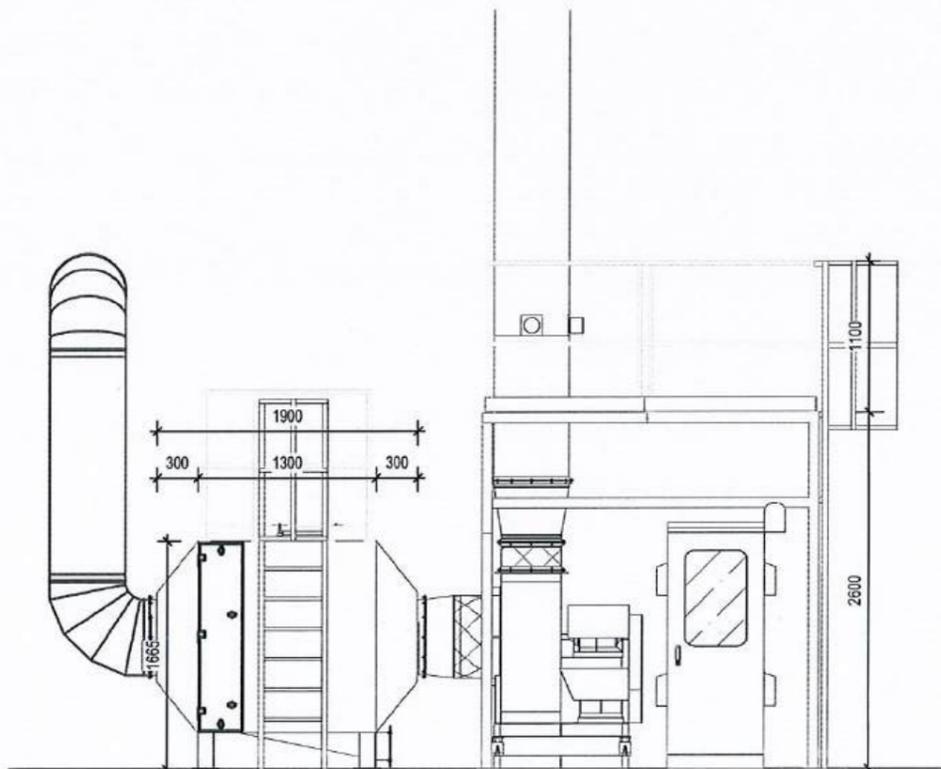
Kích thước tổng thể | 总体尺寸: LxWxH: 1.9x1.35x1.4m

Lưu lượng xử lý: [10,000 CMH] | 处理流量: [10,000 CMH]

Vật liệu chế tạo: SS400 Hoặc tương đương | 材质: SS400

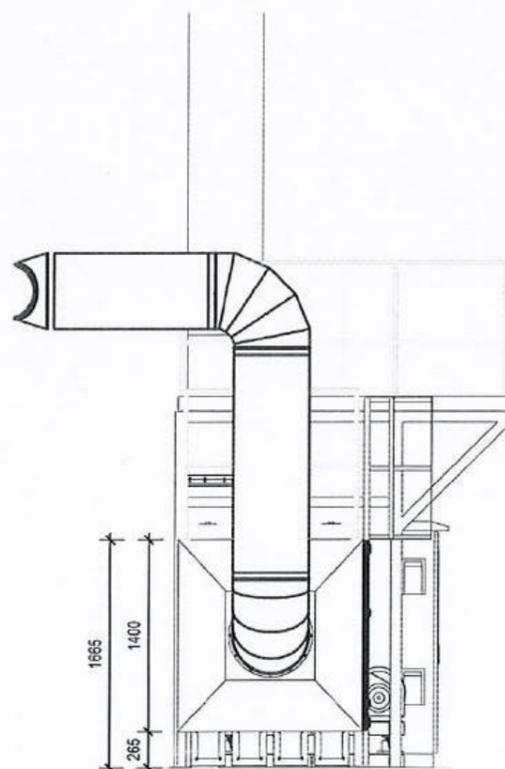
MẶT CẮT 1/剖面图 1

1 : 50



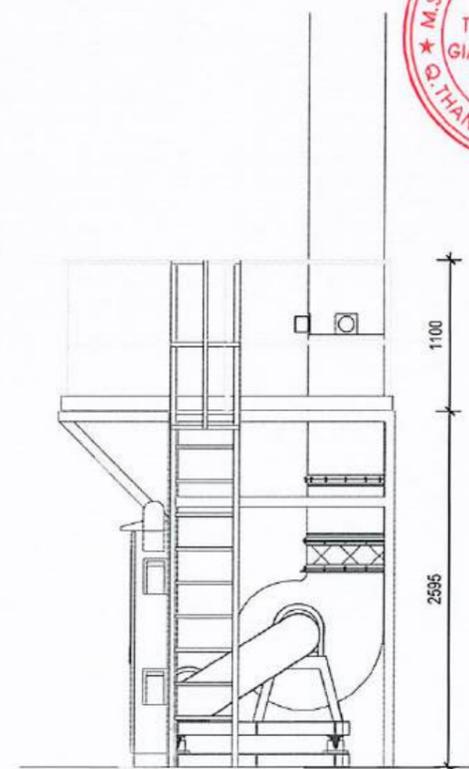
MẶT CẮT 2/剖面图 2

1 : 50



MẶT CẮT 3/剖面图 3

1 : 50



SỬA ĐỔI/修改		
LẦN 次	NGÀY 日期	XÁC NHẬN 確認
1		
2		
3		
4		

GHI CHÚ/備註

TÊN BẢN VẼ - 圖紙名稱
 CHI TIẾT HỆ THỐNG XỬ LÝ KHÍ THẢI
 废气处理系统细节图

CÔNG TRÌNH - 工程
 NHÀ MÁY FUTURE OF SOUND VINA
 FUTURE OF SOUND VINA FACTORY

HẠNG MỤC - 項目
 HỆ THỐNG XỬ LÝ KHÍ THẢI

CHỦ ĐẦU TƯ - 发包方
 CÔNG TY TNHH FUTURE OF SOUND VINA
 FUTURE OF SOUND VINA CO., LTD
 SOUND VINA

ĐỊA ĐIỂM CÔNG TRÌNH - 地點:
 Lô E2, Cụm công nghiệp phức hợp, Xã Phúc Ứng, Huyện Sơn Dương, Tỉnh Tuyên Quang

NHÀ THẦU - 承包方:
 I-GREEN
 CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ GIẢI PHÁP KỸ THUẬT I-GREEN
 I-GREEN 環保工程整合有限公司
 400 NGUYỄN VĂN CƯỜNG TRUNG ĐƯỜNG, KHUÔNG ĐỊNH HẢI, THƯỜNG LÂN, TP. HỒ CHÍ MINH
 M.S.D.N: 010742319
 Q. THANH XUÂN

GIÁM ĐỐC
 經理

KS. LÊ TIẾN DŨNG

GIÁM ĐỐC DỰ ÁN
 項目經理

KS. ĐỒNG ANH THỊNH

THIẾT KẾ
 設計

KS. ĐỖ THANH TÙNG

THỂ HIỆN
 繪製

KS. ĐỖ THANH TÙNG

QUẢN LÝ KỸ THUẬT
 技術經理

KS. ĐỖ THANH TÙNG

GIẢI ĐOẠN/階段: BẢN VẼ HOÀN CÔNG

NGÀY THỰC HIỆN - 日期:

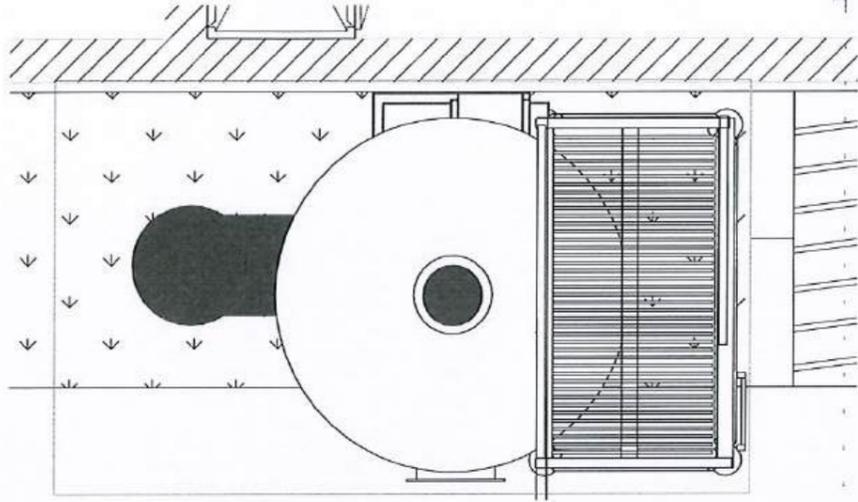
圖紙比例: 1 : 50

KÝ HIỆU/符號: CN-006

A3

MẶT BẰNG HỆ THỐNG KHÍ THẢI

1 : 35



MẶT ĐỨNG HỆ THỐNG XỬ LÝ KHÍ THẢI

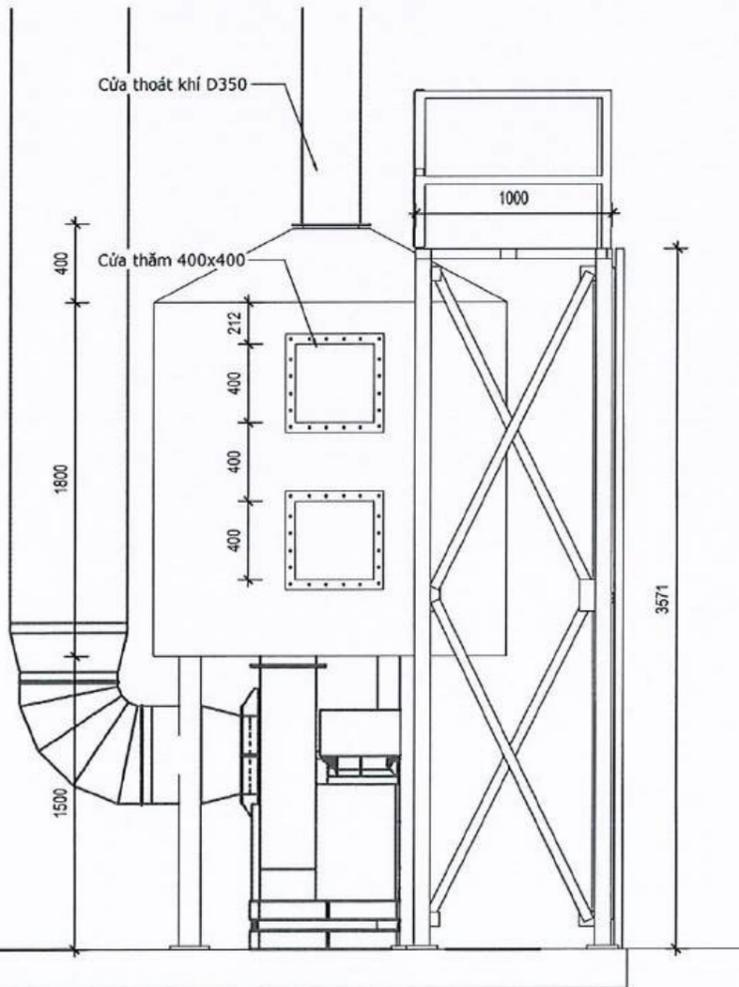
CN-007

MẶT CẠNH HỆ THỐNG XỬ LÝ KHÍ THẢI

CN-007

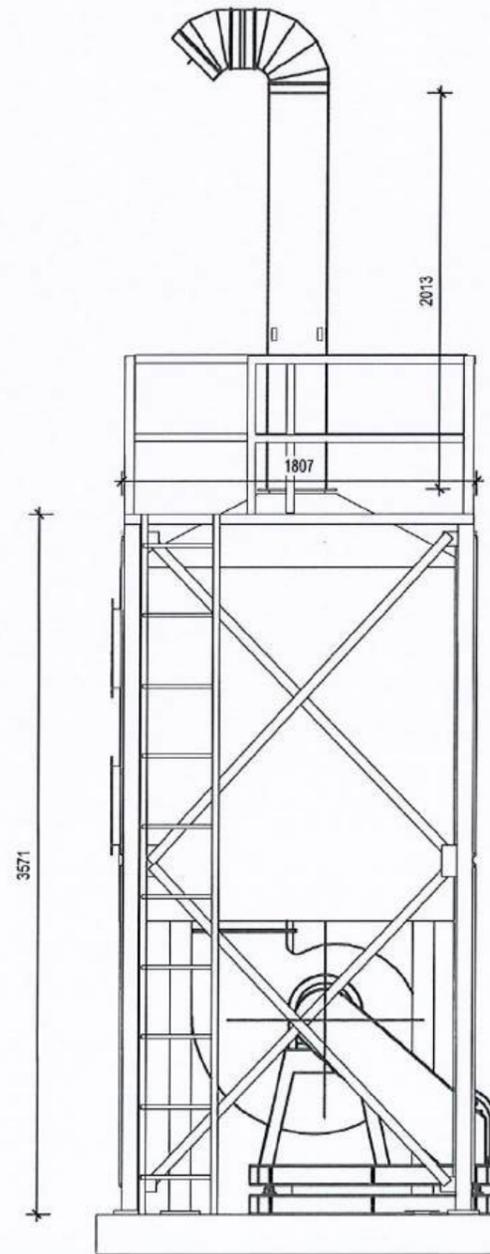
MẶT ĐỨNG HỆ THỐNG XỬ LÝ KHÍ THẢI

1 : 35



MẶT CẠNH HỆ THỐNG XỬ LÝ KHÍ THẢI

1 : 35



SỬA ĐỔI/修改		
LẦN 次	NGÀY 日期	XÁC NHẬN 確認
1		
2		
3		
4		

GHI CHÚ/備註

TÊN BẢN VẼ - 圖紙名稱
 CHI TIẾT HỆ THỐNG XỬ LÝ KHÍ THẢI
 KHU VỰC HÀN VÀ CHẤM KEO
 焊接及点胶区域废气处理系统详图

CÔNG TRÌNH - 工程
 NHÀ MÁY FUTURE OF SOUND VINA
 FUTURE OF SOUND VINA FACTORY

HANG MỤC - 項目
 HỆ THỐNG XỬ LÝ KHÍ THẢI

CHỦ ĐẦU TƯ - 投资方
CÔNG TY TNHH FUTURE OF SOUND VINA
 FUTURE OF SOUND VINA CO., LTD
SOUND VINA

ĐỊA ĐIỂM CÔNG TRÌNH - 地點:
 Lô E2, Cụm công nghiệp phúc ứng, Xã Phúc Ứng, Huyện Sơn Dương, Tỉnh Tuyên Quang

NHÀ THẦU - 承包人:
CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ GIẢI PHÁP KỸ THUẬT I-GREEN
 I-GREEN 環保工程整合有限公司

GIÁM ĐỐC
 經理

KS. LÊ TIẾN DŨNG
 GIÁM ĐỐC DỰ ÁN
 項目經理

KS. ĐÔNG ANH THỊNH
 THIẾT KẾ
 設計

KS. ĐỖ THANH TÙNG
 THỂ HIỆN
 繪製

KS. ĐỖ THANH TÙNG
 QUẢN LÝ KỸ THUẬT
 技術經理

KS. ĐỖ THANH TÙNG

GIAI ĐOẠN/階段: BẢN VẼ HOÀN CÔNG

NGÀY THỰC HIỆN-日期:

圖紙比例: 1 : 35

KÝ HIỆU/符號: CN-007

A3